Bộ Kinh Liên Kết [Tương Ưng Kinh Bộ] - Quyển 5. Lớn [Mahā-Vagga] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN 5.

(Quyển Lớn) [MAHĀ-VAGGA]

Về Bản Dịch SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đầy đủ chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 QUYỂN lớn (Vagga); mỗi QUYỂN được đặt tên theo tên của CHƯƠNG đầu tiên của nó. Toàn bộ kinh có 56 CHƯƠNG. Mỗi chương là đồng nghĩa với một LIÊN- KẾT (tương ưng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về Nhập-Lưu, liên-kết về Ca-Diếp, liên-kết về Gia Chủ Citta ...). Trong nhiều CHƯƠNG lại có các NHÓM kinh (vagga). Bản dịch Việt này đánh số CHƯƠNG trùng với số LIÊN-KẾT luôn. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Spk, Spk-Pṭ, Vism ...) thì đã được ghi rõPtên ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 12:08, 56:34 thì có nghĩa đó thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Người dịch Việt cũng thường ghi luôn số quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ

ii

ưng) dài hay vài Liên-kết ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều liên-kết chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào và trong đó có thể chọn những liên-kết nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc Liên-kết 'Nhập-Lưu', về lý duyên-khởi thì đọc Liên-kết 'Sự khởi-sinh tùy thuộc', về Mục-kiền-liên thì đọc Liên-kết 'Mục-kiền-liên' ...

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562) (hiệu đính năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN ..... i Chương 45 Liên Kết CON-ĐƯỜNG ..... 1 NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ MINH’ (Avijjā-vagga) 3

1 (1) Vô Minh ..... 3 2 (2) Một Nửa Đời Sống Tâm Linh ..... 4 3 (3) Xá-lợi-phất ..... 5 4 (4) Ông Bà-la-môn ..... 6 5 (5) Vì Mục Đích Gì? ..... 7 6 (6) Một Tỳ kheo (1) ..... 9 7 (7) Một Tỳ kheo (2) ..... 9 8 (8) Phân Tích ..... 9 9 (9) Đầu Hột Lúa ..... 12 10 (10) Nandiya 13

NHÓM 2. NHÓM ‘AN TRÚ’ (Vihāra-vagga) 15

11 (1) An Trú (1) ..... 15 12 (2) An Trú (2) ..... 16 13 (3) Một Học Nhân ..... 17 14 (4) Khởi Sinh (1) ..... 17 15 (5) Khởi Sinh (2) ..... 18 16 (6) Được Thanh Lọc (1) ..... 18 17 (7) Được Thanh Lọc (2) ..... 18 18 (8) Khu Vườn Gà (1) ..... 19 19 (9) Khu Vườn Gà (2) 19

20 (10) Khu Vườn Gà (3) 20

NHÓM 3. NHÓM ‘SAI LẠC’ (Micchatta-vagga) 22

21 (1) Sự Sai Lạc ..... 22 22 (2) Những Điều Bất Thiện ..... 22 23 (3) Con Đường (1) ..... 23 24 (4) Con Đường (2) ..... 23 25 (5) Người Nhược (1) ..... 24 26 (6) Người Nhược (2) ..... 24 27 (7) Cái Chậu..... 25 28 (8) Sự Định Tâm ..... 26 29 (9) Cảm-giác ..... 26 30 (10) Uttiya 26

NHÓM 4. NHÓM ‘SỰ TU TẬP’ (Paṭipatti-vagga) 28

31 (1) Sự Tu Tập (1) ..... 28 32 (2) Sự Tu Tập (2) ..... 28 33 (3) Bỏ Lơ ..... 29 34 (4) Vượt Qua Bờ Bên Kia..... 29 35 (5) Đời Sống Tu Sĩ (1) ..... 30 36 (6) Đời Sống Tu Sĩ (2) ..... 31 37 (7) Đời Sống Bà-la-môn (1) ..... 31 38 (8) Đời Sống Bà-la-môn (2) ..... 31 39 (9) Đời Sống Tâm Linh (1) ..... 32 40 (10) Đời Sống Tâm linh (2) 32

NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DU SĨ KHÁC ĐẠO’ (Aññatitthiya-vagga) 34

v

41 (1) Sự Phai Biến Tham-Dục ..... 34 42 (2) 48 (8) Sự Dẹp Bỏ Các Gông-Cùm … 34

NHÓM 6. NHÓM ‘MẶT TRỜI’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Sūriya Peyyāla-vagga) 36

49 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt ..... 36 50 (2) 55 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh … ..... 36 56 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt ..... 37 57 (2) 62 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh … 38

NHÓM 7. NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ NHẤT LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Ekadhamma-Peyyāla-vagga) 39

63 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt ..... 39 64 (2) 69 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh … ..... 39 70 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt

..... 40 71 (2) 76 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh... 40

NHÓM 8. NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ HAI LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Dutiyaekadhamma-Peyyāla-vagga) 42

77 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt ..... 42 78 (2) 83 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh... ..... 42 84 (1) Bạn Tốt ..... 43 85 (2) 90 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh 44

NHÓM 9. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ NHẤT LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 45

91 (1) Đổ Về Hướng Đông ... (1) ..... 45 92 (2) 96 (6) Đổ Về Hướng Đông ... . 45 97 (7) 102 (12) Đổ Về Đại Dương 46

NHÓM 10. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ HAI LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Dutiyagaṅgā-Peyyāla-vagga) 47

103 (1) 108 (6) Đổ Về Hướng Đông ... . 47 109 (7) 114 (12) Đổ Về Đại Dương 47

NHÓM 11. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ BA LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Tatiya-Peyyāla-vagga) 48

115 (1) 120 (6) Đổ Về Hướng Đông ..... 48 121 (7) 126 (12) Đổ Về Đại Dương..... 48

NHÓM 12. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ TƯ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Catuttha-Peyyāla-vagga) 49

127 (1) 132 (6) Đổ Về Hướng Đông ..... 49 133 (7) 138 (12) Đổ Về Đại Dương..... 49

NHÓM 13. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 50

139 (1) Như Lai ..... 50 140 (2) Dấu Chân ..... 51 141 (3) Đỉnh Mái Nhà ..... 52 142 (4) Rễ Cây..... 52 143 (5) Gỗ Lõi ..... 52 144 (6) Hoa Lài ..... 53 145 (7) Vị Vua ..... 53 146 (8) Mặt Trăng ..... 53 147 (8) Mặt Trời ..... 53 148 (10) Vải 54

NHÓM 14. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 55

vii

149 (1) Khó Nhọc..... 55 150 (2) Hạt Giống ..... 55 151 (3) Rồng Nāga..... 56 152 (4) Cây Cối ..... 57 153 (5) Bình Nước ..... 57 154 (6) Đầu Hột Lúa ..... 58 155 (7) Trong Bầu Trời ..... 58 156 (8) Mây Mưa (1) ..... 59 157 (9) Mây Mưa (2) ..... 60 158 (10) Con Thuyền ..... 60 159 (11) Nhà Khách ..... 61 160 (12) Dòng Sông 62

NHÓM 15. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 64

161 (1) Sự Tìm Kiếm ..... 64 162 (2) Sự Phân Biệt ..... 65 163 (3) Những Ô Nhiễm..... 66 164 (4) Sự Hiện Hữu ..... 66 165 (5) Sự Khổ ..... 67 166 (6) Sự Cằn Cỗi ..... 67 167 (7) Những Sự Ố Nhơ ..... 67 168 (8) Những Sự Rắc Rối ..... 67 169 (9) Những Cảm Giác ..... 68 170 (10) Dục Vọng..... 68 170 (11) Sự Thèm Khát 68

NHÓM 16. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 70

viii

171 (1) Những Dòng Lũ ..... 70 172 (2) Những Sự Trói Buộc ..... 70 173 (3) Những Sự Dính Chấp ..... 70 174 (4) Những Gút Mắc ..... 71 175 (5) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn ..... 71 176 (6) Năm Dây Khoái-lạc Giác Quan ..... 72 177 (7) Năm Chướng Ngại ..... 72 178 (8) Năm Uẩn Bị Dính Chấp ..... 72 179 (9) Năm Gông Cùm Thấp Hơn ..... 73 180 (10) Năm Gông Cùm Cao Hơn 73

Chương 46. Liên Kết CÁC CHI GIÁC-NGỘ ..... 75 NHÓM 1. NHÓM ‘NÚI’ (Pabbata-vagga) 77

1 (1) Núi Himalaya ..... 77 2 (2) Thân ..... 78 3 (3) Giới Hạnh..... 81 4 (4) Quần Áo ..... 85 5 (5) Một Tỳ Kheo ..... 86 6 (6) Kuṇḍaliya ..... 87 7 (7) Ngôi Nhà Mái Nhọn ..... 90 8 (8) Upavāṇa..... 91 9 (9) Khởi Sinh (1) ..... 91 10 (10) Khởi Sinh (2) 92

NHÓM 2. NHÓM ‘BỆNH’ (Gilāna-vagga) 93

11 (1) Chúng Sinh ..... 93 12 (2) Ví Dụ Mặt Trời (1) 93

13 (3) Ví Dụ Mặt Trời (2) ..... 94 14 (4) Bệnh (1) ..... 94 15 (5) Bệnh (2) ..... 95 16 (6) Bệnh (3) ..... 96 17 (7) Vượt Qua Bờ ..... 97 18 (8) Bỏ Lơ ..... 97 19 (9) Thánh Thiện ..... 97 20 (10) Sự Ghê Sợ 98

NHÓM 3. NHÓM ‘UDĀYĪ’ (Udāyi-vagga) 99

21 (1) Dẫn Tới Sự Giác Ngộ ..... 99 22 (2) Một Giáo Lý ..... 99 23 (3) Một Cơ Sở..... 99 24 (4) Sự Chú Tâm Không Kỹ Càng ..... 100 25 (5) Sự Không Sa Sút ..... 101 26 (6) Sự Tiêu Diệt Dục Vọng ..... 102 27 (7) Sự Chấm Dứt Dục Vọng ..... 103 28 (8) Góp Phần Thâm Nhập..... 103 29 (9) Một Thứ ..... 104 30 (10) Udāyī 105

NHÓM 4. NHÓM ‘CHƯỚNG NGẠI’ (Nīvaraṇa-vagga) 107

31 (1) Thiện Lành (1) ..... 107 32 (2) Thiện Lành (2) ..... 107 33 (3) Sự Hư Nhiễm ..... 108 34 (4) Sự Không Hư Nhiễm ..... 109 35 (5) Sự Chú Tâm Kỹ

Càng..... 109

x

36 (6) Sự Tăng Trưởng ..... 110 37 (7) Những Trở Ngại ..... 110 38 (8) Không Có Những Chướng Ngại ..... 111 39 (9) Cây Cối ..... 111 40 (10) Những Chướng Ngại 113

NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYỂN LUÂN VƯƠNG’ (Cakkavatti-vagga)..... 114

41 (1) Những Phân Biệt ..... 114 42 (2) Chuyển Luân Vương ..... 114 43 (3) Ma Vương ..... 115 44 (4) Vô Trí ..... 115 45 (5) Có Trí ..... 115 46 (6) Nghèo Nàn ..... 116 47 (7) Giàu Có..... 116 48 (8) Mặt Trời..... 117 49 (9) Yếu Tố Bên Trong ..... 117 50 (10) Yếu Tố Bên Ngoài 117

NHÓM 6. NHÓM ‘NHỮNG THẢO LUẬN’ (Sākaccha-vagga) 119

51 (1) Dưỡng Chất ..... 119 52 (2) Một Phương Pháp Thuyết Giảng..... 125 53 (3) Lửa ..... 129 54 (4) Cùng Với Tâm-Từ ... . 132 55 (5) Bà-la-môn Saṅgārava ..... 137 56 (6) Abhaya 141

xi

NHÓM 7. NHÓM ‘THỞ VÔ–THỞ RA’ (Ānāpāna-vagga) 144

57 (1) Bộ Xương ..... 144 58 (2) Xác Chết Bị Giòi Đục ..... 146 59 (3) Xác Chết Bị Xanh Tím ..... 146 60 (4) Xác Chết Bị Bung Rữa ..... 146 61 (5) Xác Bị Sình Chảy..... 146 62 (6) Tâm Từ ..... 146 63 (7) Tâm-Bi ..... 146 64 (8) Tâm Hỷ ..... 147 65 (9) Tâm Xả ..... 147 66 (10) Sự Thở-Vô Thở-Ra 147

NHÓM

xii

NHÓM 10. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 153

89 (1) 98 (10) Như Lai … 153

NHÓM 11. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 154

99 (1) 110 (12) Khó Nhọc … 154

NHÓM 12. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 155

111 (1) 120 (10) Sự Tìm Kiếm … 155

NHÓM 13. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 156

121 (1) 129 (9) Những Dòng Lũ … ..... 156 130 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn 156

NHÓM 14. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Gaṅgā-peyyāla-vagga) 158

131 (1) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … ..... 158 132 (2) 142 (12) Đổ Về Hướng Đông … 158

NHÓM 15. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 159

143 (1) 152 (10) Như Lai … 159

NHÓM 16. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 160

153 (1) 164 (10) Khó Nhọc … 160

NHÓM 17. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 161

165 (1) 174 (10) Sự Tìm Kiếm … 161

NHÓM 18. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 162

175 (1) 183 (10) Những Dòng Lũ … ..... 162 184 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … 162

xiii

Chương 47. Liên Kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM ..... 165 NHÓM 1. NHÓM ‘AMBAPĀLĪ’ (Ambapālī) 167

1 (1) Ambapālī ..... 167 2 (2) Có Chánh Niệm ..... 168 3 (3) Một Tỳ Kheo ..... 169 4 (3) Ở Sālā

..... 171 5 (5) Một Đống Thiện ..... 172 6 (6) Diều Hâu ..... 173 7 (7) Con Khỉ..... 175 8 (8) Người Đầu Bếp ..... 176 9 (9) Bệnh..... 179 10 (10) Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni 181

NHÓM 2. NHÓM 'NĀLANDĀ' (Nālanda-vagga) 185

11 (1) Vĩ Nhân ..... 185 12 (2) Nālandā ..... 186 13 (3) Ngài Cunda ..... 188 14 (4) Ở Ukkacelā ..... 190 15 (5) Ngài Bāhiya ..... 192 16 (6) Ngài Uttiya ..... 194 17 (7) Thánh Thiện ..... 194 18 (8) Vị Trời ..... 195 19 (9) Ở Làng Sedaka ..... 196 20 (10) Hoa Hậu Của Vùng Đất 197

NHÓM 3. NHÓM 'GIỚI HẠNH & TỒN TẠI' (Sīlaṭṭhiti-vagga)

..... 199

21 (1) Giới Hạnh..... 199 22 (2) Tồn Tại Lâu ..... 200 23 (3) Sự Sa Sút ..... 201 24 (4) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 201 25 (5) Một Bà-la-môn ..... 202 26 (6) Một Phần ..... 203 27 (7) Hoàn Thành ..... 203 28 (8) Thế Giới ..... 204 29 (9) Gia Chủ Sirivaḍḍha ..... 204 30 (10) Gia Chủ Mānadinna 206

NHÓM 4. NHÓM 'CHƯA TỪNG NGHE' (Ananussuta-vagga) 207

31 (1) Chưa Từng Nghe ..... 207 32 (2) Sự Chán Bỏ ... . 207 33 (3) Bỏ Quên ..... 208 34 (4) Sự Tu Tập ..... 208 35 (5) Có Chánh Niệm ..... 209 36 (6) Trí Biết Cuối Cùng ..... 209 37 (7) Tham

Muốn..... 210 38 (8) Hoàn Toàn Hiểu ..... 211 39 (9) Sự Tu Tập ..... 211 40 (10) Phân Tích 212

NHÓM 5. NHÓM 'BẤT TỬ' (Amata-vagga) 214

41 (1) Sự Bất Tử 214

42 (2) Sự Khởi Sinh ..... 214 43 (3) Con Đường ..... 215 44 (4) Có Chánh Niệm ..... 216 45 (5) Một Đống Thiện Lành ..... 216 46 (6) Sự Kiềm Chế Của Pātimokkha ..... 217 47 (7) Hành Vi Sai Trái..... 218 48 (8) Những Bạn Hữu ... . 219 49 (9) Những Cảm Giác ..... 220 50 (10) Những Ô Nhiễm..... 220

NHÓM 6. NHÓM 'SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC' (Gaṅgā-peyyāla-vagga) 222

51 (1) 62 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông 222

NHÓM 7. NHÓM 'CHUYÊN CHÚ' (Appamāda-vagga) 223

63 (1) 72 (10) Như Lai 223

NHÓM 8. NHÓM 'VIỆC LÀM KHÓ NHỌC' (Balakaraṇīya-vagga)..... 224

73 (1) 84 (12) Khó Nhọc 224

NHÓM 9. NHÓM 'TÌM KIẾM' (Esanā-vagga)..... 225

85 (1) 94 (10) Sự Tìm Kiếm 225

NHÓM 10. NHÓM 'NHỮNG DÒNG LŨ' (Ogha-vagga) 226

95 (1) 103 (10) Những Dòng Lũ ... . 226 104 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn 226

Chương 48. Liên Kết CÁC CĂN ..... 229 NHÓM 1. NHÓM 'BẢN KINH NGẮN GỌN' (Suddhika-vagga) 231

1 (1) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 231 2 (2) Bậc Nhập Lưu (1) ..... 231 3 (3) Bậc Nhập Lưu (2) 231

24 (4) Người Gieo Giống Một Lần … ..... 246 25 (5) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 246 26 (6) Bậc Nhập-Lưu ..... 247 27 (7) Bậc A-la-hán ..... 247 28 (8) Phật ..... 247 29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) ..... 248 30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) 249

NHÓM 4. NHÓM ‘CĂN SƯỚNG’ (Sukhindriya-vagga) 250

31 (1) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 250 32 (2) Bậc Nhập Lưu ..... 250 33 (3) Bậc A-la-hán ..... 250 34 (4) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) ..... 251 35 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) ..... 251 36 (6) Phân Tích (1) ..... 252 37 (7) Phân Tích (2) ..... 253 38 (8) Phân Tích (3) ..... 253 39 (9) Ví Dụ Que Mồi Lửa ..... 253 40 (10) Thứ Tự Bất Thường 255

NHÓM 5. NHÓM ‘GIÀ’ (Jarā-vagga) 259

41 (1) Phải Bị Già ..... 259 42 (2) Bà-la-môn Uṇṇābha ..... 260 43 (3) Sāketa ..... 261 44 (4) Nhà Ở Cổng Đông ..... 263 45 (5) Khu Vườn Phía Đông (1) ..... 264 46 (6) Khu Vườn Phía Đông (2) 265

47 (7) Khu Vườn Phía Đông (3) ..... 266 48 (8) Khu Vườn Phía Đông (4) ..... 266 49 (9) Ngài Piṇḍola ..... 267 50 (10) Ở Āpaṇa 268

NHÓM 6. NHÓM ‘HANG HEO RỪNG’ (Sūkarakhata-vagga) 271

51 (1) Làng Sālā ..... 271 52 (2) Mallika..... 271 53 (3) Học Nhân … ..... 272 54 (4) Những Dấu Chân ..... 274 55 (5) Gỗ Lõi ..... 275 56 (6) Được Thiết Lập ..... 275 57 (7) Vị Trời Sahampati ..... 275 58 (8) Hang Heo Rừng

..... 276 59 (9) Khởi Sinh (1) ..... 278 60 (10) Khởi Sinh (2) 278

NHÓM 7. NHÓM ‘HỘ DẪN TỚI GIÁC-NGỘ’ (Bodhipakkhiya-vagga) 280

61 (1) Những Gông Cùm ..... 280 62 (2) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn ..... 280 63 (3) Sự Hoàn Toàn Hiểu ..... 280 64 (4) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm ... . 280 65 (5) Hai Thánh Quả ..... 281 66 (6) Bảy Ích Lợi ... . 281 67 (7) Cây (1) 282

68 (8) Cây (2) ..... 282 69 (9) Cây (3) ..... 283 70 (10) Cây (4) 283

NHÓM 8. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 285

71 (1) 82 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông 285

NHÓM 9. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 286

83 (1) 92 (10) Như Lai 286

NHÓM 10. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 287

93 (1) 104 (12) Khó Nhọc 287

NHÓM 11. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 288

105 (1) 114 (10) Sự Tìm Kiếm 288

NHÓM 12. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 289

115 (1) 123 (10) Những Dòng Lũ ... . 289 124 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn 289

NHÓM 13. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 291

125 (1) 136 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông 291

NHÓM 14. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 292

137 (1) 146 (10) Như Lai 292

NHÓM 15. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 293

147 (1) 158 (10) Khó Nhọc … 293

NHÓM 16. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 294

xx

159 (1) 168 (10) Sự Tìm Kiếm … 294

NHÓM 17. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 295

169 (1) 177 (10) Những Dòng Lũ … ..... 295 178 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … 295

Chương 49. Liên Kết NHỮNG SỰ PHẤN-ĐẤU ĐÚNG ĐẮN ..... 297 NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 299

1 (1) 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … 299

NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 301

13 (1) 22 (10) Như Lai … 301

NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 302

14 (1) 34 (12) Khó Nhọc … 302

NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 304

35 (1) 44 (10) Sự Tìm Kiếm … 304

NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 306

45 (1) 53 (9) Những Dòng Lũ … ..... 306 54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … 306

Chương 50. Liên Kết NHỮNG NĂNG-LỰC ..... 309 NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 311

1 (1) 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … 311

NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 313

xxi

13 (1) 22 (10) Như Lai … 313

NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 314

23 (1) 34 (12) Khó Nhọc … 314

NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 315

35 (1) 44 (10) Sự Tìm Kiếm … 315

NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 316

45 (1) 53 (9) Những Dòng Lũ … ..... 316 54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn… 316

NHÓM 6. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Gaṅgā-peyyāla-vagga) 318

55 (1) 66 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … 318

NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 319

67 (1) 76 (10) Như Lai … 319

NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 320

77 (1) 88 (12) Khó Nhọc … 320

NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 321

8MDIC 53>> CDB 0.
q 000007689 0 516 728.64 *Wer 1
F/TBn 4 12 1.
fT 0444 0 0..
xxii

1 (1) Từ Bờ Bên Này … ..... 327 2 (2) Bỏ Lơ ..... 327 3 (3) Thánh Thiện ..... 328 4 (4) Sự Ghê Sợ..... 328 5 (5) Từng Phần ..... 329 6 (6) Toàn Bộ ..... 330 7 (7) Các Tỳ Kheo ..... 330 8 (8) Phật ..... 331 9 (9) Sự Biết ..... 332 10 (10) Ngôi Đền..... 333

NHÓM 2. NHÓM ‘RUNG CHUYỂN LÂU ĐÀI’ (Pāsādakampana-vagga) 338

11 (1) Trước Đây … ..... 338 12 (2) Có Kết Quả Lớn ..... 341 13 (3) Sự Định Tâm Nhờ Sự Mong Muốn … ..... 342 14 (4) Mục-Kiền-Liên ..... 344 15 (5) Bà-la-môn Uṇṇābha ..... 346 16 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) ..... 349 17 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) ..... 349 18 (8) Một Tỳ Kheo ..... 350 19 (9) Một Giáo Lý ..... 351 20 (10) Phân Tích

..... 352

NHÓM 3. NHÓM ‘HÒN SẮT’ (Ayoguḷa-vagga)..... 357

21 (1) Con Đường ..... 357 22 (2) Hòn Sắt 357

xxiii

23 (3) Một Tỳ Kheo ..... 359 24 (4) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 360 25 (5) Những Thánh Quả (1)..... 360 26 (6) Những Thánh Quả (2)..... 360 27 (7) Ānanda (1) ..... 361 28 (8) Ānanda (2) ..... 362 29 (9) Một Số Tỳ Kheo (1) ..... 362 30 (10) Một Số Tỳ Kheo (2) ..... 362 31 (11) Mục-Kiền-Liên ..... 363 32 (12) Như Lai 364

NHÓM 4. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 365

33 (1) 44 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … 365

NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 367

45 (1) 54 (10) Như Lai … 367

NHÓM 6. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)..... 368

55 (1) 66 (12) Khó Nhọc … 368

NHÓM 7. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)..... 369

67 (1) 76 (10) Sự Tìm Kiếm … 369

NHÓM 8. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) 370

77 (1) 85 (9) Những Dòng Lũ … ..... 370 86 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … 370

Chương 52. Liên Kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ ..... 373 NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga) 375

xxiv

1 (1) Một Mình (1) ..... 375 2 (2) Một Mình (2) ..... 377 3 (3) Bên Bờ Sông Sutanu ..... 379 4 (4) Khu Rừng Gai Nhọn (1) ..... 380 5 (5) Khu Rừng Gai Nhọn (2)

..... 380 6 (6) Khu Rừng Gai Nhọn (3) ..... 381 7 (7) Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng ..... 382 8 (8) Chòi Cây Salaḷa ..... 382 9 (9) Tất Cả (hay Khu Vườn của cô Ambapālī) ..... 383 10 (10) Bệnh Yếu Gần Chết 384

NHÓM 2. NHÓM 'THỨ HAI' (MỘT NGÀN) (Dutiya-vagga) 386

11 (1) Một Ngàn Đại Kiếp ..... 386 12 (2) Thần-Thông ..... 386 13 (3) Tai Thiên Thánh ..... 387 14 (4) Biết Rõ Tâm Khác ..... 387 15 (5) Điều Có Thể ..... 387 16 (6) Sự Nhận Lãnh Nghiệp ..... 388 17 (7) Dẫn Tới Nơi Đâu ..... 388 18 (8) Những Yếu Tố Đa Dạng Khác Nhau ..... 388 19 (9) Những Thành Phần Đa Dạng Khác Nhau ..... 388 20 (10) Những Mức Độ Của Các Căn..... 389 21 (11) Các Tầng Thiền Định ... . 389 22 (12) Những Cõi Sống Kiếp Trước ..... 389 23 (13) Mắt Thiên Thánh 389

xxv

24 (14) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm 390

Chương 53. Liên Kết THIỀN ĐỊNH ..... 391 NHÓM 1. NHÓM 'SÔNG HẰNG' LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 393

1 (1) 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông 393

NHÓM 2. NHÓM 'CHUYÊN CHÚ' (Appamāda-vagga) 395

13 (1) 22 (10) Như Lai 395

NHÓM 3. NHÓM 'VIỆC LÀM KHÓ NHỌC' (Balakaraṇīya-vagga)..... 396

23 (1) 34 (12) Khó Nhọc 396

NHÓM 4. NHÓM 'TÌM KIẾM' (Esanā-vagga)..... 397

35 (1) 44 (10) Sự Tìm Kiếm 397

NHÓM 5. NHÓM 'NHỮNG DÒNG LŨ' (Ogha-vagga) 398

45 (1) 53 (9) Những Dòng Lũ ... . 398 54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn 398

Chương 54. Liên Kết THỞ-VÔ THỞ-RA ..... 401 NHÓM 1. NHÓM 'MỘT THỨ' (Ekadhamma-vagga) 403

1 (1) Một Thứ ..... 403 2 (2) Những Chi Giác Ngộ ..... 404 3 (3) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 405 4 (4) Những Thánh Quả (1) ..... 405 5 (5) Những Thánh Quả (2) ..... 406 6 (6) Ariṭṭha ..... 407 7 (7) Ngài Đại Kappina 408

8 (8) Ví Dụ Ngọn Đèn ..... 409 9 (9) Ở Vesālī ..... 413 10 (10) Kimbila 415

NHÓM 2. NHÓM ‘ĀNANDA’ (Dutiya-vagga) 419

11 (1) Ở Icchānaṅgala..... 419 12 (2) Có Nghi Ngờ ..... 420 13 (3) Ānanda (1) ..... 422 14 (4) Ānanda (2) ..... 428 15 (5) Các Tỳ Kheo (1) ..... 429 16 (6) Các Tỳ Kheo (2) ..... 429 17 (7) Những Gông Cùm ..... 429 18 (8) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn ..... 429 19 (9) Quá Trình ..... 430 20 (10) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm 430

Chương 55. Liên Kết NHẬP LƯU ..... 431 NHÓM 1. NHÓM ‘CỔNG TRE’ (Veḷudvāra-vagga)..... 433

1 (1) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe ..... 433 2 (2) Đã Nhập Cứ ... . 434 3 (3) Dīghāvu ..... 435 4 (4) Xá-lợi-phất (1) ..... 438 5 (5) Xá-lợi-phất (2) ..... 438 6 (6) Những Người Thị Vệ ..... 440 7 (7) Những Người Làng Cổng Tre..... 444 8 (8) Hội Trường Gạch (1) ..... 448 9 (8) Hội Trường Gạch (2) 450

10 (10) Hội Trường Gạch (3) 450

NHÓM 2. NHÓM ‘TỊNH XÁ HOÀNG GIA’ hay ‘MỘT NGÀN’ (Rājakārāma-vagga) 452

11 (1) Một Ngàn ..... 452 12 (2) Những Bà-la-môn ..... 452 13 (3) Ānanda

..... 453 14 (4) Nơi Đến Xấu Dữ (1) ..... 455 15 (5) Nơi Đến Xấu Dữ (2) ..... 456 16 (6) Bạn Bè và Đồng Sự ... (1) ..... 456 17 (7) Bạn Bè và Đồng Sự ... (2) ..... 457 18 (8) Thăm Các Thiên Thần (1)..... 457 19 (9) Thăm Các Thiên Thần (2)..... 458 20 (10) Thăm Các Thiên Thần (3)..... 459

NHÓM 3. NHÓM 'SARAKĀNI' (Sarakāni-vagga) 460

21 (1) Mahānāma (1)..... 460 22 (2) Mahānāma (2)..... 461 23 (3) Godhā ..... 462 24 (4) Sarakāni (1) ..... 464 25 (5) Sarakāni (2) ..... 466 26 (6) Cấp Cô Độc (1) ..... 470 27 (7) Cấp Cô Độc (2) ..... 474 28 (8) Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1) [hay Cấp Cô Độc (3)] ..... 477 29 (9) Sự Thù Ghét Đáng Sợ (2) ..... 477 30 (10) Nadaka Người Licchavi..... 477

NHÓM 4. NHÓM 'NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC'

xxviii

(Paṭhamapuññābhisanda-vagga) 479

31 (1) Những Dòng Phước Đức (1)..... 479 32 (2) Những Dòng Phước Đức (2)..... 480 33 (3) Dòng Chảy Phước Đức (3) ..... 480 34 (4) Những Vết Chân Thiên Thánh (1) ..... 480 35 (5) Những Vết Chân Thiên Thánh (2) ..... 481 36 (6) Giống Nhau Với Những Thiên Thần ..... 482 37 (7) Mahānāma ..... 483 38 (8) Mưa..... 485 39 (9) Kāḷigodhā ..... 485 40 (10) Nandiya 486

NHÓM 5. NHÓM 'NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨCCÓ THI KỆ' (Sagāṭhakapuññābhisanda-vagga) 489

41 (1) Những Dòng Chảy Phước Đức (1) ..... 489 42 (2) Những Dòng Chảy Phước Đức (2) ..... 490 43 (3) Những Dòng Chảy Phước Đức (3) ..... 491 44 (4) Giàu Có (1) ..... 491 45 (5) Giàu Có (2) ..... 492 46 (6) Bản Kinh Ngắn Gọn ..... 492 47 (7) Nandiya ..... 493 48 (8) Bhaddiya ..... 493 49 (9) Mahānāma

..... 493 50 (10) Những Yếu Tố 493

NHÓM 6. NHÓM ‘NGƯỜI CÓ TRÍ’ (Sappañña-vagga) 494

51 (1) Có Thi Kệ..... 494

52 (2) Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa ..... 494 53 (3) Dhammadinna ..... 496 54 (4) Bị Bệnh ..... 497 55 (5) Thánh Quả Nhập-Lưu ..... 500 56 (6) Thánh Quả Nhất-Lai ..... 500 57 (7) Thánh Quả Bất-Lai ..... 500 58 (8) Thánh Quả A-la-hán ..... 501 59 (9) Sự Đạt Được Trí-Tuệ..... 501 60 (10) Sự Phát Triển Trí-Tuệ ..... 501 61 (11) Sự Gia Tăng Trí-Tuệ 501

NHÓM 7. NHÓM ‘ĐẠI TRÍ’ (Mahapañña-vagga) 502

62 (1) Sự Lớn Lao Của Trí-Tuệ..... 502 63 (2) 74 (13) Sự Lớn Rộng … Của Trí-Tuệ 502

Chương 56. Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐẾ) ..... 503 NHÓM 1. NHÓM ‘ĐỊNH TÂM’ (Samādhi-vagga)..... 505

1 (1) Sự Định Tâm ..... 505 2 (2) Sự Tách Ly (ẩn dật) ..... 505 3 (3) Những Người Họ Tộc (1) ..... 506 4 (4) Những Người Họ Tộc (2) ..... 507 5 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) ..... 508 6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) ..... 508 7 (7) Những Ý Nghĩ ..... 509 8 (8) Sự Suy Xét ..... 510 9 (9) Nói Chuyện Tranh Cãi ..... 510 10 (10) Nói Chuyện Vô Bổ 511

NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYỂN DỊCH BÁNH XE GIÁO PHÁP’ (Dhamma-cakkappvattana-vagga) 513

11 (1) Chuyển Dịch Bánh Xe Giáo Pháp ..... 513 12 (2) Những Như Lai..... 517 13 (3) Các Uẩn ..... 518 14 (4) Những Giác Quan ..... 519 15 (5) Nhớ (1)..... 519 16 (6) Nhớ (2)..... 520 17 (7) Vô Minh

..... 521 18 (8) Trí Biết Đích Thực (minh) ..... 522 19 (9) Hàm Ý ... . 523 20 (10) Là Thực 523

NHÓM 3. NHÓM 'KOTIGĀMA' (Koṭigāma-vagga) 524

21 (1) Làng Koṭi (1) ..... 524 22 (2) Làng Koṭi (2) ..... 525 23 (3) Bậc Toàn Giác ..... 526 24 (4) A-la-hán..... 527 25 (5) Sự Tiêu Diệt Ô-Nhiễm ..... 527 26 (6) Bạn Hữu ... . 528 27 (7) Là Thực ..... 528 28 (8) Thế Giới ..... 529 29 (9) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu ... . 529 30 (10) Gavampati 530

NHÓM 4. NHÓM 'RỪNG SIMSAPĀ' (Siṃsapā-vagga) 531

31 (1) Rừng Siṃsapā 531

32 (2) Lá Cây Acacia ..... 532 33 (3) Khúc Cây ..... 533 34 (4) Quần Áo ... . 533 35 (5) Một Trăm Ngọn Giáo ..... 534 36 (6) Chúng Sinh ..... 535 37 (7) Mặt Trời (1) ..... 536 38 (8) Mặt Trời (2) ..... 536 39 (9) Cột Đá Của Trời Indra ..... 537 40 (10) Kiếm Chuyện Tranh Cãi 539

NHÓM 5. NHÓM 'VỰC NÚI' (Papāta-vagga) 541

41 (1) Suy Xét Về Thế Giới ..... 541 42 (2) Vực Núi ..... 542 43 (3) Đại Hỏa Ngục ..... 544 44 (4) Ngôi Nhà Mái Nhọn ..... 545 45 (5) Tóc ..... 547 46 (6) Sự Mù Tối ..... 548 47 (7) Khúc Gỗ Có Đục Lỗ (1) ..... 549 48 (8) Khúc Gỗ Bị Đục Lỗ (2) ..... 550 49 (9) Núi Tu-Di (1) ..... 551 50 (10) Núi Tu-Di (2) 552

NHÓM 6. NHÓM 'SỰ ĐỘT-PHÁ' (Abhsamaya-vagga) 553

51 (1) Móng Tay ..... 553 52 (2) Hồ Nước ..... 553 53 (3) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)..... 554 54 (4) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)..... 555

55 (5) Trái Đất (1) ..... 556 56 (6) Trái Đất (2) ..... 556 57 (7) Đại Dương (1) ..... 557 58 (8) Đại Dương (2) ..... 557 59 (9) Núi (1)..... 558 60 (10) Núi (2)..... 559

NHÓM 7. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ NHẤT & LẶP LẠI’ (Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga) 560

61 (1) Cõi Khác ..... 560 62 (2) Ở Những Nước Nằm Ngoài Biên Giới ..... 560 63 (3) Trí Tuệ ..... 561 64 (4) Rượu Nặng Rượu Nhẹ ..... 561 65 (5) Sinh Trong Nước ..... 562 66 (6) Kính Hiếu Mẹ..... 562 67 (7) Kính Hiếu Cha ..... 562 68 (8) Tôn Kính Các Tu Sĩ ..... 562 69 (9) Tôn Kính Những Bà-la-môn ..... 563 70 (10) Kính Trọng Người Lớn Tuổi..... 563

NHÓM 8. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ HAI & LẶP LẠI’ (Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga) 564

71 (1) Sát Sinh ..... 564 72 (2) Gian Cắp..... 564 73 (3) Tà Dâm Tà Dục..... 564 74 (4) Nói Dối ..... 564 75 (5) Nói Lời Gây Chia Rẽ 565

76 (6) Nói Lời Gắt Gỏng ..... 565 77 (7) Nói Lời Tầm Phào Vô Ích ..... 565 79 (9) Không Đúng Thời ..... 566 80 (10) Nước Hoa và Son Phấn 566

NHÓM 9. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ BA & LẶP LẠI’ (Tatiyaāmakadhañña Peyyâla-vagga) 567

81 (1) Múa Hát … ..... 567 82 (2) Giường Cao … ..... 567 83 (3) Vàng Bạc ..... 567 84 (4) Gạo Sống … ..... 568 85 (5) Thịt Sống ..... 568 86 (6) Con Gái..... 568 87 (7) Nô Tỳ ..... 568 88 (8) Dê và Cừu ..... 569 89 (9) Gia Cầm và Heo ..... 569 90 (10) Voi … 569

NHÓM 10. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ TƯ & LẶP LẠI’ (Catutthaaāmakadhañña Peyyāla-vagga) 570

91 (1) Ruộng Đất ..... 570 92 (2) Buôn Bán ..... 570 93 (3) Báo Tin Tức … ..... 570 94 (4) Cân Đo Gian Lận ..... 570 95 (5) Đút Lót Hối Lộ… ..... 571 96 (6) 101 (11) Làm Tổn Hại … 571

NHÓM 11. NHÓM ‘NĂM NƠI ĐẾN & LẶP LẠI’ (Pañcagati

xxxiv

Peyyāla-vagga) 572

102 (1) Là Người Chết Đi thành người (1) ..... 572 103 (2) Là Người Chết Đi thành người (2) ..... 572 104 (3) Là Người Chết Đi thành người (3) ..... 573 105 (4) 107 (6) Là Người Chết Đi thành thiên thần (4–6) ..... 573 108 (7) 110 (9) Là Thiên Thần Chết Đi thành người (1–3) ..... 573 111 (10) 113 (12) Là Thiên Thần Chết Đi thành thiên thần (4–6) ..... 574 114 (13) 116 (15) Từ Địa Ngục Chết Đi thành người (1–3) ..... 574 117 (16) 119 (18) Từ Địa Ngục Chết Đi thành thiên thần (4–6) ..... 574 120 (19) 122 (21) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành người (1–3) 574 126 (25) 128 (27) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành người (1–3) 575 129 (28) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (4) ..... 575 130 (29) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (5) ..... 576 131 (30) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (6) 576

BẢNG VIẾT TẮT ..... 577 CHÚ THÍCH 583

Kính lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

Chương 45

Liên Kết CON-ĐƯỜNG (45 Magga-saṃyutta) (45 Tương ưng Đạo)

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 3

NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ MINH’ (Avijjā-vagga)

1 (1) Vô Minh Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (I) “Này các Tỳ kheo, vô-minh—đi kèm với sự không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức, lương tâm) và sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái—là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái bất-thiện.1 (1) Đối với người ngu bị chìm đắm trong vô-minh thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) cứ phát sinh. (2) Người có cách-nhìn sai lạc thì ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. (3) Người có ý-định sai lạc thì lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh. (4) Người có lời-nói sai trái thì hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. (5) Người có hành-động sai trái thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) phát sinh. (6) Người có sự mưu-sinh sai trái thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. (7) Người có sự nỗ-lực sai lạc thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) phát sinh. (8) Người có sự tâm-niệm sai lạc thì sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. (II) “Này các Tỳ kheo, trí-biết đích thực (minh, chân trí)—đi kèm với sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái—là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái thiện-lành.2 (1) Đối với người có trí đã đạt tới trí-biết đích thực thì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) khởi sinh. (2) Người có cách-nhìn đúng đắn thì ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. (3) Người có ý-định đúng đắn thì lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh. (4) Người có lời-nói đúng đắn thì hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. (5) Người có hành-động đúng đắn thì sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) khởi sinh. (6) Người có sự mưu-sinh đúng đắn thì

sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. (7) Người có sự nỗ-lực đúng đắn thì sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. (8) Người có sự tâm-niệm đúng đắn thì sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh.”3 (SN 45:01)

2 (2) Một Nửa Đời Sống Tâm Linh Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Nāgaraka.4 Rồi ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, thầy ấy kính lễ đức, ngồi xuống một bên, và thưa rằng: “Thưa đức Thế Tôn, đây là một-nửa của đời sống tâm linh [đời sống thánh thiêng; đời sống tu hành; phạm hạnh], đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”5 “Không phải vậy, này Ānanda! Không phải như vậy, này Ānanda! Này Ānanda, đó chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, điều đó có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.6 “Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’ [Tám Phần Thánh Thiện, Bát Chi Thánh Đạo]? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự tách-ly (sự ẩn dật, lánh trần, ẩn tu,

ẩn cư, sống tách-ly, cách-ly), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập ý- định đúng đắn (chánh tư duy) … lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) … hành- động đúng đắn (chánh nghiệp) … sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) … sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) … sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự tách-ly, sự chán- bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.7 Này Ānan- da, theo cách này là một Tỳ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'. "Này Ānanda, với phương pháp sau đây thì cũng có thể hiểu được

cách mà toàn bộ đời sống tâm linh chính là sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, đó là, này Ānanda, bằng cách dựa theo Ta đây (tức Phật) như một người đạo-hữu tốt, nên những chúng sinh phải bị (tái) sinh sẽ được giải thoát khỏi sự-sinh; những chúng sinh phải bị già được sẽ giải thoát khỏi sự-già; những chúng sinh phải bị chết sẽ được giải thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng buồn sẽ được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này Ānanda, với phương pháp này thì có thể hiểu được cách mà toàn bộ đời sống tâm linh chính là sự có đạo- hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt." (SN 45:02)

3 (3) Xá-lợi-phất Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: "Thưa Thế Tôn, đây là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo- hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt."8 "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đây chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'. "Và, này Xá-lợi-phất, theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, thì người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'?" [Phần còn lại giống như kinh kế trên, chỉ khác là thầy Ānanda đổi thành thầy Xá-lợi-phất.]

(SN 45:03)

4 (4) Ông Bà-la-môn Ở Sāvatthī. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Thầy Ānanda nhìn thấy ông bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi ra khỏi thành Sāvatthī trong một chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi mấy con ngựa cái. Những con ngựa kéo đều lông trắng, những đồ trang trí của chúng đều trắng, cỗ xe màu trắng, nệm yên trắng, dây cương, roi ngựa, và mái che cũng đều màu trắng; khăn đóng, quần áo, và giày dép của ông ta đều trắng, và ông ta được hầu quạt bởi cái quạt màu trắng.9 Sau khi nhìn thấy vậy, người ta nói: "Đúng thực là cỗ xe thiên thánh! Nó trông đúng là một cỗ xe thiên thánh!" 10 Rồi, sau khi thầy Ānanda đã đi khất thực trong thành Sāvatthī và trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng,

con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Con nhìn thấy bà-la- môn Jāṇussoṇi đang đi ra khỏi thành Sāvatthī trong một chiếc xe ngựa toàn trắng…. Sau khi nhìn thấy vậy, người ta nói: 'Đúng thực là cỗ xe thiên thánh! Nó trông đúng là một cỗ xe thiên thánh!' Thưa Thế Tôn, có thể nào đức Thế Tôn chỉ ra một cỗ xe thiên thánh trong Giáo Pháp và Giới Luật này?" "Có thể, này Ānanda", đức Thế Tôn nói. "Đây là một cách gọi để chỉ con-đường Bát Thánh Đạo là: 'cỗ xe thiên thánh' và 'cỗ xe Giáo Pháp', và 'cỗ xe tối thắng trong chiến trận'. "Này Ānanda, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), khi được tu tập và tu dưỡng, có sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si là mục-tiêu cuối cùng của nó. Ý-định đúng đắn (chánh tư duy) … Sự định-tâm đúng đắn (chánh định), khi được tu tập và tu dưỡng, có sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ

sân, sự dẹp bỏ si là mục-tiêu cuối cùng của nó.

"Này Ānanda, theo cách này thì có thể hiểu một cách gọi để chỉ conđường Bát Thánh Đạo này là: 'cỗ xe thiên thánh' và 'cỗ xe Giáo Pháp' và 'cỗ xe tối thắng trong chiến trận'."

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc

Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy:

"Những phẩm chất của nó là niềm-tin và trí-tuệ,

Luôn được liên kết [ách chung] ngang nhau.11

Sự biết xấu-hổ là cán xe, tâm là cái đòn ách,

Sự chánh-niệm là người lái xe luôn quán sát.

"Trang hoàng của xe là giới-hạnh,

Trục bánh xe là thiền-định [jhāna],12

Sự nỗ-lực (tinh tấn) là những bánh xe;

Sự buông-xả giữ tải trọng của xe được cân bằng,

Sự vô-tham như nệm yên xe.

"Sự thiện-ý, sự vô-hại, và sự sống tách-ly (ẩn dật):

Đó là những vũ khí của cỗ xe,

Sự nhẫn-nhịn là áo giáp và tấm khiêng bảo hộ,13

Và nó lăn bánh tới 'sự an-toàn khỏi sự trói-buộc'.

"Đây là cỗ xe thiên thánh tối thượng,

Xuất phát từ chính bên-trong mình.14

Người có trí đi thoát khỏi thế giới bên trong nó,

Hiển nhiên sẽ dành được chiến thắng."

(SN 45:04)

5 (5) Vì Mục Đích Gì? Ở Sāvatthī. Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … Sau khi ngồi

xuống một bên, các Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Ở đây, thưa Thế Tôn, những du sĩ các giáo phái khác hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (tu hành) theo/dưới sa-môn Cồ-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi được hỏi như vậy, chúng con đã trả lời các du sĩ đó như vầy: ‘Này các bạn, vì mục đích để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn’. Thưa Thế Tôn, chúng con hy vọng khi chúng con trả lời như vậy là đã nói đúng điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với (điều đức Thế Tôn đã nói) đó; rằng chúng con đã giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không để lại cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình.” “Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy trả lời như vậy là các thầy là đã nói đúng điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với (điều ta đã nói) đó; rằng các thầy đã giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không để lại cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích là để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới ta. “Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ các giáo phái khác còn hỏi các thầy như vầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời như vầy: ‘Có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này.’ “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này? Đó là con-đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây là con-đường, đây là đường-đi dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ. “Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ các giáo phái khác đó theo cách như vậy.” (SN 45:05)

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 9

6 (6) Một Tỳ kheo (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đời sống tâm linh, đời sống tâm linh’. Thưa Thế Tôn, cái gì là đời sống tâm linh? Cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống tâm linh?” “Này Tỳ kheo, con-đường Bát Thánh Đạo này chính là đời sống tâm linh; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống tâm linh.” (SN 45:06)

7 (7) Một Tỳ kheo (2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si’. Thưa Thế Tôn, đây là một cách gọi để chỉ cái gì?” “Này Tỳ kheo, đây là một cách gọi để chỉ yếu-tố của Niết-bàn (Niết- bàn giới), đó là: sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si. Sự tiêu diệt những ô-nhiễm được nói theo cách như vậy.”15 Sau khi điều này được nói ra, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự Bất Tử, sự Bất Tử’. Thưa Thế Tôn, bây giờ cái gì là sự Bất Tử? Cái gì là con đường dẫn tới sự Bất Tử?” “Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự Bất Tử. Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự Bất Tử; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.” (SN 45:07)

8 (8) Phân Tích

10 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường Bát Thánh Đạo và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.16 (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]? Đó là sự biết về khổ, sự biết về nguồn-gốc khổ, sự biết về sự chấm-dứt khổ, sự biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ: đây được gọi là chánh-kiến. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tư-duy [ý-định đúng đắn]? Đó là ý định từ-bỏ (vô tham), ý định không ác-ý (vô sân), ý định không gây-hại (vô hại): đây được gọi là chánh tư-duy. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-ngữ [lời-nói đúng đắn]? Sự kiêng cữ sự nói-dối nói sai, kiêng cữ sự nói lời gây chia-rẽ, kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ, kiêng cữ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc: đây được gọi là chánh-ngữ. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-nghiệp [hành-động đúng đắn]? Sự kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục:17 đây được gọi là chánh-nghiệp. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-mạng [sự mưu-sinh đúng đắn]? Ở đây một người đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự mưu-sinh sai trái, chỉ kiếm sống nuôi thân bằng sự mưu-sinh đúng đắn: đây được gọi là chánh-mạng. (6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo, Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn),

áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). (ii) Người đó phát tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh … (iii) Người đó phát tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó phát tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây được gọi là chánh tinh-tấn. (7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-niệm [sự tâm-niệm đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (ii) Người đó an trú quán sát những cảm-giác (thọ) trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iii) Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iv) Người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là chánh-niệm. (gồm ‘bốn nền tảng chánh-niệm’: thân, thọ, tâm, pháp) (8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-định [sự định-tâm đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh- phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii)

‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú

buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh- phúc (tâm lạc)”.’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’” (SN 45:08)

9 (9) Đầu Hột Lúa Ở Sāvatthī. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ một đầu nhọn hột lúa hay hột lúa mì được đặt sai hướng và được ấn vào tay hay chân. Vậy nó có thể đâm thủng tay hay chân làm chảy máu, hay không? – Không thể được. Vì lý do gì? Vì đầu hột lúa bị đặt sai hướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng sai lạc (theo tà kiến), với sự tu-tập con- đường [đạo] theo hướng bị sai lạc (theo tà đạo), thì có thể chọc thủng (bức màn) vô-minh, có thể phát khởi trí-biết đích thực (minh) và chứng ngộ Niết-bàn, hay không? – Không thể được. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn của người của người đó đã bị theo hướng sai lạc. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ một đầu nhọn hột lúa hay hột lúa mì được đặt đúng hướng và được ấn vào tay hay chân. Vậy nó có thể đâm thủng tay hay chân làm chảy máu, hay không? – Có thể được. Vì lý do gì? Vì đầu nhọn của nó được đặt giữ đúng hướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng đúng đắn (theo chánh kiến), với sự tu-tập con-đường [đạo] theo hướng được đúng đắn (theo chánh đạo), thì có thể chọc thủng (bức màn) vô-minh, hay không? – Có

thể được. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn của người đó đã được theo hướng đúng đắn. “Và một Tỳ kheo làm như vậy theo cách nào? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn], [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chánh tư-duy [ý-định đúng đắn] … chánh-định [sự định-tâm đúng đắn], dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng đúng đắn, với sự tu-tập con đường [đạo] theo hướng được đúng đắn, sẽ chọc thủng (bức màn) vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực (minh), và chứng ngộ Niết-bàn.” (SN 45:09)

10 (10) Nandiya Ở Sāvatthī. Lúc đó có du sĩ tên là Nandiya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, có bao nhiêu thứ gì, nếu được tu tập và tu

dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng?" "Này Nandiya, có tám phần, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng. Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Tám phần này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng." Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Nandiya đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! … Kể từ hôm

nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 45:10)

NHÓM 2. NHÓM 'AN TRÚ' (Vihāra-vagga)

11 (1) An Trú (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta muốn đi vào chỗ tách-ly (đi ẩn dật, nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang cho ta thức ăn khất thực."18 "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, trừ người đưa thức ăn khất thực. Rồi, nửa tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, ta đã an trú trong một phần của sự thiền trú mà ta đã an trú trong đó ngay sau khi ta mới giác-ngộ toàn thiện.19 Ta đã hiểu được như vầy: 'Có cảm-giác do cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên), cũng có cảm-giác do cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều- kiện … Có cảm-giác do sự định-tâm sai lạc (tà định) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự định-tâm đúng đắn (chánh định) là điều-kiện. Có cảm-giác do tham-muốn (dục) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do ý-nghĩ (tầm) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do nhận-thức (tưởng) là điều-kiện.20 "'(a) Khi sự tham-muốn (dục) chưa lắng lặn, và những ý-nghĩ (tầm) chưa lắng lặn, và nhận-thức (tưởng) chưa lắng lặn, thì có cảm-giác với chúng là điều-kiện (duyên). [(b) Khi sự tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ chưa lắng lặn, và nhận-thức chưa lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. (c) Khi sự tham-muốn đã lắng lặn, và những ý- nghĩ đã lắng lặn, và nhận-thức chưa lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với với chúng là điều-kiện.] Khi sự tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ đã lắng lặn, và nhận-thức đã lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là

điều-kiện. Có sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Khi giai đoạn đó đã được đạt đến, thì cũng có cảm-giác với đó là điều-kiện.'"21 (SN 45:11)

12 (2) An Trú (2) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta muốn đi vào chỗ tách-ly (đi ẩn dật, nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang cho ta thức ăn khất thực." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, trừ người đưa thức ăn khất thực. Rồi, ba tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, ta đã an trú trong một phần

của sự thiền trú mà ta đã an trú trong đó ngay sau khi ta mới giác-ngộ toàn thiện. Ta đã hiểu được như vầy: 'Có cảm-giác do cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên), cũng có cảm-giác do có sự lắng lặn cách-nhìn sai lạc là điều- kiện.22 Có cảm-giác do cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện … Có cảm-giác do sự định-tâm sai lạc là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của sự định-tâm sai lạc là điều-kiện. Có cảm-giác do sự định-tâm đúng đắn là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của sự định-tâm đúng đắn là điều-kiện. Có cảm-giác do tham-muốn (dục) là điều-kiện, cũng có cảm- giác do sự lắng lặn của tham-muốn (vắng dục) là điều-kiện (là cảm-giác trong Nhất thiền). Có cảm-giác do ý-nghĩ (tầm) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của ý-nghĩ (vắng tầm) là điều-kiện (là cảm-giác trong Nhị thiền). Có cảm-giác do nhận-thức (tưởng) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của nhận-thức (vắng tưởng) là điều-kiện (là cảm-

giác trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ). "'(a) Khi sự tham-muốn (dục) chưa lắng lặn, và những ý-nghĩ (tầm) chưa lắng lặn, và nhận-thức (tưởng) chưa lắng lặn, thì có cảm-giác với chúng là điều-kiện (duyên). [(b) Khi sự tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ chưa lắng lặn, và nhận-thức chưa lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. (c) Khi sự tham-muốn đã lắng lặn, và những ý- nghĩ đã lắng lặn, và nhận-thức chưa lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với với chúng là điều-kiện.] Khi sự tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ đã lắng lặn, và nhận-thức đã lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. Có sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Khi giai đoạn đó đã được đạt đến, thì cũng có cảm-giác với đó là điều-kiện.'" (SN 45:12)

13 (3) Một Học Nhân Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … Sau khi ngồi xuống một bên, thầy ấy thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'một học nhân, một học nhân'. Theo cách nào một người là một học-nhân?" "Ở đây, này Tỳ kheo, một người có được chánh-kiến của một học nhân … chánh-định của một học-nhân. Đây là cách người đó là một học nhân." (SN 45:13)

14 (4) Khởi Sinh (1) Ở Sāvatthī.

"Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh nếu không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Tám phần này …" (SN 45:14)

15 (5) Khởi Sinh (2) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Tám phần này …" (SN 45:14)

16 (6) Được Thanh Lọc (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn khuyết điểm, không còn những suy đồi, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-lahán, bậc

Toàn Giác. Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Tám phần này …” (SN 45:16)

17 (7) Được Thanh Lọc (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn khuyết điểm, không còn những suy đồi, nếu chưa khởi sinh thì

không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Tám phần này …” (SN 45:17)

18 (8) Khu Vườn Gà (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Bhadda đang sống ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị), trong khu Vườn Gà (hay Tịnh xá Gà). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Bhadda ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ trú ẩn, ẩn dật), đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Bhadda ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống không thánh thiêng, đời sống không thánh thiêng’ (không phải đời sống tâm linh; phi phạm hạnh). Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống không thánh thiêng?” “Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc,23 này đạo hữu Bhadda, sự tài khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi tôi câu hỏi này: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống không thánh thiêng, đời sống không thánh thiêng”. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống không thánh thiêng?’” “Dạ, đạo hữu?” “Này đạo hữu, con-đường tám phần sai lạc (bát tà đạo) này là không thánh thiêng; đó gồm: tà-kiến [cách-nhìn sai lạc] … tà-định [sự định-tâm sai lạc].” (SN 45:18)

19 (9) Khu Vườn Gà (2) Ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị).

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên’ (đời sống tâm linh, phạm hạnh). Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng?” “Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự khôn khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi tôi câu này: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên”. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng?’” “Dạ, đạo hữu.” “Này đạo hữu, con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) chính là đời sống thánh thiêng; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng.” (SN 45:19)

20 (10) Khu Vườn Gà (3) Ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị). “Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên’ (đời sống tâm linh, phạm hạnh). Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là một người đi theo đời sống thánh thiêng, và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng đó?” “Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự

khôn khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi tôi câu này: 'Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói 'đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên'. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là một người đi theo đời sống

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 21

thánh thiêng, và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng đó?'" "Dạ, đạo hữu." "Này đạo hữu, con-đường Bát Thánh Đạo chính là đời sống thánh thiêng; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Người có được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là người sống đời sống thánh thiêng. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng." (SN 45:20)

22 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 3. NHÓM 'SAI LẠC' (Micchatta-vagga)

21 (1) Sự Sai Lạc Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự sai lạc (tà) và sự đúng đắn (chánh). Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là sự sai lạc. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là sự đúng đắn." (SN 45:21)

22 (2) Những Điều Bất Thiện Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều (phẩm chất, trạng thái, sự thực hành) bất thiện và những điều thiện. Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều bất thiện? Chúng là: cáchnhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là những điều bất thiện. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều thiện? Chúng là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là những điều thiện." (SN 45:22)

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 23

23 (3) Con Đường (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường sai lạc (tà đạo) và con-đường đúng đắn (chánh đạo). Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là conđường sai lạc. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường đúng đắn? Đó là: cáchnhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là con-đường đúng đắn." (SN 45:23)

24 (4) Con Đường (2) Ở Sāvatthī. - "Này các Tỳ kheo, cho dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta không đề cao con-đường sai lạc (tà đạo). Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, thì bởi do con-đường tu tập sai lạc người đó sẽ không đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là con-đường sai lạc. Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, thì bởi do con-đường tu tập sai lạc người đó sẽ không đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành. - "Này các Tỳ kheo, cho dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta luôn đề cao

con-đường đúng đắn (chánh đạo). Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, thì bởi nhờ con-đường tu tập đúng đắn người đó sẽ đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành.24 Và, này

các Tỳ kheo, cái gì là con-đường đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là con- đường đúng đắn. Cho dù đó là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, thì bởi nhờ con-đường tu tập đúng đắn người đó sẽ đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành. (SN 45:24)

25 (5) Người Nhược (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy người nhược [thấp kém] và người ưu [cao hơn, giỏi hơn, ưu hơn]. Hãy lắng nghe điều đó … - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nhược? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai lạc, hành-động sai lạc, sự mưu-sinh sai lạc, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm, sự định-tâm sai lạc (tà kiến … tà định). Đây được gọi là người nhược. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người ưu? Ở đây có người có cách- nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn (chánh kiến … chánh định). Đây được gọi là người ưu.” (SN 45:25)

26 (6) Người Nhược (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy người nhược và người tệ hơn người nhược. Ta sẽ dạy cho các thầy người ưu và người tốt hơn người ưu. Hãy lắng nghe điều đó … - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nhược? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây là được

gọi là người nhược. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người còn tệ hơn người nhược? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định), sự- biết sai lạc (tà tri), sự giải-thoát sai lạc (ngụy giải-thoát).25 Đây là được gọi là người tệ hơn người nhược. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người ưu? Ở đây có người có cách- nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây là được gọi là người ưu. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người còn tốt hơn người ưu? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), sự-biết đúng đắn (chánh tri), sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Đây là được gọi là người tốt hơn người ưu. (SN 45:26)

27 (7) Cái Chậu Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, như cái chậu không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn chậu có chân đứng thì khó bị ngã đổ; cũng giống như vậy, cái tâm không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn cái tâm có chân đứng khó bị ngã đổ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chân đứng của tâm? Đó là con-đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây là chân đứng của tâm. “Này các Tỳ kheo, như cái chậu … cũng giống như vậy, cái tâm không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn cái tâm có chân đứng khó bị ngã đổ.” (SN 45:27)

28 (8) Sự Định Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự định-tâm đúng đắn thánh thiện (thánh chánh-định) với những sự hỗ-trợ của/cho nó và những

điều- kiện tiên quyết của/cho nó. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện với những sự hỗ-trợ cho nó và những điều-kiện tiên quyết cho nó? Đó là (07 chi phần): chánh-kiến … chánh-niệm. Sự nhất-điểm của tâm được trang bị với bảy chi phần này thì được gọi là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện ‘cùng với những sự trợ-giúp của nó’, và ‘cùng với những điều-kiện tiên quyết của nó.’” 26 (SN 45:28)

29 (9) Cảm-giác Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng [dễ chịu; lạc thọ], cảm-giác khổ [khó chịu; khổ thọ], cảm-giác trung tính [không khổ không sướng; vô ký thọ, xả thọ]. Đó là ba cảm-giác.” “Này các Tỳ kheo, Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự hoàn-toàn hiểu ba cảm-giác này. Cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự hoàn-toàn hiểu ba cảm-giác này.” (SN 45:29)

30 (10) Uttiya Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Uttiya đến gặp đức Thế Tôn … và thưa:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con ở một mình trong chỗ tách-ly (ẩn dật, ẩn thiền) thì một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm con như vầy: ‘Năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được nói bởi đức Thế Tôn’. Nhưng giờ cái gì là năm dây khoái-lạc giác quan?” “Tốt, tốt, này Uttiya! Năm dây khoái-lạc giác quan này đã được nói bởi ta. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những chạm-xúc được nhận biết bởi thân … Những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. “Này Uttiya, Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự dẹp-bỏ năm dây khoái-lạc giác quan này. Và cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Bát Thánh Đạo này được tu tập để đạt tới sự dẹp-bỏ năm dây khoái-lạc giác quan này.” (SN 45:30)

NHÓM 4. NHÓM ‘SỰ TU TẬP’ (Paṭipatti-vagga)

31 (1) Sự Tu Tập (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu-tập sai lạc và sự tu-tập đúng đắn. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là sự tu-tập sai lạc. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định).” (SN 45:31)

32 (2) Sự Tu Tập (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người tu-tập một cách sai lạc và người tu-tập một cách đúng đắn. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người tu-tập một cách sai lạc? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) … sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là người tu-tập một cách sai lạc. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người tu-tập một cách đúng đắn? Ở đây có người có

cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là người tu-tập một cách đúng đắn.”27 (SN 45:32)

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 29

33 (3) Bỏ Lơ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ (bỏ lỡ, bỏ mặc, bỏ mất, không tu tập) con-đường Bát Thánh Đạo là bỏ lơ con-đường thánh thiện28 dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận con-đường Bát Thánh Đạo là đảm nhận con-đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Đó là: chánh-kiến … chánh-định. Những ai đã bỏ lơ con-đường Bát Thánh Đạo là bỏ lơ con-đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận con-đường Bát Thánh Đạo là đảm nhận con-đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” (SN 45:33)

34 (4) Vượt Qua Bờ Bên Kia Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có tám phần, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự vượt khỏi bờ bên-này (thử ngạn) qua bờ bên-kia (bỉ ngạn). Tám đó là gì? Đó là: Chánh-kiến … chánh-định. Tám phần này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự vượt khỏi bờ bên-này qua bờ bên-kia.”29 Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: “Chỉ ít người trong nhân gian, Qua được bờ bên kia (đáo bỉ ngạn). Mọi người chỉ đi lên đi xuống Lẩn quẩn bên bờ này. “Khi Giáo Pháp được giảng bày một cách đúng đắn, Những ai tu tập theo Giáo Pháp, Là những người sẽ vượt khỏi cõi Chết,

30 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Vốn rất khó vượt qua.
“Sau khi bỏ lại những phẩm chất tối,
Người có trí tu dưỡng những phẩm chất sáng.
Sau khi bỏ lại đời tại gia để sống đời xuất gia:
Nơi khó tìm sự thích thú, khoái lạc—
“Tìm sự vui thích trong sự tách-ly (ẩn dật),
Sau khi đã từ bỏ những khoái-lạc giác quan.
Không còn vướng nợ gì, người có trí tu tập,
Để thanh tẩy bản thân hết những ô-nhiễm trong tâm.
“Những ai có tâm được tu tập khéo léo,
Về những chi giác-ngộ,
Ai tìm thấy sự vui thích thông qua sự không còn dính-chấp,
Trong sự từ-bỏ sự nắm-giữ:
Những bậc tỏa sáng đó, với ô-nhiễm đã diệt sạch,
Đã hoàn toàn nguội tắt trong thế gian.”
(SN 45:34)
35 (5) Đời Sống Tu Sĩ (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tu sĩ [sa-môn] và những kết quả của đời sống tu sĩ [sa-môn quả]. Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tu sĩ? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là:

chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là đời sống tu sĩ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống tu sĩ? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống tu sĩ.” (SN 45:35)

36 (6) Đời Sống Tu Sĩ (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tu sĩ [sa-môn] và mục-tiêu của đời sống tu sĩ [sa-môn quả]. Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tu sĩ? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là đời sống tu sĩ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống tu sĩ? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục-tiêu của đời sống tu sĩ.” (SN 45:36)

37 (7) Đời Sống Bà-la-môn (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống bà-la-môn (đích thực) và những kết quả của đời sống bà-la-môn. Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống bà-la-môn? Chính là con- đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là đời sống bà-la-môn (đích thực). “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống bà-la-môn (đích thực)? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống bà-la-môn.” (SN 45:37)

38 (8) Đời Sống Bà-la-môn (2)

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống bà-la-môn (đích thực) và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn. Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống bà-la-môn? Chính là con- đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là đời sống bà-la-môn (đích thực). “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống bà-la-môn (đích thực)? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 45:38)

39 (9) Đời Sống Tâm Linh (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tâm linh (tu hành; phạm hạnh) và những kết quả của đời sống tâm linh (phạm hạnh quả). Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tâm linh? Chính là conđường Bát Thánh Đạo này; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là đời sống tâm linh. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống tâm linh? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-lahán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống tâm linh.” (SN 45:39)

40 (10) Đời Sống Tâm linh (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tâm linh và

mục-tiêu của đời sống tâm linh. Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tâm linh? Chính là con- đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến …

chánh-định. Đây được gọi là đời sống tâm linh. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống tâm linh? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục- tiêu của đời sống tâm linh.” (SN 45:40)

NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DU SĨ KHÁC ĐẠO’ (Aññatitthiya-vagga) 30

41 (1) Sự Phai Biến Tham-Dục Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cồ- đàm?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: ‘Này các bạn, đó là để dẫn tới sự phai biến của tham-dục nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.’ “Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự phai biến đó của tham dục?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: ‘Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự phai biến của tham-dục.’ “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự phai biến đó của tham-dục? Chính là Bát Thánh Đạo; đó là: chánh- kiến … chánh-định. Đây là con-đường, đây là đường-đi để dẫn tới sự phai biến của tham-dục. “Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.” (SN 45:41)

42 (2) 48 (8) Sự Dẹp Bỏ Các Gông-Cùm … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cồ-

đàm?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: ‘Này các bạn, đó là để dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm (kiết sử) … để dẫn tới sự bứng-bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) … để dẫn tới sự hoàn- toàn hiểu cái hành trình (quá trình sinh tử) … để dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận) … để dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát … để đạt tới sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp, nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.’31 “Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp đó— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: ‘Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới … để đạt tới Niết-bàn không còn sự dính-chấp đó. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp. Chính là Bát Thánh Đạo; đó là: chánh-kiến … chánh-định. Đây là con- đường, đây là đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm … để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp. “Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.” (SN 45:4248)

NHÓM 6. NHÓM ‘MẶT TRỜI’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Sūriya Peyyāla-vagga)

[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY …’]

49 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc- lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, sư huynh, sư thầy tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo32. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (i) dựa trên sự tách-ly (ẩn dật, lánh trần, ẩn tu), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) … lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) … hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) … sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) … sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn)… sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm)… sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách này là một Tỳ kheo với sự có đạo- hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” (lời kinh lặp lại giống đoạn thứ ba kinh 45:02 ở đầu chương) (SN 45:49)

50 (2) 55 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh …

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc- lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự thành-tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về mong-muốn … sự thành-tựu về bản-thân … sự thành-tựu về cách-nhìn … sự thành-tựu về sự chuyên-cần … sự thành- tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý)33 là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” (SN 45:5055)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM…’]

56 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc- lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập

cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con- đường 'Bát Thánh Đạo'." (SN 45:56)

57 (2) 62 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh … Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc- lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự thành-tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về mong-muốn … sự thành-tựu về bản-thân … sự thành-tựu về cách-nhìn … sự thành-tựu về sự chuyên-cần … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới- hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'. "Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con- đường 'Bát Thánh Đạo'." (SN 45:5762)

NHÓM 7.
NHÓM 'MỘT PHÁP' THỨ NHẤT
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Ekadhamma-Peyyāla-vagga)
[(i) THEO MẪU 'SỰ TÁCH-LY …']

63 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có một thứ là rất hữu ích cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con- đường 'Bát Thánh Đạo'. "Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'." (SN 45:51)

64 (2) 69 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh … Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có một thứ là rất hữu-ích cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự thành-tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về mong-muốn … sự thành-tựu về bản-thân … sự thành-tựu về cách-nhìn … sự thành-tựu về sự chuyên-cần … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ

tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” (SN 45:5055)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM…’]

70 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có một thứ là rất hữu ích cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con- đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con- đường ‘Bát Thánh Đạo’.” (SN 45:56)

71 (2) 76 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh… Ở Sāvatthī.

“Này các Tỳ kheo, có một thứ là rất hữu-ích cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự thành-tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về mong-muốn … sự thành-tựu về bản-thân … sự thành-tựu về cách-nhìn … sự thành-tựu về sự chuyên-cần … sự thành-tựu về sự chú- tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” (SN 45:5962)

NHÓM 8.
NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ HAI
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Dutiyaekadhamma-Peyyāla-vagga)
[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY …’]

77 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi

sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt). Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'. "Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'." (SN 45:53)

78 (2) 83 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh... Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ [một pháp] nào thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng

(như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành- tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'. "Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'." (SN 45:7883)

[(ii) THEO MẪU 'LOẠI BỎ THAM...']

84 (1) Bạn Tốt Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'. "Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con- đường 'Bát Thánh Đạo'." (SN 45:84)

85 (2) 90 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ... Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành- tựu về sự chú-tâm kỹ càng,

thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh … sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” (SN 45:8590)

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 45

NHÓM 9.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ NHẤT
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga) 34
[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY …’]

91 (1) Đổ Về Hướng Đông … (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 45:91)

92 (2) 96 (6) Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Yamunā …sông Aciravatī … sông Sarabhū … sông Mahī … hay bất kỳ sông lớn nào—tất cả đều đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” [Tiếp tục đoạn 2 như kinh 91 kế trên.]

46 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

(SN 45:9296)

97 (7) 102 (12) Đổ Về Đại Dương … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng … hay bất kỳ sông lớn nào—tất cả đều đổ về, nghiêng về, và chảy ra đại dương; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” [Tiếp tục các đoạn 2 như kinh 9196 ở trên.]

(SN 45:92102)

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 47

NHÓM 10.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ HAI

LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Dutiyagaṅgā-Peyyāla-vagga)
[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM …’] 103 (1) 108 (6) Đổ Về Hướng Đông …

109 (7) 114 (12) Đổ Về Đại Dương … [Trong phiên mẫu [LOẠI-BỎ THAM …] này, các kinh 103108 là giống hệt các kinh 9196, và các kinh 109114 giống hệt các kinh 97102, ngoại trừ chỉ đổi đoạn “phiên mẫu” thành như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm (chánh định), (ii), [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si.” (SN 45:103108) (SN 45:109114)

NHÓM 11.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ BA
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Tatiya-Peyyāla-vagga)
[(iii) THEO MẪU ‘CÓ SỰ BẤT-TỬ LÀ NỀN-TẢNG …’] 115 (1) 120 (6) Đổ Về Hướng Đông

121 (7) 126 (12) Đổ Về Đại Dương [Trong phiên mẫu [SỰ BẤT-TỬ LÀ NỀN TẢNG …] này, các kinh 115120 là giống hệt các kinh 9196, và các kinh 121126 giống hệt các kinh 97102, ngoại trừ chỉ đổi đoạn “phiên mẫu” thành như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng tu tập cáchnhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm (chánh định), (iii), [sự tu tập đó] có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bấttử là mục-tiêu cuối cùng của nó.” 35 (SN 45:115120) (SN 45:121126)

NHÓM 12.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ TƯ
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Catuttha-Peyyāla-vagga)
[(iv) THEO MẪU ‘ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN …’] 127 (1) 132 (6) Đổ Về Hướng Đông

133 (7) 138 (12) Đổ Về Đại Dương [Trong phiên mẫu [ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN …] này, các kinh 127132 là giống hệt các kinh 9196, và các kinh 133138 giống hệt các kinh 97102, ngoại trừ chỉ đổi đoạn “phiên mẫu” thành như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng tu tập cáchnhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm (chánh định), (iii), [sự tu tập đó] đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 45:127132) (SN 45:133138)

NHÓM 13. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga) 36

139 (1) Như Lai [(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY …’] Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân (sắc) hay không có sắc-thân(vô sắc), có nhận-thức (tưởng) hay không có nhận-thức (phi tưởng), hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng)—thì Như Lai [Tathāgata], bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả mọi loài. Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú (chú tâm tu tập), hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.37 Khi một Tỳ kheo chuyên- chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên- cần, tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.”

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM…’] … “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối

cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si …”

[(iii) THEO MẪU ‘CÓ SỰ BẤT-TỬ LÀ NỀN-TẢNG …’] … “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (iii) có sự Bất-tử là nền tảng của nó, sự Bất-tử là đích đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

[(iv) THEO MẪU ‘ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN …’] … “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (iv) đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn …” (SN 45:139)

[Mỗi bài kinh sau đây, từ 140–148, lặp lại theo 04 “phiên mẫu” giống như kinh 139 kế trên:]

140 (2) Dấu Chân “Này các Tỳ kheo, giống như những dấu chân của mọi loài chúng sinh biết đi đều lọt lòng trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả chúng, đó là, về mặt kích cỡ. Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên- cần, tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (iv) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần

chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên-cần, tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” … (ii) … (iii) … (iv) [Tiếp tục đoạn 2 lần lượt theo 04 “phiên mẫu” (i)-(iv) giống như trong kinh 139 kế trên. Từ kinh 141148 cũng tương tự như vậy.]

(SN 45:140)

141 (3) Đỉnh Mái Nhà “Này các Tỳ kheo, giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà, và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng đầu (nắm đầu) trong số chúng.38 Cũng giống như vậy … [tiếp tục đoạn 2 lần lượt theo 04 “phiên mẫu” như trong kinh 139 ở trên] …” … (ii) … (iii) … (iv)

(SN 45:141)

142 (4) Rễ Cây “Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy …” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:142)

143 (5) Gỗ Lõi “Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại gỗ lõi có hương thơm, gỗ cây chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy …” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:143)

144 (6) Hoa Lài “Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loài hoa có hương thơm, hoa lài được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy …” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:144)

145 (7) Vị Vua “Này các Tỳ kheo, giống như tất cả những hoàng tử nhỏ là hạ thần của vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua quay chuyển bánh xe được tuyên bố là đứng đầu trong số họ. Cũng giống như vậy …” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:145)

146 (8) Mặt Trăng “Này các Tỳ kheo, giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, cho nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được tuyên bố là sáng đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy …” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:146)

147 (8) Mặt Trời “Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên, xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng (ý nói ánh sáng mặt trời được tuyên bố là đứng đầu trong bầu trời đó). Cũng giống như vậy …” … (ii) … (iii) … (iv)

(SN 45:147)

148 (10) Vải “Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại vải dệt, vải Kāsi được tuyên bố là tốt đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm- chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên- cần, tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên-cần, tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:148)

NHÓM 14. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

[Mỗi bài kinh sau đây, từ 149–160, cũng được lặp lại theo 04 “phiên mẫu” giống như kinh 139 ở trên.]

149 (1) Khó Nhọc Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, giống những việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành]. “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:149)

150 (2) Hạt Giống “Này các Tỳ kheo, giống như tất cả mọi hạt giống và cây cối đạt được sự lớn lên, sự tăng trưởng, và sự gia tăng, tất cả đều làm như vậy dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu

dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành]. “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành].” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:150)

151 (3) Rồng Nāga “Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, những con rồng nāga đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh.39 Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào những ao nước. Từ những ao nước chúng tiến vào những hồ nước; từ những hồ nước chúng tiến vào những suối, rồi những sông, và cuối cùng chúng tiến ra biển. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và lớn rộng của thân. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự mở rộng trong những trạng thái [thiện lành]. “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện

lành].” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:151)

152 (4) Cây Cối “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây đang đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, thì nó sẽ đổ xuống hướng nào?” “Nó sẽ đổ xuống theo bất cứ hướng nó đang đổ về, nghiêng về, và ngã về, thưa Thế Tôn.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo người tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ là đang đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:152)

153 (5) Bình Nước “Này các Tỳ kheo, giống như một cái bình đã được trở đầu trút bỏ nước ra và không chứa nước lại. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ là từ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện và không thu nhập chúng trở lại. “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ là từ bỏ những trạng thái xấu ác bất

thiện và không thu nhập chúng trở lại.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:153)

154 (6) Đầu Hột Lúa “Này các Tỳ kheo, ví dụ có đầu hột lúa hay đầu hột lúa mỳ được giữ thẳng và được ấn vào bàn tay hay bàn chân. Như vậy nó có thể đâm bàn tay hay bàn chân và làm chảy máu: điều này là có thể. Vì lý do gì? Bởi vì đầu nhọn được giữ hướng đâm thẳng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn

được giữ một cách đúng đắn, với sự tu tập con đường đạo một cách đúng đắn, thì có thể chọc thủng (bức màn) vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực (chân trí, minh), và chứng ngộ Niết- bàn: điều này là có thể. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn của người đó được giữ một cách đúng đắn (thuộc loại chánh-kiến). “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.” “Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo có cách-nhìn được giữ một cách đúng đắn, với sự tu tập con đường đạo một cách chánh thẳng, thì có thể đâm thủng vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực, và chứng ngộ Niết-bàn.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:154)

155 (7) Trong Bầu Trời “Này các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ phía nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh40— cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát

Thánh Đạo’, thì đối với người đó “bốn nền tảng chánh-niệm” (tứ niệm xứ) … “sự KK tu đúng đắn” (tứ chánh cần) … “bốn cơ-sở năng-lực tâm linh” (tứ thần túc) … “năm căn tâm linh” (ngũ căn) … “năm năng-lực” (ngũ lực) … “bảy chi giác-ngộ” (thất giác chi) sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.” “Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’, thì đối với người đó “bốn nền tảng chánh niệm” … “bảy chi giác-ngộ” sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu- tập.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:155)

156 (8) Mây Mưa (1) “Này các Tỳ kheo, ví dụ, vào tháng cuối của mùa nóng, khi một đống bụi đất vừa cuốn bay lên, một đám mây mưa lớn sẽ phá tan và dập tắt nó ngay tại chỗ; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con- đường ‘Bát Thánh Đạo’, thì mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.” “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ để cho mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ giải tán chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:156)

157 (9) Mây Mưa (2) “Này các Tỳ kheo, ví dụ, khi một đám mây mưa lớn vừa khởi sinh, thì một cơn gió mạnh thổi xen ngang sẽ giải tán và dập mất nó; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’, thì mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.” “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một

Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'Bát Thánh Đạo' để cho mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ giải tán chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ." … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:157)

158 (10) Con Thuyền "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm …) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo', thì (dần dần) những gông-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng bị tàn rụi và gãy rớt."41 "Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu

tập và tu dưỡng 'Bát Thánh Đạo' để cho những gông-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng bị tàn rụi và gãy rớt." … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:158)

159 (11) Nhà Khách "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người giai cấp chiến-sĩ, những người giai cấp bà-la-môn, những người giai cấp nông-thương, những người giai cấp bần-lao đến và trọ ở đó.42 Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường 'Bát Thánh Đạo', thì người đó sẽ hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp; người đó sẽ dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp; người đó sẽ chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp; người đó sẽ tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp." (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp? Nên nói rằng đó là: năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính chấp … uẩn thức bị dính-chấp. Đây là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là: vô-minh và dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái). Đây là những điều nên được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là: trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải- thoát. Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp. (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp? Đó là: sự vắng-lặng (thiền định; định) và sự minh-

sát (thiền quán; tuệ). Đây là những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ thì người đó sẽ hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp … người đó sẽ tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’ để cho người đó hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp … người đó tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:159)

160 (12) Dòng Sông “Này các Tỳ kheo, ví dụ, khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây được không?” “Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và ưu phiền mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập và tu dưỡng con-đường ‘Bát Thánh Đạo’, nếu vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy

của cải, họ nói rằng: ‘Này thiện nhân, sao phải để mấy cái áo cà sa đè nặng (làm vướng lụy) mình như vậy? Tại sao cứ đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát ăn xin như vậy? Này, hãy trở lại đời sống trần tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng sự thực thì, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự (sống) tách-ly (ẩn dật, lánh trần). Vì vậy, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.”43 “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘Bát Thánh Đạo’.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:160)

NHÓM 15. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

161 (1) Sự Tìm Kiếm Ở Sāvatthī. [I. Sự-Biết Trực Tiếp] “Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm linh (đời sống thánh thiêng; phạm hạnh).44 Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự- biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này. “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này

các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) … sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này.” … “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si …” … “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (iii) có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó …” … “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (iv) đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này.”

Chương 45 Liên kết CON-ĐƯỜNG • 65

[Mỗi chi-mục tiếp theo [II.], [III.] và [IV.] dưới đây được lặp lại tương tự phần mẫu kế trên về [I. Sự-biết trực tiếp].]

[II. Sự Hoàn-Toàn Hiểu] “Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba sự tìm-kiếm này …

[III. Sự Diệt-Sạch] “Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự diệt-sạch ba sự tìm-kiếm này …

[IV. Sự Dẹp-Bỏ] “Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự dẹp-bỏ ba sự tìm-kiếm này … (SN 45:161)

[Mỗi bài kinh sau đây, từ 162180, lặp lại theo khuôn mẫu “04-mục” [I.], [II.], [III.] và [IV.] như kinh 161 kế trên.]

162 (2) Sự Phân Biệt “Này các Tỳ kheo, có ba sự phân-biệt này. Ba đó là gì? Sự phân biệt ‘Ta hơn tốt hơn’, sự phân biệt ‘Ta kém hơn’, sự phân biệt ‘Ta ngang bằng’. Đây là ba sự phân-biệt. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự phân-biệt này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu

66 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới sự- biết trực tiếp ba sự phân-biệt này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba sự phân- biệt này;

dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng." ... (ii) ... (iii) ... (iv) (SN 45:162)

163 (3) Những Ô Nhiễm "Này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm (lậu hoặc) này. Ba đó là gì? Ô- nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Đây là ba sự ô-nhiễm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự ô-nhiễm này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng ... (SN 45:163)

164 (4) Sự Hiện Hữu "Này các Tỳ kheo, có ba loại sự hiện-hữu (hữu) này. Ba đó là gì? Sự hiện-hữu thuộc cõi dục-giới, sự hiện-hữu thuộc cõi sắc-giới, sự hiện-hữu thuộc cõi vô-sắc-giới. Đây là ba sự hiện-hữu. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại sự hiện-hữu này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng ... (SN 45:164)

165 (5) Sự Khổ "Này các Tỳ kheo, có ba loại sự khổ này. Ba đó là gì? Khổ do đau khổ (khổ khổ), khổ do những sự tạo-tác cố ý (hành khổ), khổ do sự thay đổi biến đổi (hoại khổ, vô thường khổ). Đây là ba loại sự khổ. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại sự khổ này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng ... 45 (SN 45:165)

166 (6) Sự Cằn Cỗi "Này các Tỳ kheo, có ba loại sự cằn-cỗi này. Ba đó là gì? Đó là sự cằn cỗi do tham, sự cằn cỗi do sân, sự cằn cỗi do si. Đây là ba sự cằn-cỗi. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại sự cằn-cỗi này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng ... (SN 45:166)

167 (7) Những Sự Ố Nhơ "Này các Tỳ kheo, có ba sự ố-nhơ (vết ố, ố nhiễm, ố rỉ) này. Ba đó là gì? Đó là ố-nhơ của/do/là tham, sự ố-nhơ là/do/là sân, sự ố-nhơ của/do/là si. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự ố-nhơ này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng ... (SN 45:167)

168 (8) Những Sự Rắc Rối "Này các Tỳ kheo, có ba loại sự rắc-rối (sự vấn nạn, sự khó khổ) này.

Ba đó là gì? Đó là sự rắc-rối của/do tham, sự rắc rối của/do sân, sự rắc rối của/do si. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại sự rắc-rối này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng ... (SN 45:168)

169 (9) Những Cảm Giác "Này các Tỳ kheo có ba loại cảm-giác (thọ) này. Ba đó là gì? Cảm- giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), cảm-giác trung tính (không khổ không sướng). Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại cảm-giác này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn

tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:169)

170 (10) Dục Vọng “Này các Tỳ kheo có ba loại dục-vọng (ái) này. Ba đó là gì? Dụcvọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng muốn diệt-vong (phi hữu ái). Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại dục-vọng này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:170)

170 (11) Sự Thèm Khát 46 “Này các Tỳ kheo có ba sự thèm-khát này. Ba đó là gì? Sự thèm-khát khoái-lạc giác quan, sự thèm-khát được hiện hữu, sự thèm-khát muốn/vì bị hủy-diệt. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba loại sự thèm khát này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn

tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới sự- biết trực tiếp ba sự phân-biệt này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba sự phân- biệt này; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” … (ii) … (iii) … (iv) (SN 45:170)

NHÓM 16. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

171 (1) Những Dòng Lũ Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng-lũ này. Bốn đó là gì? Dòng lũ của tham-dục (dục), dòng lũ của sự hiện-hữu (hữu), dòng lũ của quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng lũ của vô-minh (vô minh). Đây là bốn dòng-lũ. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp bốn dòng-lũ này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:171)

172 (2) Những Sự Trói Buộc “Này các Tỳ kheo, có bốn sự trói-buộc này. Bốn đó là gì? Sự trói- buộc bởi tham-dục (dục), sự trói-buộc bởi sự hiện-hữu (hữu), sự trói-buộc bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự trói-buộc bởi vô-minh (vô minh). Đây là bốn sự trói-buộc. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp bốn sự trói-buộc này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:172)

173 (3) Những Sự Dính Chấp “Này các Tỳ kheo, có bốn sự dính-chấp (thủ) này. Bốn đó là gì? Sự dính-chấp vào tham-dục (dục thủ), sự dính-chấp vào sự hiện-hữu (hữu thủ), sự dính-chấp vào những quan-điểm này nọ (kiến thủ), sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm ky, cúng bái, và những thệ nguyện

(giới-cấm thủ). Đây là bốn sự dính-chấp. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp bốn sự dính-chấp này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn

tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:173)

174 (4) Những Gút Mắc “Này các Tỳ kheo, có bốn sự gút-mắc này. Bốn đó là gì? Sự gút-mắc về thân (hành động) của sự thèm-khát (tham), sự gút-mắc về thân của sự ác-ý (sân), sự gút-mắc về thân của sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), sự gút-mắc về thân của sự cố-chấp những giáo-điều (giáo thuyết, giáo lý) này nọ [chấp rằng chúng là đúng, là phải đúng].47 Đây là bốn sự gút-mắc. Con- đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp bốn sự gút-mắc này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:174)

175 (5) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn “Này các Tỳ kheo, có bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham,48 khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sân, khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự nghi-ngờ, khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự tự-ta (ngã mạn), khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham-muốn được hiện-hữu (hữu tham), khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự vô-minh. Đây là bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng …

(SN 45:175)

176 (6) Năm Dây Khoái-lạc Giác Quan “Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc) này. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân … Những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái- lạc giác quan. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự- biết trực tiếp năm dây khoái-lạc giác quan này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:176)

177 (7) Năm Chướng Ngại “Này các Tỳ kheo, có năm chướng-ngại (ngũ triền cái) này. Năm đó là gì? Chướng ngại là tham-dục (tham), chướng ngại là sự ác-ý (sân), chướng ngại sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc (trại cử hối quá), chướng ngại là sự nghi-ngờ (nghi). Đây là năm chướng-ngại. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm chướng-ngại này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:177)

178 (8) Năm Uẩn Bị Dính Chấp “Này các Tỳ kheo, có năm-uẩn bị dính-chấp (ngũ thủ uẩn) này. Năm

đó là gì? Uẩn sắc-thân bị dính chấp (sắc), uẩn cảm-giác bị dính chấp (thọ), uẩn nhận-thức bị dính chấp (tưởng), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp (hành), uẩn thức bị dính chấp (thức). Đây là năm-uẩn bị dính-chấp. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm-uẩn bị dính-chấp này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng … (SN 45:178)

179 (9) Năm Gông Cùm Thấp Hơn “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm thấp hơn (nhẹ hơn; hạ phần kiết sử) này.49 Năm đó là gì? Cách-nhìn danh-tính (thân kiến), sự nghi-ngờ (nghi), sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ), tham-dục (tham), và sự ác-ý (sân). Đây là năm gông-cùm thấp hơn. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm thấp hơn này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng …” (SN 45:179)

180 (10) Năm Gông Cùm Cao Hơn “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này.50 Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Con- đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm thấp hơn này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt- sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn … sự định-tâm đúng đắn, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ

giải thoát … (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si … (iii) có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích- đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó … (iv) đổ về, nghiêng về, và hướng về Niết-bàn. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này; dẫn tới sự hoàn- toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 45:180)

Chương 46.

Liên Kết CÁC CHI GIÁC-NGỘ (46 Bojjhaṅga-saṃyutta) (46 Tương ưng Giác-Chi)

NHÓM 1. NHÓM ‘NÚI’ (Pabbata-vagga)

1 (1) Núi Himalaya Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, những con rồng nāga đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh. Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào các ao

hồ. Từ các ao hồ chúng tiến vào các hồ lớn, rồi các suối, các sông, và cuối cùng tiến ra đại dương. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và lớn rộng của thân. Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào những ao nước. Từ những ao nước chúng tiến vào những hồ nước; từ những hồ nước chúng tiến vào những suối, rồi những sông, và cuối cùng chúng tiến ra biển. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và lớn rộng của thân.51 Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi), và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự mở rộng trong những trạng thái [thiện lành].52 "Và theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập 'bảy chi giác-ngộ'? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, dựa trên sự tách-ly, sự chán- bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng-thái (trạch pháp) … chi giác- ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn) … chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ … chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng … chi giác-ngộ là sự định-tâm … chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập 'bảy chi giác-ngộ', và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự mở rộng trong

những trạng thái [thiện lành]." (SN 46:01)

2 (2) Thân [i. Dưỡng-Chất cho Năm Chướng-Ngại] Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng- chất. Cũng giống như vậy, năm chướng-ngại được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.53 (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh tham- dục (tham) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham-dục đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu sự-đẹp (sắc đẹp, vẻ đẹp, tướng đẹp):54 sự thường xuyên 'chú-tâm không kỹ càng' (phi như lý tác ý; tác ý không đúng pháp, không thiện khéo) tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh tham-dục chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham- dục đã khởi sinh. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh sự ác-ý (sân) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu sự đáng-chê (thứ xấu, khó ưa, đáng ghét):55 sự thường xuyên 'chú-tâm không kỹ càng' tới nó chính là dưỡng- chất làm khởi sinh sự ác-ý chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh sự đờ- đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những sự không biết hài lòng, sự lờ đờ, sự lười biếng, sự buồn ngủ sau khi ăn, sự lười biếng của tâm:56 sự thường xuyên 'chú-tâm không kỹ càng' tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự đờ-dẫn và buồn-ngủ chưa

khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh sự bất- an và hối-tiếc (trại cử hối quá) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bất an ổn của tâm:57 sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh sự nghi- ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở tạo ra cho sự nghi-ngờ: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh. “Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng- chất. Cũng giống như vậy, năm chướng-ngại được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.

[ii. Dưỡng-Chất cho Bảy Chi Giác-Ngộ’] “Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng- chất. Cũng giống như vậy, năm chướng-ngại được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua (nhờ, bởi) sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở (giúp, trợ, duyên) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm:58 sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ (như lý tác ý; tác ý một cách đúng pháp, thiện khéo) tới chúng chính là dưỡng-

chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái (trạch-pháp giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược (tệ hơn) và trạng thái ưu (tốt hơn), những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái ứng với chúng:59 sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh-tấn giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những yếu tố phát-khởi, yếu tố phấn-đấu, yếu tố cố-gắng:60 sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự nỗ-lực chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất

giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. (5) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh-an giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này

các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, sự tĩnh-lặng của tâm:61 sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. (6) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu của sự vắng-lặng (định), dấu-hiệu của sự không phân-tán (hội tụ, hợp nhất; của tâm):62 sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự định- tâm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. (7) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự buông-xả: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập. "Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng- chất. Cũng giống như vậy, năm chướng-ngại được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất." (SN 46:02)

3 (3) Giới Hạnh "Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát: ngay cả việc nhìn thấy những Tỳ kheo đó cũng là hữu ích, ta nói vậy; ngay cả việc lắng nghe họ … ngay

cả việc đến gặp họ … ngay cả việc kính lễ họ … ngay cả việc tưởng nhớ họ … ngay cả việc xuất gia theo họ cũng là hữu ích, ta nói vậy. Vì lý do gì? Bởi vì khi một người đã nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo đó thì họ sẽ sống thu mình (lui về) theo cách của hai sự thu mình—sự thu mình về thân và sự thu mình về tâm. (1) "Sau khi sống thu-mình như vậy, họ tưởng niệm Giáo Pháp đó và suy nghĩ kỹ về nó. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào một Tỳ kheo sống thu-mình như vậy và tưởng niệm Giáo Pháp đó và suy nghĩ kỹ về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi) được phát

khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.63 (2) “Sau khi an trú một cách có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào một Tỳ kheo sống một cách có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái (trạch-pháp giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái; trong thời đó chi giác- ngộ là sự phân-biệt những trạng thái sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập. (3) “Trong khi vị Tỳ kheo đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào sự nỗ-lực của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân- biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh-tấn giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự nỗ-lực; trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập. (4) “Sau khi sự nỗ-lực của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh

trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó chi giác-ngộ là sự ho- an-hỷ sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập. (5) “Đối với người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh-lặng và tâm trở nên tĩnh-lặng. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào thân được tĩnh-lặng và tâm được tĩnh-lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh-an giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh- lặng; trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập. (6) “Đối với người tu có thân được tĩnh-lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định.64 Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh-lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác- ngộ là sự định-tâm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập. (7) “Người đó chỉ ngồi nhìn sát vào cái tâm đã đạt-định như vậy với một sự buông-xả. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào một Tỳ kheo nhìn sát sao vào cái tâm được đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác- ngộ là sự buông-xả (xả giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ này đã được tu

tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi. Cái gì là bảy thánh quả và ích lợi đó?

84 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

(i) “Người tu chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này. (ii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, thì người đó sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng vào lúc chết. (iii) “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp). (iv) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc trong khoảng-giữa, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh). (v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc ngay khi đáp-xuống, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố- gắng thêm. (vi) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố- gắng, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm. (vii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la- hán) ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố- gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó (sẽ tái sinh hướng thượng trong 05 cõi trời trong-sạch, và) cuối cùng sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (05 Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).”65 “Này các Tỳ kheo, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ này được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi này.”

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 85

(SN 46:03)

4 (4) Quần Áo Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó thầy Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa đạo hữu”, họ đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này: “Này các đạo hữu, có bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái; chi giác-ngộ là sự nỗ-lực, chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ; chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; chi giác-ngộ là sự định-tâm; và chi giác-ngộ là sự buông-xả sự chánh-niệm (niệm giác chi; trạch-pháp giác chi; tinh-tấn giác chi; hỷ giác chi; khinh- an giác chi; định giác chi; và xả giác chi). Đây là ‘bảy chi giác-ngộ’.66 “Nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi sáng, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi sáng. Nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi trưa, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi trưa. Nếu tôi muốn an trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi chiều, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi chiều. (1) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi

chánh-niệm, tôi biết ‘nó là vô-lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn-thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó còn (duy trì), tôi hiểu ‘nó vẫn còn’. Nếu nó lắng xuống trong tôi, tôi hiểu ‘nó lắng xuống trong tôi vì có lý do nào đó’.” … … (7) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi buông-xả, tôi biết ‘nó là vô-lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn-thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó vẫn còn, tôi hiểu ‘nó vẫn còn’. Nếu nó lắng xuống trong tôi, tôi hiểu ‘nó lắng xuống trong tôi vì có lý do nào đó’. “Này các đạo hữu, ví dụ có một ông vua [hay quan đại thần] có đầy

một tủ quần áo đủ màu khác nhau. Buổi sáng ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi sáng; buổi trưa ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi trưa; buổi chiều ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi chiều. Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi sáng … trong buổi trưa … trong buổi chiều, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi chiều. (1) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi chánh-niệm … … (7) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi buông-xả, tôi biết ‘nó là vô-lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn-thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó vẫn còn, tôi hiểu ‘nó vẫn còn’. Nếu nó lắng xuống trong tôi, tôi hiểu ‘nó lắng xuống trong tôi vì có lý do nào đó’.” (SN 46:04)

5 (5) Một Tỳ Kheo Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘các chi giác-ngộ, các chi giác-ngộ’. Theo nghĩa nào chúng được gọi là các chi giác-ngộ?” “Này Tỳ kheo, do chúng dẫn tới sự giác-ngộ, nên chúng được gọi là các chi giác-ngộ. Ở đây, này Tỳ kheo, (1) người tu tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm- dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … (7) người tu tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Trong khi người tu đang tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’ này, thì tâm người đó được giải-thoát khỏi ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), khỏi ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Sau khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: “Sinh

đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Này Tỳ kheo, do chúng dẫn tới sự giác-ngộ, nên chúng được gọi là các chi giác-ngộ.” (SN 46:05)

6 (6) Kuṇḍaliya Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, trong tịnh xá Vườn Nai, trong khu rừng Añjana. Lúc đó có bà-la-môn tên là Kuṇḍaliya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thưa với Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, tôi là người sống gần các khu tịnh xá và thường xuyên ghé tới các buổi hội họp của các tu sĩ. Sau bữa ăn, sau khi tôi ăn sáng xong, thói quen của tôi là đi dạo vòng quanh và ghé thăm từ tịnh xá này tới tịnh xá khác, từ khu vườn này tới khu vườn khác. Ở đó tôi nhìn thấy nhiều tu sĩ và bà-la-môn

tham gia thảo luận vì những ích-lợi là bào chữa những luận thuyết của mình và bác bỏ những luận thuyết của những người khác.67 Còn Thầy Cồ-đàm thì sống vì ích-lợi gì?" 1- "Này Kuṇḍaliya, Như Lai sống vì ích-lợi và kết-quả là 'trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát'."68 "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu 'trí-biết đích thực và sự giải-thoát'?" 2- "Này Kuṇḍaliya, đó là 'bảy chi giác-ngộ', nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu 'trí-biết đích thực và sự giải-thoát'." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu 'bảy chi giác-ngộ' đó?" 3- "Này Kuṇḍaliya, đó là 'bốn nền tảng chánh-niệm', nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu 'bảy chi giác-ngộ'." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ

thành tựu 'bốn nền tảng chánh-niệm'?" 4- "Này Kuṇḍaliya, đó là 'ba loại hành-vi thiện', nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu 'bốn nền-tảng hánh-niệm'." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu 'ba loại hành-vi thiện' đó?" 5- "Này Kuṇḍaliya, đó là 'sự kiềm-chế các căn cảm-nhận' (phòng hộ sáu căn) nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu 'ba loại hành-vi thiện'. 5-4 "Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào 'sự kiềm-chế các căn cảm nhận' được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được 'ba loại hành-vi thiện'? Ở đây, này Kuṇḍaliya, khi nhìn thấy một hình-sắc dễ chịu bằng mắt, một Tỳ kheo không ham muốn nó, không thích thú, không khởi tạo tham-dục đối với nó (không tham). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo. Khi nhìn thấy một hình-sắc khó chịu, người đó không ghê sợ bởi nó, không khó chịu, không kháng cự, không ác ý gì với nó (không sân).69 Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo. "Cũng tương tự như vậy, này Kuṇḍaliya, khi nghe thấy một âm-thanh dễ chịu bằng tai … khi ngửi thấy một mùi-hương dễ chịu bằng mũi … khi nếm thấy một mùi-vị dễ chịu bằng lưỡi … khi cảm nhận một chạm-xúc dễ chịu bằng thân … khi nhận biết hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu bằng tâm, người đó không ham muốn nó, không thích thú nó, không khởi tạo tham- dục đối với nó (không tham). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo. Khi nghe thấy một âm-thanh khó chịu … một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu, người đó không ghê sợ bởi nó, không khó chịu, không kháng cự, không ác ý gì với nó (không sân). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo. - "Này Kuṇḍaliya, nếu mà, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt,

thân của một Tỳ kheo ổn định và tâm người đó ổn định, trong nội tâm bình tĩnh và được giải thoát một cách khéo léo đối với cả những hình-sắc dễ chịu và những hình-sắc khó chịu, … - Nếu mà, sau khi nghe thấy một mùi-hương bằng tai … ngửi thấy một mùi-vị bằng mũi … nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân … nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, thân của một Tỳ kheo ổn định và tâm người đó ổn định, trong nội tâm bình tĩnh và được giải thoát một cách

khéo léo đối với cả những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu, thì 'sự kiềm-chế các căn cảm-nhận' của người đó đã được tu tập và tu dưỡng theo một cách để nó thành tựu được 'ba loại hành-vi thiện'. 4-3 "Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào 'ba loại hành-vi thiện' được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được 'bốn nền tảng chánh-niệm'? Ở đây, này Kuṇḍaliya, sau khi đã dẹp bỏ hành vi thân bất thiện, một Tỳ kheo tu tập hành vi thân thiện lành; sau khi đã dẹp bỏ hành vi lời-nói bất thiện, một Tỳ kheo tu tập hành vi lời-nói thiện lành; sau khi đã dẹp bỏ hành vi tâm bất thiện, một Tỳ kheo tu tập hành vi tâm thiện lành. Chính theo cách như vậy là 'ba loại hành-vi thiện' được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được 'bốn nền tảng chánh-niệm'. 3-2 "Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào 'bốn nền tảng chánh-niệm' được tu tập và tu dưỡng để thành tựu được 'bảy chi giác-ngộ'? Ở đây, này Kuṇḍaliya, một Tỳ kheo an trú quán sát (quán niệm, thiền quán) thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác) và có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán niệm những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Chính theo cách như vậy là 'bốn nền tảng chánh-niệm' được tu tập và tu dưỡng để thành tựu được 'bảy chi giác-ngộ'. 2-1 "Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào 'bảy chi giác-ngộ' được tu tập và tu dưỡng để thành tựu 'trí-biết đích thực và sự giải-thoát'? Ở đây, này

Kuṇḍaliya, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái (trạch pháp) ... sự nỗ-lực (tinh tấn) ... sự hoan-hỷ (hỷ) ... sự tĩnh-lặng (khinh an) ... sự định-tâm (định) ... sự buông-xả (xả), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát." Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Kuṇḍaliya đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, thưa thầy Cồ-đàm! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 46:06)

7 (7) Ngôi Nhà Mái Nhọn "Này các Tỳ kheo, cũng như tất cả thanh xà dọc của một ngôi nhà mái nhọn đều đổ về, nghiêng về, và ngã về đỉnh mái nhà; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác-ngộ' thì người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. "Và theo cách nào có được điều này? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu

dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 91

(SN 46:07)

8 (8) Upavāṇa Trong một lần có Ngài Upavāṇa và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú) và đến gặp thầy Upavāṇa. Thầy ấy chào hỏi với thầy Upavāṇa, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Upavāṇa: “Này đạo hữu Upavāṇa, liệu một Tỳ kheo có thể tự mình biết được: ‘Nhờ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), ‘bảy chi giác-ngộ’ đã được ta hoàn thiện theo cách để chúng dẫn tới sự an trú trong sự an ổn thư thái’?” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo có thể tự mình biết được điều đó. Này đạo hữu, khi phát khởi chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm ta đã khéo được giải thoát; ta đã bứng bỏ (chướng ngại) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ và đã hoàn toàn loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Sự nỗ-lực (tinh tấn) của ta đã được phát khởi. Ta chú-tâm (tác ý) một cách như vấn đề sống-còn, không hề lơi lỏng lơ là.’ … Khi phát khởi chi giác- ngộ là sự buông-xả (xả), người đó hiểu: ‘Tâm ta đã khéo được giải thoát; ta đã bứng bỏ (chướng ngại) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ và đã hoàn toàn loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Sự nỗ-lực (tinh tấn) của ta đã được phát khởi. Ta chú-tâm (tác ý) một cách như vấn đề sống-còn, không hề lơi lỏng lơ là.’ “Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tự mình biết được: ‘Nhờ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), ‘bảy chi giác-ngộ’ đã được ta hoàn thiện theo cách để chúng dẫn tới sự an trú trong sự an ổn thư thái.’” (SN 46:08)

9 (9) Khởi Sinh (1)

92 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

“Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh- niệm (niệm) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả). ‘Bảy chi giác-ngộ’ này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.” (SN 46:09)

10 (10) Khởi Sinh (2) “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có Giới Luật của một bậc Phúc Lành [bậc Thiện Thệ]. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả). ‘Bảy chi giác-ngộ’ này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có Giới Luật của một bậc Phúc Lành.” (SN 46:10)

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 93

NHÓM 2. NHÓM ‘BỆNH’ (Gilāna-vagga)

11 (1) Chúng Sinh “Này các Tỳ kheo, mọi loài chúng sinh dùng bốn tư thế—lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm—thì tất cả đều dùng bốn tư thế đó dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’. “Và theo cách nào người đó làm điều đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” (SN 46:11)

12 (2) Ví Dụ Mặt Trời (1) “Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc- lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, sư huynh, sự thầy tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của ‘bảy chi giác-ngộ’. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … Người đó tu tập

chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” (SN 46:12)

13 (3) Ví Dụ Mặt Trời (2) “Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc- lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của ‘bảy chi giác-ngộ’. Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” (SN 46:13)

14 (4) Bệnh (1) 70 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) đang sống ở Hang Động Pipphali—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và nói với thầy

Đại Ca-diếp: “Này Ca-diếp, ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.” “Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.” “Này Ca-diếp, ‘bảy chi giác-ngộ’ này đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết- bàn … Chi giác-ngộ là sự buông-xả đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.” “Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng là những chi giác-ngộ! Chắc chắn như vậy, thưa bậc Phúc Lành, chúng là những chi giác-ngộ!” “Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ca-diếp đã vui mừng với lời tuyên tuyết của đức Thế Tôn. Và thầy Đại Ca-diếp đã phục hồi khỏi sự bệnh đau đó.71 Theo cách như vậy thầy Đại Ca-diếp đã được trị khỏi bệnh.” (SN 46:14)

15 (5) Bệnh (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) … ở

Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) đang sống trên Đỉnh Núi Kền Kền—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú) và đi đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên … [Phần còn lại giống kinh kế trên, chỉ khác tên người bệnh] … Theo cách như vậy thầy Đại Mục-kiền-liên đã được trị khỏi bệnh.” (SN 46:15)

16 (6) Bệnh (3) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) … ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Lúc đó có Ngài Đại Cunda (Mahācunda) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Đại Cunda. “Này Cunda, hãy tụng đọc ‘bảy chi giác-ngộ’.” “Thưa đức Thế Tôn, ‘bảy chi giác-ngộ’ này đã được đức Thế Tôn giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn … Chi giác-ngộ là sự buông-xả đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.” “Chắc chắn là vậy, này Cunda, chúng là những chi giác-ngộ! Chắc chắn là vậy, này Cunda, chúng là những chi giác-ngộ!” “Đây là lời thầy Đại Cunda đã nói. Vị Sư Thầy chấp thuận. Và đức

Thế Tôn đã phục hồi khỏi sự bệnh đau. Theo cách như vậy đức Thế Tôn đã được trị khỏi bệnh.” (SN 46:16)

17 (7) Vượt Qua Bờ “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới vượt khỏi bờ bên này (thử ngạn) đến bờ kia (bỉ ngạn). Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông- xả. Đây là ‘bảy chi giác-ngộ’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới vượt qua bờ này đến bờ bên kia.” [Tiếp theo là bài thi kệ giống cuối kinh SN 45:34 ở trên.]

(SN 46:17)

18 (8) Bỏ Lơ “Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ (lơ là, không tu tập) ‘bảy chi giác-ngộ’ là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) ‘bảy chi giác-ngộ’ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả. “Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ … những ai đã đảm nhận ‘bảy chi giác-ngộ’ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” (SN 46:18)

19 (9) Thánh Thiện “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ này, khi được tu tập và tu

dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người thực hiện được chúng tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này … sẽ dẫn dắt người thực hiện được chúng tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” (SN 46:19)

20 (10) Sự Ghê Sợ “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, dẫn tới sự chán-bỏ, dẫn tới sự chấm-dứt, dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác- ngộ là sự buông-xả. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này … dẫn tới Niết-bàn.” (SN 46:20)

NHÓM 3. NHÓM ‘UDĀYĪ’ (Udāyi-vagga)

21 (1) Dẫn Tới Sự Giác Ngộ Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘các chi giác-ngộ, các chi giác-ngộ’. Theo nghĩa nào chúng được gọi là các chi giác-ngộ?” “Này Tỳ kheo, chúng dẫn tới sự giác-ngộ, do vậy chúng được gọi là các chi giác-ngộ. Ở đây, này Tỳ kheo, người tu tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … Người tu tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này Tỳ kheo, chúng dẫn tới sự giác-ngộ, do vậy chúng được gọi là các chi giác-ngộ.” (SN 46:21)

22 (2) Một Giáo Lý “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy ‘bảy chi giác-ngộ’. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bảy chi giác-ngộ’? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả. Đây là ‘bảy chi giác-ngộ’.” (SN 46:22)

23 (3) Một Cơ Sở “Này các Tỳ kheo, (i) do sự thường xuyên chú-tâm (tác ý) đến những

thứ là cơ-sở tạo ra (chướng-ngại) tham-dục, cho nên tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (ii) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra sự ác-ý, cho nên sự ác-ý chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (iii) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, cho nên sự buồn-ngủ và đờ-dẫn chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (iv) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra sự bất-an và hối-tiếc, cho nên sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (v) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra sự nghi-ngờ, cho nên sự nghi-ngờ chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi- ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. “Này các Tỳ kheo, (1) bằng cách thường xuyên chú-tâm vào những thứ là cơ-sở tạo ra chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, cho nên chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh thì khởi sinh và chi giác-ngộ là sự chánh- niệm đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập … (vii) Bằng cách thường xuyên chú-tâm vào những thứ là cơ-sở tạo ra chi giác-ngộ là sự buông-xả, cho nên chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh thì khởi sinh và chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.” (SN 46:23)

24 (4) Sự Chú Tâm Không Kỹ Càng (1) “Này các Tỳ kheo, (i) khi người tu chú-tâm một cách không kỹ- càng (không đúng pháp; phi như lý tác ý), (chướng-ngại) tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (ii) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng, sự ác-ý chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (iii) Khi người tu chú-tâm một cách không k

giác-ngộ là sự buông-xả. Đây là bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút.” (SN 46:25)

26 (6) Sự Tiêu Diệt Dục Vọng “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập con-đường (đạo) và phương-cách dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng. Và cái gì là con-đường và phương-cách dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng? Đó là: ‘bảy chi giác-ngộ’. Bảy đó là gì? Chi giác- ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả.” Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng để chúng dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng?” “Ở đây, này Udāyī, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh- niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát;, [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự ác-ý. Khi

người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, dựa trên sự tách-ly … không còn sự ác-ý, thì dục-vọng sẽ được dẹp bỏ. Khi dục-vọng được dẹp- bỏ, thì nghiệp được dẹp bỏ. Khi nghiệp được dẹp bỏ, thì sự khổ được dẹp bỏ.” … … (7) “Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát;, [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự ác-ý. Khi người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, dựa trên sự tách-ly … không còn sự ác-ý, thì dục-vọng sẽ được dẹp bỏ. Khi dục-vọng được dẹp-bỏ, thì nghiệp được dẹp bỏ. Khi nghiệp được dẹp bỏ, thì sự khổ được dẹp bỏ.” “Như vậy đó, này Udāyī, do có sự tiêu diệt dục-vọng nên có sự tiêu- diệt nghiệp; do có sự tiêu-diệt nghiệp nên có sự tiêu-diệt sự khổ.”

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 103

(SN 46:26)

27 (7) Sự Chấm Dứt Dục Vọng Này các Tỳ kheo, hãy tu tập con-đường (đạo) và phương-cách dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng. Và cái gì là con-đường và phương-cách dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng? Đó là: ‘bảy chi giác-ngộ’. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả.” “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chấm-dứt dục-vọng? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (7) chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính là, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy thì chúng dẫn tới sự chấm-dứt dục-vọng.” (SN 46:27)

28 (8) Góp Phần Thâm Nhập “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường (đạo) góp phần vào sự thâm-nhập.73 Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường góp phần vào sự thâm- nhập? Đó là: ‘bảy chi giác-ngộ’. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh- niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả.” Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng để chúng có thể dẫn tới sự thâm-nhập?” “Ở đây, này Udāyī, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh- niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín

104 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

muồi tới sự buông bỏ giải thoát;, [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự ác-ý. Với một cái tâm đã được tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, người đó có thể thâm nhập và phá vỡ đống-tham (tham uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây; người đó thâm nhập và phá vỡ đống-sân (sân uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây; người đó thâm nhập và phá vỡ đống-si (si uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây.” … … (7) “Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát;, [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự ác-ý. Với một cái tâm đã được tu tập chi giác-ngộ là sự

buông-xả, người đó có thể thâm nhập và phá vỡ đống-tham … đống-sân … đống-si mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây.” “Chính là vậy, này Udāyī, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy là chúng dẫn tới sự thâm-nhập.” (SN 46:28)

29 (9) Một Thứ “Này các Tỳ kheo, ta không thấy có một thứ (pháp) nào khác, mà khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm (trói buộc) một cách thật hiệu quả như thứ này: đó là ‘bảy chi giác-ngộ’. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông-xả. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng để chúng có thể dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh- niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … (7) Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới

sự buông bỏ giải thoát. Chính là vậy, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy là chúng dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm? Mắt là một thứ gông cùm; chính tại đây những gông-cùm, những xiềng-xích, những kiềm-kẹp này khởi sinh. Tai là một thứ gông cùm … Tâm là một thứ gông cùm; chính tại đây những gông-cùm, những xiềng-xích, những kiềm-kẹp này khởi sinh. Đó được gọi là những thứ gông cùm.” (SN 46:29)

30 (10) Udāyī Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Sumbha, trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Sedaka. Lúc đó Ngài Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn, là cách sự kính mộ của con đối với đức Thế Tôn thật là hữu ích; ‘sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức)’ và ‘sự biết sợ-hãi việc làm sai trái’ của con thật là hữu ích. Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, khi con còn là một gia chủ, con không quan tâm (coi trọng) nhiều đến Giáo Pháp hay Tăng Đoàn.74 Nhưng sau khi con đã suy xét về sự kính mộ của con đối với đức Thế Tôn, và ‘sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức)’ và ‘sự biết sợ-hãi việc làm sai trái’, con đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Đức Thế Tôn đã dạy cho con Giáo Pháp như vầy: ‘Này là sắc-thân (sắc), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác (thọ) … này là nhận-thức (tưởng) … này là những sự tạo-tác cố ý (hành) … này là thức (thức), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến diệt của nó.’ “Rồi, thưa Thế Tôn, trong khi con đang ở trong chòi trống theo dõi ‘sự trồi lên và sụt xuống’ (sinh và diệt)75 của năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn), con đã trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; con trực- tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; con trực-tiếp biết

đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Thưa Thế Tôn, con đã làm-nên sự đột-phá tới Giáo Pháp (ngộ Pháp) và đã chứng đắc con-đường (đắc đạo),76 mà sau khi con đã tu

tập và tu dưỡng nó (đạo), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó sẽ dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' (1) "Con đã chứng đắc chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (sự chánh-niệm), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: 'Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.' … … (vii) "Con đã chứng đắc chi giác-ngộ là sự buông-xả, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (sự buông-xả), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: 'Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.' "Thưa Thế Tôn, đây là con-đường (đạo) mà con đã chứng đắc, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó … thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: 'Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.'" "Tốt, tốt, này Udāyī! Đúng thực vậy, này Udāyī, đây là con-đường (đạo) mà thầy đã chứng đắc, và sau khi thầy đã tu tập và tu dưỡng nó, và trong khi thầy đang an trú một cách thích hợp, thì nó sẽ dẫn dắt thầy tới một trạng thái mà thầy hiểu được: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.'" (SN 46:30)

NHÓM 4. NHÓM 'CHƯỚNG NGẠI' (Nīvaraṇa-vagga)

31 (1) Thiện Lành (1) "Này các Tỳ kheo, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, góp phần trong sự thiện lành,77 thuộc về sự thiện lành, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú (chú tâm tu tập), hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác-ngộ'. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên cần, tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác-ngộ'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … chi giác-ngộ là sự buông- xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên cần, tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác- ngộ'." (SN 46:31)

32 (2) Thiện Lành (2) "Này các Tỳ kheo, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, góp phần trong sự thiện lành, thuộc về sự thiện lành, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chú- tâm kỹ càng (như lý tác ý), hội tụ ở sự chú-tâm kỹ càng, và sự chú-tâm kỹ càng được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác-ngộ'. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng 'bảy chi giác-ngộ'? Ở đây … [tiếp tục giống kinh kế trên] …"

(SN 46:32)

33 (3) Sự Hư Nhiễm "Này các Tỳ kheo, có năm thứ ô nhiễm của vàng, do bị hư nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị

bể gãy (cứng giòn, không tinh dẻo), và không thích hợp để sử dụng. Năm đó là gì? Sắt … đồng … thiết … chì … bạc là một thứ hư nhiễm của vàng. Đây là năm thứ hư nhiễm của vàng, do bị dơ nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không ánh kim, mà dễ bị bể gãy và không thích hợp để sử dụng (chế tác). “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm thứ làm ô nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lỳ), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (bị hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? (chướng-ngại) Tham-dục là một thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lỳ), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (bị hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. [Sự ác-ý là một thứ hư nhiễm của tâm … sự đờ-đẫn và buồn-ngủ là một thứ hư nhiễm của tâm … sự bất-an và hối-tiếc là một thứ hư nhiễm của tâm … sự nghi-ngờ là một thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lỳ), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (bị hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.]78 Đây là năm thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lỳ), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (bị hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.” (SN 46:33)

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 109

34 (4) Sự Không Hư Nhiễm “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là sự không trở- ngại … Chi giác-ngộ là sự buông-xả là sự không trở-ngại … sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải- thoát.” (SN 46:34)

35 (5) Sự Chú Tâm Kỹ Càng79 (1) “Này các Tỳ kheo, khi một người tu chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), (i) (chướng ngại) tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (ii) sự ác-ý chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (iv) sự bất-an và hối- tiếc chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (v) sự nghi-ngờ chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (2) “Này các Tỳ kheo, khi một người tu chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (i) chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh sẽ đi đến sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh sẽ đi đến sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

110 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

(SN 46:35)

36 (6) Sự Tăng Trưởng “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’, sau khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng-trưởng, sự không sa-sút. Bảy đó là gì? Chi giácngộ là sự chánh-niệm … Chi giác-ngộ là sự buông-xả. Đây là ‘bảy chi giác-ngộ’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng-trưởng, sự không sa-sút.” (SN 46:36)

37 (7) Những Trở Ngại (1) “Này các Tỳ kheo, có năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư- nhiễm của tâm, là những thứ (tác nhân) làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (i) Tham-dục là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư-nhiễm của tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. (ii) Sự ác-ý là một trở-ngại … (iii) sự đờ- đẫn và buồn-ngủ là một trở-ngại … (iv) sự bất-an và hối-tiếc là một trở- ngại … (v) sự nghi-ngờ là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư- nhiễm của tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ. (2) “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ là những thứ không trở- ngại, những thứ không chướng-ngại, những sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không hư-nhiễm của tâm … (vii) Chi giác-ngộ là sự buông-xả là là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không hư-nhiễm của tâm, sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là những thứ không trở-ngại, những thứ không chướng-ngại, những sự không hư-nhiễm của tâm; sau

khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.” (SN 46:37)

38 (8) Không Có Những Chướng Ngại 80 “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện lắng nghe Giáo Pháp bằng cả hai tai nhiệt thành, chú tâm lắng nghe một cách như vấn đề sống-còn, hướng toàn bộ tâm trí vào nó, thì trong thời đó năm chướng- ngại không có mặt trong người đó; trong thời đó ‘bảy chi giác-ngộ’ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (1) “Và cái gì là năm chướng-ngại không có mặt trong thời (lúc) đó? Đó là, chướng ngại là tham-dục không có mặt trong thời đó; chướng ngại là sự ác-ý … chướng ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc … chướng ngại là sự nghi-ngờ không có mặt lúc đó. Đây là năm chướng ngại không có mặt trong thời đó. (2) “Và cái gì là ‘bảy chi giác-ngộ’ trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập … (vii) Chi giác-ngộ là sự buông-xả trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. Đây là ‘bảy chi giác-ngộ’ trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện lắng nghe Giáo Pháp bằng cả hai tai nhiệt thành, chú tâm lắng nghe một cách như vấn đề sống-còn, hướng toàn bộ tâm trí vào nó, thì trong thời đó năm chướng- ngại không có mặt trong người đó; trong thời đó ‘bảy chi giác-ngộ’ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.” (SN 46:38)

39 (9) Cây Cối

112 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

“Này các Tỳ kheo, có những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to, bao quanh những cây khác, và những cây bị bao quanh thì bị ép cong, bị vặn vẹo, và bị chẻ đôi. Và cây nào là những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to? Đó là cây bồ-đề (assattha), cây đa (banyan, nigrodha), cây vả (pilakkha), và cây sung (udumbara):81 đây là những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to, bao che những cây khác, và những cây bị bao che thì bị ép cong, bị vặn vẹo, và bị chẻ đôi. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một người họ tộc ở đây bỏ lại sau lưng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì người đó (thường vẫn còn) bị ép cong, bị vặn vẹo, và bị chẻ đôi bởi những khoái-lạc giác quan đó, hoặc bởi những thứ còn tệ hại hơn chúng. (1) “Này các Tỳ kheo, năm thứ này là những thứ trở-ngại, những thứ chướng-ngại, những thứ bao-che của cái tâm, là những thứ (tác nhân) làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (i) Tham-dục là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-che của cái tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. (ii) Sự ác-ý … (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … (iv) sự bất-an và hối-tiếc … (v) sự nghi-ngờ là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-che của cái tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm thứ trở-ngại, thứ chướng- ngại, thứ bao-che của cái tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ. (2) “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ này là những thứ không trở- ngại, những thứ không chướng-ngại, những thứ không bao-che của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không bao-che của tâm … (vii) Chi giác-ngộ là sự buông-xả là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không bao-che của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là những thứ không trở-ngại, những thứ không chướng-ngại, những thứ không bao-che của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 113

(SN 46:39)

40 (10) Những Chướng Ngại (1) “Này các Tỳ kheo, năm chướng-ngại này là những thứ (tác nhân) làm ra sự mù-quáng, gây ra sự thiếu sự-thấy (không thấy), gây ra sự thiếu sự-biết (không biết), gây hại tới trí-tuệ, dẫn tới sự phiền-bực (ưu), dẫn lạc hướng khỏi Niết-bàn. Năm đó là gì? (i) Chướng ngại tham-dục là một thứ làm ra sự mù-quáng … (ii) Chướng ngại sự ác-ý … (iii) Chướng ngại sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … (iv) Chướng ngại sự bất-an và hối-tiếc … (v) Chướng ngại sự nghi-ngờ là một thứ làm ra sự mù-quáng … dẫn lạc hướng khỏi Niết-bàn. Năm chướng ngại này là những thứ làm ra sự mù- quáng, gây ra sự thiếu sự-thấy, gây ra sự thiếu sự-biết, gây hại tới trí-tuệ, dẫn tới sự phiền-bực (ưu), dẫn lạc hướng khỏi Niết-bàn. (2) “Này các Tỳ kheo, ‘bảy chi giác-ngộ’ này là những thứ (tác nhân) làm nên sự-thấy, những thứ làm nên sự-biết, phát huy sự tăng trưởng

trí- tuệ, thoát khỏi sự phiền-bực (ưu), dẫn hướng tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là một thứ làm nên sự-thấy … (vii) Chi giác-ngộ là sự buông-xả là một thứ làm nên sự-thấy … ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là những thứ làm nên sự-thấy, những thứ làm nên sự-biết, phát huy sự tăng trưởng trí-tuệ, thoát khỏi sự phiền-bực, dẫn hướng tới Niết-bàn.” (SN 46:40)

NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYỂN LUÂN VƯƠNG’ (Cakkavatti-vagga)

41 (1) Những Phân Biệt Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã dẹp bỏ ba sự phân-biệt,82 tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ dẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại dẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) Chi giác-ngộ là sự buông-xả. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ … trong tương lai … trong hiện tại dẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là nhờ họ có tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” (SN 46:41)

42 (2) Chuyển Luân Vương “Này các Tỳ kheo, với sự xuất hiện của một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) thì xuất hiện bảy thứ báu. Bảy đó là gì? Đó là sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, phụ nữ báu, người tài quản báu, và tướng lĩnh báu.83 “Này các Tỳ kheo, với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì xuất hiện bảy thứ báu. Bảy đó là gì? Đó là sự xuất hiện của (i) thứ báu là chi giác-ngộ sự chánh-niệm … (vii) thứ báu là chi giác-ngộ sự buông-xả. Với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì xuất hiện bảy thứ báu là ‘bảy chi giác-ngộ’ này.”

(SN 46:42)

43 (3) Ma Vương “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường (đạo) để nghiền nát đội quân của Ma Vương. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường nghiền nát đội quân của Ma Vương? Đó là ‘bảy chi giác-ngộ’. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả. Đây là con đường để nghiền nát đội quân của Ma Vương.” (SN 46:43)

44 (4) Vô Trí Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘kẻ ngu vô trí, kẻ ngu vô trí’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một ‘kẻ ngu vô trí’?” “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ này nên người đó bị gọi là ‘kẻ ngu vô trí’. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả. Chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ này nên người đó bị gọi là ‘kẻ ngu vô trí’.” (SN 46:44)

45 (5) Có Trí “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người có trí và tỉnh thức, người có trí và tỉnh thức’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một ‘người có trí và tỉnh thức’?” “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng ‘bảy

chi giác-ngộ’ này nên người đó được gọi là ‘người có trí và tỉnh thức’. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả. Chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác- ngộ’ này nên người đó được gọi là ‘người có trí và tỉnh thức’.” (SN 46:45)

46 (6) Nghèo Nàn Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘kẻ nghèo nàn, kẻ nghèo nàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một ‘kẻ nghèo nàn’?” “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ này nên người đó bị gọi là ‘kẻ nghèo nàn’. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả. Chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ này nên người đó bị gọi là ‘kẻ nghèo nàn’.” (SN 46:46)

47 (7) Giàu Có “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người giàu có, người giàu có’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một ‘người giàu có’?” “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ này nên người đó được gọi là ‘người giàu có’. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả. Chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ này nên người đó được gọi là ‘người giàu có’.” (SN 46:47)

48 (8) Mặt Trời “Này các Tỳ kheo, như rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo- hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, sư huynh, sự thầy tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của ‘bảy chi giác-ngộ’. Khi một Tỳ kheo có đạo- hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác- ngộ’. “Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (vii) Người đó tu tập và tu dưỡng chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” (SN 46:48)

49 (9) Yếu Tố Bên Trong “Này các Tỳ kheo, khi nói về yếu-tố bên trong, ta không thấy có yếu- tố nào khác thật hữu ích để giúp khởi sinh ‘bảy chi giác-ngộ’ như thứ này, đó là: sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” [Tiếp tục đoạn sau giống kinh 46:13 ở trên.]

(SN 46:49)

50 (10) Yếu Tố Bên Ngoài “Này các Tỳ kheo, khi nói về yếu-tố bên ngoài, ta không thấy có yếu-

tố nào khác thật hữu ích để giúp khởi sinh ‘bảy chi giác-ngộ’ như thứ này, đó là: sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.” [Tiếp tục đoạn sau giống kinh 46:12 ở trên.]

(SN 46:50)

NHÓM 6. NHÓM ‘NHỮNG THẢO LUẬN’ (Sākaccha-vagga)

51 (1) Dưỡng Chất Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về dưỡng-chất và sự phi dưỡng-chất đối với ‘năm chướng-ngại’ và ‘bảy chi giác-ngộ’. Hãy lắng nghe điều đó … [i. Dưỡng-Chất cho Năm Chướng Ngại]84 (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh tham- dục (tham) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham-dục đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu sự-đẹp (sắc đẹp, vẻ đẹp, tướng đẹp): sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ (phi như lý tác ý; tác ý không đúng pháp, không thiện khéo) tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh tham-dục chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham- dục đã khởi sinh. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh sự ác-ý (sân) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu sự đáng-chê (thứ xấu, khó ưa, đáng ghét): sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng- chất làm khởi sinh sự ác-ý chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh sự đờ- đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những sự không biết hài lòng, sự lờ đờ, sự lười biếng, sự buồn ngủ sau khi ăn, sự lười biếng của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự đờ-dẫn và buồn-ngủ chưa

khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh sự bất- an và hối-tiếc (trại cử hối quá) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bất an ổn của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh sự nghi- ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở tạo ra cho sự nghi-ngờ: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh.

[ii. Dưỡng-Chất cho ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’] (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua (nhờ, bởi) sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở (giúp, trợ, duyên) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ (như lý tác ý; tác ý một cách đúng pháp, thiện khéo) tới chúng chính là dưỡng- chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.85 (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái (trạch-pháp giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược (thấp kém) và trạng thái ưu (tốt hơn), những

trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái ứng với chúng: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.86 (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh-tấn giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những yếu tố phát-khởi, yếu tố phấn-đấu, yếu tố cố-gắng: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự nỗ-lực chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.87 (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.88 (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh-an giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, sự tĩnh-lặng của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.89 (6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu của sự vắng-lặng (định), dấu-hiệu của sự không phân-tán (hội tụ, hợp nhất; của tâm): sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’

tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự định- tâm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.90 (7) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự buông-xả: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.91

[iii. Cắt Dưỡng-chất của Năm Chướng-Ngại] 92 (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của tham-dục chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của tham-dục đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu sự ô- uế (dơ, không sạch, bất tịnh: như của thân thể ...): sự thường xuyên 'chú- tâm kỹ càng' tới nó chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của tham-dục chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của tham-dục đã khởi sinh.93 (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự ác-ý chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự ác-ý đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới nó chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh sự ác-ý chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự ác-ý đã khởi sinh.94 (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có yếu tố phát-khởi, yếu tố KK tu (tinh cần), yếu tố cố-gắng: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh và ngăn

chặn sự gia tăng và tăng cường của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh.95 (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bình-an của tâm: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới nó chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự bất-an và hối- tiếc chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh.96 (5) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược (tệ hơn) và trạng thái ưu (tốt hơn), những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái đối ứng của chúng: sự thường xuyên 'chú-tâm kỹ càng' tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự nghi-ngờ đã khởi sinh.97

[iv. Cắt Dưỡng-chất của ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’] (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở (giúp, trợ, duyên) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ (không tác ý) tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ chánh-niệm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái (trạch pháp)

chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược và những trạng thái ưu, những trạng thái sáng và những trạng thái tối, và những trạng thái ứng với chúng: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những yếu tố phát-khởi, yếu tố KK tu (tinh cần), yếu tố cố-gắng: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác- ngộ là sự nỗ-lực chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự nỗ- lực đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, có sự tĩnh-lặng của tâm: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt

dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự định-tâm chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ

là sự định-tâm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có dấu hiệu sự vắng-lặng (định), có dấu hiệu sự không phân-tán (hợp nhất, của tâm): sự không thường xuyên 'chú- tâm' tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự định-tâm chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. (7) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự buông-xả: sự không thường xuyên 'chú-tâm' tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập." (SN 46:51)

52 (2) Một Phương Pháp Thuyết Giảng Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Rồi ý nghĩ này xảy đến với họ: "Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Sāvatthī. Hay chúng ta ghé qua khu ở (tịnh xá, khu trú) của các du sĩ giáo phái khác." Rồi các Tỳ kheo đó đã đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo ở đó. Họ chào hỏi với các du sĩ đó, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Các du sĩ đã nói với họ:

"Này các bạn, sa-môn Cồ-đàm dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của mình như vầy: 'Này, này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy tu tập một cách chánh đúng 'bảy chi giác-ngộ'. Bên chúng tôi cũng dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình như vầy: 'Này, này các đạo hữu, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy tu tập một cách chánh đúng 'bảy chi giác-ngộ'. Như vậy, này các bạn, ở đây, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, sự không tương đồng giữa sa-môn Cồ-đàm và chúng tôi về 'một sự chỉ-dạy Giáo Pháp' và về 'một cách-thức chỉ dạy?"98 Lúc đó các Tỳ kheo không hài lòng cũng không phản đối câu nói của các du sĩ đó. Rồi không hài lòng cũng không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra; trong đầu nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ học ý nghĩa của câu nói này khi có mặt (khi gặp) đức Thế Tôn." Rồi, sau khi các Tỳ kheo đó đã đi khất thực trong thành và đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện giữa họ và các du sĩ khác đạo đó. [Đức Thế Tôn đã nói:] "Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ: 'Này các bạn, có một phương-pháp thuyết giảng nào thông qua nó 'năm chướng-ngại' trở thành mười, và 'bảy chi giác-ngộ' trở thành mười bốn, hay không?' - Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bực. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc chắn không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử

của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

[i. Năm Trở Thành Mười]

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 127

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương-pháp thuyết giảng thông qua nó năm chướng-ngại trở thành mười? (1) “Mỗi tham-dục [có] đối với bên-trong đều là một chướng-ngại. Mỗi tham-dục đối với bên-ngoài đều là một chướng-ngại.99 Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng-ngại tham-dục’ là trở thành (gồm có) hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (2) “Mỗi sự ác-ý đối với bên-trong đều là một chướng-ngại. Mỗi sự ác-ý đối với bên-ngoài đều là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng-ngại sự ác-ý’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (3) “Mỗi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đối với bên-trong đều là một chướng-ngại. Mỗi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đối với bên-ngoài đều là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng ngại sự đờ-đẫn và buồn-ngủ’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (4) “Mỗi sự bất-an và hối-tiếc đối với bên-trong đều là một chướng- ngại. Mỗi sự bất-an và hối-tiếc đối với bên-ngoài đều là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng ngại sự bất-an và hối-tiếc’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (5) “Mỗi sự nghi-ngờ đối với bên-trong đều là một chướng-ngại. Mỗi sự nghi-ngờ đối với bên-ngoài đều là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng ngại sự nghi-ngờ’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. “Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp thuyết giảng thông qua nó ‘nưm chướng-ngại’ trở thành mười.”

[ii. Bảy Trở Thành Mười Bốn] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp thuyết giảng thông qua nó ‘bảy chi giác-ngộ’ trở thành mười bốn?100 (1) “Mỗi sự chánh-niệm về những thứ bên-trong đều là một ‘chi giác- ngộ là sự chánh-niệm’. Mỗi sự chánh-niệm về những thứ bên-ngoài đều là

128 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

một ‘chi giác-ngộ là sự chánh-niệm’. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác-ngộ là sự chánh-niệm’ (niệm giác chi) là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (2) “Mỗi khi người tu phân biệt những thứ bên-trong bằng trí-tuệ, xem xét chúng, điều tra về chúng, thì đó là một ‘chi giác-ngộ là sự phân- biệt các trạng thái’; mỗi khi người tu phân biệt những thứ bên-ngoài bằng trí-tuệ, xem xét chúng, điều tra về chúng, thì đó cũng là một ‘chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái’. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái’ (trạch-pháp giác chi) là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (3) “Mỗi khi có sự nỗ-lực thuộc thân, đó là một ‘chi giác-ngộ là sự nỗ-lực’; mỗi khi có sự nỗ-lực thuộc tâm, đó cũng là một ‘chi giác-ngộ là sự nỗ-lực’. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác-ngộ là sự nỗ-lực’ (tinh- tấn giác chi) là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (4) “Mỗi khi có sự hoan-hỷ đi kèm bởi ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), đó là một ‘chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ’ (thuộc tầng thiền định thứ nhất); mỗi khi có sự hoan-hỷ không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm, hết tứ), đó cũng là một ‘chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ’ (thuộc tầng thiền định thứ hai).101 Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ’ (hỷ giác chi) là trở thành hai, theo

phương pháp thuyết giảng này. (5) “Mỗi khi có sự tĩnh-lặng của thân, đó là một ‘chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng’; mỗi khi có sự tĩnh-lặng của tâm, đó cũng là ‘chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng’.102 Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác-ngộ tĩnh-lặng’ (khinh-an giác chi) là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. (6) “Mỗi khi có sự định-tâm đi kèm bởi ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), đó là ‘chi giác-ngộ là sự định-tâm’ (là định và cận-định thuộc tầng thiền định thứ nhất); mỗi khi có sự định-tâm không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), đó cũng là ‘chi giác-ngộ là sự định-tâm’ (là định thuộc tầng thiền định thứ hai và cao hơn).103 Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác- ngộ định-tâm’ (định giác chi) là trở thành hai, theo phương pháp thuyết

giảng này. (7) “Mỗi khi có sự buông-xả đối với những thứ bên-trong, đó là một ‘chi giác-ngộ là sự buông-xả’; mỗi khi có sự buông-xả đối với những thứ bên-ngoài, đó cũng là ‘chi giác-ngộ là sự buông-xả’. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chi giác-ngộ là buông-xả’ (xả giác chi) là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này. “Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp thuyết giảng thông qua nó ‘bảy chi giác-ngộ’ trở thành mười bốn.” (SN 46:52)

53 (3) Lửa Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực …104 [Tiếp tục như kinh 46:52 kế trên, cho tới:] … [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ rằng: ‘Này các bạn, (1) khi tâm trở nên thụ-động (chậm chạp, nặng nề, chìm nghỉm, bị động, lười nhát, lu mờ), thì (i) tu tập những chi giác-ngộ nào là không hợp lúc, và (ii) tu tập những chi giác-ngộ nào là hợp lúc? Rồi nữa, này các bạn, (2) khi tâm trở nên khích-động (phấn khích, dao động, tăng động), thì (i) tu tập những chi giác-ngộ nào là không hợp lúc, và (ii) tu tập những chi giác-ngộ nào là hợp lúc?’ - Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bực. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc chắn không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

khích-động và lúc đó dễ làm nó tĩnh tại bằng những chi đó “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói, sự chánh-niệm luôn luôn là hữudụng.” (trong mọi tình huống trên)105 (SN 46:53)

54 (4) Cùng Với Tâm-Từ … Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi), ở một thị trấn của họ tên là thị trấn Haliddavasana. Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Haliddavasana để khất thực. Rồi ý này đã xảy đến với họ: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thị trấn Haliddavasana. Hay chúng ta ghé qua khu ở của các du sĩ giáo phái khác.”106

Rồi các Tỳ kheo đó đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo ở đó. Họ chào hỏi với các du sĩ, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Các du sĩ đã nói với họ: "Này các bạn, sa-môn Cồ-đàm dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của mình như vầy: 'Này, các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, đó là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại, cao vời], vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý. '… Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi- mẫn (tâm bi), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn

hung dữ, không còn sự ác-ý. '… Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm sự tùy-hỷ, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý. '… Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý. "Này các bạn, chúng tôi cũng vậy, cũng chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình giống y như vậy: 'Này, các đạo hữu, hãy dẹp bỏ năm chướng- ngại … [giống hệt đoạn kế trên] … không còn sự ác-ý.' Như vậy, này các bạn, ở đây, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, sự không tương đồng giữa sa-môn Cồ-đàm và chúng tôi về 'một sự chỉ-dạy Giáo Pháp' và về 'một cách-thức chỉ dạy?" 107 Lúc đó các Tỳ kheo không hài lòng cũng không phản đối câu nói của các du sĩ đó. Rồi không hài lòng cũng không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra; trong đầu nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ học ý nghĩa của câu nói này khi có mặt (khi gặp) đức Thế Tôn." Rồi, sau khi các Tỳ kheo đó đã đi khất thực trong thị trấn Haliddavasana và đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện giữa họ và các du sĩ khác đạo đó. [Đức Thế Tôn đã nói:] "Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ: 'Này các bạn, theo cách nào tu tập 'sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ'? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó,

mục-tiêu cuối cùng của nó?108 'Theo cách nào tu tập 'sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi'? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối

cùng của nó? ‘Theo cách nào tu tập ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-hỷ’? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? ‘Theo cách nào tu tập ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả’? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’ - Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bực. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc chắn không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ là sự chánh-niệm có đi kèm bởi tâm-từ … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả có đi kèm bởi tâm-từ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.109 “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê (đáng ghê tởm, không hấp dẫn, đáng ghét) trong những thứ không đáng-chê (đáng thích, dễ chịu, đáng ước)’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng- chê trong đó. (ii) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự

không đáng-chê trong đó. (iii) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận- thức sự đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng- chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (vi) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng- chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.110 — Hoặc khác, người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của thứ đẹp-đẽ. Này các Tỳ kheo, sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ có vẻ-đẹp là tuyệt-đỉnh của nó, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới một sự giải-thoát cao siêu hơn.111 (2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ là sự chánh-niệm có đi kèm bởi tâm-bi … (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả có đi kèm bởi tâm-bi, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (ii) … (iii) … (vi) … (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh- niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. — Hoặc khác: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những

nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (sự khác-biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Này các Tỳ kheo, sự giải-thoát của tâm

bằng tâm-bi có không vô biên xứ là tuyệt-đỉnh của nó, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao siêu hơn. (3) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-hỷ? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ là sự chánh-niệm có đi kèm bởi tâm tùy-hỷ ... (vii) chi giác-ngộ là sự buông-xả có đi kèm bởi tâm tùy-hỷ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. "(i) Nếu người đó muốn: 'Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê', thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) Nếu người đó muốn: 'Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh- niệm và rõ-biết', thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. — Hoặc khác: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' Này các Tỳ kheo, sự giải-thoát của tâm bằng tâm-hỷ có thức vô biên xứ là tuyệt-đỉnh của nó, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao siêu hơn. (4) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ là sự chánh-niệm có đi kèm bởi tâm-xả ... (ii) chi giác-ngộ là sự buông-xả có đi kèm bởi tâm-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. "(i) Nếu người đó muốn: 'Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê', thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) Nếu người đó muốn: 'Tránh cả hai sự

đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh- niệm và rõ-biết', thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. — Hoặc khác: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Này các Tỳ kheo, sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả có vô sở hữu xứ là tuyệt-đỉnh của nó, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao siêu hơn." (SN 46:54)

55 (5) Bà-la-môn Saṅgārava Ở Sāvatthī.112 Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-đàm, (I) cái gì

là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?" (I) [Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?] (1) "Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi (chướng-ngại) tham-dục (tham), bị chiếm ngự bởi tham-dục, và người đó không hiểu 'sự thoát-khỏi tham-dục' đúng như nó thực là,113 thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc (hàm chỉ đủ loại tham-dục). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi tham-dục ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (2) "Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý (sân), bị chiếm ngự bởi sự ác-ý, và người đó không hiểu 'sự thoát-khỏi sự ác-ý' đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt- lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. "Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục (hàm chỉ sự ác-ý, sự sân hận). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (3) "Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), bị chiếm ngự bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, và người đó không hiểu 'sự thoát-khỏi sự đờ- đẫn và buồn-ngủ' đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn

không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. "Này bà-la-môn, ví dụ có chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo (hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt

mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), bị chiếm ngự bởi sự bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ (hàm chỉ sự bất-an và hối- tiếc). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. (5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự nghi-ngờ (nghi), bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người

khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước đục ngầu, không lắng trong, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối (hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự chưa thấy rõ). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự nghi-ngờ … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. (II) [Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?] (1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm không bị ám muội bởi (chướng-ngại) tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước không bị pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng trong, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong

chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm không bị ám muội bởi tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng

lâu ngày. “Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. (III) “Này bà-la-môn, có ‘bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là sự không trở-ngại … Chi giác-ngộ là sự buông-xả là sự không trở-ngại … sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Sau khi lời tuyên thuyết này được nói ra, bà-la-môn Saṅgārava đã thưa với đức Thế Tôn rằng: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 46:55)

56 (6) Abhaya Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó Hoàng tử Abhaya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:114 “Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp) nói rằng: ‘Không có nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) nào gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; sự thiếu sự-biết và sự-thấy là không có nguyên-nhân và điều-kiện. Không có nguyên-nhân và điều-kiện nào làm ra sự-biết và sự- thấy; sự-biết và sự-thấy là không có nguyên-nhân và điều-kiện.’115 Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” - “Này hoàng tử, có nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết

và sự-thấy; sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện. Có nguyên-nhân và điều-kiện làm ra sự-biết và sự-thấy; sự-biết và sự-thấy có nguyên-nhân và điều-kiện.” [i. Nguyên Nhân của sự thiếu sự-biết và sự-thấy] “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy? Theo cách nào thì sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện?” - “Này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi tham-dục, bị chiếm ngự bởi tham-dục, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi tham-dục’ đúng như nó thực là: đây là nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện. “Lại nữa, này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý … sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … sự bất-an và hối-tiếc … sự nghi-ngờ, bị chiếm ngự bởi

sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ’ đúng như nó thực là: đây là nguyên-nhân và điều-kiện gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện.” “Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?” - “Này hoàng tử, đây được gọi là những chướng-ngại.” “Chắc chắn chúng là những chướng-ngại, thưa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những chướng-ngại, thưa Bậc Phúc Lành! Người bị chi phối thậm chí bởi một trong những chướng-ngại đó cũng không biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người bị chi phối bởi cả năm chướng-ngại. [ii. Nguyên Nhân của Sự-Biết và Sự-Thấy] “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện của sự-biết và sự-thấy? Theo cách nào sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều- kiện?”

- (1) “Ở đây, này hoàng tử, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện … … - (7) “Lại nữa, này hoàng tử, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự-biết và sự-thấy là có nguyên-nhân và điều-kiện.” “Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?” “Này hoàng tử, đây được gọi là những chi giác-ngộ.” “Chắc chắn chúng là những chi giác-ngộ, thưa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những chi giác-ngộ, thưa Bậc Phúc Lành! Người có-được thậm chí một chi giác-ngộ cũng thấy và biết mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người có-được bảy chi giác-ngộ. Sự mệt mỏi của thân và sự mệt mỏi của tâm mà con đã nếm trải khi leo lên Đỉnh Núi Kền Kền này giờ đã lặn mất. Con đã thâm nhập vào Giáo Pháp.” (tức chứng nhập thánh quả Nhập-lưu)116 (SN 46:56)

NHÓM 7. NHÓM ‘THỞ VÔ–THỞ RA’ (Ānāpāna-vagga)

57 (1) Bộ Xương [i. Có Kết-Quả Lớn Lao] Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.117 “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm có kèm theo nhận-thức về một bộ xương … (7) người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả có kèm theo nhận-thức về một bộ xương, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.” [ii. Một trong hai Thánh Quả] “Này các Tỳ kheo, khi nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông

đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp (thủ)118 thì thánh quả Bất-lai. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí- biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp thì thánh quả Bất-lai? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] kế trên từ] … Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự

dính-chấp thì thánh quả Bất-lai.” [iii. Sự Tốt-Lành Lớn Lao] “Này các Tỳ kheo, khi nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] kế trên từ] … Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.” [iv. Sự An-Toàn khỏi Sự Trói-Buộc] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao khỏi sự trói-buộc (của vòng luân-hồi …). “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói- buộc? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] … Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao khỏi sự trói-buộc. [v. Cảm-Nhận về Sự Cấp-Bách] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách (tức nhìn thấy sắc-thân là mong manh và vô thường, người nên mau chóng tìm đường thoát khỏi sự tái hiện-hữu đầy khổ đau). “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] …

[vi. An-Trú trong Sự An-Ổn] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-ổn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-ổn? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] …

(SN 46:57)

[Mỗi kinh sau đây (từ 5876) đều lặp lại theo mẫu kinh 57 gồm sáu- phần ([i.]—[vi.]).]

58 (2) Xác Chết Bị Giòi Đục “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một xác chết bị giòi đục được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao …”

59 (3) Xác Chết Bị Xanh Tím “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một xác chết bị xanh tím được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

60 (4) Xác Chết Bị Bung Rữa “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một xác chết bị bung rữa được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

61 (5) Xác Bị Sình Chảy “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một xác chết bị sình chảy được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

62 (6) Tâm Từ “Này các Tỳ kheo, khi tâm-từ được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

63 (7) Tâm-Bi

“Này các Tỳ kheo, khi tâm-bi được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

64 (8) Tâm Hỷ “Này các Tỳ kheo, khi tâm-(tùy) hỷ được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

65 (9) Tâm Xả “Này các Tỳ kheo, khi tâm-xả được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …”

66 (10) Sự Thở-Vô Thở-Ra “Này các Tỳ kheo, khi sự thở-vô thở-ra được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại …” (SN 46:5866)

NHÓM 8. NHÓM ‘SỰ CHẤM DỨT’ (Nirodha-vagga) 119

67 (1) Sự Không Sạch “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự không-sạch ô-uế của thân được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao …” [Tiếp tục theo mẫu kinh 76 gồm sáu-phần ([i.]—[vi.]) lời kinh và 04 phân đoạn giống như kinh 76 ở cuối NHÓM này (tức y theo mẫu kinh 57 ở đầu NHÓM 7 kế trên); và tất cả các kinh tiếp theo 6875 cũng đều tiếp tục như vậy.]

68 (2) Cái Chết “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về cái chết được tu tập và tu dưỡng …”

69 (3) Sự Gớm Ghiếc của Thức Ăn “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn được tu tập và tu dưỡng …”

70 (4) Sự Không Khoái-Thích Trong Toàn Bộ Thế Gian “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự không (gì đáng) khoái- thích trong toàn-bộ thế gian được tu tập và tu dưỡng …”

71 (5) Vô Thường “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự vô-thường được tu tập và tu dưỡng …”

72 (6) Khổ “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự khổ được tu tập và tu dưỡng …”

73 (7) Vô Ngã “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự vô-ngã được tu tập và tu dưỡng …”

74 (8) Sự Dẹp Bỏ “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự dẹp-bỏ được tu tập và tu dưỡng …”

75 (9) Sự Chán Bỏ “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chán-bỏ được tu tập và tu dưỡng …”

76 (10) Sự Chấm Dứt [i. Có Kết-Quả Lớn Lao] Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm có kèm theo nhận-thức về sự chấm-dứt … (7) người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả có kèm theo nhận-thức về sự chấm-dứt, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ

giải thoát. Chính theo cách như vậy là nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.” [ii. Một trong hai Thánh Quả] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp (thủ) thì thánh quả Bất-lai. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] kế trên từ] …”

[iii. Sự Tốt-Lành Lớn Lao] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] …”

[iv. Sự An-Toàn khỏi Sự Trói-Buộc] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc(của vòng luân-hồi …). “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói- buộc? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] …” [v. Cảm Nhận về Sự Cấp-Bách] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới cảm nhận về sự cấp-bách? … [Tiếp

tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] …”

[vi. An-Trú trong Sự An-Ổn] “Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên? … [Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ] …”

(SN 46:6776)

NHÓM 9.

NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(Gaṅgā-peyyāla-vagga)

77 (1) 88 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng‘bảy chi giác-ngộ’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết- bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (7) chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” [Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 46:7888)

Sáu đổ ra hướng đông,
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.
Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 153

NHÓM 10. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

89 (1) 98 (10) Như Lai … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân (sắc) hay không có sắc-thân(vô sắc), có nhận-thức (tưởng) hay không có nhận-thức (phi tưởng), hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng)— … [Tiếp tục các kinh NHÓM này là lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 46:8998)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.
154 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 11. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

99 (1) 110 (12) Khó Nhọc … 120 “Này các Tỳ kheo, giống những việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất,

được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành] … [Tiếp tục với các kinh NHÓM này là lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 46:99110)

Khó Nhọc, Hạt Giống, Và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, Và Hai Loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, Và Dòng Sông.
Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 155

NHÓM 12. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

111 (1) 120 (10) Sự Tìm Kiếm … “Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm linh (đời sống thánh thiêng; phạm hạnh) … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 46:111120)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cằn cỗi, Những sự ố nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.
156 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 13. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

121 (1) 129 (9) Những Dòng Lũ … “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng-lũ này. Bốn đó là gì? Dòng lũ của tham-dục (dục), dòng lũ của sự hiện-hữu (hữu), dòng lũ của quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng lũ của vô-minh (vô minh) … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 46:121129)

130 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn- toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch

chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Bảy đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (7) chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này nên được tu tập để dẫn tới sự- biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 46:130)

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 157

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
158 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 14.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(Gaṅgā-peyyāla-vagga)
[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM…’]

131 (1) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và theo cách nào người đó làm được như vậy? Ở đây, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (7) chi giác-ngộ là buông-xả, [sự tu tập đó] có mục-tiêu của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo … ngã về Niết-bàn.” (SN 46:131)

132 (2) 142 (12) Đổ Về Hướng Đông … [Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 kế trên, theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham …].]

(SN 46:132142)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.
Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 159

NHÓM 15. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM…’]

143 (1) 152 (10) Như Lai … [Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, theo cách diễn đạt bằng ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’ và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham …].]

(SN 46:143152)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.
160 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 16. NHÓM 'VIỆC LÀM KHÓ NHỌC' (Balakaraṇīya-vagga)

[THEO MẪU 'LOẠI-BỎ THAM…']

153 (1) 164 (10) Khó Nhọc … [Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, theo cách diễn đạt bằng 'Bảy Chi Giác-Ngộ' và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham …].]

(SN 46:153164)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.
Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 161

NHÓM 17. NHÓM 'TÌM KIẾM' (Esanā-vagga)

[THEO MẪU 'LOẠI-BỎ THAM…']

165 (1) 174 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, theo cách diễn đạt bằng 'Bảy Chi Giác-Ngộ' và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham …].]

(SN 46:165174)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cằn cỗi, Những sự ố nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.
162 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 18. NHÓM 'NHỮNG DÒNG LŨ' (Ogha-vagga)

[THEO MẪU 'LOẠI-BỎ THAM…']

175 (1) 183 (10) Những Dòng Lũ … [Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, theo cách diễn đạt bằng 'Bảy Chi Giác-Ngộ' và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham …].]

(SN 46:175183)

184 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … "Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. 'Bảy chi giác-ngộ' này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông- cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn

hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Bảy đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm … (7) chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si …, [sự tu tập đó] (iii) có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó …, [sự tu tập đó] (iv) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. ‘Bảy chi giác-ngộ’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”121

Chương 46 Liên kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ • 163

(SN 46:184)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
164 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 47.

Liên Kết CÁC NỀN TẢNG
CHÁNH-NIỆM
(47 Satīpaṭṭhāna-saṃyutta)
(47 Tương ưng Niệm Xứ)
166 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 167

NHÓM 1. NHÓM ‘AMBAPĀLĪ’ (Ambapālī)

1 (1) Ambapālī Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Khu Vườn của cô Ambapālī (về sau là Tỳ kheo ni Am- bapālī). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:122 “Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biên sự sự khổ và ưu phiền, để thành tựu một phương-pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ).123 Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới.124 Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và sự buồn phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp,

nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới. “Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-chiều để dẫn tới sự thanh- lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biên sự sự khổ và ưu phiền, để thành tựu một phương-pháp, để chứng ngộ Niết- bàn, đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. (SN 47:01)

2 (2) Có Chánh Niệm Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Khu Vườn của cô Ambapālī (về sau là Tỳ kheo ni Am- bapālī). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên an trú có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác): đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.125 - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là có chánh- niệm? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm. - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo thực tập sự rõ- biết? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người hành động (làm) với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới và đang đi lui; khi đang nhìn thẳng và đang nhìn ngang; khi đang co hay đang duỗi tay chân; khi đang mặc quần áo và khi đang mang cà sa và bình bát; khi đang ăn, khi đang uống, khi đang nhai thức ăn, và khi đang nếm; khi đang đại tiện và khi đang tiểu tiện; khi đang đi, khi đang đứng, khi đang nằm, khi đang ngồi, khi đang đi ngủ, khi đang thức dậy, khi đang nói, và khi đang im lặng. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo thực tập sự rõ-biết.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.” (SN 47:02)

3 (3) Một Tỳ Kheo Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” - “Có mấy người ngu ở đây cũng thỉnh cầu ta theo kiểu này, nhưng sau khi Giáo Pháp đã được nói cho họ, họ chỉ nghĩ tới việc quanh quẩn đi theo ta mà thôi; (chứ không chịu lui về ẩn dật tu hành).”126 “Mong đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn! Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn! Có lẽ con có thể hiểu được ý nghĩa của lời dạy của đức Thế Tôn; có lẽ con có thể trở

thành người thừa hưởng lời dạy của đức Thế Tôn.” - “Vậy được rồi, này Tỳ kheo, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Giới-hạnh phải được thanh lọc tốt và cách-nhìn phải được chánh trực.127 Rồi, này Tỳ kheo, sau khi phần giới-hạnh của thầy được thanh lọc tốt và cách-nhìn của thầy được chánh trực, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách ba-phần. - “Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, hãy an trú quán sát thân trong thân ở (i) bên-trong, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế

giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở (ii) bên-ngoài, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở (iii) bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.128 - “Hãy an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát tâm trong tâm … ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] là những giáo pháp … ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. - “Này Tỳ kheo, khi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách ba-phần (bên-trong, bên- ngoài, và bên-trong và bên ngoài) như vậy, thì, dù là ngày hay đêm, có thể trông đợi sự gia tăng những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự gia giảm.” Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra. Rồi, sau khi sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, vị Tỳ kheo đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn rời khỏi đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’”

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 47:03)

4 (3) Ở Sālā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất- la) trong ngôi làng của những bà-la-môn là làng Sālā. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: (1) “Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là những người mới thụ giới, chưa xuất gia lâu ngày, vừa mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật, các thầy nên khởi xướng (giáo giới, giáo huấn) cho họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền

tảng chánh-niệm'. Bốn đó là gì? - "(Các thầy nên khởi xướng cho họ như vầy:) 'Này các đạo hữu, hãy an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, để biết thân đúng như nó thực là. Hãy an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... để biết những cảm-giác đúng như chúng thực là. Hãy an trú quán sát tâm trong tâm ... để biết tâm đúng như nó thực là. Hãy an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] là những giáo pháp ... để biết những giáo pháp đúng như chúng thực là.' (2) "Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là những học-nhân (đã lọt vào dòng thánh đạo), là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm, những người sống tâm nguyện đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc': thì họ cũng vậy, họ cũng an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, để biết thân đúng như nó thực là. Họ an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... để biết những cảm- giác đúng như chúng thực là. Họ an trú quán sát tâm trong tâm ... để biết tâm đúng như nó thực là. Họ an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ... để biết những giáo pháp đúng như chúng thực là.'

(3) "Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là những A-la-hán (vô học nhân), là những người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá-sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì họ cũng vậy, họ cũng an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, đã tách-ly khỏi thân. Họ cũng an trú quán sát những cảm-giác trong những- cảm giác ... đã tách-ly khỏi những cảm-giác. Họ cũng an trú quán sát tâm trong tâm ... đã tách-ly khỏi tâm. Họ cũng an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ... đã tách-ly khỏi những giáo pháp. "Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là những người mới thụ giới, chưa xuất gia lâu ngày, vừa mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật, các thầy nên khởi xướng cho họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tu tập 'bốn nền tảng chánh-niệm'." (SN 47:04)

5 (5) Một Đống Thiện Ở Sāvatthī. Lúc đó đức Thế Tôn đã nói điều này: (1) "Này các Tỳ kheo, nếu ai nói 'một đống bất thiện' mà chỉ 'năm chướng-ngại' (ngũ triền cái) thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đống toàn bất thiện, đó là, 'năm chướng-ngại'. Năm đó là gì? Chướng ngại là tham-dục, chướng ngại là sự ác-ý, chướng ngại là sự đờ- đẫn và buồn-ngủ, chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc, chướng ngại là sự nghi-ngờ. Nếu ai nói 'một đống bất thiện' mà chỉ 'năm chướng-ngại' thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đống toàn bất thiện, đó là, năm chướng-ngại." (2) "Này các Tỳ kheo, nếu ai nói 'một đống thiện' mà chỉ 'bốn nền

tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ) thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đống toàn thiện, đó là, 'bốn nền tảng chánh-niệm'. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.129 Nếu ai nói 'một đống thiện' mà chỉ 'bốn nền tảng chánh-niệm' thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đống toàn thiện, đó là, 'bốn nền tảng chánh-niệm'." (SN 47:05)

6 (6) Diều Hâu "Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con diều hâu đột kích bay xuống và gắp bắt một con chim.130 Rồi, trong khi chim cút đang bị gắp đi bởi diều hâu, nó mới than khóc: 'Tôi thật xui xẻo, thật ít phước đức (nên mới bị như vầy)! Tôi đã ra khỏi khu vực (lãnh địa, trú xứ) của mình, đã lạc qua lãnh địa của người khác. Nếu hôm nay tôi ở trong khu vực của mình, trong lãnh địa của tổ tiên tôi, thì con diều hâu không có cơ hội nào để thắng tôi, nếu có đánh nhau.' - 'Nhưng, này chim cút, khu vực của ngươi là đâu, lãnh địa của tổ tiên ngươi ở đâu?' - 'Là đồng cỏ mới cày có những ụ đất lồi lõm.' "Rồi con diều hâu, tin tưởng vào sức mạnh của mình, không khoác lác về sức mạnh của mình,131 mới thả con chim cút ra và nói: 'Ê, chim cút, giờ thì chạy đi, coi thử ở (lãnh địa) đó ngươi có trốn thoát khỏi ta hay không.' "Rồi, này các Tỳ kheo, lúc đó con chim cút liền chạy tới đồng cỏ mới

cày có những ụ đất lồi lõm. Sau khi trèo lên một ụ đất lớn, nó đứng đó và nói với diều hâu: 'Đến bắt ta đi, diều hâu! Đến bắt ta đi, diều hâu!' "Rồi con diều hâu, tin tưởng vào sức mạnh của mình, không khoác lác về sức mạnh của mình, mới xếp đôi cánh lại và lao nhanh xuống và gắp lấy con chim cút. Nhưng khi chim cút biết 'Diều hâu đã áp sát', trong giây khắc đó nó lũi ngay xuống bên dưới ụ đất, và con diều hâu lỡ trớn đập vào ụ đất, bị bể ngực ngay tại chỗ. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào ai (lần này là diều hâu) ra khỏi khu vực của mình và lạc qua lãnh địa của người khác thì sẽ bị như vậy. (1) "Do vậy, này các Tỳ kheo, đừng ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác. Ma Vương sẽ tiếp cận ngay những ai ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác; Ma Vương sẽ bắt họ ngay.132 "Và cái gì không phải là trú xứ của một Tỳ kheo mà là lãnh địa của người khác? Đó là năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái- lạc giác quan. Đây là những thứ không phải là trú xứ của các Tỳ kheo mà thuộc lãnh địa của người khác. (2) "Này các Tỳ kheo, hãy vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình. Ma Vương không thể tiếp cận

những người vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình; Ma Vương sẽ không bắt được họ. “Và cái gì là trú xứ của các Tỳ kheo? Đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi

đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là trú xứ của một Tỳ kheo, là trú xứ của tổ tiên mình.” (SN 47:06)

7 (7) Con Khỉ “Này các Tỳ kheo, trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, có những vùng gập ghềnh và hiểm trở mà những con khỉ và con người không thể đi qua; có những vùng gập ghềnh và hiểm trở khỉ có thể đi qua, nhưng người không thể đi qua; có những vùng bằng phẳng và đáng thích cả khỉ và người đều có thể đi lại được. Ở đó, dọc theo đường mòn khỉ đi, những thợ săn đã đặt nhiều bẫy keo dính (trét nhựa thông, nhựa keo) để bắt khỉ. “Một con khỉ không ngu dại thấy được cái bẫy và tránh nó từ xa. Nhưng con khỉ ngu dại thì sờ tay vào bẫy dính và bị dính tay. Nó nghĩ “Ta phải gỡ tay ra”, con khỉ dùng tay kia để gỡ và bị dính tay đó luôn. Nó nghĩ “Ta phải gỡ hai tay của ta ra”, con khỉ dùng chân để đạp cái bẫy và bị dính chân luôn. Nó nghĩ “Ta phải gỡ hai tay và hai chân ”, con khỉ dùng miệng để đẩy cái bẫy và nó bị dính miệng luôn ở đó. “Này các Tỳ kheo, con khỉ nằm đó kêu la, với năm-chỗ bị dính chặt. Nó đã bị dính vào tai nạn và thảm họa, và giờ người thợ săn muốn làm gì nó thì làm. Lúc đó thợ săn chỉ việc đâm chết con khỉ, cột nó vào tấm gỗ dính đó,133 rồi muốn (mang, vác, chở nó) đi đâu thì đi. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, nếu ai đi ra khỏi trú xứ của mình và đi lạc vào lãnh địa của người khác thì sẽ bị như vậy. (1) “Do vậy, này các Tỳ kheo, đừng ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác. Ma Vương sẽ tiếp cận ngay những ai ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác; Ma Vương sẽ bắt họ

ngay. “Và cái gì không phải là trú xứ của một Tỳ kheo mà là lãnh địa của người khác? Đó là năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm- thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái- lạc giác quan. Đây là những thứ không phải là trú xứ của các Tỳ kheo mà thuộc lãnh địa của người khác. (2) “Này các Tỳ kheo, hãy vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình. Ma Vương không thể tiếp cận những người vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình; Ma Vương sẽ không bắt được họ. “Và cái gì là trú xứ của các Tỳ kheo? Đó là ‘bốn nền tảng chánh- niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú

quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là trú xứ của một Tỳ kheo, là trú xứ của tổ tiên mình." (SN 47:07)

8 (8) Người Đầu Bếp [i. Đầu Bếp Dở] "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đầu bếp dở, ngu dại, không

khéo léo, dâng lên một nhà vua hay một đại thần nhiều món cà-ri khác nhau: chua, đắng, cay, ngọt, nặng mùi, nhẹ mùi, mặn, lạt. "Người đầu bếp dở, ngu dại, không khéo léo đó không tiếp thu dấu- hiệu về chủ của mình thích món nào, như: 'Bữa nay món cà-ri này làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món này, hoặc chủ mình ăn món này nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món này; hoặc món cà-ri chua làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món cà-ri chua, hoặc chủ mình ăn món cà-ri chua nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món cà-ri chua; hoặc món cà-ri đắng … hoặc món cà-ri cay … hoặc món cà-ri ngọt … hoặc món cà-ri nặng mùi … hoặc món cà-ri … hoặc món cà-ri nhẹ mùi … hoặc món cà-ri mặn … hoặc món cà-ri lạt.' "Người đầu bếp dở, ngu dại, không khéo léo đó sẽ không được nhận [ban thưởng] quần áo, lương bổng, và tiền thưởng. Vì lý do gì? Vì người đầu bếp dở, ngu dại, không khéo léo đó không nắm bắt được (không biết được, không tiếp thu) dấu-hiệu chủ mình thích món nào. (để nấu và phục vụ những món mà chủ mình ưa thích) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo dở, ngu dại, không thiện khéo an trú quán sát thân trong thân—nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Trong khi họ đó an trú quán sát thân trong thân, tâm của họ không đạt-định, những hư-nhiễm của họ không được dẹp-bỏ, nhưng họ không nắm bắt được dấu-hiệu đó.134 Họ an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] là những giáo pháp—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, tâm của họ không đạt-định, những hư-nhiễm của họ không được dẹp-bỏ, họ không nắm bắt được dấu- hiệu đó. "Mấy Tỳ kheo dở, ngu dại, không thiện khéo đó không có được những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này; cũng không có được sự

chánh-niệm và sự rõ-biết. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, mấy Tỳ kheo đó không biết nắm bắt dấu-hiệu của tâm mình.

[ii. Đầu Bếp Giỏi] "Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo, dâng lên một nhà vua hay một đại thần nhiều món cà-ri khác nhau: chua, đắng, cay, ngọt, nặng mùi, nhẹ mùi, mặn, lạt.135 "Người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo

đó bắt được dấu-hiệu về chủ của mình thích món nào, như: 'Bữa nay món cà-ri này làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món này, hoặc chủ mình ăn món này nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món này; hoặc món cà-ri chua làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món cà-ri chua, hoặc chủ mình ăn món cà-ri chua nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món cà-ri chua; hoặc món cà-ri đắng … hoặc món cà-ri cay … hoặc món cà-ri ngọt … hoặc món cà-ri nặng mùi … hoặc món cà-ri … hoặc món cà-ri nhẹ mùi … hoặc món cà-ri mặn … hoặc món cà-ri lạt.' "Người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó sẽ được nhận [ban thưởng] quần áo, lương bổng, và tiền thưởng. Vì lý do gì? Vì người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó biết bắt được dấu-hiệu chủ mình thích món nào.136 "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo giỏi, khôn trí, thiện khéo, an trú quán sát thân trong thânnhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn- phiền đối với thế giới. Trong khi họ an trú quán sát thân trong thân, tâm của họ đạt-định, những hư-nhiễm của họ được dẹp-bỏ, họ bắt được dấu- hiệu đó. Họ an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo phápnhiệt thành, rõ- biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, tâm của họ đạt-định, những hư-nhiễm của họ được dẹp-bỏ, họ bắt được dấu-hiệu đó.

"Mấy Tỳ kheo giỏi, khôn trí, thiện khéo đó có được những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, họ cũng có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, mấy Tỳ kheo đó biết bắt được dấuhiệu của tâm mình." (SN 47:08)

9 (9) Bệnh Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong một ngôi làng nhỏ tên là Làng Tre (Beluvagāmaka). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Nào, này các Tỳ kheo, hãy nhập trú kỳ an cư Mùa Mưa (kiết hạ) ở chỗ nào các thầy có đạo hữu, hay người quen biết, hay người thân thuộc ở lân cận thành Vesālī. Còn ta sẽ nhập trú kỳ an cư Mùa Mưa trong Làng Tre này." 137 "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại, và họ đã đi trú qua kỳ an cư Mùa Mưa ở nơi họ có đạo hữu, hay người quen biết, hay người thân thuộc ở lân cận thành Vesālī, trong khi đức Thế Tôn nhập trú mùa mưa ngay trong Làng Tre đó. Rồi, sau khi đức Thế Tôn nhập trú kỳ an cư mùa mưa, một cơn bệnh nặng đã phát sinh trong đức Thế Tôn và những sự đau đớn kinh khủng gần như chết đã tấn công đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã chịu đựng chúng, có chánh-niệm và thường rõ-biết, không để bị sầu não. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với đức Thế Tôn: "Thật không phù hợp với ta nếu ta Bát niết-bàn mà không nói cho những người phụ cận và không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Vậy ta sẽ khống chế cơn bệnh bằng sự nỗ-lực (tinh tấn) và sống tiếp, sau khi đã ổn định sự tạo-tác sự-sống (hành sinh mạng)."138 Rồi đức Thế Tôn đã khống chế cơn bệnh bằng phương tiện là sự nỗ-lực, và sống tiếp, sau khi đã ổn định sự tạo-tác sự-sống. Rồi đức Thế Tôn đã phục hồi khỏi cơn bệnh. Ngay sau khi hồi phục,

đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú) và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn dưới mái hiên phía sau chỗ ẩn trú. Rồi Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời rằng Thế Tôn, đang chịu đựng tốt; thật tuyệt vời rằng Thế Tôn đã hồi phục!139 Nhưng, thưa Thế Tôn, khi Thế Tôn bị bệnh thì thân con như bị trúng thuốc vậy, con bị mất phương hướng, các thứ đều không rõ ràng với con. Tuy nhiên con vẫn còn nhiều sự an ủi này: 'Chắc đức Thế Tôn sẽ không Bát niết-bàn mà không nói vài lời tuyên bố (di huấn, di chúc, chỉ thị, căn dặn ...) với Tăng Đoàn các Tỳ kheo.'" - "Này Ānanda, Tăng Đoàn các Tỳ kheo còn trông đợi gì ở ta nữa? Này Ānanda, ta đã chỉ dạy Giáo Pháp mà không phân biệt bên trong và bên ngoài.140 Đối với những giáo lý, Như Lai đâu còn giấu gì trong nắm tay của người thầy. Này Ānanda, nếu có ai nghĩ rằng 'Mình sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn Tỳ kheo' hoặc 'Tăng Đoàn Tỳ kheo sẽ chịu sự chỉ đạo của mình', thì đó mới là người nên nói mấy lời tuyên bố liên quan tới Tăng Đoàn Tỳ kheo. Nhưng, này Ānanda, đối với Như Lai điều đó là không có, không có cái sự 'Ta sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn Tỳ kheo' hay 'Tăng Đoàn Tỳ kheo sẽ theo sự chỉ đạo của ta', do vậy, tại sao Như Lai phải nói mấy lời tuyên bố liên quan đến Tăng Đoàn Tỳ kheo? Này Ānanda, giờ ta đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã gần hết cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối. Giờ ta đã tám mươi tuổi. Giống như một cỗ xe già cỗi còn chạy được nhờ một sự kết hợp của những dây chằng giữ (để khỏi bị bung rã),141 cũng vậy dường như thân của Như Lai còn vận hành được nhờ một sự kết hợp của những dây chằng. - "Này Ānanda, khi nào, nhờ sự không chú-tâm (không tác-ý) tới mọi dấu-hiệu (hình tướng) và nhờ sự chấm-dứt một số cảm-giác, Như Lai chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm (vô tướng định), thì trong thời đó, này Ānanda, thân của Như Lai được dễ chịu an ổn hơn.142 Vì vậy, này Ānanda, hãy sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống

với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. "Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người tha thiết tu tập."143 (SN 47:09)

10 (10) Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni Lúc đó, vào buổi sáng Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo cà sa và bình bát, thầy ấy đi đến khu ở của các Tỳ kheo ni, và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi một số Tỳ kheo ni đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy: “Thưa thầy Ānanda, ở đây có một số Tỳ kheo ni sống với tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, nhận thức (chứng ngộ) lần lượt những giai đoạn khác-biệt cao hơn.144 “Phải vậy, này các ni, phải là vậy! Điều đó có thể trông đợi từ bất cứ ai, này các ni—dù là Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni—ai sống với một cái tâm

được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, thì người đó sẽ lần lượt đạt tới những giai đoạn khác-biệt cao hơn.” Rồi thầy Ānanda đã chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo ni bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi thầy Ānanda đi khất thực trong thành Sāvatthī. Sau khi đã đi một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn mọi chuyện đã xảy ra. [Đức Thế Tôn đã nói:] “Phải vậy, này Ānanda, phải là vậy! Điều đó có thể trông đợi từ bất cứ ai—dù là Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni—ai sống với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, thì người đó sẽ lần lượt đạt tới những giai đoạn khác-biệt cao hơn.” (1) “Bốn đó là gì? Này Ānanda, ở đây một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Trong khi người đó đang quán sát thân trong thân, thì trên cơ sở thân, có khởi sinh trong người đó sự-sốt trong thân hoặc sự trì-trệ của tâm, hoặc cái tâm bị xao lãng ra bên ngoài. Vậy thì Tỳ kheo đó nên hướng tâm mình tới một ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ nào khác.145 Khi người đó hướng tâm mình tới một dấu-hiệu tạo cảm hứng, thì sự hoan-hỷ sinh ra. Khi người đó được hoan-hỷ, thì niềm khoan-khoái sinh ra. Khi tâm được nâng bổng bởi niềm khoan-khoái, thì thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người được tĩnh- lặng trong thân thì trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc thì trở nên đạt-định (định). Người đó quán chiếu như vầy: ‘Cái mục-đích, vì nó mà ta đã chuyển hướng tâm mình, giờ đã đạt được. Giờ ta rút lui khỏi nó.’146 Vì vậy người đó rút (thu) tâm lại, và không nghĩ hay soi xét. Người đó hiểu rằng: ‘Không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có chánh-niệm bên trong, ta hạnh-phúc.’147 “Lại nữa, một Tỳ kheo an trú quán sát những cảm-giác trong những- cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi

đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi người đó đang quán sát thân trong thân, thì trên cơ sở thân, có khởi sinh trong người đó sự-sốt trong thân hoặc sự trì-trệ của tâm, hoặc cái tâm bị xao lãng ra bên ngoài. Vậy thì Tỳ kheo đó nên hướng tâm mình tới một ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ nào khác. Khi người đó hướng tâm mình tới một dấu-hiệu tạo cảm hứng, thì sự hoan-hỷ sinh ra. Khi người đó được

hoan- hỷ, thì niềm khoan-khoái sinh ra … Người đó hiểu rằng: 'Không còn ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có chánh-niệm bên trong, ta hạnh-phúc.' "Này Ānanda, chính theo cách như vậy là có sự thiền tập bằng sự định-hướng.148 (2) "Và bây giờ, này Ānanda, theo cách nào thì có sự thiền tập không có sự định-hướng? (tức không bị chuyển hướng ra chủ-đề hay đối-tượng khác) (i) "Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: 'Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài'. Rồi người đó hiểu: 'Tâm trước và sau không bị thu hẹp (o ép, gò bó), được giải thoát, không bị chuyển hướng'.149 Rồi người đó hiểu thêm: 'Ta an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm; ta hạnh phúc.' (ii) "Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: 'Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài'. Rồi người đó hiểu: 'Tâm trước và sau không bị thu hẹp, được giải thoát, không bị chuyển hướng'. Rồi người đó hiểu thêm: 'Ta an trú quán sát những cảm-giác trong những- cảm giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, ta hạnh phúc.' (iii) "Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: 'Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài'. Rồi người đó hiểu: 'Tâm trước và sau không bị thu hẹp, được giải thoát, không bị chuyển hướng'. Rồi người đó hiểu thêm: 'Ta an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, ta hạnh phúc.' (iv) "Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: 'Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài'. Rồi người đó hiểu: 'Tâm

trước và sau không bị o ép, được giải thoát, không bị chuyển hướng'. Rồi người đó hiểu thêm: 'Ta an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh phúc.' "Này Ānanda, chính theo cách như vậy là có sự thiền tập không có sự định-hướng. "Như vậy, này Ānanda, ta đã chỉ dạy 'sự thiền tập bằng sự định- hướng', ta đã chỉ dạy 'sự thiền tập không có sự định-hướng'. Này Ānanda, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong. Này Ānanda, đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này Ānanda, đừng lơ tâm xao lãng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. (SN 47:10)

NHÓM 2. NHÓM 'NĀLANDĀ' (Nālanda-vagga)

11 (1) Vĩ Nhân Ở Sāvatthī. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói 'một vĩ nhân, một vĩ nhân'.150 Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là vĩ nhân?" "Này Xá-lợi-phất, với một cái tâm được giải-thoát, một người là một vĩ nhân, ta nói vậy. Không có một cái tâm được giải-thoát, một người không phải là một vĩ nhân, ta nói vậy. "Và, này Xá-lợi-phất, theo cách nào một người có một cái tâm được giải-thoát? Ở đây, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát thân trong thân, tâm trở nên chán-bỏ, và

nhờ sự không còn dính-chấp, tâm được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm. “Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, tâm trở nên chán-bỏ, và nhờ sự không còn dính-chấp, tâm được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm. “Này Xá-lợi-phất, chính theo cách như vậy là một người có tâm được giải-thoát. Với một cái tâm được giải-thoát, này Xá-lợi-phất, một người là một vĩ nhân, ta nói vậy. Không có một cái tâm được giải-thoát, một người không phải là một vĩ nhân, ta nói vậy.” (SN 47:11)

12 (2) Nālandā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của Pāvārika. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:151 “Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ.” “Này Xá-lợi-phất, lời của thầy cất lên thật cao quý, thầy đã cất tiếng gầm sư tử dõng dạc, dứt khoát,152 rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ.’ Này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ đã bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, đã xuất hiện trong quá khứ, và thầy đã biết rõ như vầy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’,153 hay chưa?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”, “Rồi, này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, sẽ xuất hiện trong tương lai, và thầy đã biết rõ như vầy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới- hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’, hay chưa?” “Dạ không, thưa Thế Tôn”, “Rồi, này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm tâm của ta—ta hiện tại là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác—và thầy đã biết rõ như vầy: ‘Ta với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’, hay chưa?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”, “Này Xá-lợi-phất, khi thầy chưa có sự-biết bằng cách bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, thì tại sao thầy có thể cất lên lời phát biểu đó và cất lên tiếng gầm sư tử một cách dõng dạc rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ’ như vậy?” “Thưa Thế Tôn, con không có sự-biết bằng cách bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn

Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, nhưng con vẫn hiểu được điều này bằng cách suy luận từ Giáo Pháp.154 Thưa Thế Tôn, ví dụ có một thành trì ở biên cương của một nhà vua, có những thành lũy và tháp canh được xây trên những nền móng kiên cố, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh, kinh nghiệm và cảnh giác, người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hở hay kẽ hở nào thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: 'Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó mà thôi.'" "Cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, con đã hiểu được điều đó bằng cách suy luận từ Giáo Pháp như vầy: Những A-la-hán, bậc Toàn Giác đã xuất hiện trong quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết đã dẹp bỏ năm chướng-ngại (ngũ triền cái), đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), họ đã tu tập 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó họ đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.155 "Và, thưa Thế Tôn, những A-la-hán, bậc Toàn Giác sẽ xuất hiện trong tương lai, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết sẽ dẹp bỏ năm

chướng-ngại, đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), họ sẽ tu tập 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó họ sẽ tỉnh thức tới một mức độ giác- ngộ hoàn thiện vô thượng. "Và, thưa Thế tôn, đức Thế Tôn, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác đang xuất hiện trong hiện tại, đức Thế Tôn cũng trước hết đã dẹp bỏ năm chướng-ngại, đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm mình được thiết-lập vững chắc trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), đức Thế Tôn đã tu tập 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó đức Thế Tôn đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng. "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Vậy là, này Xá-lợi-phất, thầy nên lặp lại lời thuyết giảng Giáo Pháp này một cách đều đặn cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, cho những người đệ tử tại gia nam và nữ. Ngay cả những người ngu si có thể có sự nghi ngờ hay không chắc chắn về Như Lai, khi họ nghe lời thuyết giảng này, sự nghi ngờ hay sự không chắc chắn đối với Như Lai sẽ được dẹp bỏ."156 (SN 47:12)

13 (3) Ngài Cunda Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.157 Bấy giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi- phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha), trong làng Nālaka (Nālakagāma)—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết—và sa-di Cun- da là người hầu cận của thầy ấy. Rồi do cơn bạo bệnh đó, thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn.158 Sa-di Cunda đã mang bình bát và cà sa của thầy Xá-lợi-phất đi đến Sāvatthī (Xá-vệ), đến Khu Vườn Jeta, chỗ Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi thầy ấy gặp Ngài Ānanda, kính lễ, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānan-

da: “Thưa thầy, thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn. Đây là bình bát và cà-sa của thầy ấy.” “Này đạo hữu Cunda, về tin tức này chúng ta nên đến gặp đức Thế Tôn. Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy cùng đến chỗ đức Thế Tôn và báo lại sự việc này cho đức Thế Tôn.” “Được, thưa thầy”, sa-di Cunda đáp lại. Rồi thầy Ānanda và sa-di Cunda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ‘sa-di Cunda’ này mới nói thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn, và đây là bình bát và cà-sa của thầy ấy. Thưa Thế Tôn, từ lúc con nghe thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn, thân con như bị dính thuốc, con bị mất phương hướng, các thứ không còn rõ ràng đối với con.” 159 - “Tại sao vậy, này Ānanda, khi thầy Xá-lợi-phất bát niết-bàn thầy ấy có lấy đi ‘mớ [đống, uẩn] giới-hạnh’ nào của thầy, hay ‘mớ thiền-định’ nào của thầy, hay ‘mớ trí-tuệ’ nào của thầy, hay ‘mớ giải-thoát’ nào của thầy, hay ‘mớ trí-biết và tầm-nhìn’160 nào của thầy, hay không?” “Không, không có vậy, thưa Thế Tôn. Nhưng đối với con thầy Xá-lợi- phất là người cố vấn và người chỉ giáo, người đã chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ con.161 Thầy ấy đã không biết mệt mỏi trong việc chỉ dạy Giáo Pháp; thầy ấy giúp ích cho các huynh đệ trong đời sống tâm linh. Chúng con tưởng nhớ dưỡng chất Giáo Pháp, tài sản Giáo Pháp, sự giúp ích của Giáo Pháp đã được thầy Xá-lợi-phất ban cho.” - “Nhưng, này Ānanda, bộ ta đã chưa từng nói rằng chúng ta đều sẽ bị chia cách, bị xa lìa, và bị cắt đứt với tất cả mọi người thân thuộc và mọi thứ mình yêu thích, hay sao? Này Ānanda, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện (hữu vi) và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. Giống như một nhánh lớn nhất đã rụng khỏi của một cây lớn đang đứng có được gỗ

lõi: cũng giống như vậy, này Ānanda, trong Tăng Đoàn lớn đang đứng có được cốt-lõi, thầy Xá-lợi-phất đã (lìa đi) bát niết-bàn. Này Ānanda, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện, và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. “Do vậy, này Ānanda, hãy sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình … [tiếp tục như đoạn cuối kinh 47:09 ở trên] … sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người tha thiết tu tập.” (SN 47:13)

14 (4) Ở Ukkacelā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ) ở Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo, không lâu sau khi Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên đã bát niết-bàn.162 Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi ở ngoài trời, xung quanh là các Tỳ kheo. Rồi đức Thế Tôn, sau khi quan sát sự im

lặng của đoàn Tỳ kheo, đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, đối với ta hội chúng này giờ như trống-không khi

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã bát niết-bàn. Khi Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên còn sống, hội chúng này không bao giờ là trống-không đối với ta,163 và ta cũng không cần quan tâm cho dù Xá-lợi-phất hay Mục-kiền- liên đang an trú ở phương nào. “Những bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong quá khứ cũng có cặp đệ tử kiệt xuất như ta có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Những bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong tương lai cũng có cặp đệ tử kiệt xuất như ta có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. “Này các Tỳ kheo, thật tuyệt vời về phần của các đệ tử, thật kỳ diệu về phần các đệ tử, rằng họ sẽ làm đúng theo những sự chỉ dạy của Người Thầy và tuân thủ theo những lời khuyên bảo của Người Thầy, rằng họ sẽ được thân mến và hài lòng bởi bốn hội chúng, rằng họ sẽ được tôn trọng và kính trọng bởi bốn hội chúng. (tăng, ni, tại gia nam, tại gia nữ).164 Này các Tỳ kheo, thật tuyệt vời về phần của Như Lai, thật kỳ diệu về phần của Như Lai, rằng sau khi cặp đệ tử đó đã bát niết-bàn, không có sự buồn sầu hay ai oán trong Như Lai. “Này các Tỳ kheo, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện (hữu vi) và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. Giống như một nhánh lớn nhất đã rụng khỏi của một cây lớn đang đứng có được gỗ lõi: cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong Tăng Đoàn lớn đang đứng có được cốt-lõi, thầy Xá-lợi-phất đã (lìa đi) bát niết-bàn. Này các Tỳ kheo, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện, và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. “Do vậy, này các Tỳ kheo, hãy sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình … [tiếp tục như đoạn cuối kinh 47:09 ở trên] … sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và

sự buồn-phiền đối với thế giới. “Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người tha thiết tu tập.” (SN 47:14)

15 (5) Ngài Bāhiya Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Được rồi, này Bāhiya, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành.165 Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Giới-hạnh phải được thanh

lọc tốt và cách-nhìn phải được chánh trực. Rồi, này Bāhiya, sau khi phần giới-hạnh của thầy được thanh lọc tốt và cách-nhìn của thầy được chánh trực, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập 'bốn nền tảng chánh-niệm' theo cách ba-phần. - "Bốn đó là gì? Ở đây, này Bāhiya, hãy an trú quán sát thân trong thân ở (i) bên-trong, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở (ii) bên-ngoài, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở (iii) bên-trong và

bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. - "Hãy an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát tâm trong tâm ... ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] là những giáo pháp ... ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. - "Này Bāhiya, khi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy tu tập 'bốn nền tảng chánh-niệm' theo cách ba-phần (bên-trong, bên- ngoài, và bên-trong và bên ngoài) như vậy, thì, dù là ngày hay đêm, có thể trông đợi sự gia tăng những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự gia giảm." Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra. Rồi, sau khi sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, vị Tỳ kheo đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn rời khỏi đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 47:15)

16 (6) Ngài Uttiya Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Uttiya đến gặp đức Thế Tôn ... [tiếp tục giống kinh kế trên cho đến:] ... sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. - "Này Uttiya, khi thầy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giớihạnh, tu tập 'bốn nền tảng chánh-niệm' theo cách như vậy, thì thầy sẽ vượt lên khỏi cõi Chết." Rồi thầy Uttiya, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ... [tiếp tục đoạn cuối giống kinh kế trên] ... Và thầy Uttiya đã trở thành một trong những A-la-hán. (SN 47:16)

17 (7) Thánh Thiện “Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh-thiện và mang tính giải-thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm- giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh-thiện và mang tính giải-thoát; chúng dẫn người tu tập chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ.” (SN 47:17)

18 (8) Vị Trời Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chăn Dê, ngay sau khi giác-ngộ toàn thiện. Rồi, khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vầy: “Đây là con-đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để chấm dứt sự khổ và ưu phiền, để thành tựu một phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới.” Lúc đó vị Trời [Brahmā] Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn.166 Vị trời chỉnh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, đây là con-đường một-chiều để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh … [tiếp tục lời như đoạn trên] … đó là, ‘bốn nền tảng chánh- niệm’.” Đây là lời vị Trời Sahampati đã nói. Sau khi nói xong điều đó, vị Trời nói thêm như vầy: “Bậc nhìn thấy sự tiêu diệt sự-sinh,

Đầy bi-mẫn, biết rõ con-đường một-chiều,
Theo đó, trong quá khứ những người đi đã vượt qua cơn lũ,
Theo đó, trong tương lai những người đi sẽ vượt qua cơn lũ.”
(SN 47:18)

19 (9) Ở Làng Sedaka Trong một lần đức Thế Tôn sống giữa xứ dân Sumbha, ở một thị trấn của họ tên là Sedaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, trước kia có một người thợ xiếc nhào lộn dựng cây tre và nói với người học

nghề (thợ phụ) của ông tên là Medakathālikā như vầy:167 ‘Này con Medakathālikā, hãy trèo lên cây tre và đứng trên vai ta’. Người học nghề đáp lại ‘Dạ, thưa thầy’, và leo lên cây tre và đứng trên hai vai thầy. Rồi người thợ xiếc nói với Medakathālikā: ‘Này Medakathālikā, con canh chừng [phòng hộ, bảo vệ] cho ta và ta sẽ canh chừng cho con. Như vậy đó, mỗi người được canh chừng bởi người kia, được phòng hộ bởi người kia, chúng ta sẽ biểu diễn các kỹ năng, thu tiền, và leo xuống một cách an toàn’. Khi điều này được nói ra, cô gái học nghề Meda- kathālikā mới trả lời: ‘Thưa thầy, đó không phải là cách đúng. Thầy canh chừng cho thầy, và con sẽ canh phòng cho con. Như vậy, mỗi người được tự mình canh chừng và tự mình phòng hộ, chúng ta sẽ biểu diễn các kỹ năng, thu tiền, và leo xuống khỏi cây tre an toàn’.168 “Đó mới đúng là phương pháp”, đức Thế Tôn nói. “Đúng như lời của cô gái học nghề nói với người thầy. ‘Ta sẽ phòng hộ chính mình’, này các Tỳ kheo: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. ‘Ta sẽ phòng hộ người khác’: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. Này các Tỳ kheo, phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác? Bằng cách theo đuổi, tu tập và tu dưỡng [‘bốn nền tảng chánh-niệm’]. Chính theo cách như vậy thì phòng hộ chính mình là

phòng hộ người.169 “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình? Bằng sự nhẫn-nhịn, sự vô-hại, tâm từ-ái, và tâm bi- mẫn tha thương. Chính theo cách như vậy thì phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.170 “Này các Tỳ kheo, ‘Ta sẽ phòng hộ chính mình’: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. Này các Tỳ kheo, ‘Ta sẽ phòng hộ người khác’: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. Này các Tỳ kheo, phòng hộ chính là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.” (SN 47:19)

20 (10) Hoa Hậu Của Vùng Đất Trong một lần đức Thế Tôn sống giữa xứ dân Sumbha, ở đó có một thị trấn của họ tên là Sedaka. Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo!”. “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, ví dụ khi nghe có ‘Hoa hậu của vùng đất! Hoa hậu của vùng đất!’ thì đám đông thường tụ tập đến. Giờ cô gái hoa hậu đó múa tuyệt đẹp và ca hát tuyệt đẹp. Khi nghe có ‘Hoa hậu của vùng đất đang múa! Hoa hậu của vùng đất đang hát!’ thì đám đông tụ tập đến càng lớn hơn.171 Rồi có một người đến, đang muốn sống, không muốn chết, thích sướng, ghét khổ. Có người nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, anh phải mang cái chén đổ đầy dầu này đi chen qua giữa đám đông và cô hoa hậu đang múa. Có một người đi sát sau lưng anh với kiếm đã rút ra sẵn, nếu anh làm đổ một giọt dầu nào thì người đó sẽ chém đầu anh ngay.’ “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, người đó có dám lơ tâm khỏi chén dầu và để tâm trí xao lãng ra ngoài (đám đông và hoa hậu) hay

không?” “Không, thưa Thế Tôn.” “Này các Tỳ kheo, ta làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: ‘Chén đổ đầy dầu’: đây là một cách chỉ ‘sự chánh-niệm hướng

vào thân’. Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’, làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), làm nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành chính mình trong đó, và hoàn thiện nó tròn vẹn.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.” 172 (SN 47:20)

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 199

NHÓM 3. NHÓM ‘GIỚI HẠNH & TỒN TẠI’ (Sīlaṭṭhiti-vagga)

21 (1) Giới Hạnh Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Bhadda đang sống ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị), trong Tịnh xá Con Gà. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Bhadda ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú), đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Bhadda ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:173 - “Này đạo hữu Ānanda, đối với những giới-hạnh thiện lành được nói ra bởi đức Thế Tôn, cái gì là mục-đích khi chúng được nói ra bởi đức Thế Tôn?” “Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự khéo nhạy của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, đối với những giới- hạnh thiện lành được nói ra bởi đức Thế Tôn, cái gì là mục-đích khi chúng được nói ra bởi đức Thế Tôn?’” - “Dạ, đạo hữu.” “Những giới-hạnh thiện lành đó được nói ra bởi đức Thế Tôn là vì mục-đích để tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những- cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Những giới-hạnh thiện lành đó được nói ra bởi đức Thế Tôn là vì mục-đích để tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

200 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

(SN 47:21)

22 (2) Tồn Tại Lâu Tình huống như kinh kế trên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Bhadda đã nói với thầy Ānanda: - “Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp) không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn?” “Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông mình của thầy là xuất sắc, sự khéo nhạy của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn?’” - “Dạ, đạo hữu.” “Này đạo hữu, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những

hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-

bàn.” (SN 47:22)

23 (3) Sự Sa Sút [Giống kinh kế trên, cho đến:]

- “Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do gây ra sự sa sút của Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp)? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm nên sự không sa sút của Giáo Pháp đích thực?” … [tiếp tục tương tự kinh kế trên] …

“Này đạo hữu, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực bị sa sút. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực không bị sa sút.” (SN 47:23)

24 (4) Bản Kinh Ngắn Gọn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.” (SN 47:24)

25 (5) Một Bà-la-môn Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp) không tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát- niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn?” “Này bà-la-môn, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này bà-la-môn, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không

được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do 'bốn nền tảng chánh-niệm' được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết- bàn." Sau khi điều này được nói ra, Bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: 'Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm nhi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 47:25)

26 (6) Một Phần Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên và Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāketa, trong Khu Rừng Bụi Gai. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú), đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hai thầy ấy ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: "Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thường nghe nói 'Một học nhân, một học nhân'. Này đạo hữu, theo cách nào một người là một học nhân?" (= bậc thánh dưới A-la-hán) "Này đạo hữu, chính do một người có tu tập một phần 'bốn nền tảng chánh-niệm' nên người đó (được gọi) là một học-nhân. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Chính do một người tu tập một phần 'bốn nền tảng chánh-niệm' nên người đó là một học-nhân." (SN 47:26)

27 (7) Hoàn Thành Tình huống như kinh kế trên. Sau khi hai thầy ấy ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: "Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thường nghe nói 'Một bậc vô-học nhân, một bậc vô-học nhân'. Theo cách nào một người là một bậc vô-học nhân?" (= A-la-hán) "Này đạo hữu, chính do một người đã tu tập hoàn thành 'bốn nền tảng

chánh-niệm' nên người đó (được gọi) là một bậc vô-học nhân. Bốn đó là gì? ... [như kinh kế trên] ... Chính do một người đã tu tập hoàn thành 'bốn nền tảng chánh-niệm' nên người đó là một bậc vô-học nhân." (SN 47:27)

28 (8) Thế Giới Tình huống như kinh kế trên. Sau khi hai thầy ấy ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: "Nhờ đã tu tập và tu dưỡng những điều gì mà thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?" "Này đạo hữu, do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh- niệm' nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... những giáo pháp [những hiện- tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này đạo hữu, do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' này nên tôi trực-biết hệ một ngàn thế giới."174 (SN 47:28)

29 (9) Gia Chủ Sirivaḍḍha Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có gia chủ tên Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Sirivaḍḍha đã nói với một người như vầy: “Này, người tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa thầy, gia chủ Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; ông ấy xin cuối đầu dưới chân thầy

để kính lễ.’ Rồi thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda đến gia cư để thăm gia chủ Sirivaḍḍha, vì lòng bi-mẫn.’” “Dạ được, thưa ông chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng. Rồi, vào buổi sáng, thầy Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Sirivaḍḍha. Rồi thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với gia chủ Sirivaḍḍha: “Này gia chủ, tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.” “Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.” “Này gia chủ, vậy chú nên tu tập bản thân như vầy: ‘Ta sẽ an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Ta sẽ an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.’ Ông nên tu tập bản thân theo cách như vậy.” “Thưa thầy, đối với ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn—những điều (sự thiền quán) đó có mặt ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Thưa thầy, con an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Và đối với năm gông-cùm thấp hơn đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy

còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.” “Này gia chủ, đó là sự đạt-được (lợi ích, chứng đắc) của chú! Này gia chủ, nó đã khéo đạt-được bởi chú! Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.” (SN 47:29)

30 (10) Gia Chủ Mānadinna Tình huống như kinh kế trên. Bấy giờ, lúc đó có gia chủ tên Mānadinna đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Mānadinna đã nói với một người như vầy: “Này, người tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda … [tiếp tục như kinh kế trên, cho đến:]

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ. Nhưng, thưa thầy, khi con đang bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn như vậy, con an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Và đối với năm gông-cùm thấp hơn đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.” “Này gia chủ, đó là sự đạt-được (lợi ích, chứng đắc) của chú! Này gia chủ, đó đã khéo đạt-được bởi chú! Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.” (SN 47:30)

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 207

NHÓM 4. NHÓM ‘CHƯA TỪNG NGHE’ (Ananussuta-vagga)

31 (1) Chưa Từng Nghe Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, (i) ‘Đây là sự quán sát thân trong thân’—này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh- sáng.175 “‘Này các Tỳ kheo, ‘sự quán sát thân trong thân đó cần được tu tập’ … ‘Sự quán sát thân trong thân đó đã được tu tập’—này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. “‘Này các Tỳ kheo, (ii) ‘Đây là sự quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác’ … (iii) ‘Đây là sự quán sát tâm trong tâm’ … (iv) ‘Đây là sự quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] là những giáo pháp’—này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. “‘Này các Tỳ kheo, ‘sự quán sát những giáo pháp đó cần được tu tập’ … ‘sự quán sát những giáo pháp đó đã được tu tập’—này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. (SN 47:31)

32 (2) Sự Chán Bỏ … “Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và

208 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn- phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.” (SN 47:32)

33 (3) Bỏ Quên “Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ quên (bỏ lơ, lơ là, không tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này là (coi như) đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự

hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) 'bốn nền tảng chánh-niệm' này là đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. "Bốn đó là gì? … [như kinh 32 kế trên] … Những ai đã bỏ quên 'bốn nền tảng chánh-niệm' là đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận 'bốn nền tảng chánh-niệm' này là đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ." (SN 47:33)

34 (4) Sự Tu Tập "Này các Tỳ kheo, 'bốn nền tảng chánh-niệm' này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn (người tu) vượt khỏi bờ bên này (thử ngạn) đến bờ bên kia (đáo bỉ ngạn). Bốn đó là gì? … [như kinh 32 ở trên] … 'bốn nền tảng

chánh-niệm' này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn vượt khỏi bờ bên này đến bờ bên kia." (SN 47:34)

35 (5) Có Chánh Niệm Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác). Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo là có chánh- niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thường rõ-biết? Ở đây, này các Tỳ kheo, đối với một Tỳ kheo những cảm-giác (thọ) được hiểu khi chúng khởi sinh (sinh), được hiểu khi chúng có mặt (trụ), được hiểu khi chúng phai biến (diệt). Những ý-nghĩ (hành) được hiểu khi chúng khởi sinh, được hiểu khi chúng có mặt, được hiểu khi chúng phai biến. Những nhận-thức (tưởng) được hiểu khi chúng khởi sinh, được hiểu khi chúng có mặt, được hiểu khi chúng phai biến. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo rõ-biết.176 "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy." (SN 47:35)

36 (6) Trí Biết Cuối Cùng

"Này các Tỳ kheo, có 'bốn nền tảng chánh-niệm' này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. "Này các Tỳ kheo, khi 'bốn nền tảng chánh-niệm' này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (tức A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp (thủ) thì thánh quả Bất-lai." (SN 47:36)

37 (7) Tham Muốn “Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát thân trong thân như vậy, thì mọi tham-muốn người đó có đối với thân đều bị dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ tham-muốn, thì sự Bất-tử được chứng ngộ. “Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp như vậy, thì mọi tham-muốn người đó có đối với những hiện-tượng đều bị dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ tham-muốn, thì sự Bất-tử được chứng ngộ.” (SN 47:37)

38 (8) Hoàn Toàn Hiểu “Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát thân trong thân như vậy, thì thân được hoàn-toàn hiểu. Bởi vì thân đã được hoàn-toàn hiểu, nên sự Bất-tử được chứng ngộ. “Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] là những giáo pháp như vậy, thì những giáo pháp được hoàn-toàn hiểu. Bởi những giáo pháp đã được hoàn-toàn hiểu, nên sự Bất-tử được chứng ngộ.” (SN 47:38)

39 (9) Sự Tu Tập “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Hãy lắng nghe điều đó … “Này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, đây là sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.” (SN 47:39)

40 (10) Phân Tích “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy ‘sự thiết lập chánh-niệm’,177 và sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’, và con-đường dẫn tới sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’. Hãy lắng nghe điều đó … (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘sự thiết lập chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp]

trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là 'sự thiết lập chánh-niệm'. (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập 'sự thiết lập chánh- niệm'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát bản chất khởi-sinh (sinh) trong thân; người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt (diệt) trong thân; người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh và biến-diệt (sinh và diệt) trong thân—nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.178 Người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong những cảm-giác … Người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong tâm … Người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp]; người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những giáo pháp; người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những giáo pháp; người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những hiện- tượng—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là sự tu tập 'sự thiết lập chánh-niệm'. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự tu tập 'sự thiết lập chánh-niệm'? Đó chính là con-đường Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự tu tập 'sự thiết lập chánh-niệm'."

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 213

(SN 47:40)

214 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 5. NHÓM 'BẤT TỬ' (Amata-vagga)

41 (1) Sự Bất Tử Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, hãy an trú với cái tâm được khéo (giỏi, tốt) thiết lập trong 'bốn nền tảng chánh-niệm'. Đừng để mất sự Bất-tử cho các thầy.179 "Trong bốn gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, hãy an trú với cái tâm được khéo thiết lập trong 'bốn nền tảng chánh-niệm' này. Đừng để mất sự Bất-tử cho các thầy." (SN 47:41)

42 (2) Sự Khởi Sinh "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự khởi-sinh và sự biến-diệt của 'bốn nền tảng chánh-niệm' (= bốn đối-tượng để chánh-niệm).180 Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh của thân? Khi có sự khởi sinh của dưỡng-chất thì có sự khởi sinh của thân. Khi chấm dứt dưỡng- chất thì thân biến diệt. "Khi có sự khởi sinh sự tiếp-xúc (xúc) thì có sự khởi sinh cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì cảm-giác biến diệt. "Khi có sự khởi sinh phần danh-sắc (tâm-thân) thì có sự khởi sinh của

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 215

tâm. Khi chấm dứt phần danh-sắc thì tâm biến diệt.181 "Khi có sự khởi sinh sự chú-tâm (tác ý) thì có sự khởi sinh những hiện-tượng (các pháp). Khi chấm dứt sự chú-tâm thì

những hiện-tượng biến diệt.”182 (SN 47:42)

43 (3) Con Đường Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:183 Trong một lần ta đang ở Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên- thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chăn Dê ngay sau khi ta giác-ngộ toàn thiện. Rồi, khi ta đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm ta như vầy: “Đây là con đường một- chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để chấm dứt sự khổ và ưu phiền, để thành tựu một phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới.” Rồi vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của ta, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt ta. Vị trời chỉnh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ, và thưa với ta: “Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn,! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành!

Thưa Thế Tôn, đây là con đường một-chiều để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh … [tiếp tục lời như đoạn trên] … đó là, ‘bốn nền tảng chánhniệm’.” Đây là lời vị Trời Sahampati đã nói. Sau khi nói xong điều đó, vị Trời nói thêm như vầy: “Bậc nhìn thấy sự tiêu diệt sự-sinh, Đầy bi-mẫn, biết rõ con đường một-chiều, Theo đó, trong quá khứ những người đi đã vượt qua cơn lũ, Theo đó, trong tương lai những người đi sẽ vượt qua cơn lũ.” (SN 47:43)

44 (4) Có Chánh Niệm “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.” (SN 47:44)

45 (5) Một Đống Thiện Lành “Này các Tỳ kheo, nếu ai có nói ‘một đống thiện’ mà chỉ ‘bốn nền

tảng chánh-niệm’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đống toàn thiện, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ

kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các Tỳ kheo, nếu ai có nói ‘một đống thiện’ mà chỉ ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đống toàn thiện, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.” (SN 47:45)

46 (6) Sự Kiềm Chế Của Pātimokkha Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, hãy thanh lọc ngay điểm khởi- đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Ở đây, này Tỳ kheo, hãy sống được kiềm chế bởi sự kiềm-chế của Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo, Giới Luật Tăng Đoàn], được đi kèm bởi hành-vi thiện và nơi nương-tựa đúng đắn [phù hợp], nhìn thấy sự nguy-hại trong những tội lỗi nhỏ nhặt. Sau khi thụ lãnh (nhận lấy, chấp nhận) những giới luật tu hành, thầy hãy nên tu tập bản thân trong những giới luật đó. Này Tỳ kheo, khi thầy sống được kiềm chế bởi sự kiềm-chế của Pātimokkha … nhìn thấy sự nguy-hại trong những tội lỗi nhỏ nhặt, rồi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu

tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. “Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này Tỳ kheo, khi thầy đã, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách như vậy, thì dù là ngày hay đêm, thầy có thể trông đợi chỉ có sự tăng trưởng trong những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự sa sút.” Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi … Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán. (SN 47:46)

47 (7) Hành Vi Sai Trái Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, hãy thanh lọc ngay điểm khởi- đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Ở đây, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi thân sai trái, thầy nên tu tập hành-vi thân thiện lành. Sau khi đã dẹp bỏ hành-vi lời-nói sai trái, thầy nên tu tập hành-vi lời-nói thiện lành. Sau khi đã dẹp bỏ hành-vi tâm sai trái, thầy nên tu tập hành-vi tâm thiện lành. Này Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi thân sai trái … lời-nói sai trái … tâm sai trái, thầy đã tu

tập hành-vi thân thiện lành … lời-nói thiện lành … tâm thiện lành, thì, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. “Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này Tỳ kheo, khi thầy đã, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách như vậy, thì dù là ngày hay đêm, thầy có thể trông đợi chỉ có sự tăng trưởng trong những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự sa sút.” Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi … Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán. (SN 47:47)

48 (8) Những Bạn Hữu … “Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý (lắng nghe)—dù họ là bạn hữu hay đồng sự, người thân hay họ hàng—những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. “Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn

với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý … những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.” (SN 47:48)

49 (9) Những Cảm Giác “Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác trung tính (không khổ không sướng). Đây là ba loại cảm-giác. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này. “Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này.” (SN 47:49)

50 (10) Những Ô Nhiễm “Này các Tỳ kheo, có ba loại ô-nhiễm này. Ba đó là gì? Ô nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), ô nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), ô nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Đây là ba loại ô-nhiễm. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại ô-nhiễm này. “Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có

chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 221

giới. “Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại ô-nhiễm này.” (SN 47:49)

222 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 6.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(Gaṅgā-peyyāla-vagga)

51 (1) 62 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” [Các kinh còn lại của NHÓM này đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh 45:92102.]

(SN 47:5162)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 223

NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

63 (1) 72 (10) Như Lai … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân (sắc) hay không có sắc-thân(vô sắc), có nhận-thức (tưởng) hay không có nhận-thức (phi tưởng), hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng) … [Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:6372)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,

Cùng với Vải là thứ mười.
224 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

73 (1) 84 (12) Khó Nhọc … 184 [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:7384)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.
Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 225

NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

85 (1) 94 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:8594)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cằn cỗi, Những sự ố nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.185
226 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 10. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

95 (1) 103 (10) Những Dòng Lũ … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:95103)

104 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ này (tứ niệm xứ) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.
“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự

thèm-muốn (tham) và sự buồn- phiền (ưu) đối với thế giới. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 47:103)

Chương 47 Liên kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM • 227

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
Những bài kinh trong Chương 47 được lặp lại theo cách tương tự như những kinh trong Chương 45, chỉ khác là diễn đạt bằng ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ thay vì ‘Bát Thánh Đạo’. 186

228 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 48.

Liên Kết CÁC CĂN (48 Indriya-saṃyutta) (48 Tương ưng Căn)

230 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 231

NHÓM 1. NHÓM ‘BẢN KINH NGẮN GỌN’ (Suddhika-vagga)

1 (1) Bản Kinh Ngắn Gọn Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ; (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn) 187 (SN 48:01)

2 (2) Bậc Nhập Lưu (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.” “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.” 188 (SN 48:02)

3 (3) Bậc Nhập Lưu (2) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được nguồn- gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với

232 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

[trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác- ngộ là đích đến của mình.” (SN 48:03)

4 (4) Bậc A-la-hán (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá-sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.” 189 (SN 48:04)

5 (5) Bậc A-la-hán (2) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán … đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:05)

6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn hạnh) hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh). “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục- tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 48:06)

7 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn niềm-tin, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó;190 người không hiểu căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục- tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những

bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục- tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn." (SN 48:07)

8 (8) Được Nhìn Thấy "Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. (1) "Và, này các Tỳ kheo, căn niềm-tin được nhìn thấy ở đâu? Căn niềm-tin được nhìn thấy ở đây trong bốn yếu-tố Nhập-lưu (tứ chi dự- lưu)191 (2) "Và, này các Tỳ kheo, căn nỗ-lực được nhìn thấy ở đâu? Căn nỗ- lực được nhìn thấy ở đây trong sự KK tu đúng đắn (tứ chánh cần).192 (3) "Và, này các Tỳ kheo, căn chánh-niệm được nhìn thấy ở đâu? Căn chánh-niệm được nhìn thấy ở đây trong bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). (4) "Và, này các Tỳ kheo, căn chánh-định được nhìn thấy ở đâu? Căn chánh-định được nhìn thấy ở đây trong bốn tầng thiền định (tứ thiền sắc giới; jhāna). (5) "Và, này các Tỳ kheo, căn trí-tuệ được nhìn thấy ở đâu? Căn trí- tuệ được nhìn thấy ở đây trong Bốn Diệu Đế (tứ diệu đế). "Này các Tỳ kheo, đây là năm căn." (SN 48:08)

9 (9) Phân Tích (1)

"Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn đó là bậc A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí- biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành (thiện thệ), bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.' (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực (tấn căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện sống với sự nỗ-lực được phát khởi để dẫn tới sự trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và sự thu-nạp (tích thêm) những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự KK tu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. Đây được gọi là căn nỗ-lực. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm (niệm căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự xét-biết (tuệ biết) cao nhất; là người nhớ được và nhớ lại những điều đã làm và đã nói từ lâu. Đây được gọi là căn chánh- niệm.193 (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-định (định căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-định, đạt được sự nhất- điểm của tâm, sau khi đã lấy 'sự buông bỏ giải thoát' làm đối-tượng (của thiền định).194 Đây được gọi là căn chánh-định. (5) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ (tuệ căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có được trí-tuệ chú hướng tới (nhìn thấy) sự khởi-sinh và biến-qua, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.195 Đây được gọi là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”196 (SN 48:09)

10 (10) Phân Tích (2) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.’ (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực (tấn căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện sống với sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi để dẫn tới sự trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và sự thu-nạp những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự KK tu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. (i) Người đó khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, tăng cường, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây được gọi là căn nỗ-lực. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự xét-biết (tuệ biết) cao nhất (tối thượng), người nhớ được và hồi nhớ những điều đã làm và đã nói từ lâu. Người đó an trú quán sát thân

trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp], nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Đây được gọi là căn chánh-niệm. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-định? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-định, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi đã lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng (của thiền-định). (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách- ly đó. (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh- phúc (tâm lạc).’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay

khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có-được trí-tuệ chú

hướng tới sự khởi-sinh và sự biến-qua, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’ đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’ đúng như nó thực là. Đây được gọi là căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.” (SN 48:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘YẾU HƠN’ (Mudutara-vagga)

11 (1) Đạt Được “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là người có lòng tin, là người đặt niềm- tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc A-la- hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là căn niềm-tin. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực (tấn)? Sự nỗ-lực (tinh tấn) người tu đạt được trên cơ-sở là197 sự KK tu đúng đắn (tứ chánh cần). Đây được gọi là sự căn nỗ-lực. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm (niệm)? Sự chánh- niệm người tu đạt được trên cơ-sở là bốn nền tảng chánh-niệm. Đây được gọi là căn chánh-niệm. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-định (định)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng (của thiền định). Đây được gọi là sự căn chánh-định. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có-được trí-tuệ chú hướng tới sự khởi-sinh và sự phai-biến, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.” (SN 48:11)

12 (2) Ngắn Gọn (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí); nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).”198 (SN 48:12)

13 (3) Ngắn Gọn (2) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc Bất-lai … Nhất-lai … Nhập- lưu … người tu theo Giáo Pháp (người căn trí) … người tu theo niềm-tin (người căn tín). “Như vậy, này các Tỳ kheo, do có sự khác-biệt về các căn nên có sự khác-biệt về các đạo quả; do có sự khác-biệt về các đạo quả199 nên có sự khác biệt giữa những người tu.” (SN 48:13)

14 (4) Ngắn Gọn (3) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán.

Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc Bất-lai … Nhất-lai … Nhập- lưu … người tu theo Giáo Pháp (người căn trí) … người tu theo niềm-tin (người căn tín). “Như vậy, này các Tỳ kheo, ai kích hoạt (tu tập) chúng một cách toàn vẹn sẽ thành công một cách toàn vẹn; ai kích hoạt chúng từng phần sẽ thành công từng phần. Này các Tỳ kheo, năm căn này không bị cằn cỗi, ta nói vậy.”200 (SN 48:14)

15 (5) Chi Tiết (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la- hán. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết- bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp); (iii) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống; (iv) nếu còn yếu hơn nữa, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm; (v) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm; (vi) nếu còn yếu hơn nữa, là người đang hướng thượng lưu, hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trọng-sạch; cõi thứ năm là Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó (Tịnh cư thiên) dành cho những thánh Bất-lai); (vii) nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhất-lai; (viii) nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhập-lưu; (ix) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí); (x) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).”201 (SN 48:15)

16 (6) Chi Tiết (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la- hán. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết- bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp)… [tiếp tục như kinh 48:15 kế trên] … (x) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có sự khác-biệt về các căn nên có sự khác-biệt về các đạo quả; do có sự khác-biệt về các đạo quả nên có sự khác biệt giữa những người tu.” (SN 48:16)

17 (7) Chi Tiết (3) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la- hán. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết- bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp) … [tiếp tục như kinh 48:15 kế trên] … (x) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ai kích hoạt (tu tập) chúng một cách toàn vẹn sẽ thành công một cách toàn vẹn; ai kích hoạt chúng từng phần sẽ thành công từng phần. Này các Tỳ kheo, năm căn này không bị cằn cỗi, ta nói vậy.” (SN 48:17)

18 (8) Đang Thực Hành “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả A-la-hán; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói rằng những ai trong mình hoàn toàn và tất thảy trống-vắng năm căn này, thì đó là ‘người ngoài cuộc, người đứng trong thành phần phàm phu tục chúng.’” 202 (SN 48:18)

19 (9) Được Trang Bị Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người được trang bị các căn, người được trang bị các căn’.203 Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị các căn?” “Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin, điều đó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ, điều đó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. “Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người được trang bị các căn.” (SN 48:19)

20 (10) Tiêu Diệt Ô-Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm căn này nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ nó (sự giải-thoát) bằng trí-biết trực tiếp.” (SN 48:20)

NHÓM 3. NHÓM ‘SÁU CĂN’ (Chaḷindriya-vagga)

21 (1) Sự Tái Hiện Hữu 204 “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự khởi- sinh và biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, ta đã tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này … có những thiên thần và loài người. “Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’” (SN 48:21)

22 (2) Căn Mạng Sống “Này các Tỳ kheo, có ba căn này? Ba đó là gì? Căn nữ, căn nam, và căn sinh mạng. Đây là ba căn.” 205 (SN 48:22)

23 (3) Căn Trí Biết Cuối Cùng

“Này các Tỳ kheo, có ba căn này? Ba đó là gì? Căn ‘Ta sẽ biết điều hiện-chưa-biết (chưa và sẽ giác ngộ)’; căn của trí-biết cuối cùng (trí giác ngộ); căn của người được phú với trí-biết cuối cùng (người giác ngộ). Đây là ba căn.” 206 (SN 48:23)

24 (4) Người Gieo Giống Một Lần … “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la- hán. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết- bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp); (iii) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh); (iv) nếu còn yếu hơn nữa, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm; (v) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố- gắng thêm; (vi) nếu còn yếu hơn nữa, là người đang hướng thượng lưu, hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trọng-sạch; cõi thứ năm là Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó (Tịnh cư thiên) dành cho những thánh Bất-lai); (vii) nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhất-lai; (viii) nếu còn yếu hơn nữa, là một người gieo hạt giống một-lần; (ix) nếu còn yếu hơn nữa, là người họ tộc này thành họ tộc khác; (x) nếu còn yếu hơn nữa, là người còn tái sinh tối đa là bảy kiếp; (xi) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí); (xii) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín)”207 (SN 48:24)

25 (5) Bản Kinh Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn

mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Đây là sáu căn.” 208 (SN 48:25)

26 (6) Bậc Nhập-Lưu “Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt … căn tâm. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện là bậc thánh Nhập-lưu, là người đang hướng thượng lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.” (SN 48:26)

27 (7) Bậc A-la-hán “Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt … căn tâm. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt),209 thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.” (SN 48:27)

28 (8) Phật “Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt … căn tâm.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự khởi- sinh và biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, ta đã tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này … có những thiên thần và loài người. “Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’” (SN 48:28)

29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) “Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt … căn tâm.” “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục- tiêu của đời sống bà-la-môn. “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:29)

30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn mắt, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; họ không hiểu căn tai … căn tâm, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn. “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục- tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 48:30)

250 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 4. NHÓM ‘CĂN SƯỚNG’ (Sukhindriya-vagga)

31 (1) Bản Kinh Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng, căn khổ, căn vui, căn buồn, căn xả; (lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn). Đây là năm căn.” 210 (SN 48:31)

32 (2) Bậc Nhập Lưu “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng … căn xả. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được sự thỏathích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện là bậc thánh Nhập-lưu, là người đang hướng thượng lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.” (SN 48:32)

33 (3) Bậc A-la-hán “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng … căn xả. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những

Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 251

gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.” (SN 48:33)

34 (4) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng … căn xả. “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu

của đời sống tu sĩ hay mục- tiêu của đời sống bà-la-môn. “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục- tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 48:34)

35 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn sướng, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; họ không hiểu được căn khổ … căn vui … căn buồn … căn xả, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ

hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la- môn. “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục- tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 48:35)

36 (6) Phân Tích (1) “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng … căn xả. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn sướng? Mọi sự sướng thuộc thân, mọi sự dễ chịu thuộc thân,211 cảm-giác sướng dễ chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của thân: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn sướng. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn khổ? Mọi sự khổ thuộc thân, mọi sự khó chịu thuộc thân, cảm-giác khổ khó chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của thân: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn khổ. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn vui? Mọi sự vui thuộc tâm, mọi sự dễ chịu thuộc tâm, cảm-giác vui dễ chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của tâm: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn vui. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn buồn? Mọi sự buồn thuộc tâm, mọi sự khó chịu thuộc tâm, cảm-giác buồn khó chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của tâm: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn buồn. (5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn xả? Mọi cảm-giác trung tính (không sướng không khổ), dù thuộc thân hay tâm: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn xả. 212

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.” (SN 48:36)

37 (7) Phân Tích (2) [Giống kinh 48:36 kế trên, sau đoạn (5) thêm vào đoạn này:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, căn sướng và căn vui nên được nhìn thấy là cảm-giác sướng (lạc thọ). Căn khổ và căn buồn nên được nhìn thấy là cảm-giác khổ (khổ thọ). Sự buông-xả nên được nhìn thấy như cảm-giác trung tính (vô ký thọ, xả thọ). “Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.” (SN 48:37)

38 (8) Phân Tích (3) [Giống kinh 48:36 kế trên, sau đoạn (5) thêm vào đoạn này:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, căn sướng và căn vui nên được nhìn thấy là cảm-giác sướng (lạc thọ). Căn khổ và căn buồn nên được nhìn thấy là cảm-giác khổ (khổ thọ). Sự buông-xả nên được nhìn thấy như cảm-giác trung tính (vô ký thọ, xả thọ). “Như vậy, này các Tỳ kheo, theo phương pháp giảng giải này thì năm căn này, có năm được gom thành ba; và có ba được mở thành năm.” (SN 48:38)

39 (9) Ví Dụ Que Mồi Lửa “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng … căn xả. (1) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là

sướng, nên có căn sướng khởi sinh.213 Khi trong trạng thái sướng, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái sướng’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn sướng khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’ (2) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên có căn khổ khởi sinh. Khi trong trạng thái khổ, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái khổ’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn khổ khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’ (3) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là vui, nên có căn vui khởi sinh. Khi trong trạng thái vui, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái vui’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là vui đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn vui khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là vui đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’ (4) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn, nên có căn buồn khởi sinh. Khi trong trạng thái buồn, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái buồn’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn buồn khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn đó— cũng chấm dứt và lặn mất.’ (5) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả, nên có căn xả khởi sinh. Khi trong trạng thái buông-xả, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái buông-xả’ Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn xả khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’ “Này các Tỳ kheo, cũng giống như nhiệt được tạo ra và lửa được sinh

ra từ sự tiếp-xúc của hai que mồi lửa, nhưng khi hai que mồi lửa bị tách rời và bỏ ra thì nhiệt đó cũng chấm dứt và lặn mất; cũng giống như vậy, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng … một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ … một tiếp-xúc được trải nghiệm là vui … một tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn … một tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả, nên có căn xả khởi sinh … Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn xả khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó—cũng chấm dứt và lặn mất.” (SN 48:39)

40 (10) Thứ Tự Bất Thường 214 “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng … căn xả. [i. Căn Khổ] “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn khổ. Người đó hiểu như vầy: ‘Có khởi sinh trong ta căn khổ này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên).215 Căn khổ không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn khổ; người đó hiểu nguồn-gốc của căn khổ; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn khổ; và người đó hiểu nơi mà ‘căn khổ đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]. “Và ‘căn khổ đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu?216 Ở đây, này các Tỳ kheo: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Và chính ở đây ‘căn khổ đã khởi sinh’ chấm dứt

sạch sẽ.217 “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn khổ. Người đó hướng tâm mình theo đó.218 [ii. Căn Buồn] “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn buồn. Người đó hiểu như vầy: ‘Có khởi sinh trong ta căn buồn này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn buồn không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn buồn; người đó hiểu nguồn-gốc của căn buồn; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn buồn; và người đó hiểu nơi mà ‘căn buồn đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ. “Và ‘căn buồn đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? (2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Và chính ở đây ‘căn buồn đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.219 “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn buồn. Người đó hướng tâm mình theo đó. [iii. Căn Sướng] “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn sướng. Người đó hiểu như vầy: ‘Có khởi sinh trong ta căn sướng này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn sướng không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn sướng; người đó hiểu nguồn-gốc của căn sướng; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn sướng; và người đó hiểu nơi mà ‘căn sướng đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt

sạch sẽ. “Và ‘căn sướng đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? (3) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú

trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: 'Người đó buông- xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' Và chính ở đây 'căn sướng đã khởi sinh' chấm dứt sạch sẽ.220 "Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn sướng. Người đó hướng tâm mình theo đó. [iv. Căn Vui] "Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn vui. Người đó hiểu như vầy: 'Có khởi sinh trong ta căn vui này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn vui không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo- tác theo nhân, một điều-kiện'. Người đó hiểu căn vui; người đó hiểu nguồn-gốc của căn vui; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn vui; và người đó hiểu nơi mà 'căn vui đã khởi sinh' (sẽ) chấm dứt sạch sẽ. "Và 'căn vui đã khởi sinh' chấm dứt sạch sẽ ở đâu? (4) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông- xả.' Và chính ở đây 'căn vui đã khởi sinh' chấm dứt sạch sẽ.221 "Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm dứt của căn sướng. Người đó hướng tâm mình theo đó. [v. Căn xả] "Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên

chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn xả. Người đó hiểu như vầy: 'Có khởi sinh trong ta căn xả này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn xả không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo- tác theo nhân, một điều-kiện'. Người đó hiểu căn xả; người đó hiểu nguồn-gốc của căn xả; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn xả; và người đó hiểu nơi mà 'căn xả đã khởi sinh' (sẽ) chấm dứt sạch sẽ. "Và 'căn xả đã khởi sinh' chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Ở đây, này các Tỳ kheo: (5) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức], một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' Và chính ở đây 'căn xả đã khởi sinh' chấm dứt sạch sẽ. "Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm dứt của căn xả. Người đó hướng tâm mình theo đó. (SN 48:40)

NHÓM 5. NHÓM 'GIÀ' (Jarā-vagga)

41 (1) Phải Bị Già Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra (tức là đại nữ thí chủ Visākkhā). Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú) vào buổi cuối chiều, và đang ngồi sưởi ấm lưng bằng những tia nắng cuối cùng. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp và kính lễ, và trong khi đang xoa bóp chân cho đức Thế Tôn, thầy ấy thưa: "Thật kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Thật đáng ngạc nhiên, thưa Thế

Tôn. Da của Thế Tôn không còn tươi sáng, chân cẳng của Thế Tôn đều mềm nhão và nhăn nheo, thân thì khom còm, và các căn thay đổi thấy rõ—trong căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân.” 222 “Đúng là vậy, này Ānanda! Trong lúc trẻ người ta phải bị già đi; trong sức khỏe người ta phải bị bệnh yếu; trong khi đang còn sống người ta phải bị chết đi; (trong trẻ đã có sẵn sự già, trong khỏe đã có sẵn sự bệnh, trong sự sống đã có sẵn sự chết). Da không còn tươi sáng, chân cẳng mềm nhão và nhăn nheo, thân khom còm, và các căn thay đổi thấy rõ—trong căn mắt … căn thân.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vầy: “Tuổi già khốn khổ này, Làm vẻ đẹp phai biến! (Thân này) giống như búp bê kiểng xinh đẹp,223 Bị nghiền nát bởi bánh xe tuổi già. Dù có sống đến trăm năm

Thì cái chết cũng là đích đến.
Dọc đường đi cái chết chẳng tha ai,
Mà nghiền nát tất cả.”224
(SN 48:41)

42 (2) Bà-la-môn Uṇṇābha Ở Sāvatthī. Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, Thầy Cồ- đàm, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau, thì chúng nương dựa vào cái gì? Và cái gì trải nghiệm trú xứ và khu vực của chúng?”225 “Này bà-la-môn, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, này bà-la- môn, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau—thì chúng nương dựa vào tâm, và tâm trải nghiệm trú-xứ và khu-vực khác nhau của chúng.”226 “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, tâm thì nương dựa vào cái gì?” “Này bà-la-môn, tâm nương dựa vào sự chánh-niệm.” “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự chánh-niệm thì nương dựa vào cái gì?” “Này bà-la-môn, sự chánh-niệm nương dựa vào sự giải-thoát.”227 “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự giải-thoát thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự giải-thoát nương dựa vào Niết-bàn.” “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, Niết-bàn thì nương dựa vào cái gì?” “Này bà-la-môn, ông đã không thể nắm được giới hạn đối với sự hỏi. Ông chưa thể với tới giới hạn của câu hỏi. Bởi vì, này bà-la-môn, đời sống tâm linh được sống với Niết-bàn là nền-tảng, Niết-bàn là đích-đến, Niết- bàn là mục-tiêu cuối cùng của nó.”228 Rồi bà-la-môn Uṇṇābha, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình và đi ra. Rồi, không lâu sau sau khi bà-la-môn Uṇṇābha đã đi, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, ví dụ trong một ngôi

nhà hay hội trường mái nhọn, có cửa sổ nhìn phía đông, mặt trời đang mọc lên. Khi những tia nắng chiếu qua cửa sổ, chúng ổn định (nằm, đậu, nương) ở đâu?" "Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, bà-la-môn Uṇṇābha đã đạt được niềm-tin vào Như Lai, (niềm tin đó) được ổn định, được bắt rễ, được thiết lập, vững chắc. Nó không thể bị phá bỏ bởi tu sĩ hay bà-la-môn nào, hay bởi những thiên thần hay Ma Vương hay Trời Brahmā hay bởi bất cứ ai trong thế gian. Này các Tỳ kheo, nếu bây giờ bà-la-môn Uṇṇābha chết thì cũng không còn gông-cùm trói buộc ông ta quay lại thế gian này nữa." (tức ông đã là bậc Bất-lai)229 (SN 48:42)

43 (3) Sāketa Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, trong Khu Vườn Añjana, ở khu Vườn Nai. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, có phương pháp thuyết giảng nào qua đó năm căn trở thành năm năng-lực và năm năng-lực trở thành năm căn?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Này các Tỳ kheo, có một phương pháp thuyết giảng qua đó năm căn trở thành năm năng-lực và năm năng-lực trở thành năm căn. Và cái gì là phương pháp thuyết giảng đó? Rằng qua đó căn niềm-tin (tín căn) trở thành năng-lực niềm-tin (tín lực); qua đó năng-lực niềm-tin trở thành căn niềm-tin.230 Rằng qua đó căn nỗ-lực (tinh tấn căn) trở thành năng-lực nỗ-lực (tinh tấn lực); qua đó năng-lực nỗ lực trở thành căn nỗ-lực. Rằng qua đó căn chánh-niệm (niệm căn) trở thành năng lực chánh-niệm (niệm lực); năng-lực chánh-niệm trở thành căn chánh-niệm. Rằng qua đó căn chánh- định (định căn) trở thành năng-lực chánh-định (định lực), năng-lực chánh- định trở thành căn chánh-định. Rằng qua đó căn trí-tuệ (tuệ căn) trở thành năng-lực trí-tuệ (tuệ lực), năng-lực trí-tuệ trở thành căn trí-tuệ. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một dòng sông đổ về, nghiêng về, chảy về phía đông, có một hòn đảo giữa sông. Có phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có một dòng chảy, nhưng cũng có phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có hai dòng chảy (hai bên đảo). "Và cái gì là phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có một dòng chảy? Nếu xét hướng nước chảy tới phía đông và phía tây của hòn đảo, thì chỉ có một dòng chảy—đây là phương pháp thuyết giảng qua đó sông được coi là một dòng chảy; (vì chỉ một dòng chảy về đông, không có chảy về tây hay khác). "Và cái gì là phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có hai dòng chảy? Nếu xét hướng nước chảy tới phía nam và phía bắc của hòn đảo, thì có hai dòng chảy—đây là phương pháp thuyết giảng qua đó sông được coi là hai dòng chảy; (vì nước gặp đảo bị rẽ thành hai dòng

khác nhau qua mạn nam và mạn bắc của hòn đảo). "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, rằng qua đó căn niềm-tin trở thành năng-lực niềm-tin … qua đó năng-lực trí-tuệ trở thành căn trí-tuệ. "Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng

năm căn này, cho nên người đó, bằng cách tiêu diệt mọi ô-nhiễm, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp." (SN 48:43)

44 (4) Nhà Ở Cổng Đông Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong căn Nhà Trạm ở cổng phía Đông; (tức nhà nhỏ ở đầu cổng vào một khu nhà hay khu thành, dùng làm chỗ ở cho những người quản gia hay bảo vệ). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá- lợi-phất như vầy: "Này Xá-lợi-phất, thầy có được niềm-tin rằng: căn niềm-tin, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó, hay không? ... căn nỗ-lực ... căn chánh- niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền tảng của nó, sự Bất-tử là đích đến của nó, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó, hay không?" "Thưa Thế Tôn, con không phải tin nhờ vào đức Thế Tôn231 về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Chỉ những người chưa tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí tuệ—thì họ mới tin nhờ vào người khác về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Nhưng những ai đã tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều

này bằng trí tuệ—thì họ không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. "Thưa Thế Tôn, con là một người đã tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí tuệ—nên con không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục- tiêu cuối cùng của nó." "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Những ai chưa tự mình biết ... thì họ mới tin nhờ vào người khác ... Những ai đã tự mình biết ... thì họ không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó." (SN 48:44)

45 (5) Khu Vườn Phía Đông (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng (A-la-hán) như vầy: 'Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.'"? "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ Đức Thế Tôn ..." "Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng một- căn nên người đó tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Một căn đó là gì? Đó là căn trí-tuệ. Bởi vì một người đệ tử thánh thiện có-được trí-tuệ, thì căn niềm-tin theo sau sẽ được củng cố, căn nỗ-

lực theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-niệm theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-định theo sau sẽ được củng cố.232 “Này các Tỳ kheo, chính do một căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’” (SN 48:45)

46 (6) Khu Vườn Phía Đông (2) Tình huống như kinh kế trên. “Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’”? “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng hai căn nên người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Hai căn đó là gì? Đó là trí-tuệ thánh thiện và sự giải-thoát thánh thiện. Bởi vì trí-tuệ thánh thiện của người đó là căn trí-tuệ của người đó; sự giải-thoát thánh thiện của người đó là căn chánh-định của người đó. “Này các Tỳ kheo, chính do hai căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt xong ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’” (SN 48:46)

47 (7) Khu Vườn Phía Đông (3) Tình huống như kinh kế trên. “Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’”? “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn căn nên người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Bốn căn đó là gì? Đó là căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, chính do bốn căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’” (SN 48:47)

48 (8) Khu Vườn Phía Đông (4) Tình huống như kinh kế trên. “Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’”? “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm- căn nên người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Năm căn đó là gì? Đó là căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, chính do năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’” (SN 48:48)

49 (9) Ngài Piṇḍola Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Trong dịp đó có Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng của mình như vầy: “Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.” Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận …’ Xét theo lý gì mà thầy Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy? “Này các Tỳ kheo, chính do thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng ba căn nên Tỳ kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Ba căn đó là gì? Đó là căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. Chính do thầy ấy đã tu tập ba căn này nên Tỳ kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. “Trong đó, này các Tỳ kheo, ba căn đó chấm dứt trong sự gì? Ba căn đó chấm dứt trong sự tiêu-diệt. Chấm dứt trong sự tiêu diệt cái gì? Tiêu

diệt ‘sinh, già, chết’. Sau khi xét thấy ba căn đó đã chấm dứt trong sự tiêu diệt ‘sinh, già, chết’,233 nên Tỳ kheo Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’” (SN 48:49)

50 (10) Ở Āpaṇa Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa người dân Aṅgan, trong một thị trấn của họ tên là Āpaṇa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói Ngài Xá-lợi-phất như vầy: “Này Xá-lợi-phất, một người đệ tử thánh thiện, là người hết lòng kính-mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, có còn dung dưỡng sự lờ-mờ hay nghi-ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai hay không?” “Thưa Thế Tôn, một người đệ tử thánh thiện, là người hết lòng kính- mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, thì không còn dung dưỡng sự lờ-mờ hay nghi-ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai. (1) Thực sự có thể trông đợi, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, thì sẽ sống với sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi để dẫn tới sự trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và sự thu- nạp (tích đạt) những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự KK tu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. Sự nỗ-lực đó của người đó chính là căn nỗ- lực của người đó, thưa Thế Tôn. (2) “Thực sự có thể trông đợi, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, và (ii) sự nỗ-lực của người đó được phát khởi như vậy, thì sẽ có sự chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự xét-biết [tuệ biết] cao nhất (tối

thượng), là người nhớ được và

nhớ lại những điều đã làm và đã nói từ lâu. Sự chánh-niệm đó của người đó chính là căn chánh-niệm của người đó, thưa Thế Tôn. (3) “Thực sự có thể trông đợi, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, và (ii) sự nỗ-lực của người đó được phát khởi như vậy, và (iii) sự chánh-niệm của người đó được thiết lập, thì sẽ đạt được sự định-tâm, sẽ đạt tới sự nhất-điểm của tâm, sau khi lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng (của thiền định). Sự định-tâm đó của người đó chính là căn chánh-định của người đó, thưa Thế Tôn. (4) “Thực sự có thể trông đợi, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, và (ii) sự nỗ-lực của người đó được phát khởi như vậy, và (iii) sự chánh-niệm của người đó được thiết lập, và (iii) tâm của người đó đạt chánh-định, thì sẽ hiểu được như vầy: ‘Vòng luân-hồi sinh tử là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy, không thể nghĩ bàn). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Nhưng với sự phai- biến và chấm-dứt sạch sẽ của sự vô-minh, của cái đống (uẩn) tăm-tối đó: thì đây là trạng thái bình-an, đây là trạng thái siêu-phàm, đó là, sự làm lắng-lặn mọi sự tạo-tác (các hành), sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Trí-tuệ đó của người đó chính là căn trí-tuệ của người đó, thưa Thế Tôn. (5) “Và, thưa Thế Tôn, khi người đệ tử thánh thiện đã đó liên tục và liên tục KK tu (tinh cần) theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục tưởng- niệm (nhớ lại, niệm) theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục đạt-định (định) trong tâm theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục hiểu được bằng trí-tuệ theo cách như vậy, thì người đó đạt được niềm-tin trọn vẹn như vầy: ‘Đối với những điều trước đây ta chỉ nghe, giờ ta an trú sau khi đã tiếp xúc với chúng bằng thân, và sau khi đã chọc thủng chúng bằng trí-tuệ, ta nhìn thấy.’ Niềm-tin đó của người đó chính là căn niềm-tin của người đó, thưa Thế Tôn.”234 “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, người đệ tử thánh thiện,

là người hết lòng kính-mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, thì không còn dung dưỡng sự lờ mờ hay nghi ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai.” [… Tiếp tục là Phật lặp lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi-phất ở trên.].

(SN 48:50)

NHÓM 6. NHÓM ‘HANG HEO RỪNG’ (Sūkarakhata-vagga)

51 (1) Làng Sālā Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) ở làng Sālā, một ngôi làng của những bà-la-môn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, giống như trong những loài thú thì sư tử, vua của các loài thú, được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt sức mạnh, tốc độ,

và sự gan hùng; cũng giống như vậy, trong những trạng-thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ235 thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới giác-ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái trợ dẫn tới sự giác- ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin (tín) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác- ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực (tấn) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-niệm (niệm) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-định (định) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn trí-tuệ (tuệ) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ “Này các Tỳ kheo, giống như trong những loài thú thì sư tử được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong những trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới giác-ngộ.” (SN 48:51)

52 (2) Mallika Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân

Mallika, trong một ngôi làng của họ là làng Uruvelakappa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, chừng nào sự-biết thánh thiện (trí-biết thánh thiện; thánh tri) chưa khởi sinh, thì chưa có sự ổn định của bốn căn kia, chưa có sự vững chắc của bốn căn kia.236 Nhưng khi sự-biết thánh thiện đã khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện, thì có sự ổn định của các căn kia, có sự vững chắc của các căn kia. “Này các Tỳ kheo, như vầy, giống như trong một ngôi nhà mái nhọn: chừng nào đỉnh mái nhọn chưa được lắp ráp đúng chỗ, thì chưa có sự ổn định của các thanh xà, chưa có sự vững chắc của các thanh xà; nhưng khi đỉnh mái nhà đã được lắp ráp đúng chỗ, thì có sự ổn định của các thanh xà, có sự vững chắc của các thanh xà. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào sự-biết thánh thiện chưa khởi sinh, thì chưa có sự ổn định của bốn căn kia, chưa có sự vững chắc của bốn căn kia. Nhưng khi sự-biết thánh thiện đã khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện, thì có sự ổn định của các căn kia, có sự vững chắc của các căn kia. “Bốn căn đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định. Trong trường hợp người đệ tử thánh thiện có-được trí-tuệ, thì căn niềm-tin theo sau sẽ được củng cố, căn nỗ-lực theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-niệm theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-định theo sau sẽ được củng cố.” (SN 48:52)

53 (3) Học Nhân … Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có phương pháp nào qua đó một Tỳ kheo là một học nhân, đang đứng trong cảnh của học nhân, có thể hiểu: ‘Ta là một

học-nhân’, trong khi đó một Tỳ kheo là một vô học nhân (A-la-hán), đang đứng trong cảnh vô học nhân, có thể hiểu: ‘Ta là một vô học nhân’?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Này các Tỳ kheo, có một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp đó qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một

học nhân hiểu được đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … hiểu được: ‘Ta là một học-nhân’. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân thì biết suy xét như vầy: ‘Ngoài kia (tức ngoài giáo đoàn của Phật)237 có tu sĩ hay bà- la-môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm hay không?’ Và người đó hiểu: ‘Không có tu sĩ hay bà-la- môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm.’ Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học- nhân … hiểu được: ‘Ta là một học-nhân.’ “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân thì hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Người đó chưa an trú sau khi đã tiếp-xúc bằng thân cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; nhưng sau khi đã chọc thủng nó bằng trí- tuệ, người đó sẽ nhìn thấy.238 Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân … hiểu được: ‘Ta là một học-nhân.’ (2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô học nhân hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn

chánh-định, và căn trí-tuệ. Người đó an trú sau khi đã tiếp xúc bằng thân cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục- tiêu cuối cùng của chúng; và sau khi đã chọc thủng nó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô học nhân … hiểu được: ‘Ta là một vô học nhân.’ “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô học nhân hiểu sáu căn cảm-nhận—căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Người đó hiểu: ‘Sáu căn này sẽ chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ, và tuyệt đối không còn sáu căn khác nào khởi sinh nữa. Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô-học nhân … hiểu được: ‘Ta là một vô học nhân.’ (SN 48:53)

54 (4) Những Dấu Chân “Này các Tỳ kheo, cũng như những dấu chân của các loài chúng sinh đều có thể nằm lọt trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt kích thước; cũng giống như vậy, trong những bước dẫn dắt tới sự giác-ngộ,239 căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những bước dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, đó là căn niềm-tin là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn nỗ- lực là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-niệm là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-định là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn trí-tuệ là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. “Này các Tỳ kheo, cũng như … dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt kích thước; cũng giống như vậy, trong những bước dẫn dắt tới sự giác-ngộ, căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ. (SN 48:54)

55 (5) Gỗ Lõi “Này các Tỳ kheo, cũng như trong số những gỗ lõi có hương thơm, gỗ đàn hương đỏ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hương thơm; cũng giống như vậy, trong những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ, căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác- ngộ? Căn niềm-tin … căn trí-tuệ …” (SN 48:55)

56 (6) Được Thiết Lập “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được thiết lập trong một thứ gì thì năm căn được tu tập, được khéo tu tập trong người đó. Trong một thứ gì? Trong sự chuyên-cần. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên-cần? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo phòng hộ cái tâm khỏi những ô-nhiễm và khỏi những trạng thái bị ô-nhiễm.240 Trong khi người đó phòng hộ cái tâm như vậy, căn niềm-tin đi tới hoàn-thiện thông qua sự tu-tập; căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ đi tới hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo khi được thiết lập trong một thứ thì năm căn được tu tập, được khéo tu tập trong người đó.” (SN 48:56)

57 (7) Vị Trời Sahampati Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā

(Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chăn Dê, ngay sau khi giác-ngộ toàn thiện (thành Phật). Rồi, khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vầy: “Năm căn, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.” Lúc đó vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chỉnh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng … có sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của chúng. “Thưa Thế Tôn, trong quá khứ con đã sống đời sống tâm linh dưới bậc Toàn Giác là (Phật) Ca-diếp (Kassapa). Ở đó mọi người biết con là Tỳ kheo Sahaka. Nhờ con đã tu tập và tu dưỡng năm căn này, nên con đã loại bỏ tham-muốn khoái-lạc giác quan, và nhờ vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, con đã được tái sinh trong một nơi-đến phúc lành, trong cõi trời. Ở đó mọi người biết con là vị Trời Brahmā Sahampati. Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.” (SN 48:57)

58 (8) Hang Heo Rừng

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền, trong chỗ Hang Heo Rừng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vầy: “Này Xá-lợi-phất, vì xem xét lợi ích gì mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô- nhiễm (= A-la-hán) hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?” 241 “Thưa Thế Tôn, chính là do xem xét lợi ích là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, do xem xét ích lợi là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô- nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai. “Và, này Xá-lợi-phất, cái gì là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ mà vì nó nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?” “Thưa Thế Tôn, ở đây một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm tu tập căn niềm-tin, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Thưa Thế Tôn, chính là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ được xem xét như ích lợi nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, bởi do xem xét ích lợi là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.” “Và, này Xá-lợi-phất, cái gì là sự tôn vinh tối thượng mà một Tỳ

kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm sống tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, đối với sự tu- tập, và sự thiền-định.242 Thưa Thế Tôn, đây chính là sự tôn vinh tối thượng mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, bởi do xem xét ích lợi là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc’ nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh tối cao đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.” (SN 48:58)

59 (9) Khởi Sinh (1) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Năm đó là gì? Đó là: căn niềm-tin, căn nỗ- lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.” (SN 48:59)

60 (10) Khởi Sinh (2) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Năm đó là gì? Đó là căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-

niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành.” (SN 48:60)

NHÓM 7. NHÓM ‘HỘ DẪN TỚI GIÁC-NGỘ’ (Bodhipakkhiya-vagga)

61 (1) Những Gông Cùm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới dẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử). Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗlực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới dẹp bỏ những gông-cùm.” (SN 48:61)

62 (2) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn “Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới bứng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên). Năm đó là gì? Căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Năm căn này …” (SN 48:62)

63 (3) Sự Hoàn Toàn Hiểu “Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu đường-đi (đường đi của luân-hồi sinh tử; quá trình luân-hồi). Năm đó là gì? Căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Năm căn này …” (SN 48:63)

64 (4) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm … “Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn

tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu hoặc). Năm đó là gì? Căn niềm-tin … căn trítuệ. “Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử), dẫn tới sự bứng bỏ những khuynh-hướng tiềmẩn (tùy miên), dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu đường-đi (quá trình luân-hồi), dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu hoặc). Năm đó là gì? Căn niềm-tin … căn trí-tuệ.” (SN 48:64)

65 (5) Hai Thánh Quả “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Đây là năm căn. “Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư của sự dính-chấp (thủ), thì thánh quả Bất-lai.” (SN 48:65)

66 (6) Bảy Ích Lợi … “Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Đây là năm căn. “Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy kết-quả và ích-lợi. Cái gì là bảy kết-quả và ích-lợi? “(i) Người tu chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này. (ii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay lúc chết. (iii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hay ngay lúc chết, thì với sự diệt-sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó là người chứng ngộ Niết-bàn trong trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp)

… (iv) chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh) … (v) chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm … (vi) chứng ngộ Niết- bàn nhờ sự cố-gắng thêm … (vii) đang hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là

cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi Tịnh cư thiên dành cho các bậc thánh Bất-lai). “Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy thánh-quả và ích-lợi này.” (SN 48:66)

67 (7) Cây (1) “Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối ở cõi Diêm- phù-nề (Jambudīpa, nghĩa là: đại lục Táo Hồng) thì cây táo hồng được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác- ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh- định … căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. “Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối ở cõi Diêm- phù-nề thì cây táo hồng được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.” (SN 48:67)

68 (8) Cây (2) “Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những

thiên thần ở cõi trời Tāvatiṃsa (cõi trời Đao-lợi, Ba Mươi Ba) thì cây san- hô243 được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác- ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin … căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. “Này các Tỳ kheo, cũng như … căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.” (SN 48:68)

69 (9) Cây (3) “Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những quỷ thần A-tu-la (asura) thì cây hoa loa-kèn244 được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác- ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác- ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin … căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. “Này các Tỳ kheo, cũng như … căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.” (SN 48:69)

70 (10) Cây (4) “Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những chim thần supaṇṇa (kim xí điểu) thì cây bông-lụa được tuyên bố là đứng

đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác- ngộ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác- ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin … căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. “Này các Tỳ kheo, cũng như … căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự

giác-ngộ.” (SN 48:70)

Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 285

NHÓM 8.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)
[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly…’]

71 (1) 82 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm- tin … căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 48:71)

[Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Căn Tâm Linh’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:7182)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.
286 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 9. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

83 (1) 92 (10) Như Lai … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trong mọi loại chúng sinh— dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân hay không có sắc-thân, có nhận-thức hay không có nhận-thức, hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức ….” [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Căn Tâm Linh’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:8392)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 287

NHÓM 10. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

93 (1) 104 (12) Khó Nhọc … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Căn Tâm Linh’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:93104)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.
288 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 11. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

105 (1) 114 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Căn Tâm Linh’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:105114)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cằn cỗi, Những sự ố nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.
Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 289

NHÓM 12. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

115 (1) 123 (10) Những Dòng Lũ … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Căn Tâm Linh’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:115123)

124 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Năm căn tâm linh’ này (ngũ căn) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin … căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí- tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. ‘Năm căn tâm linh’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn- toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN

47:124)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc, Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,

290 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn, Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn, Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 291

NHÓM 13.
NHÓM 'SÔNG HẰNG'
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)
[Theo mẫu 'Loại-Bỏ Tham…']

125 (1) 136 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … "Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'năm căn tâm linh' là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'năm căn tâm linh'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin … căn nỗ-lực … căn chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối-cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. "Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'năm căn tâm linh' là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết- bàn." (SN 48:125)

[Các kinh còn lại của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng 'Năm Căn Tâm Linh' (thay vì là 'Bát Thánh Đạo' trong Chương 45).]

(SN 48:126136)

292 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 14. NHÓM 'CHUYÊN CHÚ' (Appamāda-vagga)

[Theo mẫu 'Loại-Bỏ Tham…']

137 (1) 146 (10) Như Lai … [Các kinh của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng 'Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm' (thay vì là 'Bát Thánh Đạo' trong Chương 45).]

(SN 48:137146)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.
Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 293

NHÓM 15. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

147 (1) 158 (10) Khó Nhọc … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:147158)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.
294 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 16. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

159 (1) 168 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:159168)

Sự tìm-kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự Cắn Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.
Chương 48 Liên kết CÁC CĂN • 295

NHÓM 17. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

169 (1) 177 (10) Những Dòng Lũ … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:169177)

178 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Năm căn tâm linh’ này (ngũ căn) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin … căn nỗ-lực … căn

chánh-niệm … căn chánh-định … căn trí- tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. ‘Năm căn tâm linh’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn- toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 48:178)

296 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
[Nghĩa là: Tất cả các kinh từ NHÓM 13-17 đều lặp lại theo phiên- mẫu [Loại Bỏ Tham…] theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Căn Tâm Linh’ (thay vì bằng ‘Bát Thánh Đạo’ như trong Chương 45.]

Chương 49.

Liên Kết NHỮNG SỰ PHẤN-ĐẤU
ĐÚNG ĐẮN
(49 Sammappadhāna-saṃyutta)
(49 Tương ưng Chánh Cần)
298 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 49 Liên kết SỰ PHẤN-ĐẤU ĐÚNG ĐẮN • 299

NHÓM 1.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)
1 (1) 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … Ở Sāvatthī. Lúc đó đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có ‘sự KK tu đúng đắn’ (tứ chánh cần) này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ- lực, áp dụng tâm, và KK tu. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây là ‘sự KK tu đúng đắn’.245 “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘sự KK tu đúng đắn’ (tứ chánh cần) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách

nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘sự KK tu đúng đắn’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết- bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh …

300 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

(iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây là ‘sự KK tu đúng đắn’. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘sự KK tu đúng đắn’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 49:01)

[Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Sự KK tu đúng đắn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:0212)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.
Chương 49 Liên kết SỰ PHẤN-ĐẤU ĐÚNG ĐẮN • 301

NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

13 (1) 22 (10) Như Lai … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Sự KK tu đúng đắn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:1322)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.
302 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

14 (1) 34 (12) Khó Nhọc … “Này các Tỳ kheo, giống như việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘sự KK tu đúng đắn’.” “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới- hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng

‘sự KK tu đúng đắn’ (tứ chánh cần)? Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây là ‘sự KK tu đúng đắn’. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘sự KK tu đúng đắn’.” (SN 49:23)

[Các kinh còn lại của NHÓM này lặp lại một cách song hành với các kinh 45:149160 trong Chương 45, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Sự KK tu đúng đắn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:2434)

Chương 49 Liên kết SỰ PHẤN-ĐẤU ĐÚNG ĐẮN • 303

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.
304 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

35 (1) 44 (10) Sự Tìm Kiếm … “Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm linh (đời sống thánh thiêng; phạm hạnh). Đây là ba sự tìm-kiếm. ‘Sự KK tu đúng đắn’ này (tứ chánh cần) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, để hoàn-toàn hiểu hiểu chúng, để tiêu diệt sạch sẽ chúng, để dẹp bỏ chúng. “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây là ‘sự KK tu đúng đắn’. “‘Sự KK tu đúng đắn’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp bỏ chúng.” (SN 49:35)

[Các kinh còn lại của NHÓM này cũng lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Sự KK tu đúng đắn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:3644)

Chương 49 Liên kết SỰ PHẤN-ĐẤU ĐÚNG ĐẮN • 305

Sự tìm-kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự Cằn Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.
306 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 5. NHÓM 'NHỮNG DÒNG LŨ' (Ogha-vagga)

45 (1) 53 (9) Những Dòng Lũ … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng 'Sự KK tu đúng đắn' (thay vì là 'Bát Thánh Đạo' trong Chương 45).]

(SN 49:4553)

54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … "Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. 'Sự KK tu đúng đắn' này (tứ chánh cần) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá- sạch chúng, dẫn tới sự dẹp bỏ chúng. "Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố- gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và KK tu. Đây là 'sự KK tu đúng đắn'. "'Sự KK tu đúng đắn' này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch

Chương 49 Liên kết SỰ PHẤN-ĐẤU ĐÚNG ĐẮN • 307

chúng, dẫn tới sự dẹp bỏ chúng." (SN 49:54)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
308 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 50.

Liên Kết NHỮNG NĂNG-LỰC (50 Bala-saṃyutta) (50 Tương ưng Lực)

NHÓM 1.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)
[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly…’]

1 (1) 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí-tuệ, (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực). Đây là năm năng-lực (ngũ lực). “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm năng-lực này là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, tu tập năng lực niềm-tin, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập năng lực nỗ-lực … năng lực chánh-niệm … năng lực chánh-định … năng lực trí tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 50:01)

[Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt

bằng ‘Những Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:0212)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

13 (1) 22 (10) Như Lai … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:1322)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,

Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.
314 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

23 (1) 34 (12) Khó Nhọc … [Tất cả các kinh còn lại của NHÓM này lặp lại một cách song hành với các kinh 45:149160 trong Chương 45, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:2334)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.
Chương 50 Liên kết NHỮNG NĂNG-LỰC • 315

NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

35 (1) 44 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tất cả các kinh còn lại của NHÓM này cũng lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:3544)

Sự tìm-kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự Cằn Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.
Chương 50 Liên kết NHỮNG NĂNG-LỰC • 317

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
318 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 6.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(Gaṅgā-peyyāla-vagga)
[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

55 (1) 66 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. “Và theo cách nào một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 50:5566) [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

Chương 50 Liên kết NHỮNG NĂNG-LỰC • 319

NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

67 (1) 76 (10) Như Lai … [Các kinh của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:6776)

320 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

77 (1) 88 (12) Khó Nhọc … [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:7788)

Chương 50 Liên kết NHỮNG NĂNG-LỰC • 321

NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

89 (1) 98 (10) Sự Tìm Kiếm… [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:8998)

322 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 10. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham…’]

99 (1) 107 (9) Sự Tìm Kiếm… [Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:99107)

108 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm năng-lực (ngũ lực) này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá- sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin … năng lực sự nỗ-lực … năng lực chánh-niệm … năng lực chánh-định … năng lực trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si. “Năm năng-lực này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá- sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 50:108)

Chương 50 Liên kết NHỮNG NĂNG-LỰC • 323

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
324 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 51.

Liên Kết NHỮNG CƠ-SỞ THẦN THÔNG (51 Iddhīpāda-saṃyutta) (51 Tương ưng Thần Túc)

326 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 51 Liên kết CƠ-SỞ THẦN THÔNG • 327

NHÓM 1. NHÓM ‘ĐỀN CĀBĀLA’ (Cābāla-vagga)

1 (1) Từ Bờ Bên Này … “Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở (để tu tạo) thần-thông (thần thông = năng-lực tâm linh) này, khi tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn dắt vượt qua bờ bên này đến bờ bên kia. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu.246 Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và

tu dưỡng, sẽ dẫn dắt vượt qua bờ này (thử ngạn) đến bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).” (SN 51:01)

2 (2) Bỏ Lơ “Này các Tỳ kheo, ai đã bỏ lơ (lơ tâm, bỏ quên, bỏ mất, không tu tập) bốn cơ-sở thần thông là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Ai đã đảm nhận (tu tập) bốn cơ-sở thần thông là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) …

(iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. “Này các Tỳ kheo, ai đã bỏ lơ bốn cơ-sở thần thông là đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Ai đã đảm nhận bốn cơ-sở thần thông là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” (SN 51:02)

3 (3) Thánh Thiện “Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” (SN 51:03)

4 (4) Sự Ghê Sợ “Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, dẫn tới sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần

túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng … dẫn tới Niết-bàn.” (SN 51:04)

5 (5) Từng Phần “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ tu tạo được phần nào của thần-thông, tất cả họ làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu

dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ tu tạo được phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại tu tạo được phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. "Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại tu tạo được phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông." (SN 51:05)

6 (6) Toàn Bộ "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ tu tạo được toàn bộ thần-thông, tất cả họ làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ tu tạo được toàn bộ thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại tu tạo được toàn bộ thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. "Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tu tạo được toàn bộ thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông." (SN 51:06)

7 (7) Các Tỳ Kheo "Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào trong quá khứ, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm (diệt lậu), ngay trong kiếp đó đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những Tỳ kheo nào trong tương lai, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tất cả họ làm

được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những Tỳ kheo nào trong hiện tại, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự

mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. “Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. “Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào trong quá khứ … trong tương lai … trong hiện tại, chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm … tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. (SN 51:07)

8 (8) Phật “Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở này (để tu tạo) thần-thông. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) Người đó tu tập cơ- sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. Đây là bốn cơ-sở thần thông. Chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông cho nên Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(SN 51:08)

9 (9) Sự Biết (i) “‘Đây là cơ-sở thần-thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành)’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh, chân trí), và ánh-sáng.247 “‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu nên được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. “‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu đã được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. (ii) “‘Đây là cơ-sở thần-thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành)’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. “‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu nên được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự- thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. “‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu đã được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. (iii) “‘Đây

là cơ-sở thần-thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành)'—như vậy đó, này các

Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. "'Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ tâm và những sự tạo- tác cố ý của sự KK tu nên được tu tập'—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. "'Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ tâm và những sự tạo- tác cố ý của sự KK tu đã được tu tập'—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. (iv) "'Đây là cơ-sở thần-thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành)'— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. "'Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu nên được tu tập'—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng. "'Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-sự điều-tra nhờ sự điều-tra và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu đã được tu tập'—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng." (SN 51:09)

10 (10) Ngôi Đền Tôi nghe như vầy.248 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi

vô thành Vesālī để khất thực. Sau khi đã xong một vòng đi khất thực trong thành Vesālī và trở về, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda như vầy: "Này Ānanda, hãy lấy tấm lót ngồi. Chúng ta đi tới chỗ Ngôi Đền Cây Cāpāla để an trú ban ngày." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại, và sau khi mang theo tấm lót ngồi, thầy ấy đi sát sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đi đến Đền Cāpāla và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Ānanda, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, cũng ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: "Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda, thật đáng thích là Đền Ude- na, thật đáng thích là Đền Gotamaka, thật đáng thích là Đền Sattamba, thật đáng thích là Đền Bahuputta, thật đáng thích là Đền Sārandada, thật đáng thích là Đền Cāpāla. Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, làm chúng thành một cỗ-xe (tu thừa), làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, thực hành bản thân trong chúng, và hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này. Này Ānanda, Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, đã làm chúng thành một cỗ-xe, đã làm

chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, đã thực hành bản thân mình trong chúng, và đã hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này."249 Nhưng mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gợi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu (thâm nhập) điều đó. Thầy ấy đã không thỉnh cầu đức Thế Tôn như vầy: "Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn sống một đại kiếp! Kính mong bậc Phúc Lành sống một đại kiếp, vì phúc lợi của đại chúng, vì hạnh phúc của đại chúng, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người." Tâm trí của thầy ấy đã bị che ám bởi Ma Vương đến mức như

vậy.250 Lần thứ hai ... Lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Ānanda: "Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda ... ... Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông ... và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này ... Nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này." Nhưng cũng vậy, mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín- hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gợi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu điều đó ... Tâm trí của thầy ấy đã bị che ám bởi Ma Vương đến mức như vậy. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: "Giờ thầy có thể đi đâu tùy ý, này Ānanda". (tức không cần phải ngồi bên cạnh hay hầu cận Phật lúc này nữa)

"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, thầy ấy đi đến ngồi dưới một gốc cây gần đó. Rồi, không lâu sau khi thầy Ānanda đi, Ma Vương Ác Ma đã tới gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn: - "Này bậc Thế Tôn, vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát niết-bàn! (tức niết-bàn và qua đời). Giờ bậc Phúc Lành hãy bát niết-bàn! Giờ là lúc bát niết-bàn của bậc Thế Tôn! - "Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này:251 ['Này Ác Ma, ta sẽ không bát Niết-bàn [chứng Niết-bàn cuối cùng] cho đến khi ta có những đệ tử Tỳ kheo là những người có hiền-trí, có kỷ- luật, tự-tin, an-toàn khỏi sự trói-buộc (của luân hồi ...), đã học-hiểu, là những người hộ trì của Giáo Pháp, đang thực hành đúng theo Giáo Pháp, đang thực hành theo cách phù hợp đúng đắn, đang dẫn dắt bản thân đúng theo vậy; là những người đã học được giáo pháp của thầy mình và có thể giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó,

phân tích nó, và làm rõ nó; là những người có thể bác bỏ những giáo thu- yết của những người khác (tà giáo, ngoại giáo) một cách thấu đáo bằng những cách hợp-lý (hữu lý, đúng lý) và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm.]252 Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo là những người hiền trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu lực. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn! - "Này bậc

Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không bát Niết-bàn cho tới khi ta có những đệ tử Tỳ kheo ni … những đệ tử tại gia nam … những đệ tử tại gia nữ là những người có hiền-trí, có kỷ-luật … họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm.] Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo là những người hiền trí … và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu lực. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn! - “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không bát Niết-bàn cho tới khi đời-sống tâm linh của ta đã thành công và phát đạt, được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.’]253 Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, đời-sống tâm linh của đức Thế Tôn đã thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn!” Sau khi Ma Vương nói ra những điều này, đức Thế Tôn đã nói với Ma Vương như vầy: “Yên chí đi, này Ác Ma. Cũng không lâu nữa là tới lúc bát Niết-bàn của Như Lai. Trong vòng ba tháng tới Như Lai sẽ bát Niết-bàn.” Rồi đức Thế Tôn, ở Đền Cāpāla đó, một cách có chánh-niệm và rõ-biết, đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ (sinh hành, hành sinh mạng).254 Và sau khi đức Thế Tôn đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ của mình, một trận động đất

đã xảy ra, làm kinh sợ và khiếp sợ, và tiếng gầm nổ của sấm sét làm rung chuyển khắp trời. Rồi, sau khi đã hiểu được ý nghĩa của sự kiện này, đức Thế Tôn trong lúc đó đã thốt ra lời cảm hứng này: “Sau khi so sánh ‘điều bất khả so sánh’ với ‘sự tiếp tục hiện-hữu’, Bậc mâu-ni đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự hiện-hữu’. Hân hoan ở bên-trong, đạt-định; bậc ấy phá bỏ ‘Sự tiếp tục sự hiện-hữu của ngã’ như (cởi bỏ) một áo giáp.”255 (SN 51:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘RUNG CHUYỂN LÂU ĐÀI’ (Pāsādakampana-vagga)

11 (1) Trước Đây … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý đã xảy đến với ta: ‘Giờ cái gì là nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) để tu tập bốn cơ-sở thần thông?’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: (i) ‘Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xìu [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc (bao kín, bao nhốt), người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.256 (ii) “‘Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ- lực

(tinh tấn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu, (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy sự nỗ-lực của ta sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (iii) “‘Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm (tâm) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu, (người đó) nghĩ rằng: “Như

vậy tâm của ta sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (iv) “‘Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu, (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy sự điều-tra của ta sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận- thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (1) “‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa, biến hóa thông) như:257 “Biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; người đó hiện hình và biến hình; người đó đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.” (2) “‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần.” (3) “‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác

và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông), hay không? Người đó hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao

la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát." (4) "'Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: "Có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) 'Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, người đó có thể nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của mình." (5) "'Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: "Với yếu-tố với mắt thiên-thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh

chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy." (6) "'Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.'" (SN 51:11)

12 (2) Có Kết Quả Lớn “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bốn cơ-sở thần thông được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? (i) “Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm

nhờ sự mong-muốn (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xìu [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.’ Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ- lực (tinh tấn) … (iii) sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) … người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa- sáng. (như kinh kế trên) (1) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa) như: “Biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.” (2) … (Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kế trên) (6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.” [Sáu loại trí được lặp lại như cuối kinh 51:11 kế trên.]

(SN 51:12)

13 (3) Sự Định Tâm Nhờ Sự Mong Muốn … (1) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên sự mong-muốn (dục, ý muốn),258 đây được gọi là sự định-tâm nhờ sự mong-muốn. (i) Người đó khởi tạo mong- muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh;

người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh … (iii) … mong muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) … mong muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng cường, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). Những đây được gọi là ‘những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu’ (tinh cần hành).259 Như vậy sự mong-muốn này, và sự định-tâm này nhờ ‘những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu’: đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (2) “Nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên sự nỗ-lực (tinh tấn), đây được gọi là sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực. (i) Người đó khởi tạo

mong muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) … mong muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh … (iii) … mong muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) … mong muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố- gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). Những đây được gọi là 'những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu' (tinh cần hành). Như vậy sự nỗ-lực này, và sự định-tâm này nhờ 'những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu': đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (3) "Nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên tâm (tâm), đây được gọi là sự định-tâm nhờ tâm.260 (i) Người đó khởi tạo mong muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) … mong muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh … (iii) … mong muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) … mong muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng

trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). Những đây được gọi là 'những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu' (tinh cần hành). Như vậy tâm này, và sự định-tâm này nhờ 'những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu': đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ tâm và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (4) "Nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên sự điều-tra (trạch pháp), đây được gọi là sự định-tâm nhờ sự điều-tra.261 (i) Người đó khởi tạo mong muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (ii) … mong muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh … (iii) … mong muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) … mong muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và KK tu (tinh cần). Những đây được gọi là 'những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu' (tinh cần hành). Như vậy sự điều-tra này, và sự định-tâm này nhờ 'những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu': đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (SN 51:13)

14 (4) Mục-Kiền-Liên Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn phía Đông, trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (tức là đại nữ thí chủ Visākkhā). Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang ở tầng trệt của lâu đài cảm thấy bất an, bồn chồn, bản thân vô tích sự, miệng lưỡi cà lăm, lặp cặp khi nói chuyện, tâm trí rối bời, không có sự rõ- biết, không định-tâm, trí não phân tán, các căn lơi lỏng.262 Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ngài Mục-kiền-liên như vầy: "Này Mục-kiền-liên, những huynh đệ trong đời sống tâm linh, đang ở

tầng trệt của Lâu Đài của mẹ của Migāra, đang thấy bất an … các căn lơi lỏng. Này, Mục-kiền-liên, hãy đến khuấy động một ‘cảm-nhận về sự cấp- bách’ trong những Tỳ kheo đó.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Đại Mục-kiền-liên đáp lại. Rồi thầy biểu diễn một màn thần-thông dùng ngón chân làm rung chuyển, chấn động, và rung động Lâu Đài của mẹ của Migāra. Lúc đó những Tỳ kheo đó, bị giật mình và hoảng sợ, đứng qua một bên và nói: “Đúng thực kỳ diệu, này các thầy! Đúng thực kỳ lạ, này các thầy! Không có gió, và Lâu Đài này của mẹ Migāra có nền móng sâu và được xây một cách chắc chắn, bất dịch, bất động; nhưng nó lại bị rung chuyển, bị chấn động, và bị rung động.” Lúc đó đức Thế Tôn đến chỗ các Tỳ kheo và nói với họ: “Này các Tỳ kheo, tại sao các thầy lại đứng qua một bên, giật mình và hoảng sợ như vậy?” “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Không có gió, và Lâu Đài này của mẹ Migāra có nền móng sâu và được xây một cách chắc chắn, bất dịch, bất động; nhưng nó lại bị rung chuyển, bị chấn động, và bị rung động.” “Này các Tỳ kheo, do Tỳ kheo Mục-kiền-liên muốn khuấy động một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ bên trong các thầy, nên thầy ấy đã dùng ngón chân làm rung chuyển, chấn động, và rung động Lâu Đài của mẹ của Migāra.263 Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, bằng cách đã tu tập những thứ gì mà Tỳ kheo Mục-kiền-liên trở thành uy lực và uy dũng như vậy?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói. Chính do Mục- kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc), cho nên thầy ấy đã trở thành uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có

sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục, ý muốn) … (ii) … sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự mong-muốn … sự điều-tra của ta sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài’ … Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, thầy ấy tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. “Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy đã trở thành uy lực và uy dũng như vậy. (1) “Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân …. vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā … (Tiếp tục các loại thần thần-thông (2)-(5) như kinh 51:11 ở trên) 264

(6) “Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí- biết trực tiếp.” (SN 51:14)

15 (5) Bà-la-môn Uṇṇābha Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kos- ambī, trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp thầy Ānanda và chào hỏi với thầy ấy.265 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda: “Thầy Ānanda, vì mục đích gì mà đi sống đời sống tâm linh theo/dưới

sa-môn Cồ-đàm như vậy?” “Đó là vì mục đích dẹp bỏ tham-muốn nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.” “Nhưng, Thầy Ānanda, có con-đường nào (đạo), có đường-đi nào dẫn tới sự dẹp bỏ tham-muốn này?” “Này bà-la-môn, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự dẹp bỏ tham-muốn này.” “Nhưng, Thầy Ānanda, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi dẫn tới sự dẹp bỏ tham-muốn này?” “Ở đây, này bà-la-môn, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu.” “Thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu đó là vô cùng, không có kết cục, (tức là vô lý, tu hoài cũng chẳng xong, chẳng đi tới đâu).266 Vì làm sao một người có thể dẹp bỏ tham-muốn (dục) bằng chính sự tham-muốn [sự mong-muốn] nói trên.” “Vậy thì, này bà-la-môn, tôi sẽ hỏi ông về vấn đề này. Cứ trả lời nếu ông thấy đúng. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trước đó ông đã từng có mong-muốn ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải mong-muốn ban đầu [tương ứng] đó đã lặn mất?” “Đúng rồi thầy.” “Trước đó ông đã từng phát khởi sự nỗ-lực, nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự nỗ-lực ban đầu đó đã lặn mất?” “Đúng rồi thầy.”

“Ông đã từng quyết định tâm mình, nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự quyết-tâm267 ban đầu đó đã lặn mất?” “Đúng rồi thầy.” “Trước đó ông đã từng có sự điều-tra để biết “Liệu ta có nên đi đến tịnh xá hay không?’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự điều-tra ban đầu đó đã lặn mất?” “Đúng rồi thầy.” “Điều tôi đã nói cũng tương tự như vậy, này bà-la-môn, với một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt hết ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh- nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá hủy những gông-cùm trói buộc hiện-hữu, và đã được hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng. Vị đó trước đây đã từng có mong-muốn (dục) chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị ấy đã đạt tới A-la-hán, sự mong-muốn ban đầu đó đã lặn mất (sau khi đã đạt tới mục-tiêu). Vị đó trước đây đã từng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A- la-hán, sự nỗ-lực ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng quyết- định tâm mình để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự quyết-tâm ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng có sự điều-tra (trạch pháp) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự điều-tra ban đầu đó đã lặn mất.268 “Này

bà-la-môn, ông nghĩ sao, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục hay là vô cùng?" "Chắc chắn có, thưa thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục, không phải là vô cùng.269 Thật kỳ diệu! Thầy Ānanda! Thật tuyệt vời! Thầy Ānanda! … Kể từ hôm nay mong thầy Ānanda ghi nhớ con là một để tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 51:15)

16 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã có được đại thần-thông và đại uy-lực, thì tất cả họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ có được đại thần-thông và đại uy-lực, thì tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại có được đại thần-thông và đại uy-lực, thì tất cả họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. "Bốn đó là gì? Này bà-la-môn, ở đây (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ … trong tương lai … trong hiện tại có được đại thần-thông và đại uy lực, thì tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này." (SN 51:16)

17 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa), như: biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā— thì do tất cả họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā— thì do tất cả họ có

tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā— thì do tất cả họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. "Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ … trong tương lai … trong hiện tại đạt được và dụng được những loại thần- thông khác nhau … thì do tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này." (SN 51:17)

18 (8) Một Tỳ Kheo "Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này

chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. “Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. “Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã có tu tập và tu dưỡng

bốn cơ-sở thần thông, nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng tríbiết trực tiếp.” (SN 51:18)

19 (9) Một Giáo Lý “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy thần-thông, các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông, sự tu-tập các cơ-sở thần thông, và con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thần-thông? Ở đây, một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā. Đây được gọi là thần-thông. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cơ-sở thần thông? Đó chính là con- đường và sự tu-tập để dẫn tới đạt được thần-thông, dẫn tới chứng đắc thần-thông.270 Đây được gọi là cơ-sở thần thông. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông? Đó là Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến, chánh tư- duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần-thông.”

(SN 51:19)

20 (10) Phân Tích “Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bốn cơ-sở thần thông được tu tập và tu dưỡng để chúng mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được (sở hữu) sự định-tâm nhờ sự mong-muốn và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự mong- muốn của ta sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài.’ Và người đó an trú nhận- thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu

tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iii) … sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. [i. Phân tích cơ-sở là sự mong-muốn] - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn quá xìu? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác.271 Đây được gọi là sự mong-muốn quá xìu. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn quá bốc? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự bất-an (trạo cử), có dính kèm sự bất-an. Đây được gọi là sự mong-muốn quá bốc. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn bị co ép (kìm hãm) ở

bên trong? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), có dính sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Đây được gọi là sự mong-muốn bị co ép bên trong. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự mong-muốn cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là sự mong-muốn bị phân tán ở bên ngoài. - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, sự nhận-thức về sau và trước được nắm-bắt một cách khéo léo bởi một Tỳ kheo, được chú-tâm (tác ý) một cách khéo léo, được xem-xét một cách khéo léo, được thâm-nhập bằng trí-tuệ. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy’.272 - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú nhận-thức dưới và trên: ‘Dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy, dưới cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo quán xét lại hết thân này từ gót chân lên đỉnh đầu, từ đỉnh đầu xuống gót chân, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ không-sạch ô-uế: ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.’ Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo an trú nhận-thức: ‘Dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy, dưới cũng vậy.’ - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú nhận-thức đêm và ngày: ‘Ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, ban đêm một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành) với cùng những tính-chất, cùng những tướng-nét, cùng những phương-diện như người đó tu tập cơ-sở thần thông đó vào ban ngày. Hay nói khác, vào ban ngày người đó tu tập cơ-sở thần

thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu với cùng những tính-chất, cùng những tướng-nét, cùng những phương-diện như người đó tu tập cơ-sở thần thông đó vào ban đêm. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo an trú nhận-thức: ‘Ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng

vậy.’ - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng? Ở đây, này các Tỳ kheo, sự nhận-thức về ánh sáng được khéo nắm-bắt bởi một Tỳ kheo; sự nhận-thức về ngày được khéo giải-quyết.273 Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. [ii. Phân tích cơ-sở là sự nỗ-lực] - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực quá xìu? Đó là sự nỗ-lực có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự nỗ-lực quá xìu. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực quá bốc? Đó là sự nỗ-lực có đi kèm sự bất-an (trạo cử), có dính kèm sự bất-an. Đây được gọi là sự nỗ-lực quá bốc. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực bị co ép ở bên trong? Đó là sự nỗ-lực có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), có dính sự đờ-đẫn và buồn ngủ. Đây được gọi là sự nỗ-lực bị co ép bên trong. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự nỗ-lực cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là sự nỗ- lực bị phân tán ở bên ngoài … [Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự nỗ-lực”.] … Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. [iii. Phân tích cơ-sở là tâm]

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm quá xìu? Đó là tâm có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là tâm quá xìu. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm quá bốc? Đó là tâm có đi kèm sự bất-an (trạo cử), có dính kèm sự bất-an. Đây được gọi là tâm quá bốc. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm bị co ép ở bên trong? Đó là tâm có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), có dính sự đờ- đẫn và buồn-ngủ. Đây được gọi là tâm bị co ép ở bên trong. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm bị phân tán ở bên ngoài? Đó là tâm cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là tâm bị phân tán ở bên ngoài…. [Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự nỗ-lực”.] … Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. [iv. Phân tích cơ-sở là sự điều-tra] - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra quá xìu? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự điều-tra quá xìu. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra quá bốc? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự bất-an (trạo cử), có dính kèm sự bất-an. Đây được gọi là sự điều-tra quá bốc. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra bị co ép ở bên trong? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), có dính sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Đây được gọi là sự điều-tra bị co ép ở bên trong. - “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự điều-tra cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là sự điều-

tra bị phân tán ở bên ngoài…. [Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự nỗ-lực”.] … Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì chúng sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. (1) “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa) như: “Biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.” (2) … (Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kế trên) (6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.” [Sáu loại trí được lặp lại như cuối kinh 51:11 dẫn đầu chương này.] (SN 51:20)

Chương 51 Liên kết CƠ-SỞ THẦN THÔNG • 357

NHÓM 3. NHÓM ‘HÒN SẮT’ (Ayoguḷa-vagga)

21 (1) Con Đường Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là con-đường [đạo] và sự thực-hành để tu tập bốn cơ-sở thần thông.’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có- được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) … (ii) … nhờ sự nỗ- lực (tinh tấn) … (iii) … nhờ tâm (tâm) … (iv) nhờ sự điều tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (1) “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa) như: “Biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.” (2) … (Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kế trên) (6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.” [Sáu loại trí được lặp lại như cuối kinh 51:11 dẫn đầu chương này.]

(SN 51:21)

22 (2) Hòn Sắt

358 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời [brahmā] bằng thần-thông với một thân được làm bằng tâm?” 274 “Này Ānanda, ta có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần-thông với thân làm bằng tâm” “Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần-thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại)?”275 “Này Ānanda, ta có nhớ

lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần-thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn." "Vậy là đức Thế Tôn có khả năng276 đi đến cõi trời bằng thần-thông với một thân làm bằng tâm, và đức Thế Tôn đã nhớ lại mình đã đi đến cõi trời bằng thần-thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn: điều đó thật kỳ diệu và tuyệt vời về phần đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn." "Này Ānanda, những Như Lai là kỳ diệu và sở hữu những phẩm-hạnh kỳ diệu; những Như Lai là tuyệt vời và sở hữu những phẩm-hạnh tuyệt vời. (a) "Này Ānanda, khi Như Lai đắm chìm (thiền định) thân trong tâm và tâm trong thân,277 và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội (nhẹ nổi, trội lên) đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai trở nên càng nôi trội, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng (như sáng lên trong bóng tối). "Này Ānanda, giống như một hòn sắt được nung đốt cả ngày, trở thành nổi trội (dễ nổi lên), dễ uốn nắn, đễ điều khiển, và tỏa sáng (đỏ rực); cũng giống như vậy, khi Như Lai đắm chìm thân trong tâm và tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai sẽ càng nổi trội, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng.

(b) "Này Ānanda, khi Như Lai đắm chìm thân trong tâm và tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai phi bổng từ dưới đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Như Lai đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân …. vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā. "Này Ānanda, giống như một nắm sợi bông vải hoặc bông gòn, nhẹ tênh, được nâng lên bởi gió, sẽ bay khỏi mặt đất lên không trung một cách không khó khăn gì; cũng giống như vậy, khi Như Lai đắm chìm thân trong tâm và tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai phi bổng từ dưới đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Như Lai đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân …. vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā." (SN 51:22)

23 (3) Một Tỳ Kheo "Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong- muốn (dục; ý muốn) … (ii) … nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … nhờ tâm (tâm) … (iv) nhờ sự điều tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông. "Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên người đó, bằng sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí- biết trực tiếp." 278

(SN 51:23)

24 (4) Bản Kinh Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong- muốn (dục; ý muốn) … (ii) … nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … nhờ tâm (tâm) … (iv) nhờ sự điều tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.” (SN 51:24)

25 (5) Những Thánh Quả (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) … (ii) … nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … nhờ tâm (tâm) … (iv) nhờ sự điều tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông. “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A- la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư của sự dính-chấp (thủ), thì thánh quả Bất-lai.” (SN 51:25)

26 (6) Những Thánh Quả (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) … (ii) … nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … nhờ tâm (tâm) … (iv) nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi? “(i) Người tu sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này. (ii) Nếu người đó không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng sớm ngay trong kiếp này, thì sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay lúc chết. (iii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử) người đó là người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa hai kiếp) … (iv) … là người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh) … (v) … là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm … (vi) là người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm … (vii) là người đang hướng thượng lưu, hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các thánh Bất-lai). “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi như vậy.” (SN 51:26)

27 (7) Ānanda (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự thực-hành để tu tập các cơsở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?” [Phật trả lời y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:27)

28 (8) Ānanda (2) Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Ānanda: “Này Ānanda, cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự thực-hành để tu tập các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?” [Phật tự trả lời luôn y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:28)

29 (9) Một Số Tỳ Kheo (1) Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự thực-hành để tu tập các cơ- sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?” [Phật trả lời y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:29)

30 (10) Một Số Tỳ Kheo (2) Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vầy: “Này các Tỳ kheo, cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự thực-hành để tu tập các cơsở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật tự trả lời luôn y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:30)

31 (11) Mục-Kiền-Liên Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, bằng cách đã tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Tỳ kheo Mục-kiền-liên trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Đó là bởi vì thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông cho nên thầy ấy đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xìu [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co ép bên trong, cũng không bị phân tán bên ngoài.’ Và thầy ấy an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, thầy ấy tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. “(ii) Thầy ấy tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự điều-tra của ta sẽ không quá xìu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài’ … Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, thầy ấy u tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ- sở thần thông này nên thầy ấy đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. (1) “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tạp và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên thầy ấy đã đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa) như: “Biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.” (2) … (Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kế trên) (6) “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tạp và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên thầy ấy, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.” (Sáu loại trí được lặp lại như cuối kinh 51:11 dẫn đầu chương này.) 279

(SN 51:31)

32 (12) Như Lai Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, bằng cách đã tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Như Lai trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Đó là bởi vì Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông nên Như Lai đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? … … (Tiếp tục giống kinh 51:31 kế trên, chỉ khác là kinh trên nói về thầy Mục-kiền-liên, kinh này nói về Như Lai) …” (SN 51:32)

NHÓM 4.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)
[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly…’]

33 (1) 44 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … “Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn cơ-sở thần thông’ (tứ thần túc) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn cơ-sở thần thông’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết- bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo- tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) … sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn cơ-sở thần thông’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” [Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 51:3444)

Sáu đổ ra hướng đông,
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga)

45 (1) 54 (10) Như Lai … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 51:4554)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 6. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga)

55 (1) 66 (12) Khó Nhọc … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 51:5566)

Khó Nhọc, Hạt Giống, Và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, Và Hai Loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, Và Dòng Sông.

NHÓM 7. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

67 (1) 76 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 51:6776)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cằn cỗi, Những sự ố nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.

NHÓM 8. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

77 (1) 85 (9) Những Dòng Lũ … [Các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 51:7785)

86 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Bốn cơ-sở thần thông’ (tứ thần túc) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ- sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) … sự định-tâm nhờ tâm (tâm) … (iv) … sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu. “Bốn cơ-sở thần thông’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 51:78)

Chương 51 Liên kết CƠ-SỞ THẦN THÔNG • 371

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
372 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 52.

Liên Kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ (52 Anuruddha-saṃyutta) (51 Tương ưng A-nậu-lâu-đà)

374 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 52 Liên kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ • 375

NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga)

1 (1) Một Mình (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, trong khi thầy A-nậu-lâu-đà đang ở một mình trong chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú), một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm thầy ấy như vầy:280 “Những ai đã bỏ lơ (lơ là, không tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã dùng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của

thầy A-nậu-lâu-đà, đã nhanh chóng như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, hiện ra trước mặt thầy A-nậu- lâu-đà và nói với thầy ấy: “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này được đảm nhận bởi một Tỳ kheo tới mức độ nào?” [1] (a) “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát bản chất sinh [khởi sinh] trong THÂN ở bên-trong; người đó an trú quán sát bản chất diệt [biến mất] trong thân ở bên-trong; người đó an trú quán sát bản chất sinh và diệt [khởi-sinh và biến-diệt] trong thân ở bên-trong—nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.281 - (b) “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát bản chất sinh trong thân ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát bản chất diệt trong thân ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát bản chất sinh và diệt trong thân ở

bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. - (c) “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát bản chất sinh trong thân ở bên-trong và thân ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát bản chất diệt trong thân ở bên-trong và thân ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát bản chất sinh và diệt trong thân ở bên-trong và thân bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê (đáng ghê tởm, không hấp dẫn, đáng ghét) trong những thứ không đáng-chê (đáng thích, dễ chịu, đáng ước)’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng- chê trong đó. (ii) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. (iii) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận- thức sự đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng- chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (vi) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng- chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.282 [2] “Người đó an trú quán sát bản chất sinh … bản chất diệt … bản chất sinh và diệt trong những NHỮNG CẢM-GIÁC ở bên-trong … trong những cảm-giác ở bên-ngoài … trong những cảm-giác ở bên-trong và những cảm-giác ở bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó.. (ii) … (iii) … (iv) … (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-

niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó an trú trong đó một cách buông- xả, có chánh-niệm và rõ-biết. [3] “Người đó an trú quán sát bản chất sinh … bản chất diệt … bản chất sinh và diệt trong TÂM ở bên-trong … trong tâm ở bên-ngoài … trong tâm ở

bên-trong và bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó.. (ii) … (iii) … (iv) … (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh- niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó an trú trong đó một cách buông- xả, có chánh-niệm và rõ-biết. [4] “Người đó an trú quán bản chất sinh … bản chất diệt … bản chất sinh và diệt trong NHỮNG GIÁO PHÁP [những hiện-tượng, các pháp] ở bên-trong … trong những giáo pháp ở bên-ngoài … trong những giáo pháp ở bên-trong và bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó.. (ii) … (iii) … (iv) … (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh- niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. “Này đạo hữu, chính theo cách này là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được đảm nhận bởi một Tỳ kheo.” (SN 52:01)

2 (2) Một Mình (2) Ở Sāvatthī.

Lúc đó, trong khi Ngài A-nậu-lâu-đà đang ở một mình trong chỗ tách- ly (chỗ ẩn trú), một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm thầy ấy như vầy: “Những ai đã bỏ lơ (lơ là, không tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.” Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã dùng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của thầy A-nậu-lâu-đà, đã nhanh chóng như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, hiện ra trước mặt thầy A-nậu- lâu-đà và nói với thầy ấy: “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này được đảm nhận bởi một Tỳ kheo tới mức độ nào?” [1] “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ở bên-trong, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. [2] “Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên-trong … quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ở bên- ngoài … quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. [3] “Người đó an trú quán sát tâm trong tâm ở bên-trong … quán sát tâm trong tâm ở bên-ngoài … quán sát tâm trong tâm ở bên-trong và bên- ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự

thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. [4] “Người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng,

các pháp] là những hiện-tượng ở bên-trong … quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ở bên-ngoài … quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “Này đạo hữu, chính theo cách này là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được đảm nhận bởi một Tỳ kheo.” (SN 52:02)

3 (3) Bên Bờ Sông Sutanu Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) bên bờ sông Sutanu. Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với thầy A-nậu-lâu-đà: “Này đạo hữu, bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Thầy A- nậu-lâu-đà đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?” “Này các đạo hữu, đó là bởi vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, tôi an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Tôi an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “Này các đạo hữu, chính bởi vì tôi đã có tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã trực-tiếp biết những

trạng thái thấp kém là thấp kém; tôi đã trực-tiếp biết những trạng thái trung bình là trung bình; tôi đã trực-tiếp biết những trạng thái siêu phàm là siêu phàm.”283 (SN 52:03)

4 (4) Khu Rừng Gai Nhọn (1) Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà và Ngài Xá-lợi-phất, và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāketa, trong Khu Rừng Gai Nhọn (Kan- takii). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Mục- kiền-liên ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú), đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà: “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo còn là bậc học-nhân nên chứng nhập và an trú trong đó?” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo là bậc học-nhân nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế

giới. Một Tỳ kheo còn là bậc học nhân nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này.”284 (SN 52:04)

5 (5) Khu Rừng Gai Nhọn (2)
Ở Sāketa.
Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-
nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo đã là bậc vô-học nhân nên chứng nhập và an trú trong đó?” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo là bậc vô-học nhân nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Một Tỳ kheo đã là bậc vô-học nhân (cũng) nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này.” (SN 52:05)

6 (6) Khu Rừng Gai Nhọn (3) Ở Sāketa. Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Xá-lợi-phất mới nói với thầy A- nậu-lâu-đà: “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?” “Này các đạo hữu, đó là bởi vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các đạo hữu, chính bởi vì tôi đã có tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và

tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã trực-tiếp biết hệ một ngàn thế giới.”285 (SN 52:06)

7 (7) Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng Ở Sāvatthī. Ở đó Ngài A-nậu-lâu-đà đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy A-nậu-lâu-đà đã nói điều này: “Này các đạo hữu, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện- tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng.” (SN

52:07)

8 (8) Chòi Cây Salaḷa Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvatthī (xá-vệ) trong căn chòi (làm bằng) cây salaḷa. Ở đó thầy A-nậu-lâu-đà đã nói với các Tỳ kheo … “Này các đạo hữu, sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về hướng đông. Giờ giả sử có một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó

có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây được không?” “Không, thưa đạo hữu. Vì lý do gì? Vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) đã đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và ưu phiền mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo đang tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, nếu vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó nhận lấy của cải, họ nói rằng: ‘Này thiện nhân, sao phải để mấy cái áo cà sa đè nặng (làm vướng lụy) mình như vậy? Tại sao cứ đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát ăn xin như vậy? Này, hãy trở lại đời sống thấp tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng sự thực thì, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Bởi vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự (sống) tách-ly (ẩn dật, lánh trần). Vì vậy, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.286 “Và, này các đạo hữu, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các đạo hữu, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.” (SN 52:08)

9 (9) Tất Cả (hay Khu Vườn của cô Ambapālī) Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở

Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Khu Vườn của cô Ambapālī. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú) … Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà như vầy: “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ của thầy trong và sáng. Sự an trú nào Thầy A-nậu-lâu-đà dạo này thường an trú trong đó?” “Này đạo hữu, dạo này tôi thường an trú với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi thường an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện- tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn

(tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. “Này Tỳ kheo, này đạo hữu, những ai đã là một A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, cũng thường an trú với một cái tâm khéo được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.” “Điều này là ích lợi cho chúng tôi, thưa đạo hữu, điều này được khéo đắc lợi bởi chúng tôi, rằng chúng tôi đã trực tiếp nghe được lời tuyên bố dõng dạc từ chính Thầy A-nậu-lâu-đà như vậy.” (SN 52:09)

10 (10) Bệnh Yếu Gần Chết Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn Người Mù, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và nói với thầy ấy:

“Sự an trú nào Thầy A-nậu-lâu-đà thường an trú trong đó để cho những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu và ám muội tâm của thầy?” “Này các đạo hữu, đó là bởi vì tôi an trú với một cái tâm đã khéo được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu và ám muội tâm tôi. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, tôi an trú quán sát thân trong thân … những cảm- giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn- phiền (ưu) đối với thế giới. “Này các đạo hữu, chính bởi vì tôi an trú với một cái tâm đã khéo được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu và ám muội tâm tôi.” (SN 52:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (MỘT NGÀN) (Dutiya-vagga)

11 (1) Một Ngàn Đại Kiếp Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà và chào hỏi qua lại với thầy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thưa với thầy A-nậu-lâu-đà: “Bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?” “Này các đạo hữu, đó là bởi vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những cảm-giác trong những-cảm giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các đạo hữu, chính bởi vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này cho nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi nhớ lại được một ngàn đại kiếp.” (SN 52:11)

12 (2) Thần-Thông [Giống kinh kế trên, cho đến:]

"… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng

'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa), như: tôi biến một thân thành nhiều thân; tôi biến nhiều thân thành một thân … Tôi vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā." (SN 52:12)

13 (3) Tai Thiên Thánh "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên, với tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi nghe được cả hai loại âm thanh, ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần." (SN 52:13)

14 (4) Biết Rõ Tâm Khác "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' nên tôi hiểu được những tâm của các chúng sinh khác và những người khác (tha tâm thông), sau khi đã dùng tâm của mình biết rõ [bao trùm] tâm của họ. Tôi hiểu một cái tâm có tham-dục là tâm có tham-dục … một cái tâm chưa được giải-thoát là tâm chưa được giải-thoát." (SN 52:14)

15 (5) Điều Có Thể "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi hiểu được điều có thể là có thể và điều không thể là không thể."287 (SN 52:15)

16 (6) Sự Nhận Lãnh Nghiệp "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi hiểu được nghiệp quả của quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận lãnh theo cách là tiềm-năng và theo cách là nguyên-nhân, đúng như nó thực là." (SN 52:16)

17 (7) Dẫn Tới Nơi Đâu "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi hiểu được con-đường (đạo) dẫn tới bất cứ nơi nào (cảnh giới nào), đúng như nó thực là." (SN 52:17)

18 (8) Những Yếu Tố Đa Dạng Khác Nhau "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi hiểu được thế giới với những yếutố đa dạng và khác nhau trong đó, đúng như nó thực là." (SN 52:18)

19 (9) Những Thành Phần Đa Dạng Khác Nhau "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi hiểu được sự đa dạng khác nhau của những thành phần chúng sinh, đúng như nó thực là." (SN 52:19)

20 (10) Những Mức Độ Của Các Căn "… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' cho nên tôi hiểu được những mức độ trưởng thành trong các căn tâm linh của những chúng sinh khác và những người khác,

đúng như nó thực là.” (SN 52:20)

21 (11) Các Tầng Thiền Định … “… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được sự ô-nhiễm, sự thanh- tẩy, và sự thoát-ra đối với các tầng thiền định (jhāna), những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-ngộ, đúng như chúng thực là.” (SN 52:21)

22 (12) Những Cõi Sống Kiếp Trước “… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi nhớ lại được những cõi sống của những kiếp trước (túc mạng minh), đó là, một lần sinh, hai lần sinh … nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra…. Như vậy tôi nhớ lại nhiều cõi sống của những kiếp trước với những cách thức và chi tiết của chúng.” (SN 52:22)

23 (13) Mắt Thiên Thánh … “Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên, với mắt thiên-thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), tôi nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … và tôi hiểu cách những chúng sinh trả giá tùy

390 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

theo những nghiệp của mình.” (SN 52:23)

24 (14) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm “… Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này tôi chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng tríbiết trực tiếp.” (SN 52:24)

Chương 53.

Liên Kết THIỀN ĐỊNH (53 Jhāna-saṃyutta) (53 Tương ưng Thiền Định)

392 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 53 Liên kết THIỀN ĐỊNH • 393

NHÓM 1.
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)
1 (1) 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông … Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có bốn tầng thiền định (jhāna) này. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (3) Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông- xả, và có

chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông- xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' (4) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Đây là bốn tầng thiền định.288

394 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

"Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'bốn tầng thiền định' là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'bốn tầng thiền định' là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … tầng thiền định thứ hai … tầng thiền định thứ ba … tầng thiền định thứ tư … (như đoạn (1)-(4) của kinh 53:01 ở đầu chương)

"Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng 'bốn tầng thiền định' để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn." [Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92102 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng 'Bốn Tầng Thiền Định' (thay vì là 'Bát Thánh Đạo' trong Chương 45).]

(SN 53:0144)

Sáu đổ ra hướng đông,
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.
Chương 53 Liên kết THIỀN ĐỊNH • 395

NHÓM 2. NHÓM 'CHUYÊN CHÚ' (Appamāda-vagga)

13 (1) 22 (10) Như Lai … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139148 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng 'Bốn Tầng Thiền Định' (thay vì là 'Bát Thánh Đạo' trong Chương 45).]

(SN 53:1322)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.
396 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 3. NHÓM 'VIỆC LÀM KHÓ NHỌC' (Balakaraṇīya-vagga)

23 (1) 34 (12) Khó Nhọc … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149160 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:2334)

Khó Nhọc, Hạt Giống, Và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, Và Hai Loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, Và Dòng Sông.
Chương 53 Liên kết THIỀN ĐỊNH • 397

NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)

35 (1) 44 (10) Sự Tìm Kiếm … [Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161170 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:3544)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cằn cỗi, Những sự ố nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.
398 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga)

45 (1) 53 (9) Những Dòng Lũ … [Các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:171179 trong Chương 45 ở trên, nhưng theo cách diễn đạt bằng ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:4553)

54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn … “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô-sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Bốn tầng thiền định’ nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng. “Bốn đó là gì? Này các Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … tầng thiền định thứ hai … tầng thiền định thứ ba … tầng thiền định thứ tư.” (như đoạn (1)-(4) của kinh 53:01 ở đầu chương) “‘Bốn tầng thiền định’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.” (SN 53:54)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,

Chương 53 Liên kết THIỀN ĐỊNH • 399

Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.
400 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 54.

Liên Kết THỞ-VÔ THỞ-RA (54 Ānāpāna-saṃyutta) (54 Tương ưng Thở-Vô Thở-Ra)

402 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 54 Liên kết HƠI THỞ VÔ-RA • 403

NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT THỨ” (Ekadhamma-vagga)

1 (1) Một Thứ Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có một thứ (một pháp, pháp tu, giáo pháp), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Cái gì là một thứ đó? Đó là ‘sự chánh-niệm (vào) hơi-thở’. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (chỉ làm một việc là) có chánh-niệm (vào hơi-thở) người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra.289 (1) “(i) Thở-vô dài, người đó biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc thở-ra dài, người đó biết: ‘Ta thở-ra dài.’ (ii) Thở-vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc thở-ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-ra ngắn.’ (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở- vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân, ta sẽ thở-ra.’290 (2) “(i) Người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở-ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc, ta sẽ thở-ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm

404 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra.’291 (3) “(i) Người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở- vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thở-ra.’ (iv)

Người đó tập luyện như vầy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-ra.’292 (4) “(i) Người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở- ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vầy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra.’293 “Này các Tỳ kheo, chính sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.” (SN 54:01)

2 (2) Những Chi Giác Ngộ “Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (1) chi giác-ngộ là sự

chánh-niệm có đi kèm bởi sự chánh-niệm hơi-thở, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát … (7) chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả) có đi kèm bởi sự chánh-niệm hơi-thở, dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và lợi ích lớn lao.” (SN 54:02)

3 (3) Bản Kinh Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 kế trên] …

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.” (SN 54:03)

4 (4) Những Thánh Quả (1) [Y hệt kinh 54:03 kế trên, thêm đoạn sau:]

“Này các Tỳ kheo, khi sự chánh-niệm hơi-thở đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn tàn dư của sự

dính-chấp (thủ), thì thánh quả Bất-lai.” (SN 54:04)

5 (5) Những Thánh Quả (2) [Y hệt kinh 54:03 ở trên, thêm những đoạn sau:]

“Này các Tỳ kheo, khi sự chánh-niệm hơi-thở đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì có thể trông đợi một trong bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi? (i) “Người tu sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này. (ii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì người đó sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng vào lúc chết. (iii) “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp). (iv) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh). (v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm. (vi) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm.

(vii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó là người đang hướng thượng lưu, hướng tới cõi trời cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).” (SN 54:05)

6 (6) Ariṭṭha Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này: - “Này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm hơi-thở hay không?” Khi điều này được hỏi, Ngài Ariṭṭha đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tu tập sự chánh-niệm hơi-thở.” - “Nhưng, này Ariṭṭha, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm hơi- thở?” “Thưa Thế Tôn, con đã dẹp bỏ tham-dục đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) quá khứ; con đã loại bỏ tham-dục đối với những khoái-lạc giác quan tương lai, và con đã hoàn toàn xua tan những nhận-thức (tưởng) của sự sân-bực đối với những thứ ở bên-trong và bên-ngoài. Chỉ có chánh- niệm, con thở-vô; có chánh-niệm, con thở-ra. Thưa Thế Tôn, chính theo cách này con đã tu tập sự chánh-niệm hơi-thở.” - “Này Ariṭṭha, đó là sự chánh-niệm hơi-thở, ta không nói đó không phải là sự chánh-niệm hơi-thở. Nhưng, sự (tu tập) chánh-niệm hơi-thở được hoàn thành một cách chi tiết ra sao, này Ariṭṭha, hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”294 “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ariṭṭha đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: - “Và, này Ariṭṭha, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được hoàn

thành một cách chi tiết? Ở đây, này Ariṭṭha, một Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm

người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 kế trên] … “Này Ariṭṭha, chính theo cách này sự chánh-niệm hơi-thở được hoàn thành một cách chi tiết.” (SN 54:06)

7 (7) Ngài Đại Kappina Ở Sāvatthī. Bấy giờ, lúc đó không xa chỗ Đức Thế Tôn có Ngài Đại Kappina (Mahākappina) đang ngồi xếp tréo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy ấy đang ngồi gần đó, xếp tréo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Sau khi nhìn thấy thầy ấy như vậy, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo như vầy: - “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy sự rung lắc hay lay động nào trong thân của Tỳ kheo này không?” “Thưa Thế Tôn, mỗi khi chúng con nhìn thấy thầy ấy, dù thầy ấy đang ngồi giữa Tăng đoàn hay đang ngồi một mình, chúng con chưa bao giờ thấy sự run lắc hay lay động nào trong thân thầy ấy.” - “Này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể đạt được sự định-tâm đó nhờ sự tu tập và tu dưỡng (thiền định) nên trong đó không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm. Và sự định-tâm nào mà nhờ có sự tu tập và tu dưỡng nó nên trong đó không xảy ra sự run lắc hay lay động nào trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động nào trong tâm?

Chương 54 Liên kết HƠI THỞ VÔ-RA • 409

- “Này các Tỳ kheo, ở đây, khi ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi- thở’295 đã được tu tập và tu dưỡng thì không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm? - “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 kế trên] …

Và, này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm.” (SN 54:07)

8 (8) Ví Dụ Ngọn Đèn “Này các Tỳ kheo, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? - “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương] …

- “Này các Tỳ kheo, chính theo cách này ‘sự định-tâm nhờ sự chánh- niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi

lớn lao. “Này các Tỳ kheo, ta cũng làm như vậy, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng thường an trú trong sự an trú này. Trong khi ta an trú trong sự an trú này, thân và mắt ta đều không bị mệt mỏi, và tâm ta, bằng sự không dính-chấp (vô thủ), ta đã được giải thoát khỏi mọi ô- nhiễm. (1) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho thân và mắt ta đều không bị mệt mỏi, và mong cho tâm ta, bằng sự không dính- chấp, sẽ được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.296 (2) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào ước: (i) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (ii) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (iii) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (iv) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng- chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (v) ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và không đáng-chê, mong cho ta được an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. 297 (3) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta có thể: (i) [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-

niệm hơi-thở’ này. (4) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta có thể: (ii) [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi- thở’ này. (5) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta có thể: (iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. (6) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta có thể: (iv) [‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ) và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta chứng nhập và an trú trong

tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả'], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' này. (7) "Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: 'Mong cho ta: (v) ['Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', ta chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên]'], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' này. (8) "Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: 'Mong cho ta:

(vi) ['Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên]'], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào 'sự định- tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' này. (9) "Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: 'Mong cho ta: (vii) ['Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]'], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào 'sự định- tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' này. (10) "Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: 'Mong cho ta: (viii) ['Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận- thức cũng không phải không còn nhận-thức]'], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' này. (11) "Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: 'Mong cho ta: (ix) ['Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác]'], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' này. (12) "Này các Tỳ kheo, khi 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này,298 thì: nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: 'Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: 'Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: 'Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.' (13) "Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu

người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly. (14) "Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.' Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: 'Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.' Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt

mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây.' - "Này các Tỳ kheo, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng-sống ... Người đó hiểu: 'Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.'" (SN 54:08)

9 (9) Ở Vesālī Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn.299 Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang nói với các Tỳ kheo về sự ô-uế (sự không sạch, bất tịnh, sự đáng ghê tởm... của thân) theo nhiều cách, đang nói lời đề cao sự tu tập thiền quán về sự ô-uế.300 Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật một mình; nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khất thực cho ta."301 "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đó đáp lại, và không ai đến gặp đức

Thế Tôn, ngoại trừ người đưa thức ăn khất thực cho đức Thế Tôn. Rồi những Tỳ kheo đó, suy nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-uế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiền quán về sự ô-uế", rồi họ hết mình thiền quán về sự ô-uế về nhiều phương diện và nhiều yếu tố của nó. Rồi sau đó thấy chán chường, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân này, nên họ đi kiếm người giết mình. Có ngày có tới mười Tỳ kheo đã dùng dao, hoặc ngày khác có hai mươi hay ba mươi Tỳ kheo đã dùng dao.302 Rồi, nửa tháng trôi qua, đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với Ngài Ānanda: "Này Ānanda, sao Tăng đoàn có vẻ giảm đi (số người) vậy?"303 "Thưa Thế Tôn, đó là do [Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-uế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiền quán về sự ô-uế, và]304 các Tỳ kheo đó nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-uế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiền quán về sự ô-uế", rồi họ đã hết mình thiền quán về sự ô-uế về nhiều phương diện và nhiều yếu tố của nó. Rồi sau đó thấy chán chường, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân này, nên họ đi kiếm người giết mình. Có ngày có tới mười Tỳ kheo đã dùng dao, hoặc ngày khác có hai mươi hay ba mươi Tỳ kheo đã dùng dao. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn giảng giải một phương pháp khác để cho Tăng đoàn Tỳ kheo này có thể được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (tức chứng luôn A-la-hán)." "Được rồi, này Ānanda, hãy gọi tất cả các Tỳ kheo hiện đang sống nhờ ở xứ Vesālī này tập họp trong hội trường." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại, và thầy ấy đã gọi tất cả các Tỳ kheo hiện đang sống nhờ ở xứ Vesālī này tập họp trong hội trường. Rồi thầy đến gặp đức Thế Tôn và thưa: "Thưa Thế Tôn, Tăng đoàn các Tỳ kheo đã tập họp. Mong Thế Tôn tùy tiện đến đó." Rồi đức Thế Tôn đã đến hội trường, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vầy:

“Này các Tỳ kheo, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là bình-an và siêu-vời, là một sự lạc-trú diệu lành, và nó phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh.305 “Này các Tỳ kheo, cũng như trong tháng cuối của mùa nóng, khi có đống bụi đất vừa cuốn bay lên trời, một đám mây mưa lớn ập xuống dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.306 Cũng giống như vậy, ‘sự định- tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, là bình-an và siêu-vời, là một sự lạc-trú diệu lành, và nó phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh. Và theo cách nào để có được sự này? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương] …

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘sự định-tâm nhờ sự chánh- niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó là bình-an và siêu-vời, là một sự lạc-trú diệu lành, và nó sẽ phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh.” (SN 54:09)

10 (10) Kimbila Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong khu Rừng Tre. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Kimbila như vầy: “Này Kimbila, bây giờ, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh- niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?” Khi điều này được nói ra, thầy Kimbila chỉ im lặng. Lần thứ hai …

Lần thứ ba đức Thế Tôn lặp lại câu hỏi đó, thầy Kimbila cũng chỉ im lặng. Sau khi sự này xảy ra, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: “Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn! Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành! Giờ xin đức Thế Tôn hãy nói về ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’. Sau khi nghe được giáo pháp từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Được rồi, này Ānanda, vậy hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này Ānanda, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi- thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương] …

[(1). Quán sát Thân] “Này Ānanda,307 bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) khi thở-vô dài, biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc, khi thở-ra dài, biết: ‘Ta thở-ra dài’; (ii) khi thở-vô ngắn, biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc, khi thở-ra ngắn, biết: ‘Ta thở-ra ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vầy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: ‘Làm lắng lặn

sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân', ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó người đó an trú quán sát thân [hơi-thở] trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là 'sự thở-vô và thở-ra' (thân hơi-thở).308 Đó là lý do nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo đó an trú quán sát thân [hơi-thở]

trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. [(2). Quán sát Những Cảm-Giác] "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)', ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở-ra'; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự sướng (lạc), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự sướng, ta sẽ thở-ra'; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra'; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm kỹ càng (chú ý sát sao) tới 'sự thở-vô và thở-ra'.309 Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát những cảm- giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. [(3). Quán sát Tâm] "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-ra'; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-ra'; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Tập trung cái tâm, ta sẽ thở-ra'; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và

sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta nói rằng không có 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' nào đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, xao lãng) và những người thiếu sự rõ- biết (thiếu tỉnh giác). Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. [(4). Quán sát Những Giáo Pháp] "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: 'Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-ra'; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự

phai-biến, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-ra'; (iii) người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-ra'; (iv) người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự từ- bỏ, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là 'sự dẹp-bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền' như vậy, người đó là người nhìn (quan sát) kỹ [vào tâm] với sự buông-xả.310 Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. - "Này Ānanda, ví dụ ở ngã tư đường có một đống đất bủn. Một chiếc xe ngựa đến từ hướng đông, tây, nam, hay bắc, thì nó sẽ sang bằng đống đất bủn đó.311 Cũng giống như vậy, này Ānanda, khi một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân … những giáo pháp trong những giáo pháp, thì người đó sẽ sang bằng những trạng thái bất thiện xấu ác." (SN 54:10)

NHÓM 2. NHÓM 'ĀNANDA' (Dutiya-vagga)

11 (1) Ở Icchānaṅgala Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Icchānaṅgala trong Khu Rừng Icchānaṅgala. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật một mình, nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khất thực cho ta." "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đó đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ người mang thức ăn khất thực. Rồi, khi ba tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: 'Này các bạn, trong sự an trú nào sa-môn Cồ-đàm thường an trú trong thời gian an cư mùa mưa (kiết hạ)?'—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ đó như vầy: 'Này các bạn, trong thời gian an cư mùa mưa, đức Thế Tôn thường an trú trong 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi- thở'.' "Ở đây, này các Tỳ kheo, có chánh-niệm ta thở-vô, có chánh-niệm ta thở-ra. Khi đang thở-vô dài, ta biết: 'Ta thở-vô dài'; khi đang thở-ra dài, ta biết: 'Ta thở-ra dài'; khi đang thở-vô ngắn, ta biết: 'Ta thở-vô ngắn'; khi đang thở-ra ngắn, biết: 'Ta thở-ra ngắn'. Ta biết: 'Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô'… Ta biết: 'Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra.'312 "Này các Tỳ kheo, ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vầy: 'Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú), sự an trú của Như Lai (Như Lai trú)', thì người đó đang nói về 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở'.

"Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào còn là học-nhân, là người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được 'sự an-toàn khỏi sự trói-buộc': thì đối với họ 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở', khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn

tới sự tiêu diệt những ô- nhiễm. Còn những Tỳ kheo đã là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở', khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này và dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác).313 "Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vầy: 'Đó là một sự an trú thánh thiện, một sự an trú thiên thánh, sự an trú của Như Lai', thì người đó đang nói về 'sự định-tâm nhờ sự chánh- niệm hơi-thở'." (SN 54:11)

12 (2) Có Nghi Ngờ Trong một lần có Ngài Lomasavaṅgīsa đang sống ở xứ Thích-Ca (Sa-kya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó, ông Mahānāma (Đại Danh) thuộc họ tộc Thích-ca đã đến gặp thầy Lomasavaṅgīsa, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa thầy, có phải sự an trú của một học-nhân cũng giống sự an trú của Như Lai, hay sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác?" "Này đạo hữu Mahānāma, không phải sự an trú của một học-nhân cũng giống sự an trú của Như Lai; thay vì vậy, sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác. "Này đạo hữu Mahānāma, những Tỳ kheo nào còn là học-nhân, là

người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được 'sự an-toàn khỏi sự trói-buộc', thì họ an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại.314 Năm đó là gì? Những chướng ngại là tham-dục, ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo nào còn là học-nhân … thì an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng- ngại. "Nhưng, này đạo hữu Mahānāma, còn những Tỳ kheo là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.315 Năm đó là gì? Những chướng ngại là tham-dục, ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo là A-la-hán … thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. "Này đạo hữu Mahānāma, cũng theo phương pháp sau đây, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác: "Này đạo hữu Mahānāma, trong một lần giống vầy khi đức Thế Tôn đang sống ở Icchānaṅgala, trong Khu Rừng Icchānaṅgala. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: '"Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật một mình, nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khất thực cho ta. [Tiếp tục y hệt như kinh 54:11 kế trên, cho đến:]

'"Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vầy: 'Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú), sự an trú

của Như Lai (Như Lai trú)', thì người đó đang

nói về 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở'." "Này đạo hữu Mahānāma, bằng phương pháp này, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác." (SN 54:12)

13 (3) Ānanda (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?" "Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ." "Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là ... (những thứ đó) ...?" "Này Ānanda, 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' là một thứ (một pháp, pháp tu) khi đã được tu tập và tu dưỡng, nó hoàn thành 'bốn nền tảng chánh-niệm'. 'Bốn nền tảng chánh-niệm' khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành 'bảy chi giác-ngộ'. 'Bảy chi giác-ngộ' khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành 'Trí-biết đích thực (minh) và Sự giải-thoát'. [I. Hoàn thành 'Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm'] "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) khi thở-vô dài, biết: 'Ta thở-vô dài'; hoặc, khi thở-ra dài, biết: 'Ta thở-ra dài'; (ii) khi thở-vô ngắn, biết: 'Ta thở-vô ngắn'; hoặc, khi thở-ra ngắn, biết: 'Ta thở-ra ngắn';

(iii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra'; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân', ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó người đó an trú quán sát thân [hơi-thở] trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là 'sự thở-vô và thở-ra' (thân hơi-thở). Đó là lý do nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo đó an trú quán sát thân [hơi-thở] trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(1).] kinh SN 54:10 ở trên.) (2) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)', ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở-ra'; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự sướng (lạc), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự sướng, ta sẽ thở-ra'; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở- vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra'; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác,

nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm kỹ càng (chú ý sát sao) tới 'sự thở-vô và thở-ra'. Đó là lý do nói rằng, trong thời đó Tỳ kheo đó an trú quán sát những cảm- giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(2).] kinh SN 54:10 ở trên.)

(3) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-ra'; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-ra'; (iii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Tập trung cái tâm, ta sẽ thở-ra'; (iv) khi người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta nói rằng không có 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' nào đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, xao lãng) và những người thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác). Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(3).] kinh SN 54:10 ở trên.)
(4) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vầy: 'Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-vô'; khi người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-ra'; (ii) khi người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-ra'; (iii) người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-ra'; (iv) người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-vô'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra'—thì trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là 'sự dẹp-bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền' như vậy, người đó là người nhìn (quan sát) kỹ [vào tâm] với sự buông-xả. Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo

pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm- muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (giống phần [(4).] kinh SN 54:10 ở trên.)

"Đó là, này Ānanda, khi 'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở' đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, nó sẽ hoàn thành 'bốn nền tảng chánh-niệm'. [II. Hoàn thành 'Bảy Chi Giác-Ngộ'] "Và, này Ānanda, theo cách nào 'bốn nền tảng chánh-niệm' được tu

tập và tu dưỡng, để cho chúng hoàn thành 'bảy chi giác-ngộ'? 316 (1) (i) "Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [1] Thân trong thân, thì trong thời đó sự chánh-niệm không bị nhiễu [không mờ rối; liền tục, không gián đoạn, không phân tán] được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không bị nhiễu đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm {niệm giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (ii) "Sau khi an trú có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo an trú có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí- tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự phân- biệt những trạng-thái {trạch-pháp giác chi} được phát khởi bên trong người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái; trong thời đó chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (iii) "Trong khi người đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Này Ānanda, khi nào sự nỗ-lực của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực {tinh-tấn

giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự nỗ-lực; trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (iv) "Sau khi sự nỗ-lực của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh (phi thế tục). Này Ānanda, khi nào sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ {hỷ giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (v) "Trong một người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Này Ānanda, khi nào thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng {khinh-an giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (vi) "Trong một người tu có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định. Này Ānanda, khi nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm {định giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự định-tâm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. (vii) "Người đó trở thành người chỉ ngồi nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo chỉ nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông- xả {xả giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó

người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông- xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

Chương 54 Liên kết HƠI THỞ VÔ-RA • 427

(2) (i) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [2] Những cảm-giác trong những cảm-giác … (3) (i) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [3] Tâm trong tâm … (4) (i) “Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo an trú quán sát [4] Những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, thì trong thời đó sự chánh-niệm không bị nhiễu được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không bị nhiễu đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh- niệm {niệm giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu tập. [Tiếp tục 07 chi giác-ngộ từ (ii)-(vii) tương tự phần (1) về Thân giờ áp dụng đối với (2) Những cảm-giác, (3) Tâm, và (4) Những giáo pháp] …

(vii) Người đó trở thành người chỉ ngồi nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo chỉ nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông- xả {xả giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông- xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập. “Này Ānanda, đó cách ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’.

[III. Hoàn thành ‘Trí-Biết Đích Thực & Sự Giải-Thoát’] “Và này Ānanda, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’? “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh- niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng-thái (trạch pháp) … chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh

428 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

tấn) … chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ) … chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an) … chi giác-ngộ là sự chánh-định (định) … chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Này Ānanda, đó chính là khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, thì chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’.” (SN 54:13)

14 (4) Ānanda (2) Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda như vầy: “Này Ānanda, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn …” “Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy

thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ. “Và, này Ānanda, cái gì là … (những thứ đó) …? “Này Ānanda, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ là một thứ (pháp tu) khi đã được tu tập và tu dưỡng, nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’. ‘Bảy chi giác-ngộ’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘Trí-biết đích thực và Sự giải-thoát’. “Và, này Ānanda, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi- thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-

niệm’? “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, hay đến một gốc cây hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ chú tâm chánh-niệm (chú tâm vào hơi-thở) người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục toàn bộ y hệt như bài kinh 54:13 kế trên, cho đến:] … chi giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm- dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.. “Này Ānanda, đó chính là khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, thì chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’.” (SN 54:14)

15 (5) Các Tỳ Kheo (1) [Giống hệt kinh 54:13 ở trên, chỉ khác là “một số Tỳ kheo” thay vì là thầy “Ānanda”.] (SN 54:15)

16 (6) Các Tỳ Kheo (2) [Giống hệt kinh 54:14 ở trên, chỉ khác là “một số Tỳ kheo” thay vì là thầy “Ānanda”.] (SN 54:16)

17 (7) Những Gông Cùm “Này các Tỳ kheo, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm (kiết sử).” (SN 54:17)

18 (8) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn “… sẽ dẫn tới sự bứng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên).”

(SN 54:18)

19 (9) Quá Trình “… sẽ dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu quá-trình (của đường luân-hồi sinh tử của một người).” (SN 54:19)

20 (10) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm “… sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu hoặc). “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông- cùm, dẫn tới sự bứng-bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn, dẫn tới sự hoàn- toàn hiểu quá-trình (của luân-hồi), dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm? “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo

chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra … [tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương] …

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘sự định-tâm nhờ sự chánh- niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm, dẫn tới sự bứng-bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu quá-trình, dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.” (SN 54:20)

Chương 55.

Liên Kết NHẬP LƯU (55 Sotāpattī-saṃyutta) (55 Tương ưng Dự Lưu)

Chương 55 Liên Kết NHẬP-LƯU • 433

NHÓM 1. NHÓM ‘CỔNG TRE’ (Veḷudvāra-vagga)

1 (1) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Ở Sāvatthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, cho dù đó là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), đã thực thi quyền thống trị tối cao khắp bốn châu lục, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, trong số những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi), và ở đó, được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana (lạc viên, vườn khoái lạc), người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái-lạc giác quan của cõi trời, nhưng vị vua đó vẫn chưa có-được bốn điều,317 vẫn chưa thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, chưa thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ và cõi dưới.318 “Này các Tỳ kheo, do chù một đệ tử thánh thiện chỉ sống duy trì bản thân bằng mớ thức ăn khất thực và y phục làm bằng giẻ rách, nhưng người đó vẫn có-được bốn điều, vẫn thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ và cõi dưới. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí- biết trực tiếp và đức-hạnh, bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’]319 (2) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được

áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’] (3) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường,

đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian.’] (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), (chúng) không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết ố, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.’320 “Người đó có-được bốn điều này. Và, này các Tỳ kheo, giữa hai thứ, quyền thống trị khắp bốn châu lục và sự có-được bốn điều đó, thì quyền thống trị bốn châu lục không đáng bằng một phần mười sáu so với việc có-được bốn điều đó.”321 (SN 55:01)

2 (2) Đã Nhập Cứ … “Này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì người đó là một thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.322 Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc

thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ (như kinh 55:01 kế trên)

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vầy: “Ai có-được niềm-tin và giới-hạnh, Sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp, Vào lúc đạt tới niềm hạnh-phúc, Đã nhập cứ vào đời sống tâm linh (phạm hạnh).”323 (SN 55:02)

3 (3) Dīghāvu Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một đệ tử tại gia tên là Dīghāvu bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi người đệ tử tại gia Dīghāvu đó đã nói với cha mình là gia chủ Jotika, như vầy: “Thưa cha, nhờ cha đến gặp đức Thế Tôn, kính lạy đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn giùm con, và thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, đệ tử tại gia Dīghāvu (là con trai của con) đang bệnh, đau đớn, bệnh gần chết; con trai con nhờ con đến kính lạy với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn.’ Rồi cha thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến nơi ở của người đệ tử tại gia Dīghāvu, vì lòng bi-mẫn.’” “Được rồi, con yêu”, gia chủ Jotika trả lời, và ông đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại lời của người con. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi đức Thế Tôn mặc y áo, mang bình bát và cà sa, đi đến nơi ở của

đệ tử tại gia Dīghāvu. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với người đệ tử Dīghāvu: “Này Dīghāvu, ta hy vọng anh đang chịu đựng tốt, ta hy vọng anh đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của anh đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.” “Như vậy, này Dīghāvu, anh nên tập luyện bản thân như vầy: (1) ‘Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: “Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.” (2) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: … (4) Tôi sẽ là người có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.”’ (như kinh 55:01 ở đầu chương) Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.” “Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố (của/dẫn tới) Nhập-lưu’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, những điều đó đều có đủ bên trong con, và con sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng, và con có-được những giới- hạnh mà những bậc thánh quý trọng.” “Như vậy, này Dīghāvu, nếu đã thiết-lập ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đó, thì anh nên tu tập thêm sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Ở đây, này Dīghāvu, hãy an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự dẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chấm-dứt.324

Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.” “Thưa đức Thế Tôn, đối với sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, sáu điều đó đều có đủ bên trong con, và con đã sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con an trú an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự dẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chấm-dứt. Tuy nhiên, thưa đức Thế Tôn, con hy vọng sau khi con chết đi phụ thân con [gia chủ Jotika] sẽ không bị ưu sầu.” “Đừng lo lắng về điều này, này con Dīghāvu yêu dấu. Lúc này con chỉ nên chú-tâm kỹ càng vào những lời đức Thế Tôn đang nói với con”, (gia chủ Jotika nói) Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã nói những lời dạy đó cho người đệ tử tại gia Dīghāvu, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đi về, người đệ tử tại gia Dīghāvu đã qua đời. Rồi, sau đó một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, vị đệ tử tại gia Dīghāvu đã chết. Vậy nơi-đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?” “Này các Tỳ kheo, đệ tử tại gia Dīghāvu là người có trí. Người đó đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đệ tử tại gia Dīghāvu đã trở thành người tái sinh một cách tự phát (vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất Lai), và từ ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) nữa.” (SN 55:03)

4 (4) Xá-lợi-phất (1) Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Ānanda ra khỏi chỗ tách-ly (ẩn trú) … Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Ānanda đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, do có-được bao nhiêu điều gì mà có những người đã được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ?” “Này Ānanda, chính là do có-được bốn điều cho nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có- được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ (như kinh 55:01 ở đầu chương) “Này đạo hữu, chính do có-được bốn điều này cho nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ.” (SN 55:04)

5 (5) Xá-lợi-phất (2) Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy: “Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu,

một yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một yếu-tố để đạt tới thánh quả Nhập-lưu?” “Thưa Thế Tôn, (i) giao lưu với bậc thượng nhân là một yếu-tố để Nhập-lưu. (ii) Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iii) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là một yếu-tố để Nhập- lưu. (iv) Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu-tố để Nhập-lưu..”325 “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! (i) Giao lưu với bậc thượng nhân là một yếu-tố để Nhập-lưu. (ii) Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iii) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là một yếu-tố để Nhập-lưu. (iv) Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu-tố để Nhập-lưu. “Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Dòng chảy, dòng chảy’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là dòng chảy?” “Thưa Thế Tôn, con-đường Bát Thánh Đạo là dòng chảy (dòng thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Con-đường Bát Thánh Đạo này là dòng chảy; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. “Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một bậc Nhập-lưu, một bậc Nhập-lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một người Nhập-lưu (đã nhập vào dòng thánh đạo; Tu-đà-hoàn)?” “Thưa Thế Tôn, một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-lưu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.” (tức được gọi bậc trước tên, ví dụ như ‘Nhập-lưu Cấp Cô Độc’) “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-lưu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.” (SN 55:05)

6 (6) Những Người Thị Vệ Ở Sāvatthī. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang may cà-sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Sau ba tháng, khi cà-sa được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.” Bấy giờ, lúc đó có những người thị vệ326 là Isidatta và Purāṇa đang tạm trú ở Sādhuka vì một số công chuyện. Họ nghe rằng: “Một số Tỳ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, và họ nghĩ rằng: ‘Sau ba tháng, khi cà- sa được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’” Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đặt một người đứng trước đường, dặn anh ta: “Này bạn hiền, khi nào anh thấy đức Thế Tôn đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì anh báo ngay cho chúng tôi nghen.” Sau khi đứng trước đường hai, ba ngày thì anh ta nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi tới từ xa. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, anh ta đến gặp hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa để báo với họ: “Thưa các ngài, đức Thế Tôn đang đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy các ngài tùy nghi đến gặp.” Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đi theo sát phía sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã bước ra khỏi đường, đến một gốc cây, và ngồi xuống một chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: (a) “Thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Sāvatthī (Xá-vệ) để du hành tới xứ người Kosala (Kiều-tất-la), thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở xa chúng con.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời khỏi Sāvatthī để du hành tới xứ người Kosala, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’ “Thêm nữa, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Kosala để du hành tới xứ người Malla … Rồi khi chúng con

nghe rằng rằng đức Thế Tôn đã rời Kosala để du hành tới xứ người Malla … … lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) … Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời khỏi Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) … … lúc chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ Vajji để du hành tới xứ người Kāsi … Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Kāsi … … lúc chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Kāsi … Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kāsi để du hành tới xứ người Magadha (Ma-kiệt-đà), thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’ Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kāsi để du hành tới xứ người Magadha, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng sự buồn-bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’ (b) “Nhưng, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Magadha để du hành tới xứ người Kāsi, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Magadha để du hành ở xứ người Kāsi, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con hơn.’ “Thêm nữa, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Kāsi để du hành tới xứ người Vajji … Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Kāsi để du hành tới xứ người Vajji … … lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Vajji để du hành

tới xứ người Malla … Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Vajji để du hành tới xứ người Malla … … lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Malla để du hành tới xứ người Kosala … Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Mal-

la để du hành tới xứ người Kosala … … lúc chúng con mới nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Kosala để du hành tới Sāvatthī, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân- hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc, thì trong thời gian đó khởi sinh trong chúng con sự hân-hoan và vui-mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con.’” - “Như vậy đó, này các quan thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bẩn. Đời sống xuất gia như trời đất rộng mở. Này các thị vệ, bấy nhiêu đó cũng đủ lý do để các anh biết chuyên cần (tu tập).” “Thưa Thế Tôn, chúng con còn bị dính một sự giam cầm khác thậm chí còn giam cầm hơn, và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa.” - “Nhưng, này các thị vệ, cái gì là sự giam cầm mà các anh đang dính vào, cái gì thậm chí còn giam cầm hơn và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa?” “Ở đây, thưa Thế Tôn, khi Vua Pasenadi của xứ Kosala muốn đi một chuyến tới vườn ngự viên của mình, thì trước hết chúng con phải chuẩn bị những con voi, rồi đặt những cung phi được sủng ái của nhà vua ngồi lên những ghế ngồi trên lưng voi, ngay trước mặt và sau lưng mình. Thưa Thế Tôn, rồi mùi hương của những cung phi đó thơm ngát như hộp nước hoa mới mở ra; những cung phi được sức mùi thơm ngát như vậy. Thêm nữa, thưa Thế Tôn, sự đụng chạm với thân thể của các cung phi đó thì êm ái giống như chạm vào bông vải hay bông kapok vậy; những cung phi hoàng gia đó được được nuôi dưỡng một cách chăm chút như vậy. Rồi, thưa Thế Tôn, trong thời gian đó thì chúng con phải thị vệ những con voi, thị vệ những quý phi, và còn phải lo phòng vệ bản thân mình, mặc dù chúng con không thể nào nhớ hết bao nhiêu lần đã làm khởi sinh những trạng thái bất thiện (tà dục) đối với những cung phi mỹ nữ đó. Thưa Thế Tôn, đó chính

là một sự giam cầm khác mà chúng con đang dính phải, nó thậm chí còn giam cầm hơn, và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa.” - “Bởi vậy, này các thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bẩn. Đời sống xuất gia thì như trời đất rộng mở. Bấy nhiêu cũng đủ lý do để các anh biết chuyên cần (tu tập). Này các thị vệ, người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. “Bốn đó là gì? Ở đây, này các thị vệ, (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (như 03 điều kinh 55:01 ở đầu chương) … (4) Người đó sống ở nhà với một cái tâm không bị nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ-bỏ,

người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.327 Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác- ngộ là đích đến của mình. “Này các thị vệ, các anh có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn…. Thêm nữa, trong nhà có thứ gì thích hợp để cho-đi thì các anh hãy bố thí chia sẻ một cách không thủ-giữ những thứ đó cho những người đức-hạnh và có tính-cách thiện. Này các quan thị vệ, các anh nghĩ sao, có được bao nhiêu người trong dân chúng Kosala có thể sánh bằng các anh về mặt rộng lòng bố-thí?” “Thưa Thế Tôn, điều đó thật là ích-lợi cho chúng con, điều đó được khéo đắc-lợi bởi chúng con, rằng đức Thế Tôn đã biết rõ chúng con như vậy.” (SN 55:06)

7 (7) Những Người Làng Cổng Tre Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi bộ du hành ở xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới khu làng Cổng Tre (Trúc Môn) của những bà-la-môn người Kosala. Lúc đó những gia chủ bà-la-môn ở làng Cổng Tre đã nghe tin rằng: [“Này các ngài, nghe nói rằng sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi một gia đình họ Thích-Ca, đã đi du hành tới xứ Kosala cùng với một tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, và mới tới làng Cổng Tre. Giờ tin đồn tốt về Thầy Cồ-đàm đã lan truyền như vầy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh, chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.”] Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó.” Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Cổng Tre đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, một số họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Một số chào hỏi, sau khi chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên. Một số khác tự xưng tên tuổi và họ tộc của mình với đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những gia chủ bà-la-môn của làng Cổng Tre đã nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy

vọng như vầy: ‘Chúng tôi cầu được sống trong nhà với nhiều con cháu! Chúng tôi cầu được dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi! Chúng tôi cầu được mang vòng hoa, xức nước hoa, và cao sáp! Chúng tôi cầu nhận được vàng bạc! Khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi cầu được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời!’ Khi chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy, mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp theo một cách để chúng tôi có thể được sống trong nhà với nhiều con cháu …

được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." - "Này các gia chủ, ta sẽ dạy cho các người Giáo Pháp có thể ứng dụng được cho mỗi người.328 Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói." "Dạ, Thầy Cồ-đàm", những gia chủ bà-la-môn vùng Cổng Tre đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các gia chủ, cái gì là Giáo Pháp ứng dụng được cho mỗi người? (1) "Ở đây, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Ta là người muốn được sống chứ không muốn chết; ta muốn (thích) hạnh-phúc và tránh (ghét) khổ-đau. Vì ta là người muốn được sống . . . và tránh khổ-đau, nên nếu có ai lấy mạng ta thì ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy mạng người (hay vật) khác—người (hay vật) đó cũng muốn được sống chứ không muốn chết, muốn hạnh-phúc và tránh khổ- đau—thì người (hay vật) đó cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người (hay vật) khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người (hay vật) khác?' (Điều gì mình không muốn thì đừng làm với người khác). Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, và đề cao (khen ngợi) việc kiêng cữ sát-sinh. Như vậy hành-vi thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.329 (2) "Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Nếu có ai muốn lấy thứ ta không cho, đó là trộm cắp của ta,

điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy thứ người khác không cho ta, tức là gian cắp của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?' Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ, kiêng cữ gian-cắp (như lấy thứ không được cho, cướp, gian lận, ăn hối lộ, tống tiền, tham nhũng, làm giàu bất chính ...), khuyến khích người khác kiêng cữ gian-cắp, và khen ngợi sự kiêng cữ gian-cắp. Như vậy hành-vi thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách. (3) "Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Nếu có ai muốn ngoại tình với vợ ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta đi ngoại tình với vợ của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?' Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ tà-dâm tà dục (ý nghĩ, hành vi, quan hệ tính dục bất chính), khuyến khích người khác kiêng cữ tà-dâm tà dục, và khen ngợi sự kiêng cữ việc tà-dâm tà dục. Như vậy hàng-vi thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách. (4) "Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Nếu có ai nói dối nói sai để làm hại ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói dối nói sai để làm hại người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?' Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ nói-dối nói láo, khuyến khích người khác kiêng cữ nói-dối nói láo, và khen ngợi sự kiêng cữ nói-dối nói láo. Như vậy

hành-vi thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách. (5) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét

Chương 55 Liên Kết NHẬP-LƯU • 447

như vầy: ‘Nếu có ai chia rẽ ta với bạn bè thân hữu bằng lời-nói gây chia- rẽ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta chia rẽ người khác và bạn bè thân hữu của họ, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu … (tiếp tục tương tự các điều trên) …’ Như vậy hành-vi miệng (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách. (6) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Nếu có ai nói với ta bằng những lời-nói gắt-gỏng nạt nộ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta nói lời gắt-gỏng nạt nộ với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu …’ Như vậy hàng-vi miệng (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách. (7) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: ‘Nếu có ai nói với ta những lời-nói tầm-phào tán dóc (vô ích, vô bổ, tào lao), điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói lời tầm- phào tán dóc với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ lời-nói tầm-phào tán dóc, khuyến khích người khác kiêng cữ lời-nói tầm-phào tán dóc, và khen ngợi sự kiêng cữ lời-nói tầm- phào tán dóc. Như vậy hành-vi miệng (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách. (9)-(12) “(1) Người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm- tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: … (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ (như đoạn này ở kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này các gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bảy phẩm- hạnh thiện lành nói trên, cộng với bốn điều đáng có mới nói này, thì nếu muốn người đó có thể tuyên bố về mình như vầy: ‘Ta đã hết đã hết (rớt

448 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

vào; đã đoạn tuyệt với) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã hết cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’” Sau khi điều này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn của làng Cổng Tre đã nói: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! … Nay chúng con xin quy y nương tựa vào Thầy Cồ-đàm, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn các Tỳ Kheo. Kể từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 55:07)

8 (8) Hội Trường Gạch (1) Tôi nghe như vầy.330 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ñātika trong Hội Trường Bằng Gạch. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo tên Sāḷha

đã chết. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì, đường tương-lai (tái sinh) của thầy ấy là gì? Tỳ kheo ni tên Nandā đã chết. Nơi-đến của ni ấy là gì, đường tương-lai của ni ấy là gì? Đệ tử tại gia nam tên Sudatta đã chết. Nơi-đến của bác ấy là gì, đường tương-lai của bác ấy là gì? Đệ tử tại gia nữ tên Sujātā đã chết. Nơi-đến của cô ấy là gì, đường tương-lai của cô ấy là gì?" "Này Ānanda, (a) Tỳ kheo Sāḷha đã chết, bằng sự tiêu diệt hết ô- nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (b) Tỳ kheo ni Nandā đã chết, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát vào một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, của bậc thánh Bất- lai), và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) nữa. (c) Đệ tử tại gia nam Sudatta đã chết, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã thành một bậc Nhất-lai, chỉ

còn quay lại thế gian này một lần nữa, rồi sẽ làm nên sự diệt-khổ.331 (d) Đệ tử tại gia nữ Sujātā đã chết, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), đã là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. "Không có gì đáng ngạc nhiên, này Ānanda, rằng làm con người rồi ai cũng phải chết. Nhưng cứ mỗi lần có ai chết thầy lại đến gặp ta hỏi như vậy, điều đó sẽ làm phiền Như Lai. Bởi vậy, này Ānanda, ta sẽ dạy cho thầy một Giáo Pháp được gọi là 'tấm gương của Giáo Pháp', nếu được trang bị nó, thì một đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vầy: 'Ta đã hết (rớt vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma ngạ quỷ, đã hết những cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.' "Và, này Ānanda, cái gì là Giáo Pháp đó, là 'tấm gương của Giáo Pháp', khi được trang bị nó thì một người đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình như vậy? Ở đây, này Ānanda, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) "Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.' (như kinh 55:01 ở đầu chương)

"Này Ānanda, đây là Giáo Pháp đó, là 'tấm gương của Giáo Pháp', khi được trang bị nó thì một đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vầy: 'Ta đã hết (rớt vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma ngạ quỷ, đã hết những cảnh giới đày đọa, những nơi- đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.'" (SN 55:08)

9 (8) Hội Trường Gạch (2) Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo tên Asoka đã chết. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì,

đường tương-lai của thầy ấy là gì? Tỳ kheo ni tên Asokā đã chết. Nơi-đến của ni ấy là gì, đường tương-lai của ni ấy là gì? Đệ tử tại gia nam tên Asoka đã chết. Nơi-đến của bác ấy là gì, đường tương-lai của bác ấy là gì? Đệ tử tại gia nữ tên Asokā đã chết. Nơi-đến của cô ấy là gì, đường tương-lai của cô ấy là gì?" "Này Ānanda, (a) Tỳ kheo Asoka đã chết, bằng sự tiêu diệt hết ô- nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (b) … [những người kế tiếp lần lượt giống những người trong kinh kế trên; rồi tiếp tục cho đến đoạn cuối:] …

"Này Ānanda, đây là Giáo Pháp đó, là 'tấm gương của Giáo Pháp', khi được trang bị nó thì một đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vầy: 'Ta đã hết (rớt vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma ngạ quỷ, đã hết những cảnh giới đày đọa, những nơi- đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.'" (SN 55:09)

10 (10) Hội Trường Gạch (3) Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đệ tử tại gia nam tên Kakkaṭa đã chết ở Ñātika. Vậy nơi-đến của chú ấy là gì, đường tương-lai của chú ấy là gì? Đệ tử tại gia nam tên Kāḷiṅga … Nikata … Kaṭissaha … Tuṭṭha … Santuṭṭha … Bhad- da … Subhadda đã chết ở Ñātika. Vậy nơi-đến của chú ấy là gì, đường

tương-lai của chú ấy là gì? "Này Ānanda, (b) đệ tử tại gia nam Kakkaṭa đã chết, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát vào một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, của bậc thánh Bất-lai), và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) nữa. Các các đệ tử tại gia nam là Kāḷiṅga, Nikata, Kaṭissaha, Tuṭṭha, Santuṭṭha, Bhadda, và Subhadda cũng giống như vậy. "Hơn năm mươi đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát vào một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, của bậc thánh Bất-lai), và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) nữa "(c) Hơn chín mươi đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã thành một bậc Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, rồi sẽ làm nên sự diệt-khổ. "(d) Năm trăm lẻ sáu đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), đã là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.332 "Không có gì đáng ngạc nhiên, này Ānanda, rằng làm con người rồi ai cũng phải chết. Nhưng cứ mỗi lần có ai chết thầy lại đến gặp ta hỏi như vậy, điều đó sẽ làm phiền Như Lai. Bởi vậy, này Ānanda, ta sẽ dạy cho thầy một Giáo Pháp được gọi là 'tấm gương của Giáo Pháp' … (tiếp tục như kinh kế trên)

"Và, này Ānanda, cái gì là Giáo Pháp đó, là 'tấm gương của Giáo Pháp', khi được trang bị nó …? … [Tiếp tục phần còn lại như kinh 55:08 ở trên.] …

(SN 55:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘TỊNH XÁ HOÀNG GIA’ hay ‘MỘT NGÀN’ (Rājakārāma-vagga)

11 (1) Một Ngàn Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong khu Tịnh Xá (của) Hoàng Gia. Lúc đó có Tăng đoàn gồm có một ngàn Tỳ kheo ni đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, đứng sang một bên. Đức Thế Tôn đã nói với những Tỳ kheo ni đó: “Này các Tỳ kheo ni, một đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo ni, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm- tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ (như kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này các Tỳ kheo ni, một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.” (SN 55:11)

12 (2) Những Bà-la-môn Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, những bà-la-môn tuyên bố một đường đi họ gọi là ‘hướng thượng’. Họ khuyến khích đệ tử như vầy: ‘Này, thiện nhân, hãy thức dậy sớm và mặt nhìn hướng đông bước đi. Đừng tránh hố sâu, vực

núi, hay gốc cây, chỗ gai góc, ao nước, hay hầm phân. Anh nên biết trước (trông đợi) cái chết khi rớt xuống bất cứ chỗ nào.333 Như vậy, này thiện nhân, khi thân tan rã, sau khi chết, anh sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ “Này các Tỳ kheo, kiểu thực hành này của những bà-la-môn là đường đi ngu ngốc, đường đi ngu xuẩn; nó không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta tuyên bố đường đi hướng thượng theo Giới Luật của Thánh Nhân, đường đi dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm- dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường đi hướng thượng, dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ … Niết-bàn. Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ (như kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này các Tỳ kheo, đây là đường đi hướng thượng, nó dẫn tới sự hoàn toàn sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.” (SN 55:12)

13 (3) Ānanda Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ tách-ly (chỗ ẩn trú), đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

"Này đạo hữu Ānanda, bằng cách dẹp-bỏ bao nhiêu thứ và do có- được bao nhiêu thứ thì có những người được đức Thế Tôn tuyên bố như vầy: 'Người này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.'?" "Này đạo hữu, đó là bằng cách dẹp-bỏ bốn điều và do có-được bốn điều nên họ được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy. Bốn đó là gì? (1) "Này đạo hữu, người đó không-có sự không tin tưởng vào Đức Phật. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' (2) "Này đạo hữu, người đó không-có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.' (3) "Này đạo hữu, người đó không-có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng

Đoàn. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn của các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập theo cách thức tốt lành … là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.' (4) "Này đạo hữu, người đó không-có sự thiếu giới-hạnh. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự thiếu giới- hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó

có-được giới-hạnh. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đó là: 'Những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.' "Này đạo hữu, chính bằng cách dẹp-bỏ bốn điều như vậy và do có- được bốn điều như vậy, nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố như vầy: 'Người này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.'" (SN 55:13)

14 (4) Nơi Đến Xấu Dữ (1) "Này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi (sẽ bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) "Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới

đạt định.' (như kinh 55:01 ở đầu chương). Một người đệ tử thánh thiện có- được bốn điều này là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi một nơi-đến xấu dữ." (SN 55:14)

15 (5) Nơi Đến Xấu Dữ (2) "Này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi (sẽ bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới. Bốn đó là gì? … [Y hệt kinh trên, chỉ thêm chữ "trong cõi dưới".] … (SN 55:15)

16 (6) Bạn Bè và Đồng Sự … (1) "Này các Tỳ kheo, những người mà các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ và họ nghĩ các thầy nên được lắng nghe—dù họ là những bạn bè hay những đồng sự, những người thân hay họ hàng của mình—những người này các thầy334 nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong 'bốn yếu-tố Nhập-lưu'. "Bốn đó là gì? Ở đây, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm- tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) "Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.' (như kinh 55:01 ở đầu chương) "Này các Tỳ kheo, những người mà các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ …. những người này các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong 'bốn yếu-tố Nhập-lưu' này." (SN 55:16)

17 (7) Bạn Bè và Đồng Sự … (2) [Mở đầu như kinh kế trên, cho đến:]

"Bốn đó là gì? (1) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la- hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' "Này các Tỳ kheo, có thể có sự đổi-khác trong bốn yếu tố tứ đại— trong yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố gió—nhưng

không thể có sự đổi-khác trong người đệ tử thánh thiện (đã) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật. Sự đổi-khác kiểu như: người đệ tử thánh thiện có- được niềm-tin xác thực vào Đức Phật có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cảnh hồn ma ngạ quỷ—điều đó là không thể có. (2) “Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) … vào Tăng Đoàn … (4) … trong những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ “Này các Tỳ kheo, có thể có sự đổi-khác trong bốn yếu tố tứ đại … nhưng không thể có sự đổi-khác trong người đệ tử thánh thiện (đã) có- được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … Tăng Đoàn … trong những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng. Sự đổi-khác kiểu như: người đệ tử thánh thiện có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cảnh hồn ma ngạ quỷ— điều đó là không thể có. “Này các Tỳ kheo, những người mà các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ … những người này các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này.” (SN 55:17)

18 (8) Thăm Các Thiên Thần (1)

Ở Sāvatthī.335 Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, Ngài Đại Mục-kiền-liên đã biến mất khỏi Khu Vườn của thái tử Jeta và hiện ra trước các thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời Ba Mươi Ba). Lúc đó, một số thiên thần thuộc cõi trời Đao-lợi đã đến gặp thầy Đại Mục- kiền-liên, kính lễ thầy ấy, và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với các thiên thần: (1) “Này các bạn, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Bởi do có-được niềm-tin xác thực vào Phật, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. (2) “Này các bạn, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) … vào Tăng Đoàn như vầy: … (4) … có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” “Thưa thầy Mục-kiền-liên, đúng thực là tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn … có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng. Bởi do có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.” (SN 55:18)

19 (9) Thăm Các Thiên Thần (2) [Giống hệt bài kinh kế trên, ngoại trừ các câu “được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành” được đổi lại thành “đã được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành”]

(SN 55:19)

20 (10) Thăm Các Thiên Thần (3) Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, Đức Thế Tôn đã biến mất khỏi Khu Vườn của thái tử Jeta và hiện ra trước các thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời Ba Mươi Ba). Lúc đó, một số thiên thần thuộc cõi trời Tāvatiṃsa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với các thiên thần: (1) "Này các tiên, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Bởi do có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, cho nên có những chúng sinh ở đây là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. (2) "Này các tiên, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) … vào Tăng Đoàn như vầy: … (4) có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng. Bởi do có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình." "Thưa đức Thế Tôn, đúng thực là tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn … có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình." (SN 55:20)

NHÓM 3. NHÓM 'SARAKĀNI' (Sarakāni-vagga)

21 (1) Mahānāma (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, thành Kapilavatthu này giàu có và phát đạt, đông dân, đông đúc, với đường phố chen chúc.336 Vào buổi cuối chiều, khi con đang đi vô thành Kapilavatthu sau khi đi thăm viếng đức Thế Tôn hoặc những Tỳ kheo đáng kính, con gặp phải voi đi tán lạc, ngựa đi tán lạc, xe ngựa nhỏ đi tán lạc, xe ngựa lớn đi tán lạc, người đi tán lạc.337 Trong thời lúc đó, thưa Thế Tôn, sự chánh-niệm của con về đức Thế Tôn bị tán nhiễu, sự chánh-niệm của con về Giáo Pháp bị tán nhiễu, sự chánh-niệm của con về Tăng Đoàn bị tán nhiễu. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với con: 'Nếu mình chết ngay lúc này, nơi-đến của mình là gì, đường tương-lai của mình là gì? '" "Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ.338 Khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì ngay đây lũ quạ, kền kền, diều hâu, chó, chó rừng, hay những sinh vật khác ăn rỉa thân xác người đó, cái thân gồm thể sắc, được tạo thành bởi bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã. Nhưng tâm của người đó, vốn đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ—thì vẫn đi hướng thượng, đi đến sự

khác-biệt.339

Chương 55 Liên Kết NHẬP-LƯU • 461

- “Này Mahānāma, ví dụ người ta nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bể và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu ắt sẽ nổi lên trên. Cũng giống như vậy, này Mahānāma, khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì nó sẽ đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt. “Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ.” (SN 55:21)

22 (2) Mahānāma (2) [Giống kinh kế trên, cho đến:]

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ. Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này Mahānāma, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … (4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ (như kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này Mahānāma, ví dụ có một cây đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, nó sẽ ngã về hướng nào?” “Thưa Thế Tôn, nó sẽ ngã theo hướng mà nó đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông.” “Cũng giống như vậy, này Mahānāma, một người đệ tử thánh thiện

462 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

có-được bốn điều này thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” (SN 55:22)

23 (3) Godhā Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca đến gặp ông Godhā người họ tộc Thích-ca, và nói: “Này Godhā, bao nhiêu thứ một người phải có-được để chú có thể nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình?” “Này bác Mahānāma, khi một người có-được ba điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. “Ba đó là gì? Ở đây, một người (1) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … (2) vào Giáo Pháp … (3) vào Tăng Đoàn … Khi một người có-được ba điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Này bác Mahānāma, còn đối với bác thì bao nhiêu thứ một người phải có-được để bác nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình.?” “Này chú Godhā, đối với tôi, khi một người có-được bốn điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này chú Godhā, một người đệ

tử thánh thiện (1) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … (2) vào Giáo Pháp … (3) vào Tăng Đoàn … (4) Và người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định. Khi một người có-được bốn điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập- lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình.” “Khoan đã, bác Mahānāma! Đợi đã, bác Mahānāma! Chỉ đức Thế Tôn mới biết có phải người đó cần có-được những điều này hay không.”

“Vậy thì, này chú Godhā, chúng ta hãy đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, chúng ta sẽ thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn.” Rồi hai ông họ tộc Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Ông Mahānāma đã thưa lại vấn đề đối thoại của hai người [và nói thêm như vầy]: “Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (a) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó.340 Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có niềm-tin như vậy. “Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (b) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên … (c) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên … (d) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và các đệ tử tại gia nữ đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có niềm-tin như vậy.” “Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (b) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên … (c) Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên … (d) Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, các đệ tử tại gia nữ, và thế giới này có những thiên thần và Ma Vương, và Trời Brahmā, và thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có niềm-tin như vậy.” [Đức Thế Tôn mới nói:] “Này Godhā, khi Mahānāma họ Thích-ca đã nói như vậy,341 chú có muốn nói gì về ông ta nữa không?” “Thưa Thế Tôn, khi bác Mahānāma họ Thích-ca đã nói ra lời như

vậy, con không còn muốn nói gì nữa về bác ấy, ngoại trừ những điều tốt lành và phúc đức cho bác ấy.”342 (SN 55:23)

24 (4) Sarakāni (1) Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni343 người họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có nhóm người họ Thích-ca, sau khi gặp nhau và tụ họp, họ đã phản đối điều này, họ càu nhàu và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đáng ngạc nhiên! Vậy giờ đâu còn ai chưa là bậc Nhập- lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông

Sarakāni họ Thích-ca đã chết thành bậc thánh Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình? Ông Sarakāni thì tu tập quá kém; ông ta còn uống rượu kia mà!”344 Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:] “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rớt xuống cõi dưới cho được? Bởi vì, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai như vầy: ‘Người đó là một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng’, thì Sarakāni họ Thích-ca là một người mà người đó có thể nói điều đó. Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao vị ấy rớt xuống cõi dưới cho được? (1) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Và người đó cũng có niềm-tin xác thực như vậy vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là

người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. Này Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới.345 (là A- la-hán). (2) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó sẽ tái sinh tự phát vào một (trong 5) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, dành cho những thánh Bất-lai), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó, không còn quay lại (thế gian) nữa. Này Mahānāma, người này cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai) (3) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi chỉ còn quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai) (4) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn (đầu tiên), người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác- ngộ là đích đến của mình. Này Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã

thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-lưu) (5) “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn trí)346 (6) “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Và người này có đủ niềm-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín) - “Này Mahānāma, ngay cả nếu những cây sa-la lớn này hiểu được điều gì được thuyết một cách hay khéo và điều gì được thuyết một cách tồi tệ, thì ta cũng tuyên bố những cây sa-la lớn này là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Vậy tại sao ông Sarakāni họ Thích- ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã đảm nhận sự tu-tập vào lúc chết.”347 (SN 55:24)

25 (5) Sarakāni (2)

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có một nhóm người họ tộc Thích-ca, sau khi gặp mặt và tụ họp, đã phản đối điều này, họ càu nhàu và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đúng đáng ngạc nhiên! Vậy giờ đâu còn ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết thành bậc thánh Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình? Ông Sarakāni họ Thích-ca đã chưa hoàn thành việc tu tập kia mà!”348 Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn đã nói:] “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rớt xuống cõi dưới cho được? … Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao ông ấy rớt xuống cõi dưới cho được? (1) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vầy:349 ‘Đức Thế Tôn là một A- la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người

đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đó ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí- biết trực tiếp. Này Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi- đến xấu dữ, cõi dưới. (là A-la-hán) (2) "Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vầy: ... Và người đó cũng có

niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí- tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó (i) là người sẽ sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) trong kiếp này; hoặc (ii) là người chứng ngộ trí-biết cuối cùng vào lúc chết; hoặc (iii) là người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp); hoặc (iv) là người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh); hoặc (v) là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm; hoặc (vi) là người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm; hoặc (vii) là người đang hướng thượng, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).350 Này Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai) (3) "Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vầy.... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã tiêu diệt sạch sẽ ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai) (4) "Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vầy ... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã tiêu diệt sạch sẽ ba gông-cùm thấp hơn, người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Này Mahānāma, người

này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-lưu) (5) "Ở đây, này Mahānāma, có người không hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Phật là như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có

trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. - Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí- tuệ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn trí) (6) "Ở đây, này Mahānāma, có người không hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Phật là như vầy: ... Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. - Và người đó có đủ niềm-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín) - "Này Mahānāma, ví dụ có một miếng ruộng xấu, một miếng đất xấu, còn đầy gốc cây chưa được dọn sạch, và những hạt giống gieo xuống đó thì bị bể nát, bị phá hư, bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách không an toàn, và trời thì không hề mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không?

"Không, thưa Thế Tôn." "Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách tồi tệ, được tuyên thuyết một cách tồi tệ, không mang tính giúp giải- thoát, không hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi người chưa giác-ngộ toàn thiện—thì đó giống như một miếng ruộng xấu, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy—thì người đó giống như hạt giống xấu, ta nói vậy. - "Này Mahānāma, ví dụ có một miếng ruộng tốt, một miếng đất tốt, đã dọn sạch hết những gốc cây, và những hạt giống gieo xuống đó thì không bị bể nát, bị không phá hư, không bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách an toàn, và trời mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không? "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách hay khéo, được tuyên thuyết một cách hay khéo, mang tính giúp giải- thoát, hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi bậc đã giác-ngộ toàn thiện—thì đó giống như một miếng ruộng tốt, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy—thì người đó giống như hạt giống tốt, ta nói vậy. Vậy tại sao Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca là người đã hoàn thành sự tu-tập vào lúc chết." (SN 55:25)

26 (6) Cấp Cô Độc (1) Ở Sāvatthī. Bấy giờ, lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc nói với một

người như vầy: “Này người thiện, hãy đến gặp Thầy Xá-lợi-phất, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thầy, gia chủ Cấp Cô Độc đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; ông ấy xin cuối đầu dưới chân Thầy để kính lễ.’ Rồi hãy thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Xá-lợi-phất đến gia cư để thăm gia chủ Cấp Cô Độc vì lòng bi- mẫn.’” “Dạ được, thưa gia chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng. Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Cấp Cô Độc, cùng đi có thầy Ānanda. Rồi các thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và thầy Xá-lợi-phất nói với gia chủ Cấp Cô Độc: “Này gia chủ, tôi hy vọng bác đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng bác đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của bác đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặng của nó, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.” “Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.” (1) “Này gia chủ, bác không-có sự không tin tưởng vào Đức Phật. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi- đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc Giác

Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ. (2) “Này gia chủ, bác không-có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ. (3) “Này gia chủ, bác không-có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn của các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập theo

cách thức tốt lành … là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.' Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ. (4) "Này gia chủ, bác không-có sự thiếu giới-hạnh. Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự thiếu giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong

một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có- được giới-hạnh. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đó là: 'Những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.' Khi bác quán xét bên trong mình những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ. (5) "Này gia chủ, {tiếp tục chi 1} bác không có cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có những cách-nhìn sai lạc … bị tái sinh … trong địa ngục. Và bác có-được cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-kiến đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ. (6)-(14) "Này gia chủ, {chi 2-10} bác không có ý-định sai lạc (tà tư duy) … lời-nói sai trái (tà ngữ) … hành-động sai trái (tà nghiệp) … sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) … sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) … sự tâm- niệm sai lạc (tà niệm) … sự định-tâm sai lạc (tà định) … sự hiểu-biết sai lạc (tà trí) … sự giải-thoát sai lạc (sự giải-thoát giả). Không giống những người phàm phu không được chỉ dạy, do có ý-định sai lạc … sự giải-thoát giả … bị tái sinh … trong địa ngục. Và bác có-được ý-định đúng đắn (chánh tư duy) … lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) … hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) … sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) … sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) … sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) … sự định- tâm đúng đắn (chánh định) … sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) … sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát).351 Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-ngữ … sự chánh giải-thoát đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ. Rồi những sự đau đớn của ông Cấp Cô Độc đã lắng lặn ngay tại chỗ. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã tự tay sớt thức ăn từ dĩa đựng của mình để mời thầy Xá-lợi-phất và thầy Ānanda. Khi thầy Xá-lợi-phất ăn xong cơm trưa và đã dẹp bình bát qua một bên, gia chủ Cấp Cô Độc chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới cảm ơn vị gia

chủ bằng những dòng thi kệ này:
"Khi người có niềm-tin vào Như Lai,
(Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo,
Và những giới-hạnh là tốt thiện
Được những bậc thánh nhân yêu quý và khen ngợi;
"Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn

Và cách-nhìn của người đó đã được chánh thẳng,
Thì người ta nói rằng người đó là không nghèo nàn,
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.
“Bởi vậy một người thông minh, Ghi nhớ lời dạy của Đức Phật, Nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh, Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.” Rồi thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã nói xong mấy dòng thi kệ cảm ơn gia chủ Cấp Cô Độc, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Rồi thầy Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới hỏi thầy: “Này Ānanda, thầy đi đâu về giữa trưa như vậy?” “Thưa Thế Tôn, gia chủ Cấp Cô Độc đã được thầy Xá-lợi-phất khởi xướng (giáo giới) bằng những sự khởi xướng như vậy và như vậy …” “Này Ānanda, Xá-lợi-phất là có trí, Xá-lợi-phất là có trí-tuệ lớn lao (đại trí), bằng cách đó là thầy ấy có thể phân tách ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ thành mười kiểu {(6)-(14)} như vậy.” (SN 55:26)

27 (7) Cấp Cô Độc (2) [Mở đầu như kinh kế trên, nhưng lần này ông Cấp Cô Độc cho người đi

thỉnh mời thầy Ānanda … và đến đoạn:]

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.” (I) “Này gia chủ, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, do có bốn điều (thiếu) nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.352 Bốn điều đó là gì? (1) “Ở đây, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Đức Phật, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Phật thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới. (2) “Lại nữa, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Giáo Pháp thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới. (3) “Lại nữa, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Tăng Đoàn thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới. (4) “Lại nữa, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy là thiếu giới-hạnh (thiếu đức hạnh, thất đức), và khi người đó suy xét bên trong mình sự thiếu giới-hạnh đó thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới. “Đối với người phàm phu không được chỉ dạy, do có bốn điều này nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới. (II) “Này gia chủ, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có- được bốn điều (đủ) nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. Bốn điều đó là gì? (1) “Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-

được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la- hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Phật như vậy, thì không có sự sợ hãi, không

có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. (2) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có- được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. (3) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành … là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. (4) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định. Khi người đó quán xét bên trong mình những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng đó, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. “Đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được bốn điều này, nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.” - “Thưa thầy Ānanda, con không sợ sệt. Tại sao con phải sợ? Thưa thầy, bởi vì con có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn. Và đối với những giới-luật tu hành dành cho đệ tử tại gia đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy bên trong mình có

thứ (giới) nào bị sứt mẻ (bị bể, bị phạm, bị vết).” “Điều Đó là ích-lợi cho bác, này gia chủ! Điều đó khéo được đắc-lợi bởi bác, này gia chủ! Này gia chủ, như vậy là bác đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.” (SN 55:27)

28 (8) Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1) [hay Cấp Cô Độc (3)] [Kinh này giống hệt kinh 12:41 (Quyển 2).] (SN 55:28)

29 (9) Sự Thù Ghét Đáng Sợ (2)
Ở Sāvatthī.
Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ khi họ đang ngồi một bên:
[Phần còn lại giống hệt kinh 12:42 (Quyển 2).]
(SN 55:29)
30 (10) Nadaka Người Licchavi Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Lúc đó có ông Nandaka, là quan thượng thư (bộ trưởng) của những người Licchavi, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông ấy: - “Này Nandaka, một người đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này Nandaka, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và người, bậc

Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' (2) Người đó có-được niềm- tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào

478 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Tăng Đoàn ... (4) "Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh quý trọng, (chúng) không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.' (như kinh 55:01 ở đầu chương). Một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. - "Thêm nữa, này Nandaka, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này sẽ được phú cho mạng sống đại thọ, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho danh-tiếng, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho quyền-hành, dù ở trong cõi trời hay cõi người. Nay ta nói điều này, này Nandaka, không phải do nghe được từ tu sĩ hay bà-la-môn nào; mà ta nói ra điều chính tự ta đã biết, đã thấy, và đã hiểu." Sau khi điều này được nói ra, một người (hầu cận) đã nhắc ông Nan- daka, vị quan thượng thư của những người Licchavi, rằng: "Thưa ngài, đến giờ đi tắm gội." "Quá đủ rồi, ta nói, đó là sự tắm gội bên ngoài. Sự tắm gội bên-trong này mới đáng đủ, đó chính là, niềm-tin vào đức Thế Tôn." (SN 55:30)

Chương 55 Liên Kết NHẬP-LƯU • 479

NHÓM 4. NHÓM 'NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC' (Paṭhamapuññābhisanda-vagga)

31 (1) Những Dòng Phước Đức (1) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây là dòng chảy thứ nhất của phước-đức, là dòng chảy của điều thiện, một dưỡng chất của hạnh-phúc. (2) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.' Đây là dòng chảy thứ hai của phước-đức ... (3) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.' Đây là dòng chảy thứ ba của phước-đức ... (4) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.' Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ... "Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc." (SN 55:31)

480 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

32 (2) Những Dòng Phước Đức (2) "Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc. Bốn đó là gì?

[Tiếp tục y hệt kinh kế trên, riêng dòng chảy thứ tư là như sau:]

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức … “Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc.” (SN 55:32)

33 (3) Dòng Chảy Phước Đức (3) “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc. Bốn đó là gì? [Tiếp tục y hệt kinh kế trên, riêng dòng chảy thứ tư là như sau:]

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện là có trí, người đó có-được trí-tuệ được hướng tới ‘sự khởi-sinh và biến-diệt’ (lẽ sinh-diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức … “Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc.” (SN 55:33)

34 (4) Những Vết Chân Thiên Thánh (1)

Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, có bốn vết-chân thiên thánh (lối đi, đường đi, dấu vết) của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.353 Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây là vết-chân thiên thánh thứ nhất của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy. (2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Đây là vết-chân thiên thánh thứ hai của những thiên thần … (3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành … là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Đây là vết-chân thiên thánh thứ ba của những thiên thần … (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ Đây là vết-chân thiên thánh thứ tư của những thiên thần … “Đây là bốn vết-chân thiên thánh của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.” (SN 55:34)

35 (5) Những Vết Chân Thiên Thánh (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn vết-chân thiên thánh (lối đi, đường đi, dấu

vết) của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy. Bốn đó là gì?354 (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán …’ Người đó quán chiếu như vầy: ‘Giờ cái gì là dấu-chân thiên thánh của những thiên thần?’ Rồi người đó hiểu như vầy: ‘Ta đã nghe rằng thời này những thiên thần coi sự bất-bạo (không ức hiếp, vô bạo lực, không hung dữ) là tối thượng, và ta không mạnh bạo đối với bất cứ ai, dù mạnh hay yếu. Chắc chắn ta sống có-được một trong những dấu-chân thiên thánh.’ Đây là dấu chân thiên thánh thứ nhất của các thiên thần … (2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: … (3) … vào Tăng Đoàn như vầy: … Rồi người đó hiểu như vầy: … (như kế trên) … (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ ‘Giờ cái gì là dấu-chân thiên thánh của những thiên thần?’ Rồi người đó hiểu như vầy: ‘Ta đã nghe rằng thời này những thiên thần coi sự bất-bạo tối thượng, và ta không mạnh bạo đối với bất cứ ai, dù mạnh hay yếu. Chắc chắn ta sống có-được một trong những dấu-chân thiên thánh.’ Đây là dấu chân thiên thánh thứ tư của các thiên thần … “Đây là bốn vết-chân thiên thánh của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.” (SN 55:35)

36 (6) Giống Nhau Với Những Thiên Thần “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này, thì các thiên thần vui mừng và nói về sự giống nhau (tương đồng) của người đó [với họ].355 Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đối với những thiên thần đã qua đời ở đây [ở cõi người] và được tái sinh ở đó [ở cõi trời] đang có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, họ có ý nghĩ này: ‘Khi một người đệ tử thánh thiện có-được cùng niềm-tin xác thực vào Đức Phật như chúng tôi đã từng có-được khi chúng tôi qua đời ở đó [cõi người] và được tái sinh ở đây [cõi trời], thì người đệ tử đó cũng sẽ đến356 có mặt (tái sinh) trong số những thiên thần.’ (2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) … vào Tăng Đoàn…. (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định’. Đối với những thiên thần đã qua đời ở đây [ở cõi người] và được tái sinh ở đó [ở cõi trời] đang có-được cùng niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn … có-được cùng những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng như chúng tôi đã từng có-được khi chúng tôi qua đời ở đó [cõi người] và được tái sinh ở đây [cõi trời], thì người đệ tử đó cũng sẽ đến có mặt (tái sinh) trong số những thiên thần.’ “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này, thì các thiên thần vui mừng và nói về sự giống-nhau của người đó [với các thiên thần].” (SN 55:36)

37 (7) Mahānāma Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là một đệ tử tại gia?"

- "Này Mahānāma, khi một người đã quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì người đó là một đệ tử tại gia." "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về giới- hạnh?" - "Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia sống kiêng cữ: không sát- sinh, không gian-cắp, không tà-dâm tà dục, không nói-dối nói láo, không uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì người đệ tử đó đã thành tựu về mặt giới-hạnh." "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về niềm- tin?" - "Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử là người có niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-tin." "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí?" - "Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí." "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ?" - "Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia là có trí, người đó có-được trí-tuệ được hướng tới 'sự khởi-sinh và biến-diệt' (lẽ sinh-diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ." (SN 55:37)

38 (8) Mưa "Này các Tỳ kheo, giống như, khi mưa đổ xuống những giọt mưa nặng trên một đỉnh núi, nước sẽ chảy xuống dốc nghiêng và chảy đầy các khe núi, rạch nước, và lạch nước; rồi chúng đổ đầy các ao nước; chúng đổ đầy các hồ nước; chúng đổ đầy các dòng suối; chúng đổ đầy các dòng sông; và chúng đổ đầy biển cả; cũng giống như vậy, đối với một người đệ tử thánh thiện, những điều này—niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng, và những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng—sẽ luôn chảy tới trước, sau khi đã vượt qua bên kia, chúng dẫn tới sự tiêu diệt ô- nhiễm."357 (SN 55:38)

39 (9) Kāḷigodhā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca, ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến tư gia của phu nhân Kāḷigodhā người họ Thích-ca, đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi phu nhân Kāḷigodhā họ Thích-ca đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy: "Này Godhā, một nữ đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự

giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? “Ở đây, này Godhā, (1) một nữ người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Cô ta có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) … vào Tăng Đoàn … (4) Cô ta sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận

tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. “Này Godhā, một nữ người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. “Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, những điều đó đã có ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Bởi vì, thưa Thế Tôn, con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Thêm nữa, những gì trong nhà có thể cho đi thì con đều chia sẻ tất cả cho những người đức-hạnh và có tính-khí thiện lành. “Đó là ích-lợi cho cô, này Godhā! Điều đó khéo được đắc-lợi bởi cô, này Godhā! Như vậy là cô đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.” (SN 55:39)

40 (10) Nandiya Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Nandiya người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:: “Thưa Thế Tôn, khi ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ hoàn toàn và tất thảy không-có bên trong một người đệ tử thánh thiện, thì có phải người đó là người sống lơ tâm phóng dật hay không?” “Này Nandiya, ta nói rằng người mà bên trong mình hoàn toàn và tất thảy không-có ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ thì đó là ‘một người ngoài cuộc (ngoài sự tu tập, ngoài chánh đạo), người đứng trong thành phần phàm phu tục chúng’.358 Nhưng còn, này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ tâm phóng dật và theo cách nào là người sống một cách chuyên cần, hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Nandiya họ Thích-ca đáp lại. Đức Thế Tôn

nói điều này: (I) “Và này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ-tâm phóng dật? (1) Ở đây, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm- tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Rồi do quá tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó không nỗ-lực thêm cho sự sống (tu) một-mình vào ban ngày hay sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm- vui. Khi không có niềm-vui thì không có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi không có sự hoan-hỷ, thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Khi không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống trong sự khổ. Tâm của người khổ thì không đạt- định được. Khi tâm không đạt-định, thì các hiện-tượng không thể hiện (hiển lộ, hiện thị… đúng như chúng thực là). Bởi do những hiện-tượng (các pháp, những giáo pháp) không thể-hiện,

nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.359 (2) “Lại nữa, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) … Tăng Đoàn…. (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ Rồi do quá tự mãn với những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, người đó không nỗ-lực thêm cho sự (sống tu) một- mình vào ban ngày hay sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui … Bởi do những hiện-tượng (các pháp, giáo pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’. người đó không nỗ-lực thêm cho sự sống một-mình vào ban ngày hay sự sống tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui … Bởi do những hiện-tượng (các pháp, những giáo pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’. “Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ-tâm phóng dật.

(II) “Và này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách chuyên-chú? (1) Ở đây, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Nhưng không tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó càng thêm nỗ- lực cho sự sống (tu) một-mình vào ban ngày và sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách chuyên cần như vậy, thì niềm-vui được sinh ra. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ. Khi tâm được nâng bổng bởi sự hoan-hỷ, thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Một người tĩnh-lặng trong thân, thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (thân lạc). Tâm của một người hạnh- phúc thì dễ đạt-định. Khi tâm đạt-định, thì những hiện-tượng (các pháp, những giáo pháp) sẽ hiển hiện (đúng như chúng thực là). Do những hiện- tượng hiển hiện như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-chú.’ (2) “Lại nữa, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … (3) … Tăng Đoàn…. (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định.’ Nhưng không tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn … vào những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, người đó càng thêm nỗ-lực cho sự sống (tu) một- mình vào ban ngày và sự tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống môt cách chuyên cần như vậy, thì niềm-vui được sinh ra … Do những hiện-tượng hiển hiện như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-chú.’ “Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách chuyên-chú.” (SN 55:40)

NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨCCÓ THI KỆ’ (Sagāṭhakapuññābhisanda-vagga)

41 (1) Những Dòng Chảy Phước Đức (1) [Phần mở đầu y hệt kinh 55:31 ở trên, rồi tiếp tục như sau:]

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó là nhiều bao nhiêu vầy, hay nhiều bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng. “Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’ hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vầy, hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức … phải coi đó là một khối phước-đức lớn lao, vô lường, vô lượng.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: “Như nhiều dòng sông được dùng bởi bao quần chúng, Đều chảy xuống dốc, Cuối cùng ra tới biển, Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên, Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu; “Giống vậy, những dòng chảy ùa (phước đức) tới người có trí— Là người biết bố thí thức ăn, thức uống, y phục, [Chúng ùa tới] người bố thí chỗ nằm, chỗ ngồi, và chăn mền—360 Như những dòng sông mang nước ùa ra biển cả.”

(SN 55:41; giống một phần kinh AN 4:51)

42 (2) Những Dòng Chảy Phước Đức (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức … Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … (2)… Giáo Pháp … (3) … Tăng Đoàn … (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. “Đó là bốn dòng chảy của phước-đức … “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức, là những dòng chảy thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó như vầy: ‘Dòng chảy của phước đức, dòng chảy của thiện lành của người đó rất nhiều bao nhiêu vầy, bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng. “Này các Tỳ kheo, giống như ở chỗ (hợp lưu) những dòng sông lớn gặp nhau và hội tụ—đó là, sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—không dễ gì đo lượng nước ở đó như vầy: ‘Có nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’ … nhưng phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức … phải coi đó là một khối phước-đức lớn lao, vô lường, vô lượng.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: [Y hệt phần thi kệ của kinh kế trên.]

(SN 55:42)

43 (3) Những Dòng Chảy Phước Đức (3) “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức … Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một đệ tử thánh thiện có-được

niềm-tin xác thực vào Đức Phật … (2)… Giáo Pháp … (3) … Tăng Đoàn … (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện là có trí, người đó có-được trí-tuệ được hướng tới ‘lẽ sinh-diệt’, trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức … “Đây là bốn dòng chảy của phước-đức … “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức, là những dòng chảy thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó như vầy: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó rất nhiều bao nhiêu vầy, bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng. Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: “Ai mong muốn phước-đức, Muốn được thiết lập trong sự thiện lành, Hãy tu tập con-đường đạt tới sự Bất tử; Người đã đạt tới cốt-lõi của Giáo Pháp, Vui thích sự tiêu-diệt (những ô-nhiễm), Không run sợ khi nghĩ tới chuyện: ‘Thần Chết sẽ đến mình.’”361 (SN 55:43)

44 (4) Giàu Có (1)

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải.362 Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … (2) … vào Giáo Pháp … (3) … vào Tăng Đoàn…. (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định’. “Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải.” (SN 55:44)

45 (5) Giàu Có (2) “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có danh tiếng tốt. Bốn đó là gì? [Tiếp tục 04 điều như kinh kế trên.] (SN 55:45)

46 (6) Bản Kinh Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … (2) … vào Giáo Pháp … (3) … vào Tăng Đoàn…. (4) Người đó có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định’. “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu … với sự giác-ngộ là đích đến của mình. (SN 55:46)

47 (7) Nandiya

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ông Nandiya người họ Thích-ca khi ông đang ngồi một bên:

[Phần còn lại nội dung y hệt kinh kế trên.]

(SN 55:47)

48 (8) Bhaddiya [Y hệt kinh kế trên, được nói cho ông Bhaddiya họ Thích-ca.] (SN 55:48)

49 (9) Mahānāma [Y hệt kinh kế trên, được nói cho ông Mahānāma họ Thích-ca.] (SN 55:49)

50 (10) Những Yếu Tố "Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này để dẫn tới Nhập-lưu. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những thượng nhân, (2) nghe Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn yếu-tố để dẫn tới Nhập-lưu."363 (SN 55:50)

NHÓM 6. NHÓM 'NGƯỜI CÓ TRÍ' (Sappañña-vagga)

51 (1) Có Thi Kệ [Phần lời kinh bằng văn xuôi giống hệt như kinh 55:46 ở trên.]

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc
Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy:364
"Khi người có niềm-tin vào Như Lai,
(Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo,
Và những giới-hạnh là tốt thiện
Được những bậc thánh nhân yêu quý và khen ngợi;
"Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn
Và cách-nhìn của người đó đã được chánh thẳng,
Thì người ta nói rằng người đó là không nghèo nàn,
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.
"Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ lời dạy của Đức Phật,
Nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp."
(SN 55:51)

52 (2) Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có một Tỳ kheo vừa mới trú xong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở Sāvatthī đã đến Kapilavat- thu (Ca-tỳ-la-vệ) vì một số công việc. Những người họ tộc Thích-ca nghe tin rằng: "Nghe nói có một Tỳ kheo vừa mới xong kỳ an cư mùa mưa ở

Sāvatthī mới đến Kapilavatthu." Rồi những người họ Thích-ca ở Kapilavatthu đó đã đến gặp Tỳ kheo đó, và kính lễ thầy ấy, sau đó họ ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy: "Thưa thầy, chúng con hy vọng đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh." "Này các đạo hữu, đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh." "Thưa thầy, chúng con hy vọng thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền- liên vẫn khỏe mạnh." "Này các đạo hữu, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh." "Thưa thầy, chúng con hy vọng các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh." "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh." "Thưa

thầy, thầy có được nghe hay học điều gì khi có mặt đức Thế Tôn trong thời gian an cư mùa mưa hay không?" (1) "Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: 'Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã trở thành (người sẽ) tái sinh tự phát (trong một trong năm cõi tịnh cư thiên), sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại (thế gian) nữa (tức Bất-lai).' (2) "Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: 'Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm … tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn … không còn quay lại (thế gian) nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba gông-cùm

thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ.' (3) "Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: 'Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm … tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn … không còn quay lại (thế gian) nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si … đã trở thành bậc thánh Nhất- lai … (iv) Một số nhiều hơn nữa các Tỳ kheo, với sự phá sạch ba gông- cùm thấp hơn, đã trở thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.'" (SN 55:52)

53 (3) Dhammadinna Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana, (Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ giới). Lúc đó có một đệ tử tại gia tên Dhammadinna, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.365 Sau khi ngồi xuống một bên, vị đệ tử tại gia Dhammadinna thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy khởi xướng chúng con và chỉ dạy chúng con theo một cách để dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng con." "Này Dhammadinna, như vậy các người nên tu tập bản thân như vầy: 'Lúc này lúc khác chúng ta sẽ thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không.' Chính theo cách như

vậy các người nên tu tập bản thân."366

"Thưa Thế Tôn, sẽ không dễ dàng cho chúng con—khi đang sống ở trong nhà với con cháu, dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi, mang vòng hoa, xức nước hoa, và cao sáp, nhận

lãnh vàng bạc—mà thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không. Chúng con mong Thế Tôn chỉ dạy thêm Giáo Pháp cho chúng con." "Như vậy, này Dhammadinna, các người nên tu tập bản thân như vầy: (1) 'Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Chúng ta sẽ có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định'. Các người nên tu tập bản thân theo cách như vậy." "Thưa Thế Tôn, đối với 'bốn yếu-tố Nhập-lưu' đã được chỉ dạy bởi Thế Tôn, những điều đó đã có bên trong chúng con, và chúng con sống đúng theo những điều đó. Thưa Thế Tôn, vì chúng con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Chúng con có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định." "Đó là ích-lợi cho các người, này Dhammadinna! Điều đó khéo được đắc-lợi bởi các người, này Dhammadinna! Như vậy là các người đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu." (SN 55:53)

54 (4) Bị Bệnh Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: "Sau ba tháng, khi cà sa đã được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành."

Ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã nghe tin: "Nghe nói rằng, một số Tỳ kheo đang may cà sa đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng, sau ba tháng, khi y phục đã may xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành." Rồi ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con nghe tin một số Tỳ kheo đang may cà sa Thế Tôn ... Giờ, con chưa nghe được và học được khi có mặt đức Thế Tôn về cách mà một đệ tử tại gia hiền trí khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được khởi xướng bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác." (1) "Này Mahānāma, một đệ tử tại gia hiền trí367 khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như vầy: 'Mong ngài368 được yên ủi. (1) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật như vầy: "Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn." (2) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Quý ngài đã có-được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng, không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định'. (2) "Sau khi một đệ tử tại gia hiền trí bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như vậy, thì người đó nên được hỏi thêm: 'Ngài có lo lắng về cha mẹ mình không?' Nếu người đó trả lời: 'Tôi có', thì người đó nên được nói: 'Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về cha mẹ của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của mình.' (3) "Nếu người đó nói: 'Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của tôi rồi', thì người đó nên được hỏi: 'Vậy ngài có lo lắng về vợ con hay không?' Nếu người đó trả lời: 'Tôi có', thì người đó nên được nói: 'Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về vợ con của mình hay không, thì ngài

cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của mình.’

Chương 55 Liên Kết NHẬP-LƯU • 499

(4) “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) hay không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những dục-lạc ở cõi trời còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những dục-lạc ở cõi người. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi những dục-lạc cõi người và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.’ (5) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi những dục-lạc cõi người và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, Ba Mươi Ba) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần cõi trời Đao-lợi.’ (6) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Dạ-ma thiên … những thiên thần cõi trời Đâu- suất (Tusita) … những thiên thần thích sáng tạo ở cõi trời Hóa Lạc Thiên (Nimmānarati) … những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranimmitavasavattī) … những thiên thần ở cõi trời Phạm Thiên (Brahmā) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā.’369 (7) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Paranimmitavasavattī (Tha hóa tự tại thiên) và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā (Phạm thiên)’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, ngay cả cõi trời Brahmā cũng là vô thường, không ổn định mãi mãi, vẫn còn nằm trong danh-tính. Vậy mong

500 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

ngài hãy thu tâm khỏi cảnh trời Brahmā và hướng tâm tới sự chấm-dứt danh-tính luôn.’370 (8) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi cõi trời Brahmā và tôi đã hướng tâm tôi tới sự chấm-dứt danh-tính’, thì, này Mahānāma, ta nói, như vậy không còn sự khác-biệt nào giữa một đệ tử tại gia đã được giải-thoát trong tâm như vậy và một Tỳ kheo đã được giải-thoát trong tâm cả trăm năm,371 tức là, không có sự khác-biệt giữa sự giải-thoát của người này và của người khác.”372 (SN 55:54)

55 (5) Thánh Quả Nhập-Lưu “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.” (SN 55:55)

56 (6) Thánh Quả Nhất-Lai

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhất-lai. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như kinh
55:55 kế trên].”
(SN 55:56)
57 (7) Thánh Quả Bất-Lai “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Bất-lai. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như kinh

55:55 ở trên].” (SN 55:57)

58 (8) Thánh Quả A-la-hán
“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như kinh
55:55 ở trên].”
(SN 55:58)
59 (9) Sự Đạt Được Trí-Tuệ “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự đạt được trí-tuệ. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như kinh 55:55 ở trên].” (SN 55:59)

60 (10) Sự Phát Triển Trí-Tuệ “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự phát triển trí-tuệ. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như kinh 55:55 ở trên].” (SN 55:60)

61 (11) Sự Gia Tăng Trí-Tuệ “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng cường trí-tuệ. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như kinh 55:55 ở trên].” (SN 55:61)

NHÓM 7. NHÓM ‘ĐẠI TRÍ’ (Mahapañña-vagga)

62 (1) Sự Lớn Lao Của Trí-Tuệ “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn-lao của trí-tuệ. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn lao của trí-tuệ.” (SN 55:62)

63 (2) 74 (13) Sự Lớn Rộng … Của Trí-Tuệ “Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn-mạnh của trí-tuệ … sự rộng-lớn của trí-tuệ … chiều-sâu của trí- tuệ … trạng thái vô-song của trí-tuệ373 … bề-rộng của trí-tuệ … sự dồi- dào của trí-tuệ … sự nhanh-chóng của trí-tuệ … sự nổi-trội của trí-tuệ … sự hoan-hỷ của trí-tuệ … sự tốc-hành của trí-tuệ … sự sắc-bén của trí-tuệ … tính thâm-nhập của trí-tuệ.374 Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú- tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới tính thâm-nhập của trí-tuệ.” (SN 55:6374)

Chương 56.

Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐẾ) (56 Sacca-saṃyutta) (56 Tương ưng Đế)

504 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

Chương 56 Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐẾ) • 505

NHÓM 1. NHÓM ‘ĐỊNH TÂM’ (Samādhi-vagga)

1 (1) Sự Định Tâm Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.375 “Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, đúng như chúng thực là. “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’.376 Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:01)

2 (2) Sự Tách Ly (ẩn dật) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, hãy tạo sự cố-gắng (thiền tập) trong sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu). Một Tỳ kheo là (người) tách-ly (ẩn trú) sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là. “Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là sự

506 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, đúng như chúng thực là. “Này các Tỳ kheo, hãy tạo sự cố-gắng trong sự tách-ly. Một Tỳ kheo là tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:02)

3 (3) Những Người Họ Tộc (1) “Này các Tỳ kheo, những người họ tộc trong quá-khứ đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả họ đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào (chứng ngộ) Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong tương-lai sẽ đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong hiện-tại đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế [sự thật thánh diệu, chân lý, thánh lý, thánh đế] về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những người họ tộc trong quá-khứ … tương-lai … hiện-tại đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu:

‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:03)

4 (4) Những Người Họ Tộc (2) “Này các Tỳ kheo, những người họ tộc trong quá-khứ đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã làm được sự đột-phá vào (chứng ngộ) mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã làm được sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong tương-lai sẽ đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và sẽ làm nên sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong hiện-tại đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã làm được sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã làm được sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những người họ tộc trong quá-khứ … tương-lai … hiện-tại đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã làm được sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã làm được sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:04)

5 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn trong quá-khứ đã hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong tương-lai sẽ hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong hiện-tại đã hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những tu sĩ và bà-la-môn trong quá-khứ … tương-lai … hiện-tại đã hoàn toàn giác ngộ với mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:05)

6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn trong quá-khứ đã cho thấy chính họ đã giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực

là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong tương-lai sẽ cho thấy mình đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong hiện-tại cho thấy mình đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế

đúng như chúng thực là. “Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Những tu sĩ và bà-la-môn trong quá-khứ … tương-lai … hiện-tại cho thấy mình đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:06)

7 (7) Những Ý Nghĩ “Này các Tỳ kheo, đừng nghĩ những ý nghĩ xấu ác bất thiện; đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ làm-hại. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những ý nghĩ đó là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy nghĩ, các thầy nên nghĩ: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là nguồn-gốc khổ.’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm- dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những ý nghĩ đó là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:07)

8 (8) Sự Suy Xét “Này các Tỳ kheo, đừng suy xét (quán chiếu, suy tư) một cách không thiện khéo (về những vấn đề):377 ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là vô hạn’ hay ‘thế giới là hữu hạn’; hoặc ‘Tâm hồn và thể xác là một’ hay ‘Tâm hồn là khác, thể xác là khác’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét này là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết- bàn. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: “Này các Tỳ kheo, khi các suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là sự

chấm-dứt khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm- dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét này là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:08)

9 (9) Nói Chuyện Tranh Cãi “Này các Tỳ kheo, đừng dính vào sự nói chuyện tranh cãi,378 sự nói

chuyện kiểu như: [‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn phải nghĩ rất lâu mới ra cũng bị lộn ngược (tức sai). Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự đi mà gỡ rối cho mình nếu mình có thể.’] Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự nói chuyện tranh cãi như vậy là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán- bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy nói chuyện, các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự nói chuyện như vầy là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí- biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:09)

10 (10) Nói Chuyện Vô Bổ “Này các Tỳ kheo, đừng dính vào sự nói chuyện vô-bổ,379 đó là: [sự nói chuyện về vua chúa, về kẻ trộm, và về các quan thần; nói chuyện về binh lính, về nguy cơ, và chiến tranh; nói chuyện về thức ăn, thức uống, quần áo, và giường chiếu; nói chuyện về vòng hoa và nước hoa; nói chuyện về những quan hệ quen biết, về xe cộ, làng xã, quận thị, thành phố,

và xứ sở; nói chuyện về phụ nữ và nói chuyện về những người hùng; nói chuyện ở ngoài đường, trong chợ và nói chuyện ở giếng làng, hàng quán; nói chuyện về những người đã chết, đã mất; nói chuyện tán dóc dong dài; nói chuyện suy đoán về thế giới và về biển cả; nói chuyện về sự trở thành (tái sinh) này, trở thành nọ.] Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự nói chuyện vô bổ như vậy là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm- dứt,

sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy nói chuyện, các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự nói chuyện như vầy là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí- biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYỂN DỊCH BÁNH XE GIÁO PHÁP’ (Dhamma-cakkappvattana-vagga)

11 (1) Chuyển Dịch Bánh Xe Giáo Pháp Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Bārānasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với nhóm năm vị tu sĩ như vầy:380 “Này các Tỳ kheo, có hai cực đoan này những người xuất gia không nên sống theo. Hai đó là gì? (i) Sự sống theo đuổi sự-sướng thuộc giác- quan (thuộc nhục-dục) trong những khoái-lạc giác quan (những dục-lạc), cách đó là thấp hèn, phàm tục, là cách của những người phàm phu thế tục, nó không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi cách hành-xác bản thân, cách đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai đã giác ngộ (thức tỉnh) con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh sự-thấy (tầm nhìn), nó giúp khởi sinh sự-biết (trí biết), và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ? Đó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Chi Thánh Đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định, [cách-nhìn đúng đắn, ý-định … lời-nói … hành-động … sự mưu-sinh … sự nỗ-lực … sự tâm-niệm … và sự định-tâm đúng đắn]. Này các Tỳ kheo, đây chính là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. (1) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về sự khổ (khổ đế):Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ;381 gặp những gì không thích là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn: năm-uẩn bị dính-

chấp (năm thủ uẩn) là khổ. (2) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ (khổ tập đế). Chính dục-vọng [sự thèm khát; ái] này dẫn dắt tới sự tái hiện-hữu, đi kèm với khoái-lạc và nhục-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ khác; đó là dục-vọng muốn được khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục vọng muốn/vì sự diệt-vong (phi hữu ái). (3) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về

sự chấm-dứt khổ (khổ diệt đế). Đó là sự hoàn toàn phai-biến và chấm-dứt của dục-vọng đó, là sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc nó. (4) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ (đạo đế). Đó là Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. (1) “‘Đây là diệu-đế về sự khổ’: như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về sự khổ này nên được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ)’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự khổ) “‘Diệu-đế về sự khổ này đã được hoàn-toàn hiểu’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự khổ phải nên hiểu!) (2) “‘Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này nên được trừ-bỏ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này đã được trừ-bỏ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối

với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Nguồn gốc khổ phải nên trừ bỏ!) (3) “‘Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này nên được chứng-ngộ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh- sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này đã được chứng-ngộ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự chấm-dứt khổ phải nên đạt tới!) (4) “‘Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh- sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này nên được tu- tập’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. “‘Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này đã được tu- tập’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Đạo phải nên tu tập!) “Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘sự-biết và sự-thấy của ta về Bốn Diệu Đế này đúng như chúng thực là’ vẫn chưa được thanh lọc thấu suốt theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy382, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ‘sự-biết và sự-thấy của ta về Bốn Diệu Đế này đúng như chúng thực là’ đã được thanh lọc thấu suốt theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy, ta

tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải- thoát này là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.'" Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Nhóm năm vị Tỳ kheo hài lonòng à ui mừng với lời tuyên thuyết của Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, bên trong thầy Koṇḍañña (Kiều-trần-như) đã khởi sinh sự-thấy (tầm nhìn) không còn dính bụi (và) vô nhiễm về Giáo Pháp: "Cái gì có sinh thì có diệt." (khởi sinh và biến diệt; lẽ sinh-diệt, mọi thứ đều sinh-diệt; mọi thứ chỉ là sự sinh-diệt) Và khi bánh xe Giáo Pháp đã được chuyển dịch bởi đức Thế Tôn,383 những thiên thần ở trần gian (sống ở trái đất, như địa thần) cất tiếng nói to: "Ở Bārāṇasī, trong khu Vườn Nai ở Isipatana, bánh xe Giáo Pháp tối thượng đã được dịch chuyển bởi đức Thế Tôn, nó không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian." Sau khi nghe tiếng nói của các thiên thần ở trần gian, các thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương đã hô lên: "Ở Bārāṇasī … không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian." Sau nghe tiếng nói của những thiên thần trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvatimsa, Ba Mươi Ba) … những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma) … những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita) … những thiên thần ở cõi trời Hóa Lạc Thiên (Nimmānarati; ưa thích sáng tạo) … những thiên thần cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranimmitavasavattī; kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác) … những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Phạm Thiên (Brāhma) đã hô lên: "Ở Bārāṇasī … không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian." Vậy đó, vào lúc đó, trong thời điểm đó, trong khoảng khắc đó, trong

giây khắc đó, lời hô vang đã truyền xa tới tận cõi trời Brāhma, và khắp hệ mười ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và đã xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm-uy cõi trời của các thiên thần. Rồi đức Thế Tôn đã nói câu nói đầy cảm hứng này: "Koṇḍañña đã thực sự hiểu! Koṇḍañña đã thực sự hiểu!" Theo cách này nên Ngài Koṇḍañña đã có được cái tên là "Aññā Koṇḍañña—(nghĩa là) "Koṇḍañña Người Đã Hiểu" (ngộ nhân)." (SN 56:11)

12 (2) Những Như Lai (1) "'Đây là diệu-đế về sự khổ': như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. "'Diệu-đế về sự khổ này nên được hiểu hoàn-toàn': như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. "'Diệu-đế về sự khổ này đã được hiểu hoàn-hoàn': như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với

những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự khổ phải nên hiểu!) (2) "'Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ' ... "'Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này nên được trừ-bỏ' ... "'Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này đã được trừ-bỏ', như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Nguồn-gốc khổ phải nên trừ bỏ!) 3. "'Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ' ...

"'Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này nên được chứng-ngộ' ... "'Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này đã được chứng-ngộ', như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Sự chấm-dứt khổ phải nên đạt tới!) (4) "'Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ' ... "'Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này nên được tu-tập' ... "'Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này đã được tu- tập', như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí- tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. (Chánh Đạo phải nên tu tập!) (SN 56:12)

13 (3) Các Uẩn "Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về sự khổ? Nên nói đó là: năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn); đó gồm: uẩn sắc-thân bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp. Đây được gọi là diệu-đế về sự khổ. (Khổ đế) (2) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về nguồn-gốc khổ? Chính dục-vọng [sự thèm khát; ái] này dẫn dắt tới sự tái hiện-hữu, đi kèm với khoái-lạc và nhục-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ khác; đó là dục- vọng muốn được khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện- hữu (hữu ái), dục vọng muốn/vì sự diệt-vong (phi hữu ái). Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ. (Tập khổ đế) (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ? Đó là

sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt dục-vọng đó, sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ. (Diệt đế) (4) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ? Đó là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ. (Đạo đế) "Này các Tỳ kheo, đây là Bốn Diệu Đế. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:13)

14 (4) Những Giác Quan "Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về sự khổ? Nên nói đó là: sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu nội xứ). Sáu đó là gì? Cơ-sở mắt, cơ-sở tai, cơ-sở mũi, cơ-sở lưỡi, cơ-sở thân, và cơ-sở tâm. Đây được gọi là diệu-đế về sự khổ." (Khổ đế) [Tiếp tục 03

phần còn lại như kinh kế trên.]

(SN 56:14)

15 (5) Nhớ (1) “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?” Khi câu này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.” “Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?” “Thưa Thế Tôn, con nhớ khổ là diệu-đế thứ nhất đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ nguồn-gốc khổ là diệu-đế thứ hai đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ sự chấm-dứt khổ là diệu-đế thứ ba đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ là diệu-đế thứ tư đã được Thế Tôn chỉ dạy. Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.” “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy nhớ được Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. Này Tỳ kheo, khổ là diệu-đế thứ nhất đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Nguồn-gốc khổ là diệu-đế thứ hai đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Sự chấm-dứt khổ là diệu-đế thứ ba đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ là diệu-đế thứ tư đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, hãy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:15)

16 (6) Nhớ (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?” Khi câu này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.” “Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, (1) con nhớ khổ là diệu-đế thứ nhất đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vầy: ‘Đây không phải là diệu-đế thứ nhất về khổ đã được chỉ dạy bởi sa-môn Cồ-đàm. Sau khi từ chối diệu-đế thứ nhất về khổ đó, tôi sẽ chỉ ra diệu-đế thứ nhất khác về khổ.’— điều này là không thể có. (2) “Con nhớ nguồn-gốc khổ là diệu-đế thứ hai đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn … (3) … sự chấm-dứt khổ là diệu-đế thứ ba đã được Thế Tôn chỉ dạy … (4) con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ là diệu-đế thứ tư đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vầy: ‘Đây không phải là diệu-đế thứ tư về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đã được chỉ dạy bởi sa-môn Cồ-đàm. Sau khi từ chối diệu-đế thứ tư đó về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, tôi sẽ chỉ ra diệu-đế thứ tư khác về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’— điều đó là không thể có. “Thưa Thế Tôn, chính theo cách này con nhớ Bốn Diệu Đế đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn.” “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy nhớ được Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. Này Tỳ kheo, khổ là diệu-đế thứ nhất đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vầy: … [giống như đoạn trên]— điều này là không thể có. “Này

Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, hãy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:16)

17 (7) Vô Minh

Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh và theo cách nào một người bị chìm trong vô- minh?” “Này Tỳ kheo, sự không biết sự khổ, sự không biết nguồn-gốc khổ, sự không biết sự chấm-dứt khổ, sự không biết con-đường dẫn tới sự chấm- dứt khổ: đây được gọi là sự vô-minh, và chính theo cách như vậy là một người bị chìm trong vô-minh. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:17)

18 (8) Trí Biết Đích Thực (minh) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, hữu minh, chân trí). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đã đạt tới trí- biết đích thực?” “Này Tỳ kheo, sự-biết về sự khổ, sự-biết về nguồn-gốc khổ, sự-biết về sự chấm-dứt khổ, sự-biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ: đây được gọi là trí-biết đích thực, và chính theo cách như vậy là một người đã đạt tới trí-biết đích thực. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:18)

19 (9) Hàm Ý … “‘Đây là diệu-đế về sự khổ’: điều đó đã được ta công bố. Trong công bố này, ‘Đây là diệu-đế về sự khổ’, có vô số sắc thái, vô số chi tiết, vô số hàm ý.384 “‘Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là diệu-đế về sự chấm- dứt khổ’ … ‘Đây là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: điều đó đã được ta công bố. Trong công bố này, ‘Đây là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’, có vô số sắc thái, vô số chi tiết, vô số hàm ý. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:18)

20 (10) Là Thực “Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác.385 Bốn đó là gì? “‘Đây là sự khổ’: này Tỳ kheo, điều này là thực, không sai, không khác. ‘Đây là nguồn-gốc khổ’: đây là thực, không sai, không khác. ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’: đây là thực, không sai, không khác. ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: đây là thực, không sai, không khác. “Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:20)

NHÓM 3. NHÓM ‘KOTIGĀMA’ (Koṭigāma-vagga)

21 (1) Làng Koṭi (1) 386 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ người Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Koṭi (Koṭigāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: (1) “Này các Tỳ kheo, chính do không hiểu và không thâm nhập Bốn Diệu Đế cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân-hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Bốn đó là gì? “Này các Tỳ kheo, đó là, do không hiểu và không thâm nhập diệu-đế về sự khổ cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Do không hiểu và không thâm nhập diệu-đế về nguồn-gốc khổ … diệu-đế về sự chấm-dứt khổ … diệu-đế con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này. (2) “Này các Tỳ kheo, diệu-đế về sự khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) đã bị cắt bỏ; đường-dẫn tới sự (tái) hiện-hữu đã bị hủy diệt; giờ không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: “Do không nhìn thấy Bốn Diệu Đế, Đúng như chúng thực là, Nên chúng ta đã lang thang suốt quá trình dài thăm thẳm, Trong vô số kiểu tái sinh. “Giờ những chân-lý này đã được nhìn thấy;

Đường dẫn tới sự hiện-hữu đã bị cắt đứt;
Gốc rễ của sự khổ đã bị cắt bỏ:
Giờ không còn sự tái hiện-hữu nữa.”
(SN 56:21)
22 (2) Làng Koṭi (2)387 [Mở đầu giống kinh kế trên.]

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hoặc bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn. “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào là người hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu

của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn." Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: "Ai không hiểu sự khổ, Ai không hiểu nguồn-gốc khổ, Hay ở đâu sự khổ hoàn toàn kết thúc, Hay ở đâu nó chấm-dứt sạch sẽ (không còn tàn dư); Ai không biết con-đường (đạo), Dẫn tới sự hóa giải sự khổ:

Là họ không có sự giải-thoát của tâm,
Và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ;
Do không có khả năng kết thúc,
Nên cứ mãi đi trong sự sinh-già.
"Nhưng những ai hiểu được sự khổ,
Ai hiểu nguồn-gốc khổ,
Và ở đâu sự khổ hoàn toàn kết thúc,
Ở đâu nó chấm-dứt sạch sẽ;
Ai hiểu con-đường (đạo),
Dẫn tới sự hóa giải sự khổ:
Là họ có được sự giải-thoát của tâm,
Và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ;
Do có khả năng làm nên sự kết-thúc,
Nên không còn đi trong sự sinh-già."
(SN 56:22)

23 (3) Bậc Toàn Giác Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ … Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Chính do Như Lai đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, nên Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:23)

24 (4) A-la-hán Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong quá-khứ đã hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những A-la- hán, bậc Toàn Giác nào trong tương-lai sẽ hoàn toàn giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong hiện-tại đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. "Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong quá-khứ … trong tương-lai … trong hiện-tại đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để

hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:24)

25 (5) Sự Tiêu Diệt Ô-Nhiễm “Này các Tỳ kheo, ta nói sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy.388 Sự tiêu diệt ô- nhiễm xảy đến cho người thấy cái gì, cho người biết cái gì? Sự tiêu diệt ô- nhiễm sẽ xảy đến cho người biết và thấy: ‘Đây là sự khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy như vậy, cho

người biết như vậy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:25)

26 (6) Bạn Hữu … “Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú tâm (lắng nghe)—dù họ là bạn hữu hay đồng sự, người thân hay họ hàng—những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ để họ làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Những người các thầy có lòng bi-mẫn … thì các thầy nên khởi xướng, ổn định, thiết lập họ để họ làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:26)

27 (7) Là Thực “Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Này các Tỳ kheo, Bốn Diệu Đế này

là thực, không sai, không khác. Do vậy nên chúng được gọi là những chân-lý thánh thiện (những chân-lý của thánh nhân, thánh đế).389 “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:27)

28 (8) Thế Giới “Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài

người, thì Như Lai là bậc thánh. Do vậy bốn điều đó được gọi là những chân-lý thánh thiện (những chân-lý của thánh nhân; thánh đế). “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:28)

29 (9) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu … “Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đây là Bốn Diệu Đế. “Này các Tỳ kheo, trong Bốn Diệu Đế này, có một Diệu-đế nên được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ); một diệu-đế nên được trừ-bỏ; một diệu-đế nên được chứng-ngộ; một diệu-đế nên được tu-tập.

“Và, này các Tỳ kheo, diệu-đế về sự khổ nên được hoàn-toàn hiểu; diệu-đế về nguồn-gốc khổ nên được trừ-bỏ; diệu-đế về sự chấm-dứt khổ nên được chứng-ngộ; Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ nên được tu-tập. (Sự khổ phải nên hiểu; nguồn-gốc khổ phải nên trừ bỏ; sự chấm-dứt khổ phải nên đạt tới; con-đường đạo phải nên tu tập!) “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:29)

30 (10) Gavampati Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống giữa xứ dân Ceti ở Sahajāti. Bấy giờ, lúc đó sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đã tụ tập trong hội trường, cùng ngồi với nhau khi có cuộc đàm đạo này khởi sinh: “Này đạo hữu, có phải ai nhìn thấy sự khổ là nhìn thấy luôn nguồn- gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ?” Sau khi điều này được hỏi, Ngài Gavampati đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe được và học được điều này (từ Phật): ‘Này các Tỳ kheo, (a) ai nhìn thấy sự khổ là nhìn thấy luôn nguồn-gốc khổ, nhìn thấy sự chấm-dứt khổ, nhìn thấy con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (b) Ai nhìn thấy nguồn-gốc khổ là nhìn thấy luôn sự chấm-dứt khổ, nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (c) Ai nhìn thấy sự chấm-dứt khổ là nhìn thấy luôn sự khổ, nhìn thấy nguồn-gốc khổ, nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (d) Ai nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ là nhìn thấy luôn sự khổ, nhìn thấy nguồn-gốc khổ, nhìn thấy sự chấm-dứt khổ.’”390 (SN 56:30)

NHÓM 4. NHÓM ‘RỪNG SIMSAPĀ’ (Siṃsapā-vagga)

31 (1) Rừng Siṃsapā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī, trong một khu rừng cây siṃsapā. Lúc đó đức Thế Tôn lấy lên một số lá cây siṃsapā trong tay và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nắm lá siṃsapā trong tay ta hay số lá cây trong rừng này?” “Thưa Thế Tôn, nắm lá trong tay Thế Tôn là số ít ỏi, số lá cây trong rừng này mới là rất nhiều.” “Cũng giống như vậy, này

các Tỳ kheo, những điều ta đã trực-tiếp biết nhưng không nói cho các thầy là rất nhiều, những điều ta đã dạy cho các thầy chỉ là số ít. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta không dạy rất nhiều điều đó? Bởi vì chúng không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình- an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không dạy chúng cho các thầy. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều ta đã dạy? Ta đã dạy: ‘Đây là sự khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là sự chấm- dứt khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta đã dạy những điều này? Bởi vì chúng là ích lợi, liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán- bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã dạy chúng cho các thầy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:31)

32 (2) Lá Cây Acacia (1) “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Chưa làm được sự đột-phá (sự chứng ngộ, thâm nhập) vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là; chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là; chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là; chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là không thể. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rỗ bằng lá acacia (lá cây keo) hoặc lá thông hoặc lá cây myrobalan, (đều là các loại lá kim, lá nhỏ, yếu),391 tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’,392 thì điều đó là không thể. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là … tôi (vẫn) hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’— thì điều đó là không thể. (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm- dứt khổ’—thì điều đó là có thể. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rỗ bằng lá sen hoặc lá kino hoặc lá māluva, (đều là các loại lá to, lá rộng, chắc, kín),393 tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’, thì điều đó là có thể. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là …

tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là có thể. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự

cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:32)

33 (3) Khúc Cây "Này các Tỳ kheo, giống như một khúc cây bị quăng lên, khi rớt xuống có lúc gốc rớt trước, có lúc đầu rớt trước (không thể nào đoán biết được);394 cũng giống như vậy, khi chúng sinh lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử do còn bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, lúc thì họ (chết) từ thế giới này (sinh) đến thế giới khác, lúc từ thế giới khác đến thế giới này. Bởi vì sao? Bởi vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ ... Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:33)

34 (4) Quần Áo ... "Này các Tỳ kheo, nếu quần áo hay đầu tóc một người bị cháy, lúc đó phải nên làm gì?" "Thưa Thế Tôn, nếu quần áo hay đầu tóc ai bị cháy, để dập tắt ngay lửa đang cháy trên quần áo hay đầu tóc, thì người đó phải phát khởi mong- muốn phi thường (đặc biệt, hơn hẳn bình thường, thần tốc, hết mình), tạo

sự nỗ-lực phi thường, phát động sự nhiệt-thành và nhiệt-tâm, không ngơi ngớt, và thực hiện sự chú-tâm và sự biết-rõ."395 "Này các Tỳ kheo, hoặc có thể người đó cứ ngồi nhìn chỗ áo quần hay đầu tóc đang cháy một cách buông-xả, không chú-tâm tới chúng (vô tư, không phản ứng hay làm gì). Nhưng chừng nào một người tu chưa làm được sự đột-phá vào (chứng ngộ) Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, thì để làm được sự đột-phá đó, người đó phải nên phát khởi mong-muốn phi thường ... phát khởi sự nhiệt-thành và nhiệt-tâm ... phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) ... (tu tập) không ngơi ngớt (miên mật) ... thực hành sự kiên-trì ... thực hành sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác). "Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ." "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:34)

35 (5) Một Trăm Ngọn Giáo "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người có tuổi thọ một trăm năm, người có thể sống một trăm năm. Có người nói với anh ta: 'Này người tốt, giả dụ như người ta đâm anh một trăm mũi giáo vào buổi sáng, một trăm mũi giáo vào buổi trưa, một trăm mũi giáo vào buổi chiều.396 Rồi, này người tốt, sau khi bị đâm liên tục mỗi ngày ba trăm mũi giáo như vậy, thì anh sẽ sống được một trăm năm; và rồi, sau một trăm năm qua đi, anh sẽ làm được sự đột-phá vào (chứng ngộ) Bốn Diệu Đế mà anh chưa từng đột- phát được trước giờ.' "Điều này là đáng làm, này các Tỳ kheo, bởi vì một người họ tộc có chí hướng tới điều tốt-lành cho mình sẽ chấp nhận lời đề nghị này. Vì lý

do gì? Bởi vì vòng luân-hồi sinh tử là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy); thời điểm đầu tiên (của nó) kể từ khi (một người) đã từng bị đâm chém bằng thương giáo, bằng gươm đao, bằng búa rìu là không thể nhận biết (không đếm xuể) được. Và cho dù ngay cả (có bị đâm) như vậy, này các Tỳ kheo, ta cũng không nói sự đột-phát vào Bốn Diệu Đế là kéo theo (theo sau là) sự khổ đau (khổ) hay phiền-bực (ưu). Thay vì vậy, sự đột-phát vào Bốn Diệu Đế là kéo theo sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc). “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:35)

36 (6) Chúng Sinh “Này các Tỳ kheo, giả sử có người đi chặt hết cỏ, cây, cành, lá trong cõi Diêm-phù-nề (Jambudīpa) này và gom chúng lại thành một đống. Sau khi làm vậy, người đó lấy những thân cây lớn đâm những sinh vật lớn trong đại dương, lấy những cây vừa đâm những sinh vật vừa, và những cây que nhỏ đâm những sinh vật nhỏ. Này các Tỳ kheo, cho dù làm vậy đến khi hết sạch cỏ, cây, cành, lá trong cõi Diêm-phù-nề thì những sinh vật lớn trong đại dương vẫn không hết. Còn những sinh vật nhỏ bé (vi sinh) trong đại dương không thể bị đâm bởi những cỏ, cây, cành, lá thì còn nhiều vô số kể hơn đống (cỏ, cây, cành, lá) đó. Vì lý do gì? Bởi vì thân của chúng nhỏ xíu (thì làm sao đâm được). “(Cũng giống như vậy), này các Tỳ kheo, cảnh giới đày đọa thì (cũng thật) bao la muôn trùng. Người mà thành tựu về mặt cách-nhìn (chánh kiến), thoát khỏi được cảnh giới đọa đày bao la muôn trùng đó, thì (có

nghĩa là) người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’ “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (Ý nghĩa kinh này: cho dù có làm những việc vĩ đại hay ‘như dã tràng’ mức nào vẫn không thể thoát khỏi cảnh giới đày đọa, nếu không giác ngộ Bốn Diệu Đế.)

(SN 56:36)

37 (7) Mặt Trời (1) “Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cái đi trước và tiền thân của sự đột-phá vào (chứng ngộ) Bốn Diệu Đế đúng như nó thực chính là chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn). Như vậy có thể trông đợi một Tỳ kheo có chánh-kiến397 sẽ hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’ “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:37)

38 (8) Mặt Trời (2) “Này các Tỳ kheo, chừng nào mặt trời và mặt trăng chưa khởi sinh trong thế giới, thì chừng đó không có ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; thì chừng đó không có ngày và

đêm, không có tháng và nửa tháng, không có mùa và năm. “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi mặt trời và mặt trăng khởi sinh trong thế giới, thì có ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có ngày và đêm, có tháng và nửa tháng, có các mùa và năm. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào Như Lai chưa khởi sinh (xuất hiện) trong thế giới, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì chừng đó không có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; thì chừng đó không có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, hay làm rõ Bốn Diệu Đế. “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi một Như Lai khởi sinh trong thế giới, là A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, và làm rõ Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:38)

39 (9) Cột Đá Của Trời Indra (1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ ngẩng đầu nhìn mặt của tu sĩ hay của bà-la-môn khác, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’

- “Này các Tỳ kheo, giống như một nắm sợi bông vải hoặc bông gòn, nhẹ tênh, được thổi bay bởi gió, và đậu xuống đất bằng. Rồi gió từ đông thổi nó bay qua tây; gió từ tây thổi nó bay qua đông; gió từ bắc thổi nó bay qua nam; gió từ nam thổi nó bay qua bắc. Vì lý do gì? Vì sự nhẹ tênh của nó. (Ý nghĩa ví dụ là: như bông gòn nhẹ, rỗng tếch, liên tục bị gió cuốn; như người nông cạn, rỗng trí, chưa giác ngộ Bốn Diệu Đế, thì gặp ai cũng ngước nhìn người đó mà tâm phục, gặp thầy nào nói sao thì ngã theo vậy)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ … ‘Đây là con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ ngẩng đầu nhìn mặt của tu sĩ hay của bà-la-môn khác vì nghĩ: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’ Vì lý do gì? Vì họ không nhìn thấy Bốn Diệu Đế. (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ không cứ ngẩng đầu nhìn mặt của tu sĩ hay của bà- la-môn khác vì nghĩ: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’ - “Này các Tỳ kheo, giống như có một trụ-sắt hay cột-đá của trời In- dra398 có móng sâu, được chôn

chắc chắn, bất động, bất lay chuyển. Ngay cả có cuồng phong thổi mạnh—từ đông, tây, nam hay bắc—thì trụ cột đó vẫn không lay chuyển, không động đậy, hay không rung lắc. Vì lý do gì? Vì trụ cột đó có móng sâu và được chôn chắc chắn. (Ý nghĩa ví dụ là: cột đá thì chắc, nặng, và không bao giờ bị cuốn hay phất phơ theo gió thổi, cho dù là cuồng phong bão táp; như người đã biết chắc, có đủ trí biết, đã giác ngộ Bốn Diệu Đế thì không còn phải dựa theo sự-biết hay cách-nhìn của người khác.)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’— thì họ không cứ ngẩng đầu nhìn mặt của tu sĩ hay của bà-la-môn khác vì nghĩ: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người

thực sự biết, thực sự thấy.’ Vì lý do gì? Vì họ đã nhìn thấy rõ ràng Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:39)

40 (10) Kiếm Chuyện Tranh Cãi “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, và rồi có một tu sĩ hay bà-la-môn nào đến—từ phía đông, phía tây, phía nam, hay phía bắc—tìm chuyện tranh cãi, tìm kiếm sự tranh luận, nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bài bác luận thuyết của Tỳ kheo đó’, thì không thể nào người đó có thể làm cho Tỳ kheo đó lay chuyển, lay động, hay dao động. “Này các Tỳ kheo,399 ví dụ có một trụ-đá dài mười sáu khuỷu tay (cỡ tám thước): một nửa (cỡ bốn thước) được chôn móng dưới mặt đất và một nửa ở trên mặt đất. Ngay cả có cuồng phong thổi mạnh—từ đông, tây, nam hay bắc—thì trụ cột đó vẫn không lay chuyển, không động đậy, hay không rung lắc. Vì lý do gì? Vì trụ cột đó có móng sâu và được chôn chắc chắn. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, và rồi có một tu sĩ hay bà-la-môn nào đến … thì không thể nào người đó có thể làm cho Tỳ kheo đó lay chuyển, lay động, hay dao động. Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo đó đã nhìn thấy rõ ràng Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế

về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:40)

NHÓM 5. NHÓM ‘VỰC NÚI’ (Papāta-vagga)

41 (1) Suy Xét Về Thế Giới Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một người ra khỏi thành Rājagaha và đi tới chỗ Hồ Sen Sumāgadhā, và suy nghĩ: ‘Ta sẽ suy xét (quán xét, quán chiếu) về thế giới’.400 Rồi anh ta ngồi xuống bên bờ Hồ Sen Sumāgadhā quán chiếu về thế giới. Rồi, này các Tỳ kheo, anh ta thấy một đội quân gồm bốn binh chủng chui vào trong một cọng sen bên bờ hồ. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đó nghĩ: ‘Chắc mình bị điên rồi! Chắc mình bị khùng rồi! Mình mới nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’. Người đàn ông đó quay trở lại kinh thành và kể lại cho nhiều người nghe: ‘Chắc tui bị điên rồi, thưa quý vị! Chắc tui bị khùng rồi, thưa quý vị! Tui đã nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’. “[Họ mới nói với anh ta:] ‘Nhưng, này anh bạn tốt, làm sao mà anh bị điên, làm sao anh bị khùng? Và anh đã thấy điều gì mà không có thực trong thế gian?’ “Như vầy, thưa quý vị, tôi ra khỏi thành Rājagaha và đi tới chỗ Hồ Sen Sumāgadhā … [tiếp tục như đoạn trên] … Tôi nhìn thấy một đội quân bốn gồm bốn binh chủng chui vào một cọng sen bên bờ hồ sen đó, và đó là tôi đã nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’. “‘Chắc anh bị điên rồi, này bạn tốt! Chắc anh bị khùng rồi! Và điều anh nhìn thấy là không có thực trong thế gian.’ “Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, điều anh ta đã nhìn thấy lại thực sự là có thực, không phải không thực.401 Ngày xưa trong một lần những thiên

thần và các quỷ thần dàn trận đánh nhau. Trong trận chiến đó, các thiên thần thắng và các quỷ thần thua. Khi bị thua, các quỷ thần đã kiếp sợ và chui vào kinh thành của quỷ thần xuyên qua cọng cây sen, trước sự ngỡ ngàng của các thiên thần. “Vì vậy, này các Tỳ kheo, đừng suy xét về thế giới, và đừng suy nghĩ: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là vô tận’ hay ‘thế giới là hữu tận’; hoặc ‘Tâm hồn và thể xác là một’ hay ‘Tâm hồn là khác, thể xác là khác’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét đó là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí- biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự suy xét đó là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác- ngộ, Niết-bàn. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:41)

42 (2) Vực Núi Trong một lần đức Thế Tôn đang ở thành Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này

các Tỳ kheo, chúng ta cùng lên đỉnh núi Patibhanakuta (Đỉnh Linh Cảm) để an trú ban ngày.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Rồi đức Thế Tôn cùng một số Tỳ kheo lên Đỉnh Linh Cảm. Một Tỳ kheo nhìn thấy một vực núi bên Đỉnh Linh Cảm và thưa với đức Thế Tôn: “Vực núi đó thiệt là dựng đứng, thưa Thế Tôn; vực núi đó là cực kỳ đáng sợ. Nhưng thưa Thế Tôn, còn có vực núi nào dựng đứng hơn và đáng sợ hơn không?” “Có đó, này Tỳ kheo.” “Nhưng thưa Thế Tôn, vực núi nào có thể dựng đứng hơn và đáng sợ hơn vực núi đó?” (1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm- dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’— thì họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh, già, chết; họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Sau khi đã tạo ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, họ rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ rớt xuống vực núi của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không được giải thoát khỏi sinh, già, chết; không được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, không được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.402 (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ … Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’— thì họ không thích thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh, già, chết; họ không thích thú những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì không thích thú những sự tạo-tác cố ý, nên họ không tạo ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, họ không rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ không rớt xuống vực núi của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ được giải thoát khỏi sinh, già, chết; được giải thoát khỏi sự buồn

sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:42)

43 (3) Đại Hỏa Ngục “Này các Tỳ kheo, có một địa ngục tên là Đại Hỏa Ngục. Ở đó, mọi hình-sắc người ta nhìn thấy bằng mắt đều là (khủng khiếp) không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng ưa, không bao giờ đáng ưa; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu. Mọi âm-thanh người ta nghe … Mọi mùi-hương người ta ngửi… Mọi mùi-vị người ta nếm … Mọi đối- tượng chạm xúc người ta cảm nhận … Mọi hiện-tượng thuộc tâm người ta nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng ưa, không bao giờ đáng ưa; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.”403 Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đại hỏa ngục đó thực là khủng khiếp; đại hỏa ngục đó thực là rất khủng khiếp. Nhưng, thưa Thế Tôn, còn có đại hỏa ngục nào khác khủng kiếp hơn và đáng sợ hơn cái đó không?” “Có đó, này Tỳ kheo.” “Thưa Thế Tôn, đại hỏa ngục nào khủng khiếp hơn và đáng sợ

hơn cái đó?" (1) "Này Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' ... 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ'—thì họ cứ thích-thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ

đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do thích-thú những sự tạo-tác cố ý như vậy, nên họ tạo-ra những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo-ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, họ bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự sinh ... bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự già ... đại hỏa của sự chết ... đại hỏa của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, và chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. (2) "Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' ... 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ'—thì họ không thích-thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh, không thích-thú những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết, dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do không thích-thú những sự tạo-tác cố ý như vậy, nên họ không tạo-ra những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do không tạo-ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, nên họ không bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự sinh ... không bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự già ... đại hỏa của sự chết ... đại hỏa của bs sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:43)

44 (4) Ngôi Nhà Mái Nhọn (1) "Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: 'Chưa làm được sự đột-

phá vào (chứng ngộ, thâm nhập) Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ'—điều này là không thể được. - "Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: 'Không cần xây tầng dưới của ngôi nhà mái nhọn, tôi cứ xây tầng trên của nó', điều này là không thể được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: 'Chưa làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là ... tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ'—điều này là không thể được. - "Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: 'Sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phát

vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phát vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phát vào Diệu-đế về con- đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ'—điều này là có thể được. - "Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: 'Sau khi tôi đã xây xong tầng dưới của ngôi nhà mái nhọn, tôi sẽ xây tầng trên của nó', điều này là có thể được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: 'Sau khi đã làm được sự đột-phá vào Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là … tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ'—điều này là có thể được. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:44)

45 (5) Tóc404 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành Vesālī để khất thực. Thầy Ānanda nhìn thấy một số thanh niên người Licchavi đang tập bắn cung trong trường luyện bắn, đang bắn từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước),405 không sai trật chút nào. Khi thầy ấy nhìn thấy cảnh này, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: "Những thanh niên Licchavi này thực sự được thuần luyện! Những thanh niên Lic- chavi này thực sự được thuần luyện, trong đó họ có thể bắn từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), không trật chút nào." Rồi, sau khi thầy Ānanda đã đi khất thực trong thành Vesālī và đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn cơm trưa, thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn sự việc mình đã nhìn thấy. [Đức Thế Tôn nói:] "Này Ānanda, thầy nghĩ sao, điều nào khó khăn hơn và thử thách hơn: việc bắn cung từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), không trật chút nào hay việc lấy đầu mũi tên đâm chẻ một sợi tóc thành bảy sợi?"406 "Thưa Thế Tôn, lấy đầu mũi tên đâm chẻ một sợi tóc thành bảy sợi thì khó khăn hơn và thử thách hơn nhiều. "Nhưng, này Ānanda, người ta còn có thể đâm thủng được thứ thậm chí khó đâm thủng hơn nhiều, đó là những người đâm thủng được (thâm nhập được, chứng ngộ được) 'Đây là khổ' đúng như nó thực là … người đó đâm thủng được 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ'. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:45)

46 (6) Sự Mù Tối "Này các Tỳ kheo, có những khoảng trống không thăm thẳm ở giữa những thế giới, u minh và tối mịt,407 nơi mà ngay cả ánh sáng của Mặt Trăng và Mặt Trời, thật hùng mạnh và uy lực, cũng không chiếu tới được." Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sự tối mịt (cõi u minh) đó quả

thực là lớn thăm thẳm; cùng tối mịt đó quả thực là rất lớn thăm thẳm. Nhưng, thưa Thế Tôn, còn có vùng tốt mịt nào khác lớn hơn và đáng sợ hơn không? “Có đó, này Tỳ kheo.” “Thưa Thế Tôn, sự tối mịt nào còn lớn hơn và đáng sợ hơn ở đó?” (1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’; không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm dứt khổ’; không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ thích-thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh … dẫn tới sự già … dẫn tới sự chết … dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do thích-thú những sự tạo-tác cố ý như vậy, nên họ tạo-ra những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự sinh … dẫn tới sự già … dẫn tới sự chết … dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo-ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, họ rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự sinh … rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự già … sự tăm tối mù mịt của sự chết … sự tăm tối mù mịt của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, và chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

(2) “Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ.’—thì họ không thích-thú những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh, không thích-thú những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự già … dẫn tới sự chết, dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do không thích-thú những sự tạo-tác cố ý như vậy, nên họ không tạo-ra những sự tạo-tác cố ý dẫn tới sự sinh … dẫn tới sự già … dẫn tới sự chết … dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do không tạo-ra những sự tạo-tác cố ý như vậy, nên họ không rớt trong sự tăm tối tăm tối mù mịt của sự sinh … không rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự già … sự tăm tối mù mịt của sự chết … sự tăm tối mù mịt của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:46)

47 (7) Khúc Gỗ Có Đục Lỗ (1) 408 “Này các Tỳ kheo, giả sử có một người quăng một khúc gỗ (thanh gỗ, cái ách) bị đục một cái lỗ xuống đại dương, và có con rùa mù một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có khả năng con rùa mù đó mỗi trăm năm nổi lên mặt nước một lần có thể (vô tình có lần) lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó, hay không?” “Thưa Thế Tôn, (hầu như không thể) nếu có thì chỉ có thể sau một thời gian rất rất dài mới xảy ra điều đó.” “Vậy chứ, ta nói, con rùa vàng còn có ngày lọt đầu vào lỗ của khúc gỗ đó (mặc dù rất rất hy hữu), chứ kẻ ngu si một khi đã rớt xuống cõi-dưới

thì thăm thẳm khó có thể [có được lại] trạng thái làm người. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, ở đó không có hành-vi được dẫn dắt bởi Giáo Pháp, không có hành-vi đúng đắn (thiện hành), không có hành-động thiện lành (thiện nghiệp), không có hành-động công đức (phước nghiệp). Ở đó chỉ toàn cảnh nhai nuốt lẫn nhau, kẻ mạnh nhai nuốt kẻ yếu. Bởi vì sao (bị vậy)? Này các Tỳ kheo, bởi do họ đã không nhìn thấy Bốn Diệu Đế. "Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:47)

48 (8) Khúc Gỗ Bị Đục Lỗ (2) "Này các Tỳ kheo, giả sử đại địa cầu này trở thành toàn nước, và một người quăng xuống đó một khúc gỗ bị đục một lỗ. Gió từ đông thổi giạt nó về tây; gió từ tây thổi giạt nó về đông; gió từ bắc thổi giạt nó về nam; gió từ nam thổi giạt nó về bắc. Có một con rùa mù một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có khả năng con rùa mù đó mỗi trăm năm nổi lên mặt nước một lần có thể (vô tình có lần) lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó, hay không?" "Thưa Thế Tôn, rất rất hiếm cơ may, rất rất hiếm khi con rùa mù nổi lên mỗi trăm năm có thể lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, rất rất hiếm cơ may409 một người đạt được trạng thái làm người; rất rất hiếm khi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian; rất rất hiếm khi có Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai soi sáng trong thế gian. "Này các Tỳ kheo, giờ các thầy đã được sinh ra làm người; rồi đã có

một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian; rồi đã có Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai soi sáng trong thế gian. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:48)

49 (9) Núi Tu-Di (1) "Này các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên núi Tu-di (Sineru), vua của các ngọn núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh được đặt lên đó hay núi Tu-di, vua của các ngọn núi?" "Thưa Thế Tôn, núi Tu-di, vua của các ngọn núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhặt. So với núi Tu-di, vua của các ngọn núi, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào."410 - "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm được sự đột-phá [= giác ngộ Bốn Diệu Đế], thì phần khổ đã bị tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhặt. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn trong tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' … 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ'. "Bởi vậy, này

các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:49)

50 (10) Núi Tu-Di (2) “Này các Tỳ kheo, giả sử núi Tu-di [núi Sineru], vua của các ngọn núi, bị tiêu diệt và loại bỏ chỉ còn bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: phần núi Tu-di đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh còn lại?” “Thưa Thế Tôn, phần núi Tu-di, vua của các ngọn núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhặt. So với phần núi Tu-di, vua của các ngọn núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”411 - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm được sự đột-phá [= giác ngộ Bốn Diệu Đế], thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhặt. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:50)

NHÓM 6. NHÓM ‘SỰ ĐỘT-PHÁ’ (Abhsamaya-vagga)

51 (1) Móng Tay412 Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt (chút vặt, chẳng là gì). So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm được sự đột-phá [= giác ngộ Bốn Diệu Đế], thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhặt. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:51)

52 (2) Hồ Nước

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một hồ nước dài năm mươi dặm Ấn (yojana, do-tuần), rộng năm mươi dặm Ấn, và sâu năm mươi dặm Ấn, có đầy nước, nước tràn bờ đến mức con quạ có thể uống nước từ (mép, bờ) hồ, và có một người dùng đầu lá cỏ kusa để lấy nước lên. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nước dính theo đầu lá cỏ hay nước trong hồ nước đó?” “Thưa Thế Tôn, nước trong hồ nước nhiều hơn. Nước dính theo đầu lá cỏ chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong hồ nước, thì nước dính theo đầu lá cỏ là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … (giống như kinh 56:51 kế trên) … thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn … “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:52)

53 (3) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—một người lấy ở đó hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: hai, ba giọt nước đó hay nước chỗ các sông hợp lưu?” “Thưa Thế Tôn, nước ở chỗ các sông hợp lưu nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy lên chỉ là nhỏ nhặt. So với nước chỗ các sông hợp lưu, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … (giống như kinh 56:51 kế trên) … thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn … “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:53)

54 (4) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—giả sử nước của các sông bị tiêu tán và hết sạch, chỉ còn sót lại hai hay ba giọt. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì nhiều hơn: nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch hay hai, ba giọt nước còn sót lại?” “Thưa Thế Tôn, nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. So với nước chỗ các sông hợp lưu, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … (giống như kinh 56:51 ở trên) … thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn … “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:54)

55 (5) Trái Đất (1) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đặt lên trên mặt đất này bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu hay đại địa cầu này?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu này nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì bảy là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … (giống như kinh 56:51 ở trên) … thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn … “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:55)

56 (6) Trái Đất (2) “Giả sử đại địa cầu bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hột trái táo tàu là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … (giống như kinh 56:51 ở trên) … thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn … “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:56)

57 (7) Đại Dương (1) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người lấy lên hai hoặc ba giọt nước từ đại dương. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì là nhiều hơn: hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương hay nước trong đại dương?” “Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong đại dương, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện … (giống như kinh 56:51 ở trên) … thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn … “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:57)

58 (8) Đại Dương (2) “Này các Tỳ kheo, giả sử đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn

sót lại hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: nước trong đại dương hay hai, ba giọt nước còn sót lại đó?” “Thưa Thế Tôn, nước trong

đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại đó chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong đại dương, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào." - "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ... "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:58)

59 (9) Núi (1) "Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đặt lên dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp-sơn), vua của các dãy núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải hay dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi?" "Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải chỉ là nhỏ nhặt. So với dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào." - "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ... "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng

để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:59)

60 (10) Núi (2) "Này các Tỳ kheo, giả sử dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là nhiều hơn?" "Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. So với phần núi Himalaya, vua của các ngọn núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào." - "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm được sự đột-phá [giác ngộ Bốn Diệu Đế], thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhặt. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' ... 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ'. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:60)

NHÓM 7. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ NHẤT & LẶP LẠI’ (Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga)413

61 (1) Cõi Khác Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được tái sinh trong cõi người là số ít. Còn những chúng sinh tái sinh trong những cõi khác thì rất nhiều.414 Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do những chúng sinh đó chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:61)

62 (2) Ở Những Nước Nằm Ngoài Biên Giới Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay … So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính …”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được tái sinh trong những tỉnh lỵ (xứ sở, bang) ở miền-giữa (trung phần) là số ít. Còn những chúng sinh bị tái sinh trong những nước nằm ngoài biên giới trong các bộ tộc ngoại bang còn man rợ (thiểu văn minh) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ … diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:62)

63 (3) Trí Tuệ [Từ kinh 63131: phần đầu và phần đuôi đều giống như 02 kinh kế trên]

… “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh có được mắt thiên thánh của trí-tuệ là số ít. Còn những chúng sinh chìm trong vô- minh và si-mê thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:63)

64 (4) Rượu Nặng Rượu Nhẹ … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và các chất độc hại (giới thứ năm), là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …”

(SN 56:64)

65 (5) Sinh Trong Nước … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được sinh trên đất cao là số ít. Còn những chúng sinh được sinh trong nước thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:65)

66 (6) Kính Hiếu Mẹ … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính hiếu mẹ mình là số ít. Còn những chúng sinh không kính hiếu mẹ mình thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:66)

67 (7) Kính Hiếu Cha … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính hiếu cha mình là số ít. Còn những chúng sinh không kính hiếu cha mình thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:67)

68 (8) Tôn Kính Các Tu Sĩ … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tôn kính các tu sĩ là số ít. Còn những chúng sinh không tôn kính các tu sĩ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu

Đế …” (SN 56:68)

69 (9) Tôn Kính Những Bà-la-môn … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tôn kính những bà-la-môn (chân chính) là số ít. Còn những chúng sinh không tôn kính những bà-la-môn thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:69)

70 (10) Kính Trọng Người Lớn Tuổi … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính trọng những người lớn tuổi là số ít. Còn những chúng sinh không kính trọng những người lớn tuổi thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:70)

NHÓM 8. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ HAI & LẶP LẠI’ (Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga)

71 (1) Sát Sinh415 … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sát-sinh giết hại là số ít. Còn những chúng sinh sát-sinh giết hại thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:71)

72 (2) Gian Cắp … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự gian-cắp (lấy thứ không được cho, trộm, cướp, chiếm, đoạt, gian lận, lừa gạt, tham nhũng) là số ít. Còn những chúng sinh gian-cắp thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:72)

73 (3) Tà Dâm Tà Dục … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ tà-dâm tà dục (quan hệ tính dục bất chính) là số ít. Còn những chúng sinh hành vi tà-dâm tà dục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:73)

74 (4) Nói Dối

Chương 56 Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐẾ) • 565

… “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự nói-dối nói láo (nói sai sự thật, nói gạt, nói lừa) là số ít. Còn những chúng sinh nói-dối nói láo thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:74)

75 (5) Nói Lời Gây Chia Rẽ … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự nói lời gây chia-rẽ là số ít. Còn những chúng sinh nói lời gây chia-rẽ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:75)

76 (6) Nói Lời Gắt Gỏng … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ là số ít. Còn những chúng sinh nói lời gắt-gỏng nạt nộ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:76)

77 (7) Nói Lời Tầm Phào Vô Ích … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ việc nói lời tầm-phào tán dóc vô bổ số ít. Còn những chúng sinh nói lời tầm-phào tán dóc vô bổ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:77)

566 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

78 (8) Hạt Giống416 … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ việc phá hoại hạt giống và phá hại cây cối là số ít. Còn những chúng sinh phá hoại hạt giống và phá hại cây cối thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:78)

79 (9) Không Đúng Thời … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ việc ăn uống không đúng thời (phi thời, không hợp lúc; Tỳ kheo: ăn sau giờ ngọ) là số ít. Còn những chúng sinh ăn uống không đúng thời thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:79)

80 (10) Nước Hoa và Son Phấn … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc xức nước hoa và son phấn trang điểm là số ít. Còn những chúng sinh xức nước hoa và son phấn trang điểm thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:80)

Chương 56 Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐẾ) • 567

NHÓM 9. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ BA & LẶP LẠI’ (Tatiyaāmakadhañña Peyyâla-vagga)

81 (1) Múa Hát … … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc múa hát, đờn trống, và coi tuồng kịch là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc ca múa, đờn trống, và coi tuồng kịch thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:81)

82 (2) Giường Cao … … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nằm giường cao và sang, ngồi ghế cao và sang, là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nằm giường cao và sang, ngồi ghế cao và sang, thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:82)

83 (3) Vàng Bạc … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy vàng bạc (và tiền) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy vàng bạc (và tiền) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:83)

84 (4) Gạo Sống … … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy gạo sống (gạo, đậu, ngũ cốc… chưa nấu chín) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy gạo còn sống (đậu, ngũ cốc … chưa nấu chín) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:84)

85 (5) Thịt Sống … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy thịt sống (chưa nấu chín) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy thịt sống thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:85)

86 (6) Con Gái … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy phụ nữ và con gái (để người phụ giúp, ở chung …) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy phụ nữ và con gái thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:86)

87 (7) Nô Tỳ … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy nô tỳ nam hay nô tỳ nữ (người ở đợ, nô lệ) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy nô tỳ nam hay nô tỳ nữ

thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:87)

88 (8) Dê và Cừu … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy dê và cừu là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy dê và cừu thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:88)

89 (9) Gia Cầm và Heo … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy gia cầm và heo là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy gia cầm và heo thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:89)

90 (10) Voi … … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy voi, gia súc, ngựa, và ngựa cái là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ

việc nhận lấy voi, gia súc, ngựa, và ngựa cái thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:90)

NHÓM 10. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ TƯ & LẶP LẠI’ (Catutthaaāmakadhañña Peyyāla-vagga)

91 (1) Ruộng Đất … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc nhận lấy ruộng đất là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy ruộng đất thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:91)

92 (2) Buôn Bán … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc buôn bán là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc buôn bán thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:92)

93 (3) Báo Tin Tức … … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc chạy báo tin đưa tin và làm những việc (người ta) sai mướn là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc chạy báo tin đưa tin và làm những việc (người ta) sai mướn thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:93)

94 (4) Cân Đo Gian Lận …

… “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc gian lận bằng cân, đo, tiền bạc là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc gian lận bằng cân, đo, tiền bạc thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:94)

95 (5) Đút Lót Hối Lộ… … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc đút lót hối lộ, lừa đảo, và gian trá là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc đút lót hối lộ, lừa đảo, và gian trá thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:95)

96 (6) 101 (11) Làm Tổn Hại … … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành thì rất nhiều. Vì lý do gì? Vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.” “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:96101)

NHÓM 11. NHÓM ‘NĂM NƠI ĐẾN & LẶP LẠI’ (Pañcagati Peyyāla-vagga)

102 (1) Là Người Chết Đi thành người (1) Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?” “Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.” - “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết khi được tái sinh trở lại làm người là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong địa-ngục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. “Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.” (SN 56:102)

103 (2) Là Người Chết Đi thành người (2) … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh trở lại làm người là số ít. Còn những chúng

sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi súc-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:103)

104 (3) Là Người Chết Đi thành người (3) … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh trở lại làm người là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi ngạ-quỷ (hồn ma, quỷ đói) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:104)

105 (4) 107 (6) Là Người Chết Đi thành thiên thần (4–6) … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh làm thiên thần là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cơi địa-ngục … trong cõi súc- sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:105107)

108 (7) 110 (9) Là Thiên Thần Chết Đi thành người (1–3) … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là thiên- thần khi chết đi được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh là thiên thần khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục … trong cõi súc-sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …” (SN 56:108110)

111 (10) 113 (12) Là Thiên Thần Chết Đi thành thiên thần (4–6) … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là thiên- thần khi chết đi được tái sinh trở lại

trong cõi những thiên thần là số ít. Còn những chúng sinh là thiên thần khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa- ngục … trong cõi súc-sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:111113)

114 (13) 116 (15) Từ Địa Ngục Chết Đi thành người (1–3) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ địa- ngục khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ địa-ngục khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi địa-ngục … trong cõi súc- sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:114116)

117 (16) 119 (18) Từ Địa Ngục Chết Đi thành thiên thần (4–6) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ địa- ngục khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ địa-ngục khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi địa-ngục … trong cõi súc- sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:117119)

120 (19) 122 (21) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành người (1–3) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi

súc-sinh khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục … trong cõi súc-sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:120122)

123 (22) 125 (24) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành thiên thần (4–6) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục … trong cõi súc-sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:123125)

126 (25) 128 (27) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành người (1–3) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh lại trong cõi địa-ngục … trong cõi súc- sinh … trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:126128)

129 (28) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (4) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …"

(SN 56:129)

130 (29) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (5) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít.

Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trong cõi súc-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế …" (SN 56:129)

131 (30) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (6) … "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Bởi vì sao? Này các Tỳ kheo, vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. "Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. "Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'." (SN 56:131)

HẾT QUYỂN 5 (QUYỂN LỚN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH: Be: phiên bản Miến Điện của SN Ee: phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)

Se: phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN ∗ SN= Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện) Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).

Spk-pṭ = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)

SS = Sinhala-script: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala) CDB = Connected Discourses of Buddha: bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato. Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dụa theo bản dịch của TKBĐ, các chú giải Spk thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (Be). Chỗ nào ghi Spk (Be) và Spk (Se) chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC: Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ) As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN) Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi) ∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It

Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN)

∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN)

∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn

Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN

Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)

Bảng Viết Tắt • 579

Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện) Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh
Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện)
Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật)
Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame) CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman) GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger) KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward) LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society: Hội Kinh Điển Pali Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Còn các số hiệu kinh DN, MN, và Ja kèm theo số kinh sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn của Ppn. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo số quyển và số trang của ấn bản PTS, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ Be hay Ce thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables)

CHÚ THÍCH

1 [Kinh này giống kinh AN 10:105, nhưng trong kinh AN có đưa thêm hai

cặp chữ là (9) sự-biết sai lạc (micchāñāṇa, tà tri) và (10) sự giải-thoát sai lạc (micchāvimutti) vào phần "mặt tối, vô-minh", và (9) sự-biết đúng đắn (sammāñāṇa, chánh tri) và (10) sự giải-thoát đúng đắn (sammāvimutti) vào phần "mặt sáng, minh". Những câu mở đầu về vô-minh và trí-biết đích thực (minh, chân trí) cũng có trong It 34,6–10. Coi thêm MN III 76,1–9.

- (Vô-minh: sự ngu tối, ngu mờ, ngu dốt, không thấy, không biết; ngược lại là minh, hữu-minh, là sự-biết đích thực, trí-biết đích thực, chân trí).

- Spk chú giải: vô-minh là thứ dẫn đầu (pubbaṅgama) theo 02 cách: (i) là một điều-kiện đồng khởi sinh (sahajāta: điều-kiện (duyên) cho những hiện-tượng khởi sinh đồng thời) và (ii) là một điều-kiện trợ giúp quyết định (upanissaya: một điều-kiện tác nhân (nhân duyên) mạnh để cho các hiện-tượng khởi sinh ngay sau đó). Còn Spk-pṭ nói thêm: (i) Nó là một thứ dẫn đầu theo cách là một thứ đồng khởi sinh khi nó tạo ra những trạng thái liên quan khớp theo cách nó 'không-biết' về đối-tượng, vì vậy chúng cứ chấp những hiện tượng vô-thường là thường-hằng...; (ii) nó là một thứ dẫn đầu theo cách vừa là thứ đồng khởi sinh vừa là sự trợ giúp quyết định khi một người bị chi phối bởi vô-minh cứ dính vào những hành-động thất đức (thiếu giới-hạnh). Sự không biết xấu-hổ (ahirika) (về mặt đạo đức) có tính chất của sự thiếu sỉ-nhục (ala- jjanā) hay sự thiếu lương-tâm đối với điều xấu ác; sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái (anottappa) có tính chất của sự thiếu sợ-hãi (abhāyanā, đối với hành vi xấu ác). Spk giải nghĩa chữ anudeva [hay anvadeva trong Be] là: sah' eva ekato' va, na vinātena uppajjati (nó khởi sinh cùng với nó, trong sự đồng nhất, không phải không cùng với nó).] (1)

2 [Spk: Sự-biết đích thực hay trí-biết đích thực (vijjā) là sự-biết về trách

nhiệm của một người đối với hành-động (nghiệp) của mình (kammassa- katāñāña). Ở đây, cũng cách tương tự, nó là thứ dẫn đầu theo cả 02 cách vừa là thứ đồng khởi sinh và vừa là thứ trợ giúp quyết định. Sự biết xấu-hổ (hiri) (về mặt đạo đức) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (ottappa) được coi là

những người "bảo vệ thế gian" [trong kinh AN 2:09]. Để đọc thêm chi tiết về hiri và ottappa, mời coi luận giảng As 124–27, cũng được giảng giải một cách ngắn gọn hơn trong Thanh Tịnh Đạo Vism 464–65 (Ppn 14:142).] (2)

3 [Spk chú giải rằng: Trong thời-khắc của đạo thế tục, tất cả những (phẩm

chất) này không được thấy có cùng với nhau, nhưng trong thời-khắc của đạo siêu thế thì tất cả chúng đều thấy có cùng với nhau. Thậm chí trong khi tu tập đạo thế tục, sẽ là sai lầm nếu thấy 08 phần đạo này xảy ra theo một thứ tự trực tiếp như vậy. (i) Cách-nhìn đúng đắn (chánh-kiến) là thứ dẫn dắt cho tất cả 07 phần đạo kia và là điều-kiện trực tiếp (duyên kế cận) tạo ra ý-định đúng đắn (chánh tư-duy). (ii) Cách-nhìn đúng đắn và ý-định đúng đắn kết hợp với nhau làm điều-kiện (duyên) cho 03 phần đạo tiếp theo khởi sinh, đó là: lời- nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), đây là 03 phần đạo tạo

nên Nhóm Giới-Hạnh (GIỚI). (iii) Tới phiên những phần đạo này có chức năng là nền tảng cho sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) và sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm), sự nỗ-lực là sự áp dụng năng-lượng để tu tập 04 nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). (iv) Quả của sự nỗ-lực đúng đắn và sự tâm-niệm đúng đắn (chánh tinh- tấn, chánh-niệm) là sự định-tâm đúng đắn (chánh định).] (3)

- (Trong bản dịch này, tên các chi phần của Bát Thánh Đạo được ghi thay phiên bằng tiếng Việt hoặc/và tiếng Hán Việt (vẫn còn quen dùng bởi một số Phật tử) tùy theo ngữ cảnh và mẫu lời kinh để đọc cho gọn; tức là các thuật ngữ: "cách-nhìn đúng đắn" = chánh-kiến ... sự định-tâm đúng đắn = chánh- định được ghi.)

4 [Toàn bộ kinh này đã được Phật trích dẫn trong kinh SN 3:18 (Quyển 1),

trong cuộc đàm đạo với Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc). Spk đã chú giải về lời kinh trong kinh đó và do vậy họ bỏ qua sự chú giải trong kinh này. Bên dưới tôi đã rút ra một số trích đoạn của các chú giải ở kinh đó của Spk. Trong phiên bản Be và Ee, tên của thị trấn này ghi là Sakkara.] (4)

5 [Nguyên văn 03 cụm chữ này: Kalyāñamittatā kalyāñasahāyatā kalyāñasampavaṅkatā. Cả 3 đều là đồng nghĩa nhau. Spk chú giải rằng: Khi thầy Ānanda đang ở nơi tách-ly (trú ẩn, ẩn dật), thầy ấy nghĩ: "Sự tu-tập này của một tu sĩ (sa-môn) sẽ thành công đối với người nhờ vào (i) những đạo-

hữu tốt và (ii) sự tự mình nỗ-lực, do vậy một nửa là dựa vào sự có đạo-hữu tốt và một nửa dựa vào sự tự mình nỗ-lực của người tu." (Do nghĩ như vậy nên thầy đã đến gặp Phật để hỏi lại cho chắc).] (5)

6 [Tiến sĩ C.Rh.D đã dịch cụm chữ kalyāñamitto bhikkhu là "một Tỳ kheo là

một đạo-hữu của sự chân chính" [KS 1:113]; học giả Woodward dịch là: "một tu sĩ có một người bạn thân mến" [KS 5:2]; học giả Ireland dịch là: "một Tỳ kheo là một người bạn của điều thiện" [SN-Anth 1:75]. Tất cả những cách dịch này đều dựa trên sự hiểu sai về hình thức ngữ pháp của lời kinh. Chữ kalyāñamitta là một từ thực-chất độc lập, nó có nghĩa là "một người bạn tốt", tức là một người bạn tâm linh tốt, một đạo hữu tốt, là người cho những lời khuyên bảo, khuyên dạy, hướng dẫn, và khích lệ. Tuy nhiên, khi được dùng như một từ đồng-ghép cho từ bhikkhu, thì chữ kalyāñamitta trở thành một chữ kép là bahubbbıhi, và toàn bộ sự diễn đạt có nghĩa là "một Tỳ kheo là người có một bạn tốt". Có thể trình bày lời kinh một cách chính quy như vầy: yassa bhikkhuno kalyāñamittaṃ hoti [không phải yo bhikkhu kalyāñassa mittaṃ hoti], so kalyāñamitto bhikkhu ti vuccati [theo sự biết về từ nguyên học của tôi].

- Về sự quan-trọng của sự "có đạo-hữu tốt", mời coi thêm các kinh 45:49, 63, 77 bên dưới, và kinh AN 6:67 [= Ud 34–37 (?)].

- Spk diễn dịch như vầy: Với trẻ con, không thể nào nói rằng "Rất nhiều có được từ mẹ, rất nhiều có được từ cha"; sự thật tương tự trong trường hợp người tu. Không thể nói

rằng: “Rất nhiều chánh-kiến, chánh tư-duy ... vân vân có được từ sự có đạo-hữu tốt, rất nhiều có được từ sự tự mình nỗ-lực.” Đức Thế Tôn đã nói với nghĩa rằng: “04 thánh đạo, 04 thánh quả ... vân vân đều bắt rễ từ sự có đạo-hữu tốt.” (?).] (6)

7 [Công thức (mẫu) “dựa trên/vào sự tách-ly” (vivekanissita) đã được gắn

vào các chi của Bát Thánh Đạo trong Vibh 236. Spk giải thích sự tách-ly (viveka) dưới ánh sáng của các luận giảng về 05 sự tách-ly, đó là: (i) sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt (tadaṅga, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang tu tập thiền quán (minh sát)); (ii) sự tách-ly bằng cách khống- chế (vikkhambhana, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang chứng đắc tầng thiền định); (iii) sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy (samuccheda, một cách

thường hằng, vĩnh viễn, bằng thánh-đạo siêu thế); (iv) sự tách-ly bằng sự lắng-lặn (paṭippassaddhi, thường hằng, vĩnh viễn, trong thánh-quả); và (v) sự tách-ly bằng cách thoát-khỏi (nissaraṇa, thường hằng, vĩnh viễn, trong Niết-bàn). Về 02 đoạn chú thích tiếp theo sau đây, tôi dịch từ luận giảng Spk.

- “Người đó tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly (vivekanissitaṃ): nghĩa là, (i) dựa trên sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt, (iii) dựa trên sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy (xóa bỏ), (v) dựa trên sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi (giải thoát, niết-bàn). Bởi vì (a) vào lúc minh-sát (thiền quán) người thiền này [người tận tâm tu tập con đường thánh đạo] tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt theo cách là như chức-năng và dựa trên sự tách-ly như sự ngã-hướng [vì người đó ngã hướng về Niết-bàn]; (b) vào lúc thánh đạo, người đó tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy như chức-năng và dựa trên sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi như đối- tượng [vì thánh đạo lấy Niết-bàn làm đối-tượng]. Sự giải thích theo cách tương tự đối với những thuật ngữ ‘dựa vào sự chán-bỏ’ (virāganissita) và ‘dựa vào sự chấm-dứt’ (nirodhanissita).

- “Sự buông bỏ giải thoát (vossagga) là có 02 phần: sự giải-thoát như/là sự buông-bỏ (pariccāga) và sự giải-thoát như/là sự nhập-vào (pakkhandana). (i) ‘Sự giải-thoát như sự buông-bỏ’ là sự dẹp-bỏ (pahāna) những ô-nhiễm (lậu hoặc): trong hoàn cảnh riêng biệt (tadaṅgavasena) trong lúc đang thiền-quán (minh sát), bằng sự thanh-tẩy (samucchedavasena) trong lúc đang trong thánh đạo siêu thế. (ii) ‘Sự giải-thoát như sự nhập-vào’ là sự nhập vào Niết-bàn: bằng cách ngã-hướng về đó (tadninnabhāvena) trong lúc đang thiền-quán (minh sát), và làm cho nó thành đối-tượng (ārammaṇakaraṇena) vào thời-khắc của thánh đạo. Cả 02 phương pháp đều phù hợp trong sự giảng giải này, chúng kết hợp thế-tục (sự minh sát) và siêu-thế (thánh đạo). Thánh đạo là (dần, đang) chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát (vossaggapariṇāmi) bởi vì nó đang chín chắn tới [sự giải-thoát] hoặc đã chín chắn [trong sự giải-thoát], có nghĩa là nó đang chín muồi tới [sự giải-thoát] hoặc đã chín muồi [trong sự giải thoát]. Tỳ kheo đã tham gia vào sự tu tập (thánh) đạo là ‘đang làm chín muồi’ (thánh) đạo tất cả vì mục-tiêu là buông-bỏ (từ bỏ, dẹp bỏ) những ô-nhiễm và chứng nhập vào

Niết-bàn, và người đó tu tập nó cho nên nó 'đã chín muồi' như vậy."

- Khi tôi [TKBĐ] dịch chữ vossagga là "sự buông bỏ giải thoát" (người dịch Việt dịch thoát hàm nghĩa của nó là "sự buông bỏ giải thoát") thì nghĩa này nên được hiểu là 'hành-động buông bỏ giải thoát' hay 'trạng thái đã buông bỏ giải thoát' chứ không phải theo nghĩa là 'sự trải-nghiệm của sự được giải thoát'. Chữ vossagga và chữ paṭinissagga có liên hệ mật thiết với nhau, cả về mặt từ nguyên học và về mặt chữ nghĩa, nhưng khi chúng được dùng trong Kinh Tạng các Nikāya thì có một 'sự khác nhau rất vi tế' đã tách riêng 02 chữ theo 02 cách dùng. (i) Chữ paṭinissagga, ở đây được dịch là "sự từ-bỏ", chủ yếu thuộc giai đoạn minh-sát (thiền quán) và do vậy nên được hiểu như sự chủ động loại-bỏ những ô-nhiễm thông qua sự minh-sát nhìn thấu bản chất vô-thường trong tất cả mọi thứ có điều-kiện (pháp hữu vi). (ii) Chữ vossagga, là cái sự trong đó thánh đạo chín muồi, có lẽ biểu thị cho trạng thái cuối cùng trong đó tất cả sự ràng-buộc dính-mắc đều đã được buông bỏ hoàn toàn sạch sẽ, và do vậy nó đến gần hơn về nghĩa với Niết-bàn là mục-tiêu của (thánh đạo).

- Paṭinissagga xảy ra như một sự quán-sát riêng biệt, là bước quán-sát cuối cùng trong 16 bước tu tập "sự chánh-niệm hơi-thở" [coi lại (4 đoạn X "4- điều") của kinh 54:01 ngay đầu Chương 54 bên dưới]. Mặc dù Spk giải nghĩa paṭinissagga giống như cách nó giải nghĩa chữ vossagga [coi thêm chú thích số 293 của kinh 54:01], nhưng bản thân trong các kinh thì 02 chữ đã được dùng với 02 sắc thái nghĩa khác nhau (một cách vi tế).] (7)

8 [Spk giải thích rằng: do thầy Ananda lúc đó (trong kinh kế trên) chưa chứng

ngộ tới trí-biết đỉnh cao nên thầy đã chưa biết "toàn bộ đời sống tâm linh là dựa vào sự có đạo-hữu tốt", nhưng thầy Xá-lợi-phất là 'thống soái' về trí-biết nên thầy ấy mới nói ra như vầy, và đã được Phật khen ngợi.] (8)

9 [Bà-la-môn Jāṇussoṇi là giáo sĩ và thầy tế của Vua Pasadeni (Ba-tư-nặc).

Cảnh ông cỡi xe ngựa trắng đi ra khỏi thành Sāvatthī cũng được lặp lại trong kinh MN 27 và MN 99. Theo Spk: ông thường mỗi 6 tháng lên cỗ xe ngựa trắng của mình đi dạo khắp kinh thành "cứ như để biểu dương với kinh thành về sự xuất sắc của vinh danh và sự giàu có của mình vậy".] (9)

10 [Nguyên văn câu này là: "Brahmaṃ vata bho yānaṃ, brahmayānarūpaṃ

vata hoti." Ở đây, "thiên thánh" là dịch chữ brahma (thuộc cõi trời, phạm thiên) theo cái nghĩa là "tốt nhất" hay "bậc nhất" (seṭṭha).] (10)

11 Đại từ liên hệ yassa khi có nó thì đoạn thi kệ bắt đầu sẽ chỉ được hoàn

thành bởi đại từ chứng minh etad ở dòng kệ cuối. Vì trở ngại chuyển ngữ khi dịch ... nên tôi buộc phải chia đoạn thành những câu ngắn hơn. Tôi dựa vào sư chú giải của Spk trong sự dịch nghĩa phần thi kệ này. Mời coi thêm ví dụ chiếc xe ngựa trong kinh 1:46 (Quyển 1).] (11)

12 [Jhānakkho. Spk giải nghĩa: “Trục được làm bằng tầng thiền định (jhāna)

theo cách của 05 yếu-tố của jhāna đi kèm với minh-sát”. 05 yếu tố của tầng thiền định là ý-nghĩ (tầm), sự soi-xét (tứ), sự hoan-hỷ (hỷ), sự hạnh-phúc (lạc), và sự nhất-điểm của tâm. Mặc dù khi đã chín chắn đầy đủ chúng mới đưa tâm đến trạng thái tầng thiền định thứ nhất, nhưng những yếu-tố này cũng có mặt, mặc dù ít nổi bật, trong sự định-tâm đi kèm sự thiền minh-sát.] (12)

13 [Tôi đọc theo Se ghi là vammasannāho, khác với Be ghi là camma- và Ee

ghi là dhamma-.] (13)

14 [Spk: Cỗ xe đạo (maggayāna, đạo thừa) này được cho là “xuất phát từ

chính bên trong mình” (attani sambhūtaṃ) bởi vì nó chỉ đạt-được nhờ vào ‘sự tự mình nỗ-lực’ của người tu.] (14)

15 [Spk: “Sự dẹp-bỏ tham, sân, si” là một cách gọi để chỉ trạng thái không-

còn điều-kiện (vô vi), là yếu-tố Niết-bàn bất tử. “Sự tiêu-diệt ô-nhiễm” là mộ cách gọi để chỉ thánh quả A-la-hán. “Sự dẹp-bỏ tham, sân, si” cũng là một cách gọi để chỉ thánh quả A-la-hán.] (15)

16 [Những định nghĩa về các phần của Bát Thánh Đạo cũng được ghi trong

các kinh DN II 311–13, và kinh MN 141 đã phân tích chi tiết 8 phần thánh đạo theo định nghĩa công thức của Kinh Tạng, và kinh MN 117 thì giảng giải Bát Thánh Đạo từ một góc độ khác dưới tiêu đề là “sự Chánh-Định thánh thiện với những sự trợ-giúp và những điều-kiện thiết yếu của nó”. Trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka) thì chúng được ghép giảng theo cách diễn dịch chính thức của bài kinh Bhājaniya thuộc Kinh Tạng (Suttanta-

bhājaniya) trong Vibh 235–36 [nhưng đọc thêm chú thích 17 kế dưới]. Nhưng trong bản kinh Bhājaniya thuộc Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma- bhājaniya) thì các phần Bát Thánh Đạo được xem xét theo nghĩa hoàn toàn siêu-thế.] (16)

17 [Tất cả các phiên bản của bộ kinh SN đều ghi ở đây cụm chữ abrahmac-

ariyā veramañı, nhưng trong các bộ kinh khác thì nó được ghi là kāmesu micchācārā veramañı (sự kiêng cữ tà-dâm tà dục; sự kiêng cữ tính dục bất chính) [ví dụ như trong bộ kinh DN, MN, trong Vibh 235,18–19]. Cách ghi đầu được thấy ghi trong phần giới-luật được tuân thủ bởi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni; cách ghi thứ hai được thấy ghi trong phần giới-luật được đảm nhận bởi những người tại gia. Spk không chú giải về chỗ này, nó chỉ gợi ý rằng cách ghi trong bộ kinh SN là sai do lỗi ghi chép, có thể đã bị ghi sai sau thời của những luận giảng; nếu không tin vậy thì Spk chắc chắn đã giải thích sự biến thể lời kinh chỗ này. Do vậy tôi cũng dịch dựa theo giả định rằng cách ghi đúng là cách ghi thứ hai của các bộ kinh khác: kāmesu micchācārā veramañı.] (17)

18 [Spk giải thích: Vì sao Phật nói như vậy? Nghĩa là trong nửa tháng đó Phật

không có ai để chỉ dạy. Và Phật nghĩ: "Ta sẽ trải qua nửa tháng này trong niềm chân phúc của sự chứng quả. Như vậy ta có được sự an trú lạc trú và để làm gương cho những thế hệ đời sau làm theo." (nghĩa là Phật tuyên bố và đi sống ẩn dật để có sự an trú lạc trú để làm gương cho những người tu sau này bắt chước theo Phật tìm nơi ẩn dật để tu tập và có đươc sự an trí lạc trú giống như vậy).] (18)

19 [Spk chú giải như vầy: Chỗ này nhắc lại về 49 ngày thiền trú của Đức Phật

xung quanh chỗ Cây Bồ-Đề sau khi giác-ngộ. Trong suốt thời gian đó, theo Spk, Phật đã quán chiếu về năm-uẩn, các cơ-sở cảm nhận (xứ), các yếu-tố (giới), Bốn Diệu Đế ... một cách đầy đủ (nippadesa); giờ trong kinh này Phật chỉ quán chiếu lại một phần (padesena) trong đó, tức phần cảm-giác (thọ). Spk cũng đưa ra ví dụ cách những cảm-giác khởi sinh do tác động (duyên) bởi chánh-kiến và tà-kiến. Kinh này cũng được đề cập tới trong As 30-31 là "bằng chứng" cho thấy rằng Phật đã dạy Vi Diệu Pháp Tạng. Vism 519 (Ppn 17:9) cũng trích dẫn bài kinh này để phản biện lại quan-điểm cho rằng 'sự khởi sinh tùy thuộc' (duyên khởi) chỉ là 'sự khởi sinh đơn thuần' mà thôi.]

(19)

20 [Spk: 'Cảm-giác do tham-muốn (chanda) là điều-kiện (duyên)' là cảm-giác

dính với tám loại tâm dính tham-dục [coi CMA 1:4]; 'cảm-giác do ý-nghĩ (tầm) là điều-kiện' là cảm-giác trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền); còn 'cảm-giác do nhận-thức (tưởng) là điều-kiện' là cảm-giác trong 06 tầng thiền định tính từ tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) cho tới vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].] (20)

21 [Đoạn trong ngoặc [...] trong kinh này và kinh kế tiếp là không có trong

phiên bản Be, và có thể đã được du nhập từ luận giảng Spk vào tạng kinh Tích-Lan cổ [Sinhala]. Spk giải thích: (a) cảm-giác khi cả ba yếu tố này chưa lắng lặn là loại cảm-giác liên kết với tám loại tâm dính (câu hữu) tham. (b) Cảm-giác khi chỉ có sự tham-muốn (dục) đã lặn là cảm-giác của tầng thiền định thứ nhất; (c) Cảm-giác khi tham-muốn (dục) và ý-nghĩ (tầm) đã lắng lặn, chỉ có nhận-thức (tưởng) chưa lặn là cảm-giác của các tầng thiền định thứ hai và cao hơn. (d) Còn cảm-giác khi tất cả ba thứ đó đã lặn là cảm-giác trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không còn nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Còn "điều chưa được chứng ngộ" chính là thánh quả A-la-hán. Câu diễn đạt cuối cùng là bao gồm cảm-giác siêu-thế đi kèm với 04 thánh đạo. Chữ "sự nỗ-lực" ở đây là dịch āyāma, nghĩa thực là đồng nghĩa với chữ vāyāma [cũng đã được ghi trong một số chỗ của SS]. Spk nói luôn đó là đồng nghĩa chữ "viriya" (sự nỗ-lực, tinh tấn).] (21)

22 [Spk: Spk nói: Sự lắng-lặn của cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là đồng nghĩa =

cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); do vậy cảm-giác được cho là bị tác động (duyên) bởi cách-nhìn đúng đắn cũng đồng nghĩa = cảm-giác bị tác động (duyên) bởi sự lắng-lặn của cách-nhìn sai lạc. Nhưng trong bài kinh này họ (những bậc tiền bối cổ xưa) không

đưa vào loại cảm-giác do quả (vipāka- vedanā), họ cho rằng nó là quá xa xôi. Vì trong bất cứ thời nào nào một cảm- giác được nói là bị tác động (duyên) bởi sự lắng-lặn của một trạng thái thì nó đồng nghĩa là = nó bị tác động (duyên) bởi một phẩm-chất đối ngược với trạng thái đó. Cảm-giác do tác động (duyên) bởi sự lắng lặn của tham-muốn (vắng dục) là cảm-giác trong tầng thiền định thứ nhất; cảm-giác do tác động (duyên) bởi sự lắng lặn của ý-nghĩ (vắng tầm) là cảm-giác trong tầng thiền định thứ hai; cảm-giác do tác động bởi sự lắng lặn của nhận-thức (vắng

tưởng) là cảm-giác trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].] (22)

23 [Câu này Se và Ee ghi là: Bhaddako te āvuso Bhadda ummaggo. Be thì ghi

chữ sau là ummaṅgo. Chữ bhaddako hầu như chắc chắn liên quan tới một sự chơi chữ về tên của vị trưởng lão này (Bhadda). Spk (Se) chú giải nguyên văn là: Ummaggo ti pañha-ummaggo; pañhavīmaṃsanaṃ pañhagavesanan ti attho; "chữ 'sự thông minh' ở đây là: sự thông minh của [sự đặt ra] câu hỏi như vậy; nghĩa là sự điều tra tìm hiểu một câu hỏi, sự tìm ra một câu hỏi như vậy." [Chỗ này Se ghi đầu chữ pañha- là thích đáng hơn paññā- như Be ghi].] (23)

24 [Tôi dịch cụm chữ ñāyaṃ dhammaṃ dựa theo sự chú giải của Spk về thuật

ngữ ariyamaggadhammaṃ. Bài kinh này là cơ sở cho một "tình hướng khó xử" trong Mil 242–43, mời đọc lại kinh đó để thấy.] (24)

25 [Nguyên văn 02 phẩm-chất thêm vào là (9) micchāñāṇī và (10) micchāvi-

mutti. Spk giải nghĩa chữ đầu như = micchāpaccavekkhaṇa (sự quán-xét lại sai lạc), trong đó Spk-pṭ nói thêm nghĩa là: "Khi một người đã làm điều bất thiện, nhưng khi quán xét lại thì cứ nghĩ nó là thiện". Spk giải thích "sự giải- thoát sai lạc" là = sự giải-thoát giả (ayāthāvavimutti), một sự giải-thoát không thật, ngụy giả (aniyyānika-vimutti).] (25)

26 [Để đọc hiểu chi tiết hơn về "sự chánh-định thánh thiện" này, mời quý vị

đọc lại kinh MN 117.] (26)

27 [Spk chú giải: Trong khi kinh trước được diễn đạt theo cách những phẩm-

chất (dhammavasena) sai lạc, kinh này được diễn đạt theo cách những người (puggalavasena) tu-tập theo cách sai lạc đó.] (27)

28 [TKBĐ: Mặc dù kinh này trong tất cả 03 phiên bản chỗ câu này đều có chữ

aṭṭhaṅgiko (tám phần, tám chi), nhưng tôi gợi ý bỏ chữ này đi để cho lời kinh được thống nhất với các kinh SN 46:18, 47:33, và 51:02 của Quyển 5 này.] (28)

29 [Spk: tức đi khỏi vòng luân-hồi sinh tử và đến được Niết-bàn. Học giả

Woodward đã dịch sai cụm chữ này là 'dẫn tới trạng thái trong đó không còn

bờ nào và bờ cao hơn nào nữa'. Bài thi kệ bên dưới cũng có trong tập kinh Pháp Cú, Dhp 85-89.] (29)

30 [Tới chỗ này phiên bản Ee ngừng đếm số các NHÓM kinh này và coi

chúng chỉ là những sự lặp-lại (peyyāla) chứ không phải là các NHÓM kinh (vagga); Se cũng gọi chúng là những peyyāla nhưng có đếm số chúng; còn Be thì đếm số chúng và gọi chúng là những NHÓM (kinh) LẶP-LẠI (peyyālavagga). Cách đánh số các NHÓM kinh của tôi là giống gần với cách của Se, nhưng cách đếm số các kinh của tôi thì giống với Ee là thẳng một mạch từ đầu đến cuối.] (30)

31 ['Hành trình': quá trình, đường đi, dòng trôi: chỉ quá trình luân-hồi sinh tử

[saṃsāra]. Spk: khi một người chứng Niết-bàn thì đã hoàn-toàn hiểu hành- trình của đường luân-hồi sinh tử mình đã trải qua.] (31)

32 [Spk diễn giải: Sự có đạo-hữu tốt giống như rạng đông; thánh đạo đi cùng

sự minh-sát, đã khởi sinh bằng cách nhờ vào sự có đạo-hữu tốt, cũng giống như sự mọc-lên của mặt trời.] (32)

33 [Spk chú giải: "Sự thành-tựu về giới-hạnh" (sīla-sampadā) là 04 sự thanh

lọc giới-hạnh [gồm: (i) tuân giữ Giới Luật Tỳ kheo (Pātimokkha), (ii) kiềm- chế các căn cảm-nhận (6 giác-quan), (iii) sử-dụng những đồ dùng vật dụng một cách đúng đắn phù hợp, và (iv) sự mưu-sinh đúng đắn; coi thêm Vism 15–16; (Ppn 1:42)]. "Sự thành tựu về mong-muốn" (chanda-sampadā) là chỉ sự mong muốn thành tựu phần thiện-lành (không phải dạng tham muốn như dục-vọng, là một nghĩa khác của chữ chanda). "Sự thành tựu về bản-thân" (attasampadā) nghĩa là sự toàn-vẹn của cái tâm (sampanna-cittatā). Lần lượt các bài kinh này đã được nói riêng cho những người khác nhau, tùy theo căn cơ tính khí của mỗi họ.] (33)

34 [Trong Ee thì NHÓM kinh này không có số riêng của nó. Be thì đánh số nó

là NHÓM "1" như thể nó bắt đầu lại từ đầu vậy, nhưng rồi lại đánh số riêng cho mỗi "phiên mẫu" của 04 "phiên mẫu". Se thì giữ cách đánh số các NHÓM kinh một cách liên tục, bắt đầu từ số NHÓM "9". Ở đây tôi làm theo Se, có vẻ hợp lý hơn. Mỗi "phiên mẫu" chỉ thực sự khác nhau bởi một cụm chữ dùng để mô tả những chi phần của Bát Thánh Đạo. Nguyên văn tiếng

Pāli cuả 04 cụm chữ của 04 "phiên mẫu" lần lượt là: (i) vivekanissitaṃ virāganissitaṃ nirodhanissitaṃ vossaggapariṇāmiṃ (dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát); (ii) rāgavinayapariyosānaṃ dosavinayapariyosānaṃ mohavinayapariyo-sānaṃ (có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si); (iii) amatogadhaṃ amataparāyanaṃ amatapariyosānaṃ (có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự bất-tử là đích-đến của nó, sự

bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó); và (iv) nibbānaninnaṃ nibbānapoṇaṃ nibbānapabbhāraṃ (đổ về Niết-bàn, nghiêng về Niết-bàn, ngã về Niết-bàn).

- (Các tiêu đề ghi tắt tên 04 "phiên mẫu" này lần lượt là: [(i) THEO MẪU 'SỰ TÁCH-LY ...']; (ii) [THEO MẪU 'LOẠI BỎ THAM ...']; [(iii) THEO MẪU 'CÓ SỰ BẤT-TỬ LÀ NỀN TẢNG ...']; và [(iv) THEO MẪU 'ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN ...'].)

- Spk giải thích rằng 04 "phiên mẫu" khác nhau của cùng 'một kinh' đã được Đức Phật nói cho những loại người khác nhau, tùy theo những căn cơ tính khí của họ để họ được giác ngộ.] (34)

35 [So sánh với chữ nibbānogadha: mời đọc lại đoạn cuối của kinh 23:01

(Quyển 3) và chú thích số 243 ở cuối kinh đó.] (35)

36 [Ee gọi NHÓM kinh này là "Chương V" như thể tất cả các bài kinh từ 31

đến 138 đều thuộc 'Chương IV' vậy. Be cũng đếm số NHÓM này là "5", theo sau là 04 phần cùng tựa là NHÓM 'SÔNG HẰNG' LẶP LẠI & TÓM LƯỢC. Vì trong phiên bản Be vẫn còn những NHÓM của CHƯƠNG (Tương ưng, saṃyutta) 45 này được đánh số từ 6–8, điều này có nghĩa là trong Be thì CHƯƠNG 45 này gồm 02 loạt NHÓM kinh được đánh số từ 5–8, mà không có cơ sở nào khác để phân biệt chúng. Trong phiên bản Se thì NHÓM kinh này được đánh số "13" và sự đánh số liền tục cho đến cuối là NHÓM "16". Vì ở đây Se là có sự hợp lý hơn nên tôi làm theo nó.] (36)

37 [Spk giải thích rằng: sự/tính chuyên-cần được cho là đứng đầu trong tất cả

mọi phẩm-chất thiện của một người tu bởi vì nhờ có sự KK tu học thì người tu mới đạt được những phẩm-chất thiện lành khác.] (37)

38 [Những ví dụ trong các kinh từ 45:141–147 này cũng có trong kinh SN

22:102 (Quyển 3).] (38)

39 [Spk chú giải rằng: Khi những con rồng nāga cái mang thai, chúng nhận

thấy nếu sinh con ngoài biển thì con non sẽ bị tấn công bởi những quỷ vương supaṇṇa (quỷ dạ xoa có cánh) hoặc bị cuốn mất bởi những dòng hải lưu lớn. Cho nên chúng hạ xuống các sông trên dãy núi Himalaya và sinh con ở đó. Rồi chúng huấn luyện con ở cái ao hồ trên núi cho đến khi con cái thật thao giỏi về bơi lặn.] (39)

40 [Giống ví dụ trong SN 36:12.] (40)

41 [Giống ví dụ cuối trong SN 22:101.] (41)

42 [Giống ví dụ trong kinh SN 36:14.] (42)

43 [Ví dụ và cách dùng ví dụ ở đây giống tương tự như trong kinh SN 35:244

(Quyển 4), và kinh SN 52:08 (Quyển này).] (43)

44 [Chữ gốc là: Brahmacariyesanā: sự tìm-kiếm đời sống thánh thiêng (phạm

hạnh); tạm dịch theo ý nghĩa là: sự tìm-kiếm đời sống tâm linh. Spk chú giải rằng: Ở đây là ám chỉ sự tìm-kiếm đời sống tâm linh với cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (chẳng hạn đi tu chỉ để có được những mục tiêu khác với mục tiêu của đạo Phật). [Spk-pṭ bổ sung thêm: Bởi vì có cách-nhìn sai lạc là cơ sở mà những người triết lý thiết chế ra đời sống tâm linh, (chẳng hạn những người sống đời sống tâm linh theo những giáo phái khác thời Phật).] (44)

45 [Về 03 loại sự khổ này, coi chú thích 274 ở kinh 38:14 (Quyển 4).] (45)

46 [Kinh này được tìm thấy trong phiên bản Se và SS. Phiên bản Be đánh số

kinh này là một kinh riêng, nhưng Ee thì không. Ở đây tôi làm theo Ee (tức đánh số nó là kinh 170 như kinh kế trên). Cả 02 kinh 170 (10) và 170 (11) đều kết nối với phiên mẫu "dựa trên sự tách-ly ..." và giống nhau y hệt. Điều này có thể cho thấy 02 kinh này vốn thực ra chỉ là một kinh nhưng đã được lặp lại theo 02 chữ khác nhau của cùng một nghĩa, vì chữ taṇhā (dục-vọng) và tasinā (sự thèm-khát) trong tiếng Pāli là đồng nghĩa với nhau, đều tương đồng với chữ tṛṣṇā trong tiếng Phạn.] (46)

47 [Spk giải thích "sự gút-mắc về thân" (kāyagantha) là một sự gút-mắc trong

phần danh-thân (nāmakāya), là một loại ô-nhiễm nó gút thắt và đan kết chằng chịt (ganthanaghaṭanakilesa). Spk-pṭ: Một ô-nhiễm sinh ra sự đan kết, sự trói buộc, được biết là sự bó-buộc vào sự-khổ thông qua sự đan-kết của nhân với quả, của vòng nghiệp với vòng nghiệp-quả.

- Trong đó, sự gút-mắc thứ tư là: idaṃsaccābhinivesa kāyagantha: có nghĩa gốc là "sự gút-mắc về thân là sự dính-chấp vào [quan điểm] 'Chỉ điều này là sự thật' (còn những điều khác là sai)."] (47)

48 [Spk: "Khuynh-hướng tiềm-ẩn (tạo ra) tham-dục" (kāmānusaya) chính là

= tham-dục, nó được gọi là một khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) theo nghĩa nó đã tích được sức-mạnh (thāma-gataṭṭhena). Spk-pṭ: (Tham) đã tích được sức-mạnh bằng cách đã được cấy sâu chắc chắn trong "sự liên-tục của tâm" của một chúng sinh.] (48)

49 [Đây là 05 gông-cùm thấp hơn (nhẹ đô hơn; hạ phần kiết sử) trói buộc

chúng sinh vào cõi dục-giới (kāma-dhātu), ví dụ cõi người, cõi súc sinh ... Ba (03) gông-cùm đầu tiên được phá bỏ bởi bậc thánh Nhập-lưu và bậc thánh Nhất-lai. Còn bậc thánh Bất-lai thì đã phá bỏ tất cả 05 gông-cùm này.] (49)

50 [Năm gông-cùm cao hơn (nặng đô hơn; thượng phần kiết sử) trói buộc

chúng sinh vào cõi sắc-giới (rūpa-dhātu) và cõi vô-sắc-giới (arūpa-dhātu). Các cõi (cảnh giới) này lần lượt được chứng đắc theo các tầng thiền định sắc- giới (jhāna) và các tầng chứng đắc vô-sắc-giới. Chỉ bậc thánh A-la-hán đã phá bỏ hết tất cả 05 gông-cùm này.] (50)

51 [Phần đầu này của đoạn này là giống hệt như đầu kinh SN 45:151 ở trên,

mời coi lại chú thích số 39 ở kinh đó về lý do loài rồng sinh nở trên núi cao; phần sau thì tương ứng giống nhau với kinh trước là "Bát Thánh Đạo" và kinh này là "Thất Giác Chi".] (51)

52 [Chữ bojjhaṅga (chi giác-ngộ; giác chi) là chữ ghép của chữ bodhi

(giác ngộ, bồ-đề) + aṅga (chi, chi phần, yếu tố). Spk định nghĩa chữ này thành 02 điều: "(i) Những t khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh (phi thế tục). Này Ānanda, khi nào sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong

thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ {hỷ giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu- tập.

(v) "Trong một người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Này Ānanda, khi nào thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng {khinh-an giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(vi) "Trong một người tu có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định. Này Ānanda, khi nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm {định giác chi} được phát khởi bởi người đó; trong thời đó người đó tu tập chi giác-ngộ là sự định-tâm; trong thời đó chi giác- ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiệnlà những yếu-tố của thánh đạo siêu- thế [Vibh 229–232]. Vì lý do này nên những định nghĩa trong những luận giảng về Vi Diệu Pháp Tạng [như As 217, Vibh-a 310] là tương ứng giống đoạn chú giải ở trên của Spk, chỉ bỏ đi phần "thế tục" (lokiya) khi liên hệ với thánh đạo.

- Định nghĩa riêng của Đức Phật về chữ bojjhaṅga, như đã được ghi trong kinh 46:05 kế dưới, đã hàm nghĩa nguyên chất chữ này đã không được nói ra hay được coi là những yếu-tố tạo thành sự giác-ngộ [như những luận giảng đã nhận thức như vậy], mà chúng là những yếu-tố dẫn dắt tới sự giác-ngộ. Điều này đã được ủng hộ thêm bởi sự trình bày theo trình tự về sự khởi-sinh của chúng như trong kinh 46:03 kế dưới. Vì vậy khi so sánh những tầng cấp khác nhau của kinh điển Pāli tiền thân đã cho thấy cách dùng thuật ngữ này đã trải qua một số mức độ biến hóa, từ tổng quát và thực dụng cho đến cụ thể hơn và kỹ thuật hơn.] (52)

53 [Dưỡng-chất (āhāra) ở đây có nghĩa là điều-kiện (duyên, paccaya). Phần

kinh bên dưới cũng được lặp lại trong kinh 46:51 bên dưới trong Chương

này, ở đó Spk có giải thích chi tiết từng dưỡng-chất tạo ra mỗi chi giác-ngộ; coi chú thích kinh đó.] (53)

54 [Dấu-hiệu sự-đẹp (subhanimitta) như là, một đối tượng hấp dẫn về nhục -

dục, đặc biệt thứ gợi tình gợi dục. Chữ nimitta ở đây rất khó để chuyển dịch thành một chữ nào đó để có thể dùng trong mọi ngữ cảnh. Tôi [TKBĐ] đành phải quay lại chữ "dấu-hiệu" (tướng) sau khi đã nhiều lần thử dịch là "phương diện", "đường nét", "diện mạo"—đều thấy không thỏa đáng. Trong một số kinh khác thì nimitta rõ ràng có nghĩa là cơ-sở, nguyên-nhân, điều- kiện [ví dụ trong kinh SN 48:40 ...]

- Spk giải nghĩa chữ "sự chú-tâm không kỹ càng" (ayoniso manasikāra; phi như lý tác-ý) là = sự chú-tâm (tác ý) không đúng phương pháp, sự chú-tâm trật đường lệch lạc (anupāyamanasikā ra, uppathamanasikāra; Spk-pṭ: bởi vì đó không phải là phương pháp đúng đắn để đạt được ích lợi và hạnh phúc.

- Những luận giảng khác thì khăng khăng giải thích đó là sự chú-tâm theo hướng coi thứ vô-thường là thường-hằng, thứ khổ là sướng, thứ vô-ngã là bản-ngã, và thứ ô-uế bất tịnh là đẹp-đẽ thanh tịnh ('vô-thường, khổ, vô-ngã' thì coi là 'thường, lạc, ngã, tịnh'). Sự chú giải như vầy cũng đã được ghi trong Vibh 373.] (54)

55 [Dấu-hiệu sự đáng-chê (paṭighanimitta). Spk giải nghĩa rằng: Dấu-hiệu sự

đáng-chê chính là sự ác-ý hay sân (paṭigha) hay là đối tượng đáng chê ghét (paṭighārammaṇa).] (55)

56 [Những chữ (sự) (chữ) mới được nói ra ít nhiều là như đồng-nghĩa với

nhau, như đã được giảng giải trong Vibh 352. Spk đã trích từ đoạn giảng giải của Vibh 352 đó để chú giải các chữ này trong các chú thích kế tiếp. Những chữ này cũng được nói trong kinh SN 1:16 (Quyển 1), thi kệ 30–31.] (56)

57 [Cetaso avūpasama: sự bất an ổn của tâm. Spk: Sự bất an ổn của tâm là

hàm chỉ (chướng ngại) sự bất-an và hối-tiếc.] (57)

58 ["Những t, sẽ hoàn thyếu- bên trong ngườilà sự chánh-niệm": là dịch cụm

chữ satisambojjhaṅgaṭṭhāniyā dhammā. Spk giải thích: đó gồm những thứ trở thành những đối-tượng (để) chánh-niệm [Spk-pṭ: đó chính là "bốn nền

tảng chánh-niệm"], 37 bảy phần tu trợ giúp giác ngộ (37 bồ-đề phần), và 09 trạng thái siêu-thế.] (58)

59 ("Với những trạng thái ứng với chúng" là tạm dịch, vì cụm chữ hàm nghĩa

cả những trạng thái thuận ứng (bản chất bản sao), hoặc trạng thái nghịch ứng (phẩm chất đối nghịch), hoặc theo nghĩa không có trạng thái đối nghịch. Khi đọc chú thích dưới đây quý vị sẽ thấy các hàm nghĩa của cụm chữ này theo luận giảng Spk).

- [Nguyên văn cụm chữ cuối này: kaṇhasukkasappaṭibhāga. Spk chú giải: Theo nghĩa: (1) Những trạng thái tối "với những trạng thái tương ứng (bản chất sao y) của chúng" là bởi vì chúng tạo ra những kết quả tối, và những trạng thái sáng bởi vì chúng đưa đến những kết quả sáng; ý nghĩa là "có những kết quả tương tự". Hoặc theo nghĩa: (2) Những trạng thái tối "với những trạng thái đối ứng (bản chất đối nghịch) của chúng": những trạng thái tối có trạng thái sáng là đối ứng với chúng, và những trạng thái sáng có những trạng thái tối là đối ứng của chúng. Hoặc theo nghĩa: (3) Những trạng thái tối "với sự ngoại trừ": những trạng thái bất thiện thì ngoại trừ (không có) những trạng thái thiện và tạo ra những kết quả theo tính nó (là bất thiện), và tương tự ngược lại.

- Một ví dụ khác chi tiết hơn nói về sự đối trị giữa những trạng thái tốt và những trạng thái xấu được đọc thấy trong kinh MN 8, trong đó Phật đã liệt kê 44 cặp những trạng thái thiện và bất thiện đối nghịch nhaành bốn thứ? Và có b đó nhờ sự tu-tập.

(vii) "Người đó trở thành người nhìn sát sao vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo nhìn sát sao vào cái tâm đạt- định như vậy, thì trong thời đó yếu-tố gchưa phải là nhận thấy ngay "ba đặc-tính" của mọi sự ... mà chỉ mới là phân biệt giữa những trạng thái tốt và xấu, và sự phân-biệt này sẽ trở nên rõ rệt hơn nhờ mức độ sâu-sắc hơn của sự chánh-niệm.] (59)

60 [Spk: Yếu-tố (giới) phát-khởi (ārambhadhātu) là đoạn nỗ-lực đầu, yếu-tố

phấn-đấu (nikkamadhātu) là đoạn nỗ-lực giữa, yếu-tố cố-gắng (parak- kamadhātu) là đoạn nỗ-lực hết cường độ.] (60)

61 [Spk giải thích sự tĩnh-lặng của thân (kāyappassaddhi) là sự làm lắng lặn

sự phiền-khổ trong ba uẩn thọ, tưởng, hành [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý]; còn sự tĩnh-lặng của tâm (cittappassaddhi) là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong uẩn thức. Các luận giảng thường xuyên diễn dịch cặp đôi, thân-tâm, như được nói trong kinh này, dưới ánh sáng của Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma), trong đó chỉ ra sự tương phản giữa tâm (citta): yếu tố chủ chốt trong sự nhận-biết, và phần đi kèm với nó là phần "thân" của các yếu tố thuộc tâm (cetasika, thuộc tâm sở). Tuy nhiên, ở đó "thân" đã được dùng theo nghĩa thường là thân thể, thân thể được coi như đóng góp cho phần định lượng lớn của một trải nghiệm.] (61)

62 [Spk: dấu-hiệu của sự vắng-lặng (samatha-nimitta) vừa chính là sự vắng-

lặng (tức sự định-tâm) vừa là đối-tượng của nó. Dấu-hiệu của sự không phân-tán (abyagga-nimitta) ở đây cũng đồng nghĩa với dấu-hiệu của sự vắng-lặng.] (62)

63 [Khi nói rằng chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (satisambojjhaṅga; niệm giác

chi) khởi sinh nhờ sự nhớ-lại (hồi nhớ, tưởng niệm) Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi những nhà sư đã tu-thành (đắc đạo) , thì lời kinh đã chỉ ra mối liên hệ về mặt từ-nguyên học giữa chữ sati là "sự nhớ" và động từ "nhớ lại" hay "hồi nhớ" (anussarati). Mặc dù nghĩa "nhớ" thông thường đã bị che khuất bởi cái nghĩa lớn về sự

tu-tập của chữ sati là "sự ý thức rõ về hiện-tại", nhưng nghĩa "nhớ" và "hồi nhớ" vẫn được lưu giữ và định nghĩa trong một số kinh khác [chẳng hạn: như khi định nghĩa về 'căn chánh-niệm' trong kinh SN 48:09 bên dưới (Quyển này).].] (63)

64 [Ở đây tôi làm theo Be, chỉ ghi câu này đơn giản là passaddhakāyassa su-

khino cittaṃ samādhiyati (như đã dịch). Se và Ee thì ghi là passaddhakāyas- sa sukhaṃ hoti, sukhino cittaṃ samādhiyati (đối với người có thân là tĩnh- lặng thì có sự hạnh-phúc, đối với người hạnh-phúc thì tâm trở nên đạt-định." Tôi nghi ngờ rằng cách ghi này đã phát sinh từ sự nhầm lẫn với lời kinh như trong kinh 47:10 và kinh AN 5:26 (ghi là: "Người được tĩnh-lặng (khinh an) trong thân, thì cảm thấy sự hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy sự hạnh- phúc, thì tâm trở nên được đạt-định"), trong đó rõ ràng sự hạnh-phúc (sukha) là một chặng riêng theo trình tự tu-tập (tức là từ tĩnh-lặng trong thân mới có sự hạnh-phúc, rồi từ có sự hạnh-phúc mới có sự đạt-định).

- Be cũng được ủng hộ chỗ này bởi chính Se và Ee trong kinh 54:13 trong kinh 54:13 thì ghi câu này y hệt như Be ghi trong kinh này.] (64)

65 [05 loại thánh Bất-lai này [(iii)-(vii)] cũng được nói trong các kinh SN

48:15, 48:24, 48:66; 51:26; 54:5; và 55:25 (Quyển 5 này).

[1] - Theo Spk chú giải rằng: (iii) "Người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa" (antarāparinibbāyī) là người (bậc thánh Bất-lai) được tái sinh vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên), và ở đó người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng giữa "từ sau tái-sinh cho đến giữa-kiếp sau" (tức = trong nửa-đầu kiếp ở cõi đó). Chữ "antarā" trong tiếng Pali có nghĩa: "trong khoảng-giữa, ở giữa một khoảng thời gian (cả nghĩa không gian), trong tiến trình, trong khoảng trung-gian". Cũng theo Spk chú giải thêm rằng: như vậy loại đầu này được phân thành 03 hạng, tùy theo lúc-nào chứng ngộ Niết-bàn: có thể là (i) ngay sau lúc tái sinh vào cõi đó; (2) sau 100 hay 200 đại-kiếp ở cõi đó; hoặc (3) sau 400 đại-kiếp ở cõi đó. Còn (iv): "người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống" (upahacca-parinibbāyī) thì Spk chú giải có nghĩa là người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng "từ giữa- kiếp sau cho đến hết-kiếp sau" (tức = trong nửa-sau kiếp sau ở cõi đó). (Đây chỉ là sự luận giải và diễn dịch của luận giảng Spk).

(Ở đây, người dịch Việt dịch đúng theo nghĩa chữ của lời kinh là (iii) "người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa" (antarāparinibbāyī) và (iv): "người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống" (upahacca- parinibbāyī). Chữ "upahacca" thì: (a) theo thầy TKBĐ dịch là "ngay khi đáp-xuống", và thầy chỉ ra rằng các luận giảng như Spk thì giải nghĩa đó là "người chứng ngộ Bát-niết-bàn ngay sau khi hết nửa-đầu của kiếp ở cõi trời đó, tức nửa-sau kiếp sau". Còn (b) theo tự điển Wisdom Library thì: 'chữ "upahacca" có nghĩa: làm tổn hại, làm tổn thương (nghĩa gốc là đúng vậy); nhưng đã giải thích "upahacca-parinibbāyī là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu của kiếp ở cõi trời đó", thiết nghĩ đây là sự nhầm lẫn trong biên tập kinh điển (đúng ra chỉ đơn giản dịch là "ngay khi đáp-xuống, tức là lập tức ngay sau khi tái-sinh"). (c) Người dịch

cũng thấy HT. Thích Minh Châu cũng dịch là “chứng được Tổn Hại Bát-niết-bàn” nhưng nghĩa ‘tổn hại’ này, {theo (b) và (c)}, thực sự không rõ ràng đối với người dịch.)

Chú Thích • 601

- (v) “Người chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm” là dịch chữ “asaṅkhāraparinibbāyī” và (vi) “người chứng ngộ Bát-niết-bàn nhờ sự cố- gắng thêm” là chữ “sasaṅkhāraparinibbāyī”. Như vầy là cho thấy có thêm 02 kiểu chứng ngộ Niết-bàn, trong đó 02 loại thánh Bất-lai đầu [(iii), (iv)] chứng đắc mục-tiêu cuối cùng một cách dễ dàng, và các loại thánh Bất-lai còn lại [(v), (vi)] thì chứng đắc một cách khó hơn và cần có thêm sự cố-gắng mạnh mẽ.

[2] (Phần chú giải thêm của thầy TKBĐ về các thuật ngữ như sau:)

- (iii) Nếu chúng ta hiểu chữ “antarā-parinibbāyī” theo ngữ nghĩa gốc của nó là “người chứng bát niết-bàn trong khoảng-giữa”, như chúng ta nên làm, thì nó có nghĩa là “người chứng Bát-niết-bàn trong khoảng-giữa (trung-gian) giữa 02 kiếp sống”, có lẽ là ngay trong khi còn ở trong một thân vi-tế trong trạng thái trung-gian.

- (iv) Như vậy chữ “upahacca-parinibbāyī” có nghĩa gốc là “người chứng bát niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay khi chạm đất)” sẽ được hiểu là “chứng bát niết-bàn ngay khi sang kiếp mới, tức là hầu như lập tức ngay sau khi tái- sinh.”

(v), (vi) Hai chữ tiếp theo này là chỉ 02 loại người chứng ngộ bát niết-bàn trong tiến trình của kiếp sau, họ chỉ khác nhau ở số lượng sự cố-gắng thêm mà họ phải thực hiện để chứng đắc được mục-tiêu cuối cùng.

(vii) Còn loại cuối cùng là “uddhaṃsota-akaniṭṭha-gāmı”: nghĩa gốc là “người hướng thượng lưu tới cõi trời Akaniṭṭha cao nhất” (tạm dịch nghĩa là “người sẽ cuối cùng chứng ngộ bát niết-bàn ở cõi trời cao nhất Akaniṭṭha”). Nghĩa là, người đó được tái sinh lần lượt từ thấp tới cao qua 05 cõi trời trong-sạch đó, sống hết tuổi thọ trong mỗi cõi trời đó, và cuối cùng sẽ chứng thánh quả A-la-hán khi ở trong cõi trời Akaniṭṭha—là cõi trời cao nhất, đại thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó (05 cõi Tịnh cư thiên, sudhavasa); (HV dịch cõi này là ‘cõi sắc cứu kính thiên’; bản dịch Việt ở đây giữ nguyên tên “Akaniṭṭha” và mở ngoặc giải thích là ‘cõi trời cao nhất thọ nhất trong năm cõi Tịnh cư thiên dành cho các bậc thánh Bất-lai’.)

- Thầy TKBĐ tiếp tục giải thích: Cách diễn dịch này mặc dù trái khác với sự

602 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

chú-giải trong các luận giảng Pāli, nhưng có lẽ nó đã được xác nhận bởi kinh Purisagati Sutta (Những Nơi-Đến Của Những Người Tu), tức kinh AN 7:55, trong đó có ví dụ về đống que củi đang cháy hàm ý chỉ rằng: 07 loại thánh Bất-lai [07 là do riêng loại đầu “chứng Bát-niết-bàn trong khoảng- giữa” (antarāparinibbāyī) có chứa tới 03 hạng [(1), (2), và (3)] là khác biệt nhau, chúng tạo thành một dãy xếp hạng từ mức độ tinh-nhạy hơn xuống mức độ chậm-trễ hơn của các căn tâm linh của họ.]

- Phần xác nhận thêm nữa là kinh AN 4:131, trong đó giải thích antarāpa- rinibbāyī là người đã loại bỏ gông-cùm tái-sinh (upapattisaṃyojana) nhưng vẫn chưa loại bỏ được gông-cùm hiện-hữu (bhavasaṃyojana). Mặc dù những người theo trường phái Trưởng Lão Bộ (những Theravādin) đã phản bác cách diễn dịch chữ antarāparinibbāyī theo cách như vậy [như coi trong Kv 366], nhưng bằng chứng từ các bài kinh này đã xác thực mạnh mẽ cho cách diễn dịch này. Để đọc chi tiết hơn, mời đọc thêm quyển "Cái Tâm Vô Ngã" (The Selfless Mind) của học giả Herney, trang 98–108.

- Kinh AN 4:169 thì rút ra thêm một cách phân biệt khác nữa, giữa 02 chữ sasaṅkhāraparinibbāyī và asaṅkhāraparinibbāyī, như vầy: (i) chữ đầu là người chứng A-la-hán thông qua sự thiền-quán về các chủ-đề thiền "khắc khổ", ví dụ như: nhận-thức về sự không-sạch ô-uế của thân, hay sự nhận- thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, hay nhận-thức về sự bất-mãn đối với thế giới, hay nhận-thức về tính vô-thường trong mọi sự tạo-tác, và sự chánh- niệm về cái chết. (ii) Còn chữ thứ hai là chỉ người chứng A-la-hán thông qua sự thiền-định bốn tầng thiền sắc giới (jhana).] (65)

- (Nhân tiện, mời quý vị nên đọc thêm kinh AN 7:55 và các chú thích số từ 1535-1539 trong kinh đó.)

66 [Spk chú giải rằng: (tiếp tục bên dưới) Kinh này đang nói về những chi

giác-ngộ quả (phalabojjhaṅga) của thầy Xá-lợi-phất. Bởi vì khi thầy ấy chứng nhập sự chứng-quả sau khi đã làm cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi) là chìa-khóa, thì 06 chi giác-ngộ kia cũng theo sau; và cũng tương tự đối với khi mỗi chi giác-ngộ kia là chìa-khóa. Như vậy trưởng lão Xá-lợi-phất đã nói bài kinh này để cho thấy sự làm-chủ (thiện thạo) của mình đối với sự chứng-quả. Ví dụ về tủ quần áo kế dưới cũng được nói trong kinh

MN 32, mục 9, cũng bởi thầy Xá-lợi-phất.] (66)

67 [Nguyên văn cả cụm chữ này là: Itivādappamokkhānisaṃsañ c' eva ka-

thaṃ kathente upārambhānisaṃsañ ca. Học giả Woodward đã dịch là "thảo luận về lợi-ích của sự tự do khỏi sự tranh-chấp và lợi-ích của sự tranh-cãi" [KS 5:60]. Sự chú giải của Spk về cụm chữ này cũng hoàn toàn không rõ đối với tôi, nhưng trong kinh MN I 133,28–30 (?) Phật đã dùng cụm chữ giống vầy để quở trách những Tỳ kheo là những người nắm vững Giáo Pháp: upārambhānisaṃsā itivādappamokkhānisaṃsā. Luận giảng Ps II 106,35– 107,4 giải thích: "Họ nắm vững Giáo Pháp [với chủ ý để được] ích-lợi từ việc bắt lỗi này nọ đối với những luận thuyết của những đối phương và từ việc cứu vớt những luận thuyết của mình khi bị đối phương bắt lỗi." Những đoạn mẫu trong các bộ kinh Nikāya thường mô tả về những cuộc tranh-luận đã cung cấp sự chứng tỏ rõ ràng về nghĩa của cụm chữ này; ví dụ như trong kinh 22:3 (Quyển 3), đoạn (11) và kinh 56:09.] (67)

68 [Nguyên văn cả câu này: Vijjāvimuttiphalānisaṃso ... Tathāgato viharati.

Học giả Woodward đã dịch chữ vijjāvimutti là “sự giải-thoát nhờ trí-biết” cho rằng chữ kép này là một tappurisa (chữ khép 02 nghĩa chính-phụ), nhưng lời diễn đạt vijjā ca vimutti ca [chỗ V 52,19 (?)] hàm nghĩa nó thực ra là một dvanda (chữ kép 02 nghĩa chính-chính). Coi thêm chỗ [V 329,9–16 (?)], trong đó ‘bảy chi giác-ngộ’ được nói sẽ hoàn thiện 02 thứ, đó là, vijjāvimutti (trí-biết và sự giải-thoát).] (68)

69 [Cách ghi tốt nhất là cách ghi bằng những bổ-đề của luận giảng Spk (Se):

na maṅku hoti apatitthınacitto adınamānaso abyāpannacetaso. Be và Ee ghi sai thuật ngữ thứ hai là appatiṭṭhitacitto (một cái tâm không được thiết lập), là hoàn toàn trái nghĩa với chữ cần phải ghi. Chữ Ap(p)atitthına là chữ quá khú phân từ phủ định của chữ patitthıyati [Phạn là *prati-styai]. Spk giải nghĩa nó là: kilesavasena atthınacitto (với một cái tâm không bị bó cứng bởi những ô-nhiễm) (tức nó là nhu nhuyến, dễ uốn nắn, dễ điều phục). Trong kinh AN I 124,6, II 203,17 và AN III 181,24 (?) chúng ta thấy một dãy những thuật ngữ cũng mang rõ nghĩa này: abhisajjati kuppati vyāpajjati patitthıyati kopañ ca dosañ ca appaccayañ ca pātukaroti (người đó trở nên bực-tức, khó- chịu, mang sự ác-ý, bị ghê-sợ, và thể hiện sự khó-chịu, sự ghét, và sự thù- ghét.”] (69)

70 [Kinh 14 này, (và 02 kinh 15, 16 tiếp theo) được xếp vào trong sách “Các

Kinh Phòng Hộ” tiếng Sinha [Maha Pirit Pota: Quyển Đại Kinh Phòng Hộ] của Tích Lan. Các nhà sư thường đọc tụng những kinh này cho những người bệnh đau hoặc sắp chết.] (70)

71 [Spk chú giải: Khi trưởng lão Ca-diếp lắng nghe kỹ càng giáo lý về ‘sự tu

tập bảy chi giác-ngộ’, nghe nói rằng, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Từ khi tôi thâm nhập những sự-thật (diệu đế) vào ngày thứ bảy sau khi xuất gia, những chi giác-ngộ này đã trở nên thể hiện (đối với tôi).” [coi kinh 16:11 (Quyển 1)]. Khi nghĩ rằng “Giáo lý của Vị Thầy là thực sự mang tính giải thoát!” thì máu huyết của thầy trở nên trong, những khí chất của thân được thanh lọc, và bệnh đau đã rời khỏi thân thầy, giống như giọt nước tuột khỏi lá sen.] (71)

72 [Chúng được giới thiệu cho những Tỳ kheo là “các chi (yếu tố) của sự

không sa-sút” (aparihāniyā dhammā) trong kinh DN 16, mục 1.5.] (72)

73[Nguyên gốc: “Nibbedhabhāgiyaṃ ... maggaṃ desessāmi.” Lý do con đường đạo được tả như vậy sẽ được nói trong lời kinh tiếp theo.] (73)

74 [Tôi đã dịch đoạn chữ này theo nghĩa rõ rệt của nó, nhưng thật khó mà

nhìn ra cách nào chữ bahukataṃ trong câu trước, đã được dùng như một danh từ trừu tượng, lại có thể có cùng nghĩa như nó có, ở dạng phủ định, trong chữ abahukato ở đây, vốn là một tính từ được đặt ra để bổ nghĩa cho chữ ahaṃ. Spk giải nghĩa chữ abahukato là = akatabahumāno (“tôi” đã không có sự kính trọng), nhưng bỏ qua không chú giải về chữ bahukataṃ mới nói trên.] (74)

75 [Nguyên văn: ukkujjāvakujjaṃ samparivattento. Spk chú giải: Ở đây sự

khởi-sinh (sinh, thịnh) được gọi là sự trồi-lên (ukkujja) và sự lặn-xuống (diệt, suy) được gọi là sự sụt-xuống (avakujja). Như vậy là thầy ấy đang khám phá năm-uẩn bằng cách thiền quán về sự trồi-lên và sụt-xuống (udayabbayavase- na). Và sự chứng ngộ Bốn Diệu Đế trong khi quán sát sự trồi-lên và sụt- xuống đó của năm-uẩn cho thấy thầy ấy đã chứng đắc thánh đạo siêu thế.] (75)

76 [Nguyên văn câu này: Dhammo ca me bhante abhisamito, maggo ca

Chú Thích • 605

paṭiladdho. Quá khứ phân từ có quy-tắc của chữ abhisameti là abhisameta. Spk nói rằng: thầy đó đã đạt tới Giáo Pháp sự minh-sát (vipassanā-dhamma) và đã đắc được con-đường (đạo) minh-sát (vipassanāmagga), nhưng lời kinh như vầy chắc chắn là chỉ sự chứng-ngộ Giáo Pháp siêu thế và sự chứng-đắc đạo siêu thế. Lời kinh không nói rõ cấp bậc chứng-ngộ của thầy ấy, nhưng chúng ta hiểu tối thiểu là Nhập-lưu, như đã được hàm nghĩa bởi cụm chữ quen thuộc "làm-nên sự đột-phát tới Giáo Pháp". Lúc này thầy ấy vẫn còn đang tu tập thêm thánh đạo nên không thể thầy ấy một A-la-hán.] (76)

77 [Cụm chữ này chúng ta nên đọc là kusalā kusalabhāgiyā. Sự ghi sai chánh

tả trong Ee đã làm cho học giả Woodward hiểu nhầm theo và dịch sai chỗ này.

- (Về "sự chuyên-cần" bên dưới: chú thích 37 của kinh 45:139 ở trên có Spk giải thích: sự/tính chuyên-cần được cho là đứng đầu trong tất cả mọi phẩm- chất thiện của một người tu bởi vì nhờ có sự KK tu học thì người tu mới đạt được những phẩm-chất thiện lành khác).] (77)

78 [Đoạn trong ngoặc vuông [...] chỉ có trong phiên bản Se, mặc dù rõ ràng là

nó cần nên có trong mọi phiên bản (để đủ nghĩa 05 chướng-ngại). Đáng tò mò, bài kinh này không đề cập gì tới "bảy chi giác-ngộ". Sự không-có này cho thấy rằng: từ nguyên gốc bài kinh này và bài kinh tiếp theo chỉ là 02 phần tiếp nối của một bài kinh. Coi thêm kinh 46:35 và 02 chú thích tiếp theo để thấy trường hợp tương tự, rằng trong một số trường hợp do sự truyền tụng hoặc ghi chép nên đã thành ra 02 kinh như vậy.] (78)

79 [Kinh này tôi làm theo phiên bản Se (tức gộp phần đánh số (1) và (2) thành

một kinh này). Trong phiên bản Be và Ee thì đoạn (2) được tách ra thành một bài kinh riêng (theo kiểu giống như hai kinh 33 và 34 kế trên), nhưng chúng ta rõ ràng thấy được 02 kinh này chỉ là 02 phần tiếp nối của một bài kinh mà thôi.] (79)

80 [Kinh này cũng vậy, tôi cũng làm theo phiên bản Se: tức là tách phần kinh

này ra thành một kinh riêng (số 38) và Se đặt tên là "Không Có Những Chướng-Ngại" (Anīvaraṇa Sutta). Trong Be và Ee thì phần tách này lại được gắn luôn vào kinh trước, mặc dù chúng ta rõ ràng thấy các chủ-đề của kinh

trước và kinh sau là hoàn toàn khác nhau; (lại nữa, cũng là do 02 cách truyền tụng hay ghi chép khác nhau mà thành ra vậy).] (80)

81 [Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig, tức họ "cây đa đề"; coi thêm kinh SN

35:231.] (81)

82 [Ba sự phân-biệt (tisso vidhā) là: 'Ta ưu hơn', sự phân biệt 'Ta kém hơn',

sự phân biệt 'Ta ngang bằng'. Coi thêm kinh 45:162 chương kế trên.] (82)

83 [Đây là một "vị vua lý tưởng" theo kinh văn Phật giáo; sự có được "bảy

báu" cũng được ghi trong các kinh DN 3, mục 1.5; DN 17, mục 7-17; kinh MN 91, mục 5; MN 92, mục 10; và được nói một cách chi tiết hơn trong MN 129, mục 34-41.] (83)

84 [Toàn bộ mục [i.] và [ii.] là giống hệt trong kinh 46:02 (với những chú

thích) ở đầu Chương 46 này. Nhưng trong phần mục [ii.], Spk, trong khi luận giải về bài kinh 46:51 này, đã có thêm một phần chú-giải "mới toanh" bổ sung thêm những điều-kiện khác nữa trợ giúp cho sự hoàn-thiện 'bảy chi giác-ngộ'. - Tôi liệt kê ra những tiêu-đề (tên gọi) của những điều-kiện bổ sung đó tring những chú thích kế tiếp (từ 85-91). Còn toàn bộ phần chú-giải bổ sung này của Spk đã được nhà sư Soma Thera dịch và ghi trong quyển sách của thầy ấy là "Con Đường Chánh Niệm" (The Way of Mindfulness), trang 174–190.

- Những tiêu-đề (tên gọi) của những điều-kiện bổ sung này, kèm theo những chú giải ngắn gọn, cũng được ghi trong Vism 132–34 (Ppn 4:54–62).] (84)

85 [Spk bổ sung thêm: Ngoài điều này, có thêm 04 điều-kiện khác giúp (trợ,

duyên) cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi), đó là: (i) sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) trong tất cả mọi hành-vi; (ii) tránh giao lưu gặp gỡ những người thiếu chánh-niệm; (iii) giao lưu gặp gỡ những người có chánh-niệm; và (iv) sự quyết-tâm đúng đắn [ví dụ: với một cái tâm "đổ về, nghiêng về, và ngã về" sự thiết-lập chánh-niệm].] (85)

86 [Spk bổ sung: Ngoài điều này, có thêm 07 điều-kiện khác giúp cho sự

khởi-sinh của chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái (trạch-pháp giác chi), đó là: (i) sự vấn hỏi [về nghĩa của các uẩn, các yếu-tố (giới), các cơ-sở

cảm-nhận (xứ) ... vân vân]; (ii) sự sạch-sẽ của cá nhân; (iii) sự cân bằng của các căn [coi thêm Vism 129–30; Ppn 4:45–49]; (iv) sự quán chiếu về lĩnh vực của sự-biết thâm sâu; (v-vii) tránh giao lưu gặp gỡ người vô trí, giao lưu người có trí, và sự quyết-tâm đúng đắn.] (86)

87 [Spk bổ sung: Có thêm 11 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi

giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh-tấn giác chi), đó là: (i) sự quán chiếu về sự đáng sợ-hãi của cảnh giới đày đọa khổ đau; (ii) sự nhìn thấy những ích-lợi trong việc phát khởi sự nỗ-lực; (iii) sự quán chiếu rằng người tu đi theo con-đường (đạo) đã được bước đi bởi tất cả những vị Phật ... vân vân; (iv) sự quán chiếu về sự cần thiết để tôn vinh những thứ được cúng dường; (v-viii) sự quán chiếu về sự lớn lao của di-sản như của Vị Thầy, của dòng truyền thừa, và của những Tỳ kheo đồng đạo của mình; (ix-xi) tránh gặp gỡ những người lười biếng, giao lưu với người siêng năng nỗ lực, và sự quyết-tâm đúng đắn.] (87)

88 [Spk bổ sung: Có thêm 11 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi

giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi), đó là: (i-vii) sự tưởng niệm về Phật, Pháp, Tăng, sự giới-hạnh, sự bố-thí, những thiên-thần, và sự bình-an; (viii) giao lưu những người thô-thiển; (ix) giao lưu gặp gỡ những người thanh- khiết; (x) sự quán chiếu về những bài kinh tạo cảm hứng; và (xi) sự quyết- tâm đúng đắn.] (88)

89 [Spk bổ sung: Có thêm 07 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi

giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh-an giác chi), đó là: (i) thức ăn đủ dinh dưỡng (không quá khắc khổ); (ii) khí hậu ôn hòa ít thay đổi; (iii) tư thế uy nghi đúng đắn; (iv) sự nỗ-lực ở mức trung đạo; (v-vii) tránh giao lưu những người bất an động vọng, giao lưu những người bình tĩnh, và sự quyết-tâm đúng đắn.] (89)

90 [Spk bổ sung: Có thêm 10 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi

giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi), đó là: (i) sự sạch sẽ cá nhân; (ii) sự cân bằng của các căn; (iii) kỹ năng về dấu-hiệu (tướng) [như là: đối-tượng thiền]; (iv-vi) sự cố-gắng, sự kiềm-chế, và sự làm hoan-hỷ cái tâm ở những thời điểm đúng đắn; (vii) sự nhìn (chỉ nhìn, chỉ quan sát) với sự buông-xả ở thời điểm đúng đắn; (vii-x) tránh giao lưu gặp gỡ những người không định- tâm, giao lưu những người đạt-định, và sự quyết-tâm đúng đắn. [Các luận giảng về kinh Satipaṭṭhāna Sutta (Kinh Các Nền Tảng Chánh Niệm, Kinh

Niệm Xứ) còn bổ sung thêm một điều-kiện thứ 11 là: sự quán chiếu về những tầng thiền định sắc giới (jhāna) và những sự giải-thoát] (90)

91 [Spk bổ sung: Có thêm 05 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi

giác-ngộ là sự buông-xả (xả giác chi), đó là: (i) một thái độ lìa-xa (không tham gia, tránh dính líu) với những chúng-sinh; (ii) một thái độ lìa-xa đối với những sự tạo-tác [chẳng hạn như: những thứ vô tri vô giác]; (iii-v) tránh giao lưu những người ham sở hữu hay chấp giữ, giao lưu những người buông-xả, và sự quyết-tâm đúng đắn.

- Tất cả 'bảy chi giác-ngộ', sau khi đã khởi-sinh, sẽ đạt tới "sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập" (bhāvanāya pāripūri) thông qua thánh đạo A-la-hán.] (91)

92 [Tên của Mục [iii.] này là dịch chữ Anāhāro nīvaraṇānaṃ (cắt dưỡng-

chất/ làm suy-nhược cho năm chướng-ngại). Trong phần này, Spk cũng tiếp tục bổ sung thêm một phần chú-giải "mới toanh" về cách "cắt dưỡng-chất" hay "làm suy nhược" mỗi chướng-ngại và về các chặng thánh-đạo mà ở đó mỗi chướng-ngại sẽ bị phá sạch. - Lại nữa, lần này tôi cũng chỉ liệt kê ra những tiêu-đề (tên gọi) của những điều-kiện bổ sung đó trong các chú thích bên dưới (số 93-97). Còn toàn bộ phần chú-giải bổ sung này của Spk cũng đã được nhà sư Soma Thera dịch và ghi trong quyển sách của thầy ấy là "Con Đường Chánh Niệm" (The Way of Mindfulness), trang 155–167; mời đọc thêm tham luận "Năm Chướng-Ngại Của Tâm" (The Five Mental Hindranc- es) của nhà sư Nyanaponika.Quý vị coi tiếp trong mấy chú thích tiếp theo.] (92)

93 ["Dấu-hiệu của sự ô-uế" (asubhanimitta), theo Spk, là một trong "10 đối

tượng ô-uế", chẳng hạn như: mỗi trong 10 giai đoạn tan rã thối rữa của tử thi; [coi thêm Vism 178–179; Ppn 6:1–11]. Tuy nhiên, trong cách dùng của bài kinh, sự "nhận-thức về sự ô-uế" (asubhasaññā) này được giải thích theo cách điễn đạt của sự "Thiền-quán về 31 bộ phận của thân" [như trong kinh Gi- rimānanda AN 10:60, đoạn (3); và con số là 32 trong Paṭis và các luận giảng khác, sau khi họ đưa thêm bộ phận não vào danh sách].

- Spk bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác giúp dẫn tới sự dẹp bỏ chướng- ngại là tham-dục, đó là: (i) học hiểu đối tượng ô-uế; (ii) tận tụy thiền quán về

sự ô-uế (của thân); (iii) phòng hộ các căn cảm-nhận; (iv) ăn uống tiết độ; (v) sự có đạo-hữu tốt; và (vi) sự nói năng phù hợp, đúng mực. Chướng ngại tham-dục, nếu [tạm thời] được dẹp bỏ nhờ 06 cách này, thì sẽ được dẹp bỏ sạch sẽ trong chặng thánh đạo A-la-hán. Spk-pṭ: Ở đây dùng chữ tham-dục, theo phương pháp Vi Diệu Pháp Tạng là chữ đại diện dùng để chỉ luôn tất cả các loại tham khác [như: tham muốn được hiện-hữu, tham muốn những dục- lạc].] (93)

94 [Spk chú giải: "Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ" (mettācetovimutti)

chính là tầng thiền định sắc giới [= jhāna].

- Spk bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác giúp dẫn tới sự dẹp bỏ chướng- ngại là sự ác-ý: (i) học hiểu đối tượng tâm-từ; (ii) tận tụy thiền quán về tâm- từ; (ii) quán chiếu về trách nhiệm của mình đối với những hành-động của mình; (iv) sự thường xuyên xem xét cân nhắc; (v) sự có đạo-hữu tốt; và (vi) sự nói năng phù hợp, đúng mực. Chướng-ngại sự ác-ý sẽ được dẹp bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo Bất-lai.] (94)

95 [Về 03 yếu tố này của sự nỗ-lực (tinh tấn), coi lại chú thích số 60 ở mục

[iii.], đoạn (3), của kinh SN 46:02.

- Spk bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác giúp dẫn tới sự dẹp bỏ chướng- ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, đó là: (i) tránh ăn quá nhiều (gây buồn ngủ và hôn trầm sau đó, và trong khi thiền vào buổi chiều và tối); (ii) thay đổi các tư thế thiền tập; (iii) chú tâm tới những 'nhận-thức về ánh sáng' [coi thêm kinh SN 51:20]; (iv) ở nơi thoáng sáng,

rộng rãi; (v) sự có đạo-hữu tốt; và (vi) sự nói năng phù hợp, đúng mực. Chướng ngại sự đờ-đẫn và buồn-ngủ sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo A-la-hán.] (95)

96 [Spk bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chướng-ngại là

sự bất-an và hối-tiếc, đó là: (i) sự học hiểu nhiều; (ii) sự điều tra phân biệt những trạng thái (trạch pháp); (iii) sự quen thuộc với Luật tạng; (iv) giao lưu với người chín chắn; (v) có sự có đạo-hữu tốt; và (vi) sự nói năng phù hợp, đúng mực. Chướng ngại sự hối-tiếc (hối quá) sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo Bất-lai, nhưng sự bất-an (trạo cử) thì sạch sẽ ở chặng thánh đạo A-la-hán.] (96)

97 [Spk bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chướng-ngại là

sự nghi-ngờ, đó là: (i) sự học hiểu nhiều; (ii) sự điều tra, phân biệt những trạng thái (trạch pháp); (iii) sự quen thuộc với Luật tạng; (iv) sự quyết-tâm (nhất tâm về điều đã tin); và (vi) sự nói năng phù hợp, đúng mực. Chướng ngại sự nghi-ngờ sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo Nhập-lưu, (bậc Nhập-lưu đã thành tựu niềm-tin xác thực và bất thối chuyển vào Phật, Pháp, Tăng ...] (97)

98 [Spk nói rằng: các đạo sư các giáo phái khác không có những giáo-lý

'nguyên bản' nào của mình về 'năm chướng-ngại' và 'bảy chi giác-ngộ'. Khi họ dạy cho các đệ tử của họ là họ lấy cắp (đạo ngôn, đạo văn) những giáo-lý của Phật về những chủ-đề đó. Tuy nhiên, học giả Gethin thì chỉ ra rằng bản thân bài kinh không nói gì xa như vậy như Spk đã nói, mà lời kinh chỉ nhấn mạnh sự khác-nhau giữa 02 cách-thức chỉ dạy mà thôi; [coi thêm quyển "Buddhist Path to Awakening" (Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ) của ông, trang 180].] (98)

99 [Spk: (1) Tham-dục "đối với bên-trong" là đối với năm-uẩn của mình; "đối

với bên-ngoài" là đối với năm-uẩn của người khác [và chắc chắn, cũng bao gồm những đối-tượng vô tri vô giác].

- Tương tự bên dưới: (2) sự ác-ý "đối với bên-trong" có thể hiểu là sự sân giận, bực tức, chê ghét bản thân mình; "đối với bên-ngoài" là sự sân giận, bực tức, chê ghét đối với những chúng sinh khác và đối với những điều kiện hoàn cảnh bên ngoài.

- (3) Sự phân biệt giữa sự đờ-đẫn (hôn trầm) và sự buồn-ngủ (thụy miên) đã được nói trong Vism 469 (Ppn 14:167): sự đờ-đẫn (thina) có tính chất là "thiếu nguồn lực điều khiển", là chức năng giải tỏa năng-lượng, và thể hiện bằng "sự chìm nghỉm của tâm". Còn sự buồn-ngủ (middha) có tính chất là sự chậm chạp uể oải, là chức năng gây ra sự mờ mịt ủ dột, và thể hiện bằng "sự ngủ gục". Gộp 02 thứ lại là sự đờ-đẫn và buồn ngủ (hồn trầm thụy miên).

- (4) Sự bất-an (trạo cử, uddhacca) là sự khích động, sự không an định an tâm; còn sự hối-tiếc (hối quá, kukkucca) là sự tiếc nuối hay hối tiếc hay hối hận về 'sự đã không-làm điều gì đúng ra cần phải làm' (tiếc nuối, hối tiếc quá

khứ) hay ‘sự cần sửa chữa những lỗi lầm đã có’ (hối hận, ân hận quá khứ). Gộp 02 thứ lại là sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá).

- (5) Sự nghi-ngờ “về bên-trong”, theo Spk, là ‘sự không chắc chắn về thân năm-uẩn của mình’ [chẳng hạn như: có thực nó là ‘vô thường, khổ, hay vô ngã’ hay không? ...]; sự nghi-ngờ “về bên-ngoài” được hiểu là “sự nghi-ngờ lớn” (mahāvicikicchā; đại nghi) về 08 vấn-đề [là: Phật, Pháp, Tăng, và sự tu- tập; quá khứ, hiện tại, và tương lai, và lý duyên-khởi (sự khởi-sinh tùy thuộc)]. (99)

100 [Sự nhân thành “02” của mỗi chi giác-ngộ cũng được thấy nói trong Vibh

228, cũng được giảng giải theo “khuôn-mẫu” của kinh này.] (100)

101 [Sự hoan-hỷ trước là có trong tầng thiền định thứ nhất (có tầm, tứ, hỷ, lạc)

và sự hoan-hỷ sau là có trong tầng thiền định thứ hai (có hỷ, lạc; hết tầm, hết tứ).] (101)

102 [Spk giải thích sự tĩnh-lặng của thân (kāyappassaddhi) là sự làm lắng lặn

sự phiền-khổ trong ba uẩn [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý]; còn sự tĩnh-lặng của tâm (cittappassaddhi) là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong uẩn thức. Nhưng quý vị coi thêm lại chú-thích ở đoạn (v) của kinh SN 46:02 ở trên để so sánh.] (102)

103 [Theo cách chú thích 101 kế trên: Trạng thái định trước là định và cận

định thuộc tầng thiền định thứ nhất và trạng thái định sau là định trong tầng thiền định thứ hai và cao hơn (vì từ tầng thiền định thứ ba, thứ tư cũng không tầm, không tứ).] (103)

104 [Phần lời kinh dưới đây đã được trích ghi trong Vism 130–31, 133 (Ppn

4:51, 57). So sánh với kinh AN 6:55 trong đó so sánh sự cân-bằng của các căn với sự cân đối của của một cây đờn tỳ-bà: để cho âm vực của đờn được đúng đắn thì những dây đờn phải không được quá căng hay quá lỏng.] (104)

105 [Spk chú giải rằng: Sự chánh-niệm là đáng cần đáng có trong mọi trường

hợp. Giống như muối và một tể tướng đa năng. Giống như muối thì làm tăng hương vị của tất cả các món cà ri, và giống như một tể tướng đa năng hoàn thành tất cả những trách nhiệm của một triều chính: sự kiềm chế cái tâm đang

khích-động và sự nỗ lực làm phấn chấn cái tâm đang thụ-động đều có thể làm được bởi sự chánh-niệm, và không thể làm được nếu không có sự chánh- niệm, (do vậy mới nói là sự chánh-niệm đều có thể áp dụng và hữu ích trong mọi trường hợp). Coi thêm Vism 130,15–20 (Ppn 4:49).] (105)

106 [Tên thị trấn có ghi trong Vism 324,9–15 (Ppn 9:119), và trong đó cũng

gọi luôn tên kinh là Kinh Haliddavasana (Haliddavasana Sutta).] (106)

107 [Chỗ này Spk cũng chú giải lặp lại với ý tương tự như chú thích số 98 ở

đoạn tương ứng trong kinh 46:52 ở kế trên, rằng: các đạo sư các giáo phái khác không có những giáo-lý 'nguyên bản' nào của mình về 'năm chướng- ngại' và sự tu tập 'bốn sự an-trú cõi trời' (bốn phạm trú, tứ vô lượng tâm), mà họ chỉ lấy cắp (đạo ngôn, đạo văn) những giáo-lý của Phật về những chủ- đề đó.] (107)

108 [Nguyên văn câu này là: Kiṃgatikā kiṃparamā kiṃphalā kiṃpariyosānā.]

(108)

109 [Sự kết hợp các chi giác-ngộ với bốn sự an-trú cõi trời như vầy là không

bình thường. Trên cái đà tiến triển của 04 sự an trú cõi trời (04 phạm trú) là dẫn tới sự tái sinh ở cõi trời hơn là dẫn tới Niết-bàn [Coi lại các kinh MN 83, mục 17-19; MN 99, mục 24-27, và AN 4:125 có nói rõ 04 sự an trú cõi trời (04 tâm vô lượng) dẫn tới sự tái sinh trong cõi trời]. Tuy nhiên, khi 04 phạm- trú này được tích hợp vào cấu trúc con-đường (đạo) của Phật, chúng có thể được dùng để tạo ra sự định-tâm đủ mạnh để làm cơ-sở cho sự minh-sát, từ đó dẫn tới sự giác-ngộ. Chẳng hạn coi trường hợp nổi bật trong kinh MN 52, mục 8,9,10,11.] (109)

110 [Trong AN 5:144, từ (1)-(5) thì sự thiền tập những sự nhận-thức này được

nói một cách đầy đủ chi tiết hơn, đề cập luôn những ích-lợi của mỗi sự thiền quán đó. Trong DN III 112,25–13,1 (?), những sự thiền-quán này được gọi là một "năng-lực tâm linh vô nhiễm, không còn thu-nạp (vô sanh y), và thánh thiện" (ayaṃ iddhi anāsavā anupadhikā ariyā), và Paṭis II 212–13 thì gọi nó là "năng-lực tâm linh của bậc thánh" (ariyiddhi); nó cũng được giảng giải thêm trong Vism 381–82 (Ppn 12:36–38).

- Sau đây là những chú-giải tóm gọn từ Spk: (i) nhận thức sự đáng-chê trong

những thứ không đáng-chê (appaṭikkūle paṭikkūlasaññı), người đó bao trùm một đối-tượng không đáng-chê [ví dụ: một người đẹp hấp dẫn] với ý-tưởng về sự ô-uế (không-sạch, không hấp dẫn) hoặc chú-tâm (tác ý) tới nó là vô- thường; (ii) nhận thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê (paṭik- kūle appaṭikkūlasaññı), người đó bao trùm một đối-tượng đáng-chê [ví dụ: một người hung dữ] với tâm-từ hoặc chú-tâm tới những yếu-tố (giới) của nó; (iii) và (iv) chỉ giải thích tương tự như (i) và (ii) nhưng mở rộng 02 kiểu nhận thức đối với cả hai loại đối-tượng kết hợp lại; và (v) thì lời kinh đã tự giải thích rồi.] (110)

111 Spk nói rằng: Giáo-lý này được đưa vào cho những người không khả năng

đạt tới thánh quả A-la-hán sau khi khám phá những sự tạo-tác (hành) dựa trên tầng thiền định thông qua tâm-từ. Spk đã giải thích chữ idhapañña̧assa như thể nó là một bahubbıhi có nghĩa kép là "một người thuộc trí-tuệ thế tục" (lokiyapañña̧assa); thuật ngữ này cũng có trong kinh Dhp 375b và kinh AN 10:219 (nói về người tu không thâm

nhập tới một sự giải-thoát xa hơn nữa). Luận giảng bộ kinh AN là Mp V 78,10–11 đã giải nghĩa chữ này là "trí-tuệ đối với giáo-lý này (imasmiṃ sāsane paññā), nghe có vẻ thuyết phục hơn sự giải nghĩa của Spk.

- Trong các luận giảng, 04 sự an trú cõi trời được coi là những sự tu-tập dẫn tới tầng thiền định sắc-giới [coi Vism 111,15–16; Ppn 3:107]. Trong khi những bộ kinh Nikāya đã không làm rõ hay chỉ rõ những sự kết-nối giữa những sự an-trú cõi trời và những tầng thiền định; chỉ có trong vài kinh có mô tả những sự an-trú cõi trời và những tầng thiền định, và trong vài kinh khác thì mô tả những sự an-trú cõi trời có nghĩa là sự tái-sinh trong cõi trời brahmā (phạm giới); mời coi thêm chú thích số 109 ở trên. Như vậy Spk đã rất vất vả trong việc chú giải về những quy định đánh đố khó hiểu ở đây về chữ "hạn-mức trên nữa" của mỗi chủ-đề thiền, đặc biệt là đối với những tầng chứng đắc vô-sắc; đoạn này cũng có ghi trong Vism 324–25 (Ppn 9:120–23).

- Sau đây là chú-giải ngắn gọn của Spk: (i) một người tu an trú trong tâm-từ có thể dễ dàng áp dụng tâm mình tới/vào một kasiña màu đẹp và nhanh chóng chứng được sự giải-thoát đẹp [ví dụ là: tầng thiền định dựa trên một kasiña màu]; (ii) người tu an trú trong tâm-bi nhận biết sự nguy-hại trong sắc (giới) và do vậy tu tập không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên], đó là

sự giải-thoát khỏi sắc giới; (iii) người tu an trú trong tâm-(tùy)-hỷ hiểu rõ thức tùy-hỷ của những chúng sinh và do vậy dễ dàng chứng nhập thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên]; và (iv) người tu an trú trong sự buông-xả thì thiện khéo trong việc chuyển hướng tâm mình khỏi sự khổ và sướng, và do vậy dễ dàng chuyển hướng nó tới 'sự không-có (trống vắng) một thực-thể cụ thể nào' trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]. (111)

112 [Lời bài kinh này cũng giống kinh AN 5:193, chỉ khác là trong AN thì

không có đoạn (III) cuối nói về 'bảy chi giác-ngộ'. Coi thêm Ja No. 185 (II 99–101).] (112)

113 [Spk áp dụng 03 cách thoát-khỏi (nissaraṇa) đối với từng mỗi chướng-

ngại: [1] bằng cách khống-chế (vikkham-bhananis-saraṇa) thông qua trạng thái các tầng thiền định (jhāna); [2] đặc biệt, bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp (tadaṅganis-saraṇa) thông qua sự thiền quán minh-sát; và [3] bằng cách tẩy-sạch (samucchedanis-saraṇa) thông qua các chặng thánh-đạo siêu-thế (tức từ thánh-đạo Nhập-lưu ... thánh đạo A-la-hán).

- Như vậy: (1) Chướng ngại Tham-dục được khống-chế bởi trạng thái tầng thiền định thứ-nhất dựa vào quán xét bản chất không hấp-dẫn (asubha) của thân; và tham-dục được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán [bởi vì chữ tham-dục (kāmacchanda) ở đây được diễn dịch đủ rộng là bao hàm tất cả mọi sự tham đối với bất kỳ đối-tượng nào, chứ không chỉ riêng tham-muốn khoái- lạc giác quan (dục lạc), tức nhục-dục.]. (2) Chướng ngại sự ác-ý được khống- chế bởi tầng thiền định thứ-nhất dựa vào quán xét tâm-từ; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo Bất Lai. (3) Chướng ngại sự đờ-đẫn và buồn-ngủ được khống-chế bởi nhận-thức về ánh sáng [ví dụ: sự nhận thức hay quán

tưởng về một loại ánh sáng, một hào quang, như vầng tròn sáng của mặt trời hay của trăng rằm...]; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán. (4) Chướng ngại sự bất-an và hối-tiếc được khống-chế bởi yếu tố tĩnh-lặng; riêng sự hối- tiếc (hối quá) được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Bất-lai và sự bất-an (trạo cử) được loại bỏ hoàn toàn ở chặng thánh-đạo A-la-hán. (5) Chướng ngại sự nghi-ngờ được khống-chế bởi sự phân-biệt được và định-nghĩa được những hiện-tượng và những trạng-thái, tức là sau khi đã tìm hiểu và phân biệt được các trạng thái (dhammavavatthāna, trạch-pháp) thì sẽ hết nghi-ngờ [coi thêm Vism 587–89; Ppn 18:3–8]; và nó được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Nhập-

Chú Thích • 615

lưu.] (113)

- (Mời coi lại thêm chú thích số 1192 của luận giảng Mp trong kinh AN 5:193, ở đầu đoạn (I), (1).)

114 [Hoàng tử Abhaya là con trai của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), không

phải là thái tử hay hoàng tử kế ngôi.] (114)

115 [Coi lại chú thích 92 ở kinh SN 22:60 (Quyển 3).] (115)

116 [Chú giải cho rằng, như hiệu quả, hoàng tử đã chứng ngộ thánh quả Nhập-

lưu.] (116)

117 [Bộ xương (aṭṭhika) là một trong 10 đề-mục thiền quán về sự không-sạch

ô-uế của thân (asubhakammaṭṭhāna) được giảng giải trong Vism 178–79 (Ppn 6:1–11). Tương tự, tử thi ở các giai đoạn khác nhau cũng được nói ra trong các kinh bên dưới, từ kinh 46:58–61, như: xác chết bị giòi đục (puḷuvaka), xác chết chuyển màu xanh tím (vinīlaka), xác chết bị bung rữa (vicchiddaka), và xác chết bị sình chảy (uddhumātaka). Mỗi sự thiền-quán đều liên quan với những chi giác-ngộ, khi tâm đạt-định nó sẽ là cơ-sở cho sự tu tập sự minh-sát (thiền quán) và đạt tới thánh đạo siêu thế.] (117)

118 [Nguyên văn cụm chữ này: sati vā upādisese. Spk giải nghĩa là: gaha-

ñasese upādānasese vijjamā namhi ([nếu có] một tàn dư của sự nắm-giữ, của sự dính-chấp (thủ), đang còn (tồn tại, có mặt)]. Chữ upādisesa được thấy có 02 nghĩa kỹ thuật là: (1) khi đối ngược chữ aññā (trí-biết cuối cùng), nó có nghĩa là một tàn dư của những ô-nhiễm (lậu hoặc), là tàn dư còn sót lại một bậc Bất-lai phải loại sạch để chứng thánh quả A-la-hán; và (2) còn trong sự liên hệ tới Niết-bàn thì nó chỉ năm-uẩn (= một tàn-dư) vẫn còn tồn tại cho đến khi bậc A-la-hán hết mạng. Niết-bàn (i) như được trải nghiệm bởi A-la- hán trong thời gian còn sống thì được gọi là saupā disesanibbānadhātu (yếu- tố Niết-bàn còn một tàn-dư (là năm-uẩn); hữu dư y Niết-bàn giới); (ii) còn khi chứng ngộ lúc chết thì được gọi là anupādisesanibbānadhātu (yếu-tố Niết-bàn không còn tàn-dư; vô dư y Niết-bàn giới). Những luận giảng đã coi chữ upādi trong đoạn ở đây có nghĩa là thứ (mà người tu) bị dính-chấp theo hay “thứ mình dính-chấp” (upādıyati).

- Mặc dù tôi đã dịch chữ upādisesa trong đoạn kinh này là "tàn dư của sự dính-chấp", tôi dịch vậy chỉ vì sự muốn làm cho nó rõ-nghĩa, chứ không phải tôi tin chữ upādi thực sự là đại diện đồng nghĩa cho chữ upādāna (sự dính- chấp, thủ). Toàn bộ lời diễn đạt thuật ngữ diễn đạt ở đây có thể chỉ là một thành-ngữ có nghĩa là "một tàn-dư [không xác định]". Trong kinh MN 105, từ mục 19, chữ saupādisesa và chữ anupādisesa đã được dùng khi nói về chất độc còn sót lại trong một vết thương và trong ngữ cảnh đó thì cái nghĩa "sự dính-chấp" là chẳng liên quan gì cả. Có thể rằng, lời diễn đạt này đã từng là một thành-ngữ của ngành y mà Đức Phật chỉ đơn giản gán một nghĩa mới để dùng nó trong ngữ cảnh ở đây trong kinh này.] (118)

119 [Về các đối-tượng (đề mục, chủ đề) thiền ở các kinh bên dưới: Kinh (67)

sự nhận-thức về sự không-sạch ô-uế (asubhasaññā) của thân chính là "sự thiền quán về 31 bộ phận của thân" [hoặc 32 nếu thêm não], đã được nói rõ trong AN 7:49, phần (1), và cũng được lặp lại trong Vism 239–66 (Ppn 8:42–144);

- Kinh (68) sự nhận-thức về cái chết (maraṇasaññā), thường được gọi là sự "chánh-niệm về cái chết", thì được nói rõ trong các kinh AN 6:19–20, AN 7:49, phần (2), và nó cũng được lặp lại trong Vism 229–39 (Ppn 8:1–41);

- Kinh (69) sự nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn (āhāre paṭik- kūlasaññā) nhiều khi cũng được đề cập trong các kinh khác, như trong kinh AN 7:49, phần (3), nhưng sự nhận-thức này chỉ được giải thích một cách đầy đủ chi tiết trong Vism 341–47 (Ppn 11:1–26);

- Kinh (70) sự nhận-thức về sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian (sabbaloke anabhiratasaññā) được định nghĩa rõ hơn trong AN 7:49, phần (4), sự nhận-thức này giống như là "sự buông-bỏ tất cả mọi sự dính- chấp" ... đối với thế gian;

- Kinh (74) sự nhận-thức về sự dẹp-bỏ (pahānasaññā) được định nghĩa trong AN 10:60, phần (5), như là "sự thiền quán dẫn tới sự dẹp-bỏ những ý-nghĩ ô nhiễm";

- Và các Kinh (75–76) nhận-thức về sự chán-bỏ (virāgasaññā) và nhận-thức về sự chấm-dứt (nirodhasaññā) được định nghĩa lần lượt trong AN 10:60,

phần (6) và phần (7), như là những "sự thiền quán mang tính suy lý (tùy quán) về Niết-bàn"; mặc dù trong những luận giảng khác thì virāgānupas- sanā và nirodhānupassanā được coi như "sự thiền quán minh-sát bậc cao" [như trong Paṭis II 67; Vism 629,3–5; Ppn 20:90.] (119)

120 [Ee đã đánh số sai các kinh "99–100" nên đã làm lạc mất các số thứ tự.

[Học giả Feer đã sửa lại lỗi sai này]. Những lỗi sai sau đây trong cách đánh số của Ee cũng nên để ý: Nhóm "100–110 (1–12)" của Ee—tương ứng Nhóm "111 (1)–120 (10)" trong sách này—tức là nó đếm 12 kinh mặc dù chỉ có 11 kinh. [Đoạn thi kệ tóm lược trong Be có chữ dục-vọng và sự thèm-khát (taṇhā-tasināya), nhưng hai chữ đó được

nhập thành một, nên chỉ đếm có 10 kinh.) Nhóm "154–164 (1–10)" của Ee—tương ứng với Nhóm "165 (1)–174 (10)"—thì có số bài kinh đúng, nhưng lại đánh số giống như có tới 11 bài kinh.] (120)

121 [Ở đây tôi làm theo phương pháp của Ee, tức là kết thúc ở kinh 175. Rõ

ràng là, 03 lần lặp lại của toàn bộ những NHÓM kinh theo phiên-mẫu [LOẠI BỎ THAM ...] này nên được hiểu là áp dụng cho từng mỗi cách trong 03 cách mô tả về 'bảy chi giác-ngộ'. Ở đây có thêm 02 phiên-mẫu nữa là—[CÓ SỰ BẤT TỬ LÀ NỀN TẢNG ...] và [ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN ...]—chỉ được nói ra trong bài kinh cuối này của Chương mà thôi.] (121)

122 [Phần nội dung còn lại của kinh này được coi như một bài tóm gọn (ud-

desa) của kinh "Các Nền Tảng Chánh Niệm" (Satipaṭṭhāna Sutta, Kinh Niệm Xứ; DN 22; MN 10), và bỏ luôn những phần điệp-khúc (niddesa, lời lặp lại). Toàn bộ luận giải về kinh này có ở Sv III 741–61 và Ps II 244–66; còn luận giải trong Spk thì rút gọn nhiều.

- Các luận giảng đưa ra 02 từ-nguyên của chữ satipaṭṭhāna: (i) thứ nhất: sati + upaṭṭhāna, nghĩa là: "sự thiết-lập sự chánh-niệm"; (ii) thứ hai: sati + paṭṭhāna, nghĩa là: "nền-tảng của sự chánh-niệm". Cách thứ nhất nhấn mạnh hành-vi thiết lập sự chánh-niệm; cách thứ hai thì chỉ những đối-tượng để áp dụng sự chánh-niệm (chú tâm vào đó). Mặc dù các luận giảng đều nghiêng về cách diễn dịch thứ hai là "sati + paṭṭhāna", nhưng cách diễn dịch thứ nhất chắc chắn mang tính nguyên-thủy hơn và điều này còn được tăng cường bởi chữ tương đương trong tiếng Phạn là "smṛtyupasthāna". Coi thêm cái cách

diễn đạt thường thấy trong các kinh là "upaṭṭhitasati" (với sự chánh-niệm đã được thiết lập) [như trong kinh SN 54:13 (Quyển 5) ... vân vân] và "parimu- khaṃ satiṃ upaṭṭhapetvā" (sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt) [như trong kinh SN 54:01 (Quyển 5) ... vân vân]. Trong Paṭis thì, bằng cách giải thích chữ "sati" là = "upaṭṭhāna", cũng ưu tiên cách diễn dịch theo nghĩa từ-nguyên thứ nhất này. Về cách diễn dịch này, mời coi thêm một giải thích ngắn gọn trong Vism 678–79 (Ppn 22:34).

- (Ở đây người dịch Việt dịch là các "nền tảng chánh-niệm" (tứ niệm xứ) cho nhất quán với các kinh khác đã dịch vốn đã quen gọi như vầy).] (122)

123 [Cụm chữ "Ekāyano ayaṃ maggo" thường được dịch là "Đây là con

đường duy nhất" [như nhà sư Soma và nhiều người ...] hoặc "Đây là con đường độc nhất" [như nhà sư Nyanaponika ...], ý chỉ rằng phương pháp chánh-niệm của Đức Phật là con đường độc tôn, độc nhất vô nhị. Tuy nhiên, luận giảng về kinh "Satipaṭṭhāna Sutta" này đã đưa ra tới 05 sự chú-giải về cụm chữ này, trong đó chỉ có 01 chú-giải có nghĩa là "độc nhất, duy nhất" mà thôi; [coi Sv III 743–44; Ps I 229–30, được dịch bởi nhà sư Soma trong quyển Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness), trang 36–39]. Spk chỉ đề cập một nghĩa đầu tiên với lời giải nghĩa là: ekamaggo ayaṃ bhik- khave

maggo, na dvedhāpathabhūto (Này các Tỳ kheo, đây là một con đường duy nhất (độc đạo), không phải con đường rẽ nhánh). Trong toàn bộ tạng kinh, chữ "ekāyana magga" chỉ xuất hiện một lần nữa trong kinh MN 10, mục 2, trong đó nó rõ ràng có nghĩa là "một con đường trực dẫn tới đích". Do vậy tôi hiểu cách dùng ẩn dụ ở đây của cụm chữ này là một cách để chỉ rằng "satipaṭṭhāna" là dẫn dắt thẳng tới "sự thanh-lọc của chúng sinh" ... vân vân; có lẽ phương cách chánh-niệm là tương phản với những loại thiền khác vốn không phải luôn luôn dẫn thẳng tới mục tiêu.

- Để thảo luận đầy đủ hơn, mời đọc thêm quyển Đạo Phật Dẫn Tới Giác Ngộ (The Buddhist Path to Awakening) của học giả Gethin, trang 59–66.

- Lưu ý: không nên nhầm lẫn chữ ekāyano này với chữ ekayāna (một cỗ xe, nhất thừa) vốn là luận thuyết trung tâm trong kinh Saddharma Puṇḍarika Sūtra (kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa của Phật giáo Đại Thừa.

Chú Thích • 619

- Spk giải nghĩa chữ "phương-pháp" (ñāya) ở đây chính là Bát Thánh Đạo. Như vậy, bằng cách tu tập con-đường 'bốn nền tảng chánh-niệm' (satipaṭṭhāna) vốn là thế-tục trong giai đoạn tu sơ khởi, thì người tu sẽ cuối cùng đạt tới [thành tựu] thánh đạo siêu thế. Về chữ ñāya, mời coi lại chú thích số 122 ở Quyển 2.] (123)

124 [Để đọc bản dịch của đoạn chú-giải về câu công-thức căn bản này, mời coi

quyển Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness) của nhà sư Soma, trang 51–64. Trước kia đã có sự giải nghĩa các chữ trong Vibh 194–95. Học giả Gethin đã thảo luận về câu công thức căn bản này trong quyển Đạo Phật Dẫn Tới Giác Ngộ (The Buddhist Path to Awakening), trang 47–53.

- Một số điểm chính là: cụm chữ lặp đi lặp lại "quán sát thân trong thân" (kāye kāyānupassı) có vài trò "quyết định cái đối-tượng [là thân] bằng cách cô lập nó" khỏi những thứ khác như cảm-giác, tâm ... và chỉ ra rằng người tu chỉ quán sát thân: không phải là 'thường-hằng, sướng, bản ngã, hay sạch đẹp' (thường lạc ngã tịnh). Cách quán sát tương tự đối với 03 nền-tảng còn lại. Chữ "nhiệt thành" (ātāpı) là hàm chỉ sự nỗ-lực (tinh tấn); "sự rõ-biết" (tỉnh giác; sampajāno) là hàm chỉ về trí-tuệ. "Sự thèm-khát (tham) và buồn-phiền (ưu)" (abhijjhā-domanassa) là những mã từ đại diện cho 02 chướng-ngại (triền cái) thứ nhất là tham-dục [tham] và sự ác-ý [sân, ưu], và do vậy sự loại bỏ chúng có thể được hiểu là hàm chỉ sự thành công về sự định-tâm (theo nghĩa hết chướng-ngại thì tâm dễ đạt-định). Như vậy là, cùng với 04 căn tâm linh (indriya) đã được chỉ ra ở đây, và trong khi căn niềm-tin (tín căn) đã không được nói ra ở đây, rõ ràng những phẩm chất liệt kê ở trên là điều-kiện tiên quyết cần có để đảm nhận sự tu-tập này ngay từ bước đầu.

- Luận giảng Spk đã giải nghĩa chữ "vineyya (nghĩa là): tadaṅgavinayena vā vikkhambhanavinayena vā vinayitvā" ("sau khi đã loại bỏ (nghĩa là): sau khi đã loại bỏ bằng (i) sự loại bỏ theo một cách riêng hoặc bằng (ii) sự loại bỏ thông qua sự khống-chế nó). Trong đó, (i) "sự loại bỏ theo một cách riêng" có nghĩa là sự loại bỏ tạm thời bằng

sự chủ ý kiềm-chế hay bằng sự minh-sát; còn "sự loại bỏ thông qua sự khống-chế" là sự loại bỏ tạm thời bằng sự chứng nhập tầng thiền định (jhāna). Lưu ý: cụm chữ này không nhất thiết phải được hiểu theo nghĩa rằng người tu trước tiên phải dẹp bỏ những chướng-ngại rồi sau đó mới bắt đầu tu tập được 'bốn nền tảng chánh-niệm'.

Không cần phải vậy, vì lẽ thường với chính sự hết lòng để tu tập của người tu cũng đủ để tạm ngưng "sự thèm-khát và buồn-phiền".] (124)

125 [Lời chỉ thị này cũng có trong kinh SN 36:07 (Quyển 4). Spk chú giải rất

dài về sự tu tập "sự rõ-biết" (sự tỉnh giác, thường biết, ý thức rõ). Coi thêm lời chú giải của nhà sư Soma trong quyển Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness), trang 83–132; và coi thêm quyển "Bài Thuyết Giảng về Kết Quả của Đời Sống Tu Hành (Kinh Sa-môn Quả)" của TKBĐ, trang 96–134.

- Nói tóm gọn: có 04 sự rõ-biết: (1) sự rõ-biết về mục-đích (sātthaka- sampajañña): biết rõ mục-đích chính đáng trong hành động của mình; (2) sự rõ-biết về sự phù-hợp (sappāya-sampajañña): biết rõ phương-tiện phù hợp để đạt tới mục đích của mình; (3) sự rõ-biết về trú xứ (gocara-sampajañña): duy trì sự ý-thức (để ý, biết) về đề-mục thiền của mình sau khi đã tham gia vào những hoạt động hay hành vi khác nhau; và (4) sự rõ-biết = sự không ngu-mờ hay sự vô-si (asammoha-sampajañña): nhận thấy rõ những nghiệp (hành động) của mình là những tiến-trình có điều-kiện (do nhân duyên) chứ không có một cái 'Ta' (ngã) thực chất nào. Nhà sư Nyanaponika cũng giảng giải về sự rõ-biết một cách hiện đại rất hay trong quyển Trái Tim của Thiền Phật Giáo (The Heart of Buddhist Meditation), trang 46–57.] (125)

126 [Spk nói: Do vị Tỳ kheo này trước kia đã từng hỏi Phật giảng giải về chủ-

đề thiền, sau đó không lui về sống tách-ly (ẩn dật) để thiền tập để có sự tu tiến của bản thân mà chỉ đi lanh quanh theo Tăng Đoàn và Phật. Do vậy Phật mới nói ra lời quở trách như vậy.] (126)

127 [Spk chú giải: cách-nhìn (kiến) ở đây chính là quan-điểm về trách nhiệm

của mình đối với những hành-động (nghiệp) của mình (kammassakatādiṭṭhi), chẳng hạn như: sự tin vào "nghiệp và nghiệp quả", điều đó cũng bao hàm cả niềm-tin về sự tái-sinh.

- Lời của Phật ở đây có nghĩa là thiết lập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) [đây là phần thứ nhất của Bát Thánh Đạo, cộng với 03 hành-vi đúng đắn [là phần thứ 3, 4, 5: lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng)] là cơ-sở cho sự tu tập thành công thiền chánh-niệm.

- (Kinh này có nội dung chính giống như kinh 47:15 bên dưới).] (127)

128 [Spk không chú giải gì chỗ này, nhưng Sv III 765,15–18 và Ps I 249,24–

27 đã chú giải liên quan tới 'sự chánh-niệm hơi-thở' như vầy: "Vào một lúc trong thân hô-hấp của mình và lúc khác trong thân hô-hấp của người khác, người đó an trú trong sự quán sát về thân. Bằng cách này là có sự đề cập đến thời lúc khi tâm của người thiền tái tục chuyển đi và chuyển lại [vào bên- trong hay ra bên-ngoài theo cách của đối-tượng] mà không để lạc khỏi chủ-đề thiền quen thuộc" [Coi thêm quyển Con Đường Chánh Niệm của nhà sư So- ma, trang 74]. Khi liên hệ tới 03 nền tảng chánh-niệm còn lại, các luận giảng về cơ bản cũng đưa ra sự chú giải giống vậy, nhưng không đi vào giải thích về vấn đề là: làm cách nào một người tu không có những năng lực thần thông có thể quán sát những cảm-giác và những trạng thái tâm của người khác.] (128)

129 [Thú vị là, phần thứ nhất của sự quán sát những giáo pháp [những hiện-

tượng, các pháp] là năm uẩn, đã cho thấy cách mà sự áp dụng sự chánh-niệm có thể biến ngay cả những ô-nhiễm thành nguyên-liệu thô cho sự tu tập phần tu tập chánh-niệm này. (?)] (129)

130 [Ví dụ con diều hâu và con chim cút cũng liên quan tới kinh chuyện tiền

thân của Đức Phật là Sakuṇagghi Jātaka (chuyện số 168; Jā II 58–59), trong đó vị Bồ-tát (tức Phật) là con chim cút và Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) là con diều hâu. Tham khảo thêm, coi KS 5:125, số 1.] (130)

131 [PED không liệt kê chữ apatthaddhā (không khoát lác) nhưng CPD có

chú giải nó là quá khứ phân từ của chữ apa-stambh (tiếng Phạn). Ja II 59,17,20 thì ghi là atthaddhā/ thaddhā. Be và Ee ghi là: sake bale asaṃvadamānā; Se: sake bale avacamānā; Spk đã chú giải chữ này như sau, như thể nó không phải là một dạng phủ định vậy: saṃvadamānā ti sammā vadamānā, attano balassa suṭṭhu vaññaṃ vadamānā (khoát lác: nói đầy đủ, nói kỹ để đề cao sức mạnh của mình).] (131)

132 [So sánh kinh SN 35:243 về chỗ này.] (132)

133 [Be ghi cụm chữ này là: tasmiṃ yeva kaṭṭhakataṅgāre avassajjetvā; Ee

cũng ghi theo y vậy [chỉ khác chữ cuối là avasajjetvā]; Se thì ghi là: tasmiṃ

yeva makkaṭaṃ uddharitvā avissajjetvā: đây rõ ràng là một sự chỉnh sửa từ ngữ lại để cho nghĩa của cụm chữ được rõ hơn. Cả Spk và Spk-pṭ đều không giúp chú giải chỗ này. CPD gọi chữ kaṭṭhakataṅgāre là một "chữ ghi đầy đánh đố không chắc nghĩa là gì" và đã cho rằng chữ này do bị ghi chép hư sai từ những chữ nào đó. Tuy nhiên, trong một tham luận có tên (tiếng Đức) "Sanskrit-Wörterbuch der buddhistischen Texte aus den Turfan-Funden", Tỳ kheo Pāsādiko đã chỉ ra rằng học giả Wörterbuch có ghi cụm từ kā˝ṭha- ka˜ambara là tương ứng với chữ kaṭṭhakataṅgāra của tiếng Pāli; trên cơ sở này thầy ấy đã gợi ý tu chỉnh lại lời kinh chỗ này là "kaṭṭhakaliṅgare āvajj- etvā" mà thầy ấy dịch nghĩa là: "sau khi đã đơn giản cột [con khỉ] vào cây gậy [của ông ta]". Thầy ấy cũng đã dịch bản Hán tạng của kinh này trong Tương Ưng A-hàm (Saṃyuktāgama) lời kinh chỗ này là: "Khó khi người thợ săn khó đã đến đó khi ông ta cầm cây gậy (đòn

gánh?), cột [con khỉ] vào nó, và đi khỏi, vác theo [con khỉ nặng] trên vai" [trang 191–92]. Ở đây, tôi chấp nhận tu chỉnh chữ "kataṅgāre" thành "kaliṅgare", cho dù tôi vẫn nghĩ rằng chữ sau không có nghĩa chỉ "cây gậy của người thợ săn" mà chỉ cùng thứ đó (tasmiṃ yeva), tức là tấm ván dính keo mà con khỉ đã bị dính bẫy vào đó bởi nhựa keo. Trong các kinh khác thì chữ "kaliṅgara" có nghĩa là khúc, khối, miếng, tấm gỗ súc [coi kinh SN 20:8 (Quyển 2), Dhp 41], tôi cũng không biết có trường hợp nào trong các kinh nó có nghĩa là 'cây gậy' hay 'cây đòn' cả. (Gỗ súc là tấm, miếng, khúc, khối gỗ đã được cưa đẽo ra từ thân cây; nếu nó rộng thì có thể gọi là tấm gỗ, tấm ván gỗ như trong kinh này). Và tôi cũng không thấy được cách nào mà chữ "āvajjetvā" lại có thể có nghĩa là "sau khi đã cột". Và do vậy tôi chọn cách giữ nguyên động từ này trong lời kinh. Như vậy nghĩa của câu này là: người thợ săn cột chặt con khỉ vào tấm gỗ (bẫy) mà con khỉ đã bị dính vào đó và vác nó đi về.] (133)

134 [Spk giải nghĩa là: Người tu không biết được: "Chủ-đề thiền này của mình

đã đạt tới sự đồng-nhất hay sự đổi-dòng" hay chưa. Người đó không khả năng nắm bắt được dấu-hiệu của tâm mình. "Sự đồng-nhất" là tạm dịch chữ anuloma và "sự đổi-dòng" hay "chuyển-dòng" là chữ gotrabhū, đó là chỉ những thời khắc cuối cùng tâm thức dục-giới trước khi người tu chứng đắc tầng thiền định (jhāna) hoặc đạo quả và thánh quả siêu-thế; có lẽ muốn chỉ bước sơ-cấp cho tới tầng thiền định.

- Cụm chữ cittassa nimittaṃ gahessati cũng có trong kinh AN 6:68, đoạn (2), được giải nghĩa bởi Mp là: cittassa nimittan ti samādhivipassanā cittassa nimittaṃ, samādhivipassanākāraṃ (dấu-hiệu (=đối-tượng) của tâm: là dấu- hiệu của tâm cửa sự định-tâm hay sự minh-sát, là phương thức định-tâm hoặc minh-sát.".] (135)

135 [Phần [ii] này của bài kinh cũng được trích ghi trong Vism 150–51 (Ppn

4:122). Spk nói các nền tảng chánh-niệm (satipaṭṭhāna) được coi là phần thiền tuệ minh-sát trong giai đoạn sơ thiền.] (136)

136 [Phần này của bài kinh đã được trích dẫn trong Vism 150–51 (Ppn 4:122).

Spk nói rằng, chữ satipaṭṭhāna (những nền tảng chánh-niệm) được coi là sự minh-sát trong giai đoạn tu sơ khởi.] (136)

137 [Sự kiện xảy ra trong bài kinh này cũng được ghi trong kinh lớn hơn là

Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta, DN 16). Spk đã tính sự kiện bài kinh này xảy ra vào tháng thứ 10 trước khi Phật qua đời.] (137)

138 ["Ổn định (hay duy trì) sự tạo-tác sự-sống (hành sinh mạng)" là tạm dịch

chữ "jīvitasaṅkhāraṃ adhiṭṭhāya". Spk giải nghĩa: sự tạo-tác sự-sống (i) thực ra chính bản thân nó là sự-sống [Spk-pṭ: bởi vì đó là sự làm sống, hồi sinh liên tục cái thân, không để nó ngưng và chết] và (ii) cũng chính là sự chứng đắc thánh-quả, qua đó sự-sống được làm sống, được duy trì, được kéo dài. Lời kinh ở đây đang nói về nghĩa thứ hai này. Nghĩa ngắn gọn ở đây là "Ta sẽ chứng thánh quả, nó có khả năng kéo dài

sự sống". Phật chứng nhập sự chứng-đắc đó với quyết định "Để cho sự đau đớn không khởi sinh trong 10 tháng nữa", và sự đau đớn, do bị khống chế bởi sự chứng nhập thánh-quả, đã không khởi sinh trong mười tháng tiếp theo.] (138)

139 [Chỗ này tôi làm theo Se và Ee, không ghi những chữ thán xưng (Thưa

Thế Tôn) đặt trước các câu như có trong Be là: diṭṭho me bhante bhagavato phāsu; nhưng cách ghi này của Be lại giống trong kinh DN 16, mục 2.24. Điều khác, tôi nghĩ rằng Be đã chính xác trong việc giữ nguyên chữ diṭṭhā; trong Se và Be thì chữ này được ghi như một quá khứ phân từ và được trình bày như một từ trung-tính là diṭṭhaṃ, nhưng ở đây có lẽ nó có vai trò một cách như thành-ngữ với nghĩa là "may mắn" hoặc "huy hoàng, tuyệt vời". Coi

thêm kinh một kinh DN 26, mục 21 có ghi: diṭṭhā bho satta jıvasi (Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn, rằng Thế Tôn còn sống) (?).

- Những dòng chữ kế tiếp cũng có ghi trong kinh 22:84 (Quyển 3); coi thêm chú thích số 149 ở đó. Ở đây Spk lại diễn dịch câu "dhammā pi nap- paṭibhanti" có nghĩa cụ thể là: "Những giáo lý về các nền tảng chánh-niệm (satipaṭṭhānadhammā) không còn rõ ràng đối với con". Nhưng theo tôi có thể nghĩa lời kinh này chỉ đơn giản là: "Các thứ/sự (nói chung) không rõ ràng với con".] (139)

140 [Nguyên văn cụm chữ cuối: anantaraṃ abāhiraṃ. Spk giải nghĩa là: không phân biệt bên trong hay bên ngoài về mặt Giáo Pháp và về mặt con người. (i) Người có sự phân biệt bên trong hay bên ngoài đối với Giáo Pháp khi người đó nghĩ: "Ta chỉ dạy bấy nhiêu cho những người khác, còn bao nhiêu ta không dạy". (ii) Người có sự phân biệt bên trong hay bên ngoài đối với con người khi người đó nghĩ: "Ta chỉ dạy cho người này, không chỉ dạy cho người khác". Phật không truyền dạy Giáo Pháp theo kiểu có phân biệt như vậy. Không có gì còn được giữ trong nắm tay của Người Thầy (ācariya- muṭṭhi). (Tức là không phân biệt người bên trong hay bên ngoài Tăng Đoàn mà chỉ dạy cho tất cả chúng sinh; cũng không phân biệt những giáo lý hay coi phần nào là giáo lý bí truyền của tông phái (còn giữ bí mật), mà tất cả những giáo lý đã được chỉ dạy và công khai).]. (140)

141 [Những cách chữ-ghép tối nghĩa này trong các phiên bản là khác nhau. Be

ghi là: vekhamissakena; Se ghi: veghamissakenaơ [cách ghi này cũng có trong Đại Kinh Bát Niết-bàn (DN 16, mục 2. 25) của phiên bản Ee]; Ee ghi: vedhamissakena. Trong một chú giải, Be đã đề nghị ghi là veṭhamissakena, đích thực là cách ghi trong sự giải-nghĩa của Spk [thuộc Be và Se]. Một cách diễn đạt giống vầy cũng có trong kinh Th 143a (trong phiên bản Ee của kinh này) ghi là veghamissena. Trong EV I, chú thích tới số 143, học giả Norman đã trình bày trường hợp chữ veṭha [= (Phạn) ve˝ṭa (dây, dây băng, dây buộc, dây chằng). Học giả Gombrich đã thảo luận vấn đề khó giải này trong bài viết "Thân Già Tựa Giống Như Những Cỗ Xe" đã lập luận chữ này là vedha (run rẩy, lọng cọng", nhưng thật mà hình dung được cách nào mà thân nó ngồi một cách dễ chịu an

ổn trong cái nghĩa (run rẩy, lọng cọng) của cụm chữ ghép với chữ missakena. Do vậy tôi đã làm theo Spk và Norman đọc chữ chỗ

này là veṭhamissakena.

- Spk chú giải: Bằng một sự kết hợp của những dây chằng: (nghĩa là) bằng một sự kết hợp của những dây chằng giữ nhờ sự được tu sửa với những dây băng buộc dính cho gọng xe, những dây băng buộc dính cho bánh xe ... (bāhābandhacakkabandhādinā paṭisaṅkharañena veṭhamissakena). Với câu "cũng vậy dường như thân của Như Lai còn vận hành được (maññe yāpeti): Phật chỉ rằng: "Giống như một cỗ xe cũ, nó dường như nhờ một sự kết hợp của những dây chằng giữ, tức là, bằng sự được chằng giữ với thánh quả A- la-hán (arahattaphalaveṭhanena), cho nên thân của Như Lai mới trụ được bốn kiểu tư thế" (đi, đứng, ngồi, nằm)

- Cần lưu ý rằng: đoạn kinh này sẽ khó có nghĩa đúng nếu như những luận giảng mà đúng khi họ cho rằng thầy Ānanda đã sinh ra cùng ngày với Phật; bởi vì nếu thầy ấy bằng tuổi Phật thì thầy ấy cũng đã già và cũng đã tự biết về những sự già yếu lọng cọng là gì, đâu cần Phật phải mất thời gian giải thích và nhấn mạnh về những điều đó cho thầy ấy hiểu. Mời coi lại chú thích số 296 trong kinh "Áo Cà-Sa", SN 16:11 (Quyển 2).] (141)

142 [Trạng thái định vô dấu-hiệu của tâm, hay sự định-tâm vô dấu-hiệu của

tâm là chữ animitta cetosamādhi, nhưng sự định-tâm ở đây chắc hẳn là khác với loại định có cùng tên gọi được nói đến trong kinh SN 40:09 (Quyển 4). Spk giải thích rằng trạng thái định vô dấu-hiệu của tâm trong kinh này là sự định-tâm minh-sát thâm sâu, đó là sự chứng thánh quả (phalasamāpatti). Như vậy loại định này là giống hệt = sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm (animitta cetovimutti) đã được nói đến trong kinh SN 41:07 (Quyển 4).] (142)

143 [Lời giáo huấn "lấy mình là hòn đảo" (attadıpa) cũng có trong kinh 22:43

(Quyển 3). Spk chú giải chữ dhamma trong cụm chữ dhammadıpa, dhammasaraña chính là = 09 Giáo Pháp siêu thế [04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn].

- Chữ tamatagge là chữ đánh đố làm bối rối nhiều trong các luận văn bác học về Đại Kinh Bát Niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta). Spk [cũng song hành với Sv II 548–49] đã coi chữ này chính là = tama-agge, với -t- được chèn vào như một sự kết hợp ngữ âm (padasandhi) cho dễ nghe. Có khả năng chữ ta-

matagge nên được hiểu là = tamato agge, giống trường hợp tương tự của chữ ajjatagge hoặc daharatagge, nhưng cho dù vậy vẫn còn lại vấn đề khó giải về nghĩa của nó; nghĩa "từ sự tăm tối ..." là khó mà đúng đắn cho được ở đây. Luận giảng Spk rõ ràng đã bị bối rối về nghĩa của nó, nhưng cũng không hoàn toàn thừa nhận sự không chắc về nghĩa, nó đã dao động giữa việc (i) coi tama là đuôi chữ (hậu tố) thể so sánh hơn nhất [được

hoán đổi vị trí bằng phép chuyển đổi âm vị] hoặc (ii) nó có nghĩa "sự tăm tối", nên Spk đã luận giải như vầy: "Những người này là bậc cao nhất (aggatamā), do vậy là tama-taggā. Như vậy là, 'sau khi đã cắt toàn bộ luồng bóng tối [ghi là tamasotaṃ trong cả Be và Se, nhưng là tamayogaṃ (sự trói buộc của sự tăm tối) trong đoạn song hành trong Sv II 549,1], những Tỳ kheo này của ta sẽ là ở trên- cùng, ở nơi cao-nhất. Họ sẽ là trên-cùng trong số những Tỳ kheo. Trong số những người tha thiết với sự tu-tập, chỉ những người có tầm (phạm vi, tầm mức) của mình là 'bốn nền tảng chánh-niệm' (satipaṭṭhāna) sẽ ở bậc cao nhất.' Như vậy là Phật đã đưa giáo-lý này tới đỉnh cao chung cuộc của nó là thánh quả A-la-hán."

- Spk-pṭ thì giải nghĩa tama-agge theo cách là: "Trong không-còn [trống vắng] sự trói buộc của bóng tối [chữ ghi là tamayoga!], [thì họ sẽ là] ở trên bậc cao nhất của thế gian này có những thiên-thần của nó."

- Những câu chữ này đã không được bảo tồn trong những phần riêng rời của phiên bản tiếng Phạn Turfan, nhưng có trong phiên bản song hành bằng tiếng Tây Tạng và tiếng Hán, có lẽ dựa theo các lời kinh tiếng Phạn, chỉ tới một nghĩa là "trên cùng, cao nhất thảy". Tôi đã làm theo cho phù hợp với nghĩa "trên cùng, cao nhất thảy" này, mặc dù tôi không thể giải thích được ý nghĩa chính xác của chữ gốc hay cách dùng của đặc ngữ của các phiên bản đó. Tôi cũng đã đồng tình với những luận giảng trong việc coi cụm chữ ye keci sik- khākāmā như một hàm sở cách hay thuộc cách.] (143)

144 [Tôi đọc theo Be và Se là: uḷāraṃ pubbenāparaṃ visesaṃ sañjānanti. Ee

thì ghi là: sampajānanti. Spk giải thích chữ "lần lượt những giai đoạn khác- biệt cao hơn" là những giai đoạn trí-tuệ cao hơn: từ thấu-hiểu về "04 yếu-tố lớn" (tứ đại) xuyên suốt cho đến sự-hiểu về "ba đặc-tính của tất cả mọi sự tạo-tác (hành)".] (144)

145 [Spk: "Sự-sốt" ở đây là chỉ cơn-sốt của ô-nhiễm (kilesapariḷāha). Một

cơn-sốt của ô-nhiễm đã dựa vào thân là cơ sở (ārammaṇa) để khởi sinh. Khi điều này xảy ra, người tu không nên để mình bị khích động bởi những ô- nhiễm đó, thay vì vậy người tu "nên hướng tâm tới những 'dấu-hiệu tạo cảm hứng' khác" (kismiñcideva pasādaniye nimitte cittaṃ paṇidahitabbaṃ), đó là, nên đặt cái tâm đang thiền vào một đối-tượng thiền khác giúp khởi tạo niềm-tin, ví dụ như đối-tượng là Đức Phật ...] (145)

146 [Nghĩa là: cái mục-đích của việc hướng tâm mình tới 'một dấu-hiệu tạo

cảm hứng' khác giờ đã đạt được; và giờ người tu rút lui tâm khỏi cái 'đối- tượng tạo cảm hứng' đó, và hướng tâm trở lại 'đối-tượng thiền chính' ban đầu của mình. (Ví dụ: khi đang thiền về hơi-thở, trong người thiền có sự-sốt trong thân hay sự trì-trệ (biếng nhác thụ động lờ mờ) của tâm hay tâm bị xao lãng bởi trần cảnh bên ngoài, thì người tu có thể áp dụng thủ thuật chuyển hướng tâm mình tới sự tưởng niệm Đức Phật. Sau một thời thiền trong người tu không còn phát sinh những sự nói trên nữa, tức là mục-đích của thủ thuật chuyển hướng đã đạt được, giờ người tu hướng tâm trở lại đề-mục thiền chính là hơi-thở.).] (146)

147 [Spk giải nghĩa điều này có nghĩa là người tu "không có ý-nghĩ (tầm,

vitakka) bị ô nhiễm, không có sự xem-xét (tứ, vicāra) bị ô nhiễm", nhưng sự "không tầm không tứ" ở đây có lẽ hàm chỉ người đó đã chứng tới tầng thiền định thứ hai. Coi thêm MN 125, mục 23, 24, 25 (mô tả tóm lược về tiến trình thiền tập và chứng ngộ), trong đó 'bốn nền tảng chánh-niệm' (satipaṭṭhāna) phục vụ cho tầng thiền định thứ nhất, và Phật cũng đã tham gia sự tu-tập 'bốn nền tảng chánh-niệm' (trong trạng thái) "không tầm không tứ", tức là trạng thái của tầng thiền định thứ hai.] (147)

148 [Nguyên gốc: "paṇidhāya bhāvanā", đây là thủ thuật thiền tập bằng cách

hướng tâm khỏi đối-tượng thiền chính tới một đối-tượng khác (ví dụ như một 'đối tượng thiền tạo cảm hứng' khác, như mới nói trên. Spk đã so sánh thủ thuật "chuyển hướng" này với một người vác một bó mía tới lò nấu đường, người đó nhiều lúc (bị mệt) dừng lại, bỏ bó mía nặng xuống, chuyển qua ngồi ăn một cây mía, và sau khi ăn xong khỏe lại (cái mục-đích nghỉ ngơi để hết bị mệt đã đạt được), người đó tiếp tục quay trở lại việc chính là vác bó mía và tiếp tục đi.] (148)

628 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

149 [Spk đưa ra nhiều chú giải khác nhau về cụm chữ (pacchā pure asaṅkhit-

taṃ (không bị thu hẹp sau và trước, không bị gò bó sau và trước). Đọc thêm kinh 51:20 ở Chương 51 bên dưới và chú thích 272 của nó.] (149)

150 [Mahāpurisa: vĩ nhân, đại nhân, đại phu. Coi thêm kinh AN 8:30 về tám

ý-nghĩ của một vĩ nhân (aṭṭha mahāpurisavitakkā)] (150)

151 [Lời bài kinh này cũng nằm trong Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāpa- rinibbāna Sutta, DN 16), nhưng chỉ khác là không có đoạn cuối; một phiên bản giống hơn của nó tạo thành kinh DN 28. Trong DN 16 thì vị trí thời gian có vẻ đáng nghi vấn; coi chú thích 157 của kinh 47:13 bên dưới.] (151)

152 [Spk: Āsabhı vācā (một lời thốt lên, một lời cất lên): giống như [sự cất lên

lời] của một con bò đực đầu đàn (usabha), bất lay chuyển, không rung động. Ekaṃso gah (dõng dạc, dứt khoát = nhất định, rành rành) nghĩa là: không được nói ra theo kiểu hùa theo lời đồn, lời truyền ... mà theo cách như chính mình đã thâm nhập bằng sự-biết của mình, do vậy đó là "dứt khoát, dõng dạc". Nghĩa là điều đó đã được tuyên bố như một kết luận chắc chắn (sannitṭhānakathā va).] (152)

153 [Spk giải thích đây là evaṃdhammā as samādhipakkhā dhammā (những

trạng thái thuộc sự định-tâm) và nói rằng chữ evaṃvihārino được thêm vào để bao gồm cả 'sự chứng đắc sự chấm-dứt' (diệt định).] (153)

154 [Nguyên văn câu cuối này: Api ca dhammanvayo vidito. Spk luận giải

rằng: Sự-biết nhờ suy luận (anumānañāña) đã khởi sinh đúng theo những hàm-nghĩa của sự-biết của thầy ấy về Giáo Pháp; phương-pháp luận (na- yaggāha) đã được hiểu. Ý

thầy ấy nói rằng: “Khi con chỉ đứng trên sự-biết của những sự hoàn-thiện (ba-la-mật) của một đệ tử, con biết được từ góc nhìn này, thưa đức Thế Tôn.”] (154)

155 [Spk: Ở đây ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là sự minh-sát (thiền quán), ‘bảy

chi giác-ngộ’ là con-đường (đạo), và sự giải-thoát toàn thiện vô thượng là quả A-la-hán. Hoặc nói cách khác, ‘bảy chi giác-ngộ’ là hợp chứa cả hai [thiền-quán và đạo]. (155)

156 [Câu kết này cũng là câu kết của kinh DN 28.] (156)

157 [Sự kiện được nói trong kinh này đã gây ra nghi-vấn về mặt thời gian và

địa điểm trong cuộc đời của Đức Phật lịch sử. Trong Đại Kinh Bát Niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta), việc thầy Xá-lợi-phất cất tiếng gầm sư tử đã xảy ra trong chuyến đi cuối cùng của Đức Phật từ Rājagaha (Vương Xá) đến Vesālī (Tỳ-xá-ly). Từ Vesālī Đức Phật đi đến Kusīnārā (và mất ở đó) và không bao giờ quay lại Sāvatthī (Xá-vệ) nữa; Kusīnārā thì cách Sāvatthī khoảng 200km về phía tây. Nhưng bài kinh này thì cho thấy Phật đang ở tại Sāvatthī khi Phật nhận được tin báo về cái chết của thầy Xá-lợi-phất. Để bảo lưu trình tự thời gian theo đúng kinh điển đã chép lại, các luận giảng [Spk, và Sv II 550] đã cho rằng Phật đã có thêm một chuyến đi khác đến Sāvatthī sau kỳ an cư Mùa Mưa ở Làng Tre (Beluvagāmaka) [coi kinh DN 16, mục 2.21-22], đây là chuyến đi đã không được ghi chép lại trong Đại Kinh Bát Niết-Bàn! Thầy Xá-lợi-phất đã đi cùng với Phật trong chuyến đi tới Sāvatthī đó, sau đó thầy Xá-lợi-phất đã chia tay Phật và trở về cố hương là Làng Nālaka (Nālak- agāma), ở đó thầy đã ngã bệnh và mất. Về cái chết của thầy Xá-lợi-phất, mời đọc thêm bài viết “Xá-lợi-phất: Vị thống soái của Giáo Pháp” được in trong quyển sách “Những Vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 47–59.] (157)

158 [Spk nhận diện Cunda này là người em ruột của thầy Xá-lợi-phất, và do

các Tỳ kheo đã quen gọi thầy là “sa-di Cunda” từ trước khi thầy ấy thụ giới Tỳ kheo, nên sau này họ vẫn quen gọi như vậy cho dù lúc này thầy Cunda đã là bậc trưởng lão.] (158)

159 [Spk nói rằng: chữ dhammā (các thứ, các pháp) ở đây là chỉ những giáo

pháp tinh gọn và thuộc vấn-đáp (uddesaparipucchā dhammā). (Trong kinh 47:9, chú thích 139 ở trên thì Spk lại chú giải chữ này là chỉ những giáo lý về bốn nền tảng chánh-niệm mà lời kinh chỗ đó đang nói tới.)

- Mời coi lại câu này cũng được nói trong các kinh 22:84, chú thích 149 (Quyển 3) và kinh 47:9, chú thích 139 mới nói trên. (Câu này đã được dịch giống nhau trong các kinh theo nghĩa chung là “các thứ không còn rõ ràng đối với con/ đối với tôi”).] (159)

160 Đây là 05 “uẩn của Giáo Pháp” hay 05 pháp uẩn (dhammakkhandha) chỉ

có những A-la-hán mới có được đầy đủ chúng; coi thêm kinh 6:02 (Quyển 1).

Tuy nhiên, lời kinh ở đây gán cho thầy Ānanda có 02 uẩn/đống/ mớ cuối cùng [mớ sự giải-thoát, mớ trí-biết và tầm-nhìn] có lẽ làm khó hiểu, bởi vì lúc này thầy ấy vẫn còn là một học-nhân, chưa giải-thoát hoàn toàn.

Tuy nhiên, những chỗ dị-thường này đối lúc có xảy ra trong các kinh, chẳng hạn như trong kinh 55:26 bên dưới (Quyển này) thì 02 chi phần (9) chánh-trí và (10) chánh giải-thoát thường chỉ có được bởi A-la-hán lại được mô tả cho gia chủ Cấp Cô Độc.] (160)

161 [Be và Ee đều có ghi chữ otiñño giữa ovādako và viññāpako. Trong Se và

SS thì không có.] (161)

162 [Các luận giảng cho rằng thầy Mục-kiền-liên mất đúng 02 tuần sau khi

thầy Xá-lợi-phất mất. Thầy Xá-lợi-phất mất vào ngày trăng Rằm của tháng Kattika [tháng 10-11], thầy Mục-kiền-liên mất vào ngày mồng Một sau đó. Về sự qua đời của thầy Mục-kiền-liên, mời đọc thêm bài viết "Mục-kiền-liên: Vị Đệ Tử Đệ Nhất Thần-thông" được in trong quyển sách "Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật" của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 100-105.] (162)]

163 [Tôi dịch chỗ này dựa theo cách ghi của Se là: asuññā me sā bhikkhave

parisā hoti. Be chỉ khác là bỏ đi chữ sā, nhưng Ee thì đưa cả cụm chữ pa- rinibbutesu Sāriputta-Moggallānesu vào trong câu này và ghi là suññā me bhikkhave parisā hoti nên dịch là: "Giờ thì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã bát niết-bàn, này các Tỳ kheo, hội chúng này trở nên trống-không". Spk không chú giải gì chỗ này.] (163)

164 ["Bốn hội chúng" là gồm hội chúng các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử

tại gia nam, và các đệ tử tại gia nữ.] (164)

165 [Kinh này giống tương tự kinh SN 47:03 ở trên, chỉ khác Tỳ kheo. Mời

coi lại các chú thích 127, 128 trong kinh đó.] (165)

166 [Sự mô tả này giống trong các kinh 6:01, 6:02 (Quyển 1).] (166)

167 [Tên này có nghĩa là "cái chảo chiên"; chữ này thuộc giống nữ, mặc dù

không biết người học nghề là nam hay nữ; nên tạm thời dịch là cô gái.] (167)

Chú Thích • 631

168 [Từ cách diễn tả của Spk, dường như người thầy đã đặt đầu gốc của cây

(đòn) tre lên chỗ yết hầu cổ họng hay trên trán của ông (galavāṭake vā nalāṭe), và cô học trò bước lên hai vai của ông và leo lên tới đỉnh cây tre. Mặc dù trong kinh người thầy nói như thể cả hai họ cùng leo xuống khỏi cây tre, nhưng đây có lẽ chỉ là cách nói gọn về màn biểu diễn mà thôi. Spk diễn dịch rằng: Người thầy bảo vệ chính mình bằng cách giữ chắc cây tre, cùng chuyển động theo cử động của người học trò ở trên cây tre, và chỉ nhìn không gián đoạn lên đầu cây tre. Người học trò bảo vệ chính mình khi cô ta giữ thân thẳng đứng, giữ cân bằng với gió, thiết lập sự chú-tâm (chánh niệm) và ngồi

xuống bất động (trên đầu cây tre).] (168)

169 [Spk diễn dịch nghĩa chỗ này là: Vị Tỳ kheo dẹp bỏ những hành-vi phù

phiếm vô ích và theo đuổi, tu tập và tu dưỡng chủ-đề thiền căn bản của mình ngày và đêm để chứng quả A-la-hán. Rồi, khi những người khác nhìn thấy thầy đó và đạt được niềm-tin vào thầy đó, họ sẽ trở nên được dẫn đến tái sinh trong cõi trời. Nhưng vậy là có sự "người này phòng hộ những người khác bằng cách phòng hộ chính mình".] (169)

170 [04 chữ ở đây là khantiyā avihiṃsāya mettatāya anudayatā ya. Spk coi 03

chữ sau lần lượt là sự bi-mẫn (bi), sự từ-ái (từ), và sự tùy-hỷ (hỷ), và đã giải nghĩa câu châm-ngôn này của Phật từ một góc nhìn thu hẹp riêng về tăng sĩ như vầy: "Tỳ kheo đó tu tập những tầng thiền định (jhāna) dựa trên sự an-trú cõi trời (phạm trú, brahmavihāra), rồi sau đó dùng tầng thiền định làm cơ-sở cho sự minh-sát và chứng quả A-la-hán. Như vậy là có sự 'người này phòng hộ những người khác bằng cách phòng hộ chính mình'."

- Tuy nhiên, câu châm ngôn của Phật có thể được nhìn theo góc nhìn rộng hơn và sâu sắc hơn; mời đọc lại bài luận giảng của nhà sư trưởng lão Nyanaponika có tên "Sự Phòng Hộ Thông Qua Các Nền Tảng Chánh-niệm".] (170)

171 [Từ chữ Pāli không thể định được đám đông tụ tập (i) bởi vì họ nghe tin

có "Hoa hậu của vùng" hay (ii) họ tụ tập đông đúc và hô lên "Hoa hậu của vùng!". Tôi chọn dịch theo nghĩa đầu. Spk diễn dịch rằng: hoa hậu tức là người không bị khuyết điểm gì trong 06 khuyết điểm thân thể [quá cao, quá lùn, quá ốm, quá mập, quá đen, quá trắng] và được phú cho 05 loại sự-đẹp

[của da, thịt, gân, xương, và tuổi]. Câu diễn đạt paramapāsāvinı nacce, paramapāsāvinı gıte có lẽ chỉ có duy nhất trong kinh này. PED giải thích chữ pāsāvin (mang lại), nhưng MW, s.v. pra-sava (2) > pra-savin, xuất phát từ chữ pra-sūti (1) và có nghĩa là "hấp dẫn, hay". Spk giải thích rằng: "Về múa và hát sự thể hiện của cô ta là tuyệt vời, sự biểu diễn của cô ta là hay nhất; cô ta múa và hát hay một cách tuyệt vời nhất."] (172)

172 [Bài kinh này đã được nói trong phần giới thiệu kinh Ja 96, trong đó kết

luận bằng một bài kệ ám chỉ lại lời bài kinh này, như vầy: (tk) Samatittikaṃ anavasesakaṃ telapattaṃ yathā parihareyya evaṃ sacittam anurakkhe patthayāno disaṃ agatapubbaṃ. Như một người mang một chén dầu Đầy tới miệng chén không làm đổ giọt nào, Người tu nên phòng hộ tâm mình như vậy, Nguyện đến được phương chưa đến được trước giờ (tức Niết-bàn).] (171)

173 [Kinh này theo mẫu kinh như 45:18. "Những giới-hạnh thiện lành" (kusalāni sīlāni) được Spk nhận dạng là = "04 sự thanh lọc giới-hạnh". Coi lại chú thích số 33 ở kinh 45:50 ở trên.] (173)

174 [Cụm chữ cuối: sahassaṃlokaṃ abhijānāmi. Spk chú giải: Chữ này chỉ sự

an trú thường xuyên của Ngài A-nậu-lâu-đà. Vì sau khi sáng thức dậy và rửa mặt, vị trưởng lão ngồi trong chỗ-trú của mình và quán tưởng một ngàn đại- kiếp trong quá khứ và một ngàn đại-kiếp trong tương lai [không có chú giải từ Spk-pṭ]. Đối với hệ một ngàn (thiên hà thế giới, hệ một ngàn thế giới) trong hiện tại, thầy ấy theo đường của nó bằng cách hướng tới nó. Như vậy, với mắt thiên thánh (thiên nhãn) thầy ấy trực-tiếp biết hệ thế giới một ngàn.] (174)

175 [Spk: Tiếp theo dưới là sự mở rộng Diệu Đế 4 (Đạo đế) [trong kinh

Chuyển Pháp Luân] tới mỗi nền tảng của 'Bốn nền tảng chánh-niệm'; coi kinh Chuyển Pháp Luân: 56:11 (Quyển 5 này).] (175)

176 [Sự tu-tập này cũng được mô tả (i) trong kinh MN 123, mục 22, như một

phẩm-chất kỳ diệu của Đức Phật]; kinh AN 4:41, đoạn 3, như một sự tu tập sự định-tâm, và cũng có như vậy trong kinh DN 33, mục 1.11, (5); (ii) trong kinh AN 7:38, như một yếu-tố dẫn tới 04 loại trí-biết mang tính phân tích (paṭisambhidā, vô ngại giải trí)]; và (iii) trong kinh AN 8:09, như một sự tu- tập sự chánh-niệm và sự rõ-biết.

- Paṭis I 178–80 thì coi sự tu-tập này liên quan tới 'sự chánh-niệm hơi-thở'. Spk giải thích rằng những cảm-giác, những ý-nghĩ, và những nhận-thức là những thứ xảy ra liên quan tới các cơ-sở cảm-nhận (sáu nội xứ) và những đối-tượng (sáu ngoại xứ) được thấu hiểu trong khi tu tập sự minh-sát (thiền quán).] (176)

177 [Ngay chỗ này thì chữ paṭṭhāna được dùng ở dạng "số ít" và do vậy có lẽ

nghĩa là "sự thiết lập chánh-niệm" (thay vì chỉ "bốn nền tảng chánh niệm").] (177)

178 [Sự tu-tập được gọi là "sự tu tập 'sự thiết lập chánh-niệm'" (satipaṭṭhānabhāvanā) được cho là bởi vì nó đưa 'sự tu-tập thiền-quán' tới một mức độ thâm sâu hơn 'sự luyện tập căn bản'. Ở giai đoạn 'luyện tập căn bản' thì công-việc được giao cho người thiền là quán sát một nền tảng chánh- niệm nào đó được chọn theo khuôn-mẫu đã quy định (bởi Phật, trong 'kinh Bốn nền tảng chánh-niệm'). Tuy nhiên tới giai đoạn này thì người tu đạt được sự minh-sát nhìn thấu sự sinh và diệt của đối-tượng, bước này chuẩn bị một đường (lối mở) cho những trí-biết minh-sát thâm sâu hơn khởi lên. Sự diễn đạt bằng cụm chữ này samudayadhammānupassı kāyasmiṃ viharati thường được dịch là: "người đó an trú quán sát trong thân những yếu-tố (bản chất) khởi-sinh của nó" [như đã ghi trong bộ kinh MN 10, đoạn (minh sát) mục 31], với giả định rằng hợp ngữ này có chứa một chữ số nhiều là samudayadhammā. Tuy nhiên, một nghĩa số nhiều không phải là bắt buộc, và nó cũng phù hợp hơn với cách dùng đuôi chữ -dhamma trong những kinh khác coi nó có nghĩa là "phải bị, tất hữu" hay "có bản chất của".

- Trong kinh 22:126 (Quyển 3), những chữ samudayadhamma, vayadhamma, và samudayavayadhamma có chức năng như những hợp ngữ bahubbıhi (thuộc tính từ, như tính ngữ) để bổ nghĩa cho năm-uẩn, và tương tự có lẽ rằng trong đoạn này những

chữ đó cũng nên được hiểu theo nghĩa như vậy, như là

những chữ số ít có nghĩa là "phải bị khởi sinh, có bản chất (của sự) khởi-sinh ... biến-mất ... khởi-sinh và biến-mất.] (178)

179 [Nguyên văn câu này là: Mā vo amataṃ panassa. Spk không chú giải gì,

nhưng tôi coi chữ panassa dạng quá khứ bất định của panassati. Học giả Woodward rõ ràng đã hiểu nó là chữ pan' assa và dịch là "Nhưng đừng để sự Bất-tử đó đến với các thầy" [KS 5:161]. Nhưng pana ở đây về mặt cú pháp là không đúng chỗ.] (179)

180 [(Vì nói về thứ sinh và diệt, cho nên) chữ nền tảng chánh-niệm (satīpaṭṭhāna) ở đây rõ ràng là chỉ "bốn đối-tượng chánh-niệm" (thay vì là "sự thiết-lập chánh-niệm").] (180)

181 [Trong câu này, tâm (citta) được coi là đồng nghĩa = thức (viññāṇā); phần

danh-sắc (nāmarūpa, tâm-thân) là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh tâm và cũng là điều-kiện làm khởi sinh thức. Bởi tâm luôn luôn khởi sinh dựa trên sắc-thân vật chất—là phần sắc (rūpa) và kết hợp với sự tiếp-xúc (xúc), nhận- thức (tưởng), những sự tạo-tác cố ý (hành), và sự chú-tâm (tác ý)—là những thành phần tạo nên phần tâm = danh (nāma).] (181)

182 [Nguyên văn câu này: Manasikārasamudayā dhammānaṃ samudayo". Spk chú giải rằng: Những hiện-tượng [những giáo pháp, các pháp] là 'bảy chi giác-ngộ' (thất giác chi) khởi sinh thông qua sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý, chú-tâm đúng pháp); những hiện-tượng là 'năm chướng-ngại' (ngũ cái) khởi sinh thông qua sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý, sự chú-tâm không đúng pháp). So sánh với kinh AN 10:58, đoạn sau, các câu trả lời (1), (2), (3) ghi là: "Manasikāra-sambhavā sabbe dhammā, phassasamudayā sabbe dhammā" (Tất cả mọi hiện-tượng (các pháp) đều đi đến hiện hữu (có, có mặt) thông qua sự chú-tâm (do có tác-ý mà có); tất cả mọi hiện-tượng đều khởi sinh từ sự tiếp-xúc (do có tiếp-xúc mà sinh)."] (182)

183 [Kinh này giống hệt kinh 47:18 ở trên, chỉ khác ở chỗ Phật đang là người

kể lại nguyên câu chuyện của kinh đó.] (183)

184 [Phiên bản Ee ghi sai các số kinh chỗ này là "73 (1)–82 (10)" mặc dù vẫn

có 12 bài kinh. Cũng vậy, trong NHÓM "Tìm Kiếm" (Esana-vagga) tiếp theo, Ee cũng ghi nhầm là "83 (1)–93 (11)" thay vì đúng là "85 (1)–94 (10)." Rõ

ràng Ee đếm các kinh "dục-vọng" và "sự thèm-khát" thành 02 kinh riêng biệt, trong khi ở Chương trước thì Ee lại gom 02 kinh thành một.] (184)

185 [Phần kệ tóm tắt này có khác nhau giữa 02 phiên bản Ee và Be. Tôi chọn

theo Be.] (185)

186 [Phiên bản Be đặt câu ghi chú này trước bài kệ tóm tắt, nhưng tôi làm

theo Ee, đặt câu tổng ghi chú ở sau cùng như vầy, vì nó hợp lý hơn.] (186)

187 [Như tôi đã chỉ ra trong phần Giới Thiệu về Chương 48 này (trang 1508–

1509, bản dịch tiếng Anh của TKBĐ): trong khi các Chương khác của Quyển 5 này đều nói về một nhóm chủ-đề khép kín riêng (ví dụ như chủ-đề "Con- đường đạo" chương 45, "Bốn nền tảng chánh-niệm" chương 46 ...), thì Chương 48 này lại trình bày nhiều nhóm chủ-đề khác nhau nhưng lại gom chung dưới cái tên của liên-kết (tương ưng) là "Các Căn", cho nên nhìn vào thấy Chương này có tính hỗn-hợp và không đồng-nhất về ý nghĩa các chủ-đề. Nhưng cho dù vậy, phần nói về "Các Căn Tâm Linh" vẫn là phần cốt-lõi của Chương 48 này.

- Toàn bộ danh sách 22 căn tâm linh được ghi trong Vibh 122, được luận giải trong Vibh-a 125–28; coi thêm trong Thanh Tịnh Đạo Vism 491–93 (Ppn 16:1–12). Điều thú vị là, danh sách này thuộc phần bộ Phân-Tích của Vi Diệu Pháp Tạng; phần Indriya-vibhaṅga (Phân Tích Các Căn) không chứa phần Phân Tích Các Kinh, điều này cho thấy rằng cái ý tưởng lấy "Các Căn" (In- driya) làm hạng-mục chung là thuộc về Vi Diệu Pháp Tạng chứ không thuộc về Kinh Tạng.] (187)

188 [Trong số "37 phần tu trợ giúp giác ngộ" (37 phần trợ đạo) khác nhau,

riêng các căn thì được trình bày bằng các công thức "ba-sự" như "sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi" [như kinh này], công thức "năm-sự" như "nguồn gốc, và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi", và công thức "bốn-sự" như khuôn-mẫu "Bốn Diệu Đế" ... [như các kinh kế dưới]. Giải thích cho điều này thì có lẽ là do các căn tâm linh là nằm trong cái danh-sách lớn "22 Căn" vốn được coi như "Danh mục của Thực-tại những hiện-tượng", và do vậy chúng phải được giảng giải theo cách diễn đạt của những hạng-mục rộng hơn dùng để phân tích những thành-phần của

thực-tại (đây cũng là một trong 03 mục-tiêu lớn của Vi Diệu Pháp Tạng). Về điểm này, học giả Gethin đã thảo luận một cách đầy đủ trong quyển sách của ông "Đạo Phật Đi Tới Giác Ngộ" (The Buddhist Path to Awakening), trang 123–25.] (188)

189 [Các kinh nói về sự khác nhau giữa bậc thánh Nhập-lưu và A-la-hán cũng

được nói tương tự trong các mẫu kinh song-hành là SN 22:109 và 110 (Quyển 3). Để ý: trong các kinh nói về "bậc Nhập-lưu", Phật đã dùng danh từ "một người đệ tử thánh thiện" (ariyasāvaka), tức người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa tiêu diệt hết mọi ô-nhiễm và gông-cùm trói buộc. Còn trong các kinh này [và chỗ khác] khi nói về "bậc A-la-hán", (và "người đã giải-thoát", "người đã niết-bàn"), thì Phật luôn định nghĩa và gọi bằng danh từ "một Tỳ kheo" (bhikkhu).] (189)

190 [Spk giải nghĩa là: Họ không hiểu những điều đó theo cách của Bốn Diệu

Đế [đế, tập, diệt, đạo]. Căn niềm-tin (tín căn) xuất phát từ sự hướng tâm (phát tâm) theo cách của sự quyết-tâm (adhimokkha); căn nỗ-lực (tinh tân căn) theo cách của sự

áp-dụng (paggaha); căn chánh-niệm (niệm căn) theo cách của sự thiết-lập (upaṭṭhāna); căn chánh-định (định căn) theo cách của sự không xao- lãng (avikkhepa); căn trí-tuệ (tuệ căn) theo cách của sự nhìn-thấy (dassana). Cũng giống như vậy, tất cả các căn đều xuất phát từ sự hướng tâm theo cách của sự tham-muốn (dục; chanda; Spk-pṭ: là tham-muốn thiện để hành động, xảy ra theo phương thức của sự-muốn phát khởi các căn] và xuất phát từ sự hướng tâm theo cách của sự chú-tâm (tác ý; manasikāra; Spk-pṭ: là sự chú- tâm kỹ càng (như lý tác ý) tạo ra sự hướng tâm khi nó xảy ra một cách yếu ớt theo cách của các căn).] (190)

191 [Coi thêm kinh 55:02 ở dưới ... vân vân. Những định nghĩa song hành về

năm năng-lực (pañca bala) cũng có trong kinh AN 5:15.] (191)

192 [Coi thêm kinh 48:10 kế dưới.] (192)

193 [Ở đây có chữ satindriya được giải thích là sati theo nghĩa là sự-nhớ hơn

là sự ý-thức có chánh-niệm. (Mời coi lại chú thích số 63 trong kinh 46:03 trong Chương 46 ở trên.)

- Chữ “sự xét-biết” là tạm dịch nghĩa chữ “nepakkha”. Spk chú giải: Chữ

nepakkha vốn là một chữ thuộc trí-tuệ. Nhưng tại sao trí-tuệ lại được đề cập trong sự giảng giải về sự chánh-niệm ở đây? Đó là để cho thấy sức-mạnh của sự chánh-niệm; vì muốn nói về sự chánh-niệm mạnh mẽ, và nó chỉ được mạnh mẽ khi có kèm với trí-tuệ, và không được mạnh mẽ nếu xa lìa trí-tuệ. Do vậy lời kinh mới được nói như vậy để cho thấy sự chánh-niệm đi kèm với trí-tuệ.] (193)

194 [Vossaggārammaṇaṃ karitvā (sau khi đã lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’

làm đối-tượng). Không rõ (chủ-thể) chỗ này là “người đệ tử thánh thiện” hay “sự thiền định” lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng, nhưng tôi thì hiểu đó là nghĩa sau. Còn Spk thì giải nghĩa câu này nghĩa là = sau khi đã lấy Niết-bàn làm đối tượng. (Nhân tiện: về chữ dịch là “sự buông bỏ giải thoát” (vossagga), mời quý vị nên coi lại chú thích số 7 của kinh 46:02 ở đầu Quyển 5 này, và chú thích số 188 của kinh AN 1:345).

- Trong kinh AN 1:345 có ghi câu: “... những chúng sinh đạt được sự định- tâm, sự nhất-điểm của tâm, dựa trên sự buông bỏ giải thoát, là số ít; những chúng sinh không đạt được sự định-tâm, sự nhất-điểm của tâm, dựa trên sự buông bỏ giải thoát, thì rất nhiều.” Hiếm thấy có kinh nào khác trong các bộ kinh Nikāya có ghi cụm chữ vossaggārammaña samādhi (sự định-tâm, sự nhất-điểm của tâm, dựa trên sự buông bỏ giải thoát) này, tuy nhiên cụm chữ này có ghi trong luận giảng Paṭis, và cụm chữ này và sự chú-giải về nó đã chiếu luồng ánh sáng làm sáng tỏ về cách mà các luận giảng truyền thống đã diễn dịch nó. Paṭis II 96–97 đã dùng thuật ngữ này để giải thích câu “[người tu] tu tập sự vắng-lặng [định] được dẫn trước bởi sự minh-sát [quán]” (vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ bhāveti; kinh AN 4:170, đoạn (2).) như vầy: “Sự minh-sát có nghĩa của sự quán-sát (mọi thứ) là vô-thường, là khổ, là vô-ngã. Sự

định-tâm là sự không xao-lãng, sự nhất-điểm của tâm có ‘sự buông bỏ giải thoát’ là đối-tượng của những hiện-tượng được tạo ra trong đó (tattha jātānaṃ dhammānañ ca vossaggārammañatā cittassa ekaggatā avikkhepo samādhi). Như vậy là, trước tiên có sự minh-sát (quán), sau đó có sự vắng-lặng (định)”

- Về điều này, Paṭis-a III 586–87 đã luận giải rằng: “Những hiện-tượng được tạo ra trong đó: là gồm những hiện-tượng của tâm (tâm pháp) và những yếu- tố của tâm (tâm giới) được tạo ra bởi sự minh-sát đó. Về câu: ‘sau khi có đối-

tượng là ‘sự buông bỏ giải thoát’: nghĩa là ở đây ‘sự buông bỏ giải thoát’ là Niết-bàn, vì Niết-bàn được gọi là ‘sự buông bỏ giải thoát’ bởi vì nó là sự thoát khỏi lìa bỏ cảnh giới hữu-vi (có điều-kiện), là sự từ-bỏ nó. Sự minh-sát có kết nối với ‘sự buông bỏ giải thoát’ có Niết-bàn là đối-tượng, Niết-bàn là chỗ-dựa, bởi chúng được thiết lập trên Niết-bàn là chỗ-dựa của chúng theo cái nghĩa là “ngã về Niết-bàn” theo cách của khuynh-hướng là “đổ về, hướng về, ngã về Niết-bàn” ...

- Sự định-tâm là sự không xao-lãng được phân biệt thành cận-định và định (upacārappanābhedo avikkhepo), gồm có sự nhất-điểm của tâm được phát khởi bởi sự được thiết lập dựa trên Niết-bàn, có sự được thiết lập dựa trên Niết-bàn đó là nguyên-nhân bằng cách lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ là đối- tượng của những hiện-tượng được tạo ra trong đó. Như vậy ở đây mô tả về sự định-tâm tham dự vào sự thâm-nhập (nibbedhabhāgiyo samādhi), được phát khởi kế sau sự minh-sát.”] (194)

195 [Spk chú giải cụm chữ “chú hướng tới hay nhắm tới sự khởi-sinh và biến-

qua (udayatthagāmiyā) là = udayañ ca atthañ ca gacchantiyā, và giải nghĩa nó là: udayabbayapariggahikāya (nhận biết sự lên và xuống). Nghĩa này là đồng dạng với loại trí-tuệ để quan sát sự khởi-sinh (samudaya) và sự biến- qua (atthagama) của năm uẩn, như đã được mô tả trong những lời kinh mẫu trong các kinh SN 12:21 (Quyển 2), SN 22:5 (Quyển 3) ...] (195)

196 [Spk chú giải: Trong kinh này các căn niềm-tin, chánh-niệm, và trí-tuệ là

phần tiền sơ khởi [pubbabhāga, theo nghĩa chúng là những thứ dẫn trước của thánh đạo siêu thế]; căn nỗ-lực là hỗn hợp [tiền sơ khởi và siêu thế]; chỉ căn định-tâm là hoàn toàn siêu thế.] (196)

197 [Nguyên gốc cụm chữ: sammappadhāne ārabbha. Spk giải nghĩa cụm

chữ là: Sammappadhāne paṭicca, sammappadhāne bhāvento ti attho (tùy thuộc vào bốn sự KK tu (tứ chánh cần); nghĩa là: ‘bằng sự tu tập bốn sự KK tư’.] (197)

198 [Chú thích ở kinh 25:01 (Quyển 3) đã chỉ ra sự khác-biệt giữa hai loại

người căn tín (saddhānusārī) và người căn trí (dhammānusārī). Spk giải thích như vầy: (a) Con đường của người căn-trí (tu theo Giáo Pháp) thì sắc

bén, trí-biết của người tu đó xảy ra dũng mãnh hơn. Người đó chặt đứt những ô-nhiễm một cách dễ dàng, giống như chặt thân cây bằng con dao sắc bén. (b) Con đường của người căn-tín thì không sắc bén, sự-biết của người đó cũng không xảy ra một cách dũng mãnh. Người đó chặt đứt những ô-nhiễm một cách vất vả hơn, giống như chặt thân cây bằng con dao cùn.] (198)

199 [Ee đã bỏ cách ghi đúng là phalavemattatā, thay vào đó là cách ghi sai là

balavemattatā. Spk giải nghĩa chữ này là phalanānattena, theo nghĩa là một chữ công cụ.] (199)

200 [Spk: Người "kích hoạt chúng một cách toàn vẹn" (paripūrakārī), là người tu tập toàn vẹn thánh đạo A-la-hán, thì sẽ "thành công một cách toàn vẹn" (paripūraṃ ārādheti), tức chứng được thánh quả A-la-hán. Còn người "kích hoạt chúng từng phần" (padesakārī), là người tu tập 03 thánh đạo thấp hơn, thì sẽ "thành công từng phần" (padesaṃ ārādheti), tức chỉ chứng được những thánh quả thấp hơn A-la-hán. So sánh với kinh AN 3:86, AN 3:87.] (201)

201 [Về 05 hạnh của bậc thánh Bất-lai ở đây [(ii)-(vi)], mời coi chú thích 65

kinh 46:03 ở trên, tương ứng với [(iii)-(vii)] trong kinh đó.]. (201)

202 [Spk: Trong kinh này thì các căn được nói là hoàn toàn thuộc siêu-thế.

Mặc dù lời kinh ở đây giới hạn các căn tới mức tối thiểu là bậc Nhập-lưu, nhưng theo kinh điển Pāli, bắt đầu bằng Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), vẫn coi các căn là những 'khả-năng' thiện lành cũng có được bởi những người phàm phu thế tục. Một số trường phái thời Phật giáo tiền thân thì nghiêm ngặt hơn về chỗ này. Coi thêm sự thảo luận về chỗ này trong quyển "Đạo Phật Đi Đến Giác-Ngộ" (The Buddhist Path to Awakening), trang 126–38, của học giả Gethin.] (202)

203 [Coi thêm kinh 35:154 và chú thích 152 của nó (Quyển 4).] (203)

204 [Tên kinh viết đúng là "Punabbhava Sutta" như trong Be và Se. [Sự đồng

hóa năm-căn ở đây với các yếu-tố (giới), năm uẩn (uẩn), và sáu cơ-sở cảm- nhận (xứ) nên được hiểu theo cách chú giải trong chú thích số 188 của kinh 48:02 ở trên.].] (204)

640 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

205 [Căn nữ (itthindriya) và căn nam (purisindriya) rất hiếm được thấy nói

trong các kinh bộ Nikāya, nhưng chúng có được nói một cách quan trọng trong kinh AN 7:51. Hai căn này nằm trong những loại thể sắc phái sinh (upādā rūpa) theo Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma); chúng được định nghĩa trong Dhs 633–334 và Vibh 122–123, và được luận giải trong As 321– 323 và Vism 447 (Ppn 14:58). Spk nói rằng căn nữ thì thực hiện việc kiểm soát bên nữ giới [tức, quyết định những tướng nét của nữ giới]; căn nam thì làm vậy bên nam giới. Còn Căn sinh mạng (jīvitindriya) là một loại thể sắc phái sinh khác, chịu trách nhiệm duy trì những hiện-tượng đồng sinh thuộc sắc-thân. Chữ này được định nghĩa trong Dhs 635 và Vibh 123, và được giảng luận trong As 323 và

Vism 447 (Ppn 14:59).] (205)

206 [Kinh này cũng có trong tập kinh It [It 53] ở đó có thêm phần thi kệ để

phần nào giúp giải thích ý nghĩa của nó. 03 căn này được định nghĩa chính thức trong Vibh 124, nhưng ngắn gọn hơn trong Spk. Spk chú giải rằng: Cái căn "Ta sẽ biết điều hiện-chưa-biết" (anaññātaññassāmītindriya) là căn khởi sinh vào một thời-điểm trong chặng thánh đạo Nhập-lưu trong khi người tu đang thiền tập với ý-nghĩ (tầm) rằng "Ta sẽ biết Giáo Pháp mà ta chưa biết trước giờ trong vòng luân-hồi vô thủy." Còn căn của trí-biết cuối cùng (aññindriya) là căn khởi sinh trong 06 chặng kể từ chặng thánh quả Nhập-lưu [cho tới chặng thánh đạo A-la-hán; học nhân]; nó diễn ra theo cách của sự biết thâm sâu hơn về những điều đã được biết [ở chặng thánh đạo đầu tiên]. Còn căn của người được phú với trí-biết cuối cùng (aññātāvindriya) là căn khởi sinh đối với người mà mọi sự đã được hoàn-toàn biết ở chặng thánh quả A-la-hán.] (206)

207 [Kinh này, lặp lại năm căn, dường như là không đúng chỗ (hơi lạc chủ-đề

của) NHÓM kinh này.

- Về 05 hạng của bậc Bất-lai, mời coi lại chú thích 65 kinh 46:03 ở trên.

- Spk chú giải: (viii) Chữ ekabījī (người gieo giống một-lần) là chỉ một bậc Nhập-lưu sẽ chứng thánh quả A-la-hán ngay trong 01 kiếp sau (tức ngay trong 01 lần tái sinh, thay vì trong 07 kiếp); (ix) chữ kolaṅkola (người họ tộc này thành họ tộc khác) là người còn dính trong luân-hồi sinh tử trong 2-3 kiếp nữa, sau đó mới chấm dứt sự khổ, (nghĩa đen: còn bị tái sinh một kiếp

Chú Thích • 641

trong gia đình họ tộc này, kiếp khác trong một gia đình họ tộc khác; tức chưa đạt đến Bất-lai hay A-la-hán); và (x) chữ sattakhattuparama (người còn tái sinh tối đa bảy kiếp nữa): là người chỉ còn bị tái sinh trong tối đa 07 kiếp, không có kiếp thứ 8. Cả 03 hạng người này cũng được định nghĩa trong Pp 15–16, và lặp lại trong Pp-a 195–197.] (207)

208 [Spk: Căn mắt chính là mắt, được coi là một căn theo nghĩa nó kiểm soát

hoặc điều khiển những hiện tượng khởi sinh ở cửa-mắt, nên gọi là "căn mắt" (nhãn căn). Định nghĩa và cách giải thích tương tự đối với các căn còn lại là: tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. (Nói cách khác, trong 22 căn thì 06 căn này là 06 căn (để) cảm-nhận ở các cửa tiếp xúc (06 giác-quan).] (208)

209 [Chỉ lưu ý lại: Phật luôn dùng danh từ "một Tỳ kheo" (bhikkhu) để chỉ

người chứng thánh quả A-la-hán, và dùng danh từ "một đệ tử thánh thiện" (thánh thanh văn, ariyasāvaka) để chỉ người chứng các thánh quả và đạo quả thấp hơn. Coi thêm lại các mẫu kinh song hành SN 48:04, 48:05 ở trên, và 48:33 bên dưới.] (209)

210 [Sự phân biệt khác nhau giữa các căn này sẽ được giải thích trong nội

dung kinh của kinh 48:36 bên dưới.

- Spk: sự sướng (lạc) là một căn theo nghĩa nó kiểm soát hay điều khiển những trạng thái sướng: do vậy được gọi là "căn sướng". Giải thích tương tự cho các căn kia ... Ở đây, các căn sướng, căn khổ, và căn buồn (lạc, khổ, ưu) thì chỉ thuộc cảnh dục-giới; căn vui (hỷ) thì thuộc cả 03 cảnh giới nhưng không thuộc cảnh vô-sắc giới; căn xả (xả) thì thuộc cả 04 cảnh giới.

- Việc phân định các căn này theo các cảnh giới là dựa theo cách của Vi Diệu Pháp Tạng, theo đó: sướng và khổ chỉ xảy ra trong thức-thân, là một citta (tâm, thức) thuộc cảnh dục-giới; buồn (ưu) chỉ xảy ra trong những citta có đi kèm bởi sân, nó cũng thuộc cảnh dục-giới; vui (hỷ) xảy ra trong những citta thuộc cảnh dục-giới, là citta thuộc 03 tầng thiền định thấp (nhất, nhị, tam thiền), và trong một số citta siêu-thế; buông-xả (xả) thì xảy ra trong những citta thuộc cảnh dục-giới, là citta thuộc tầng thiền định thứ tư (tứ thiền), tất cả citta thuộc cảnh vô-sắc giới, và trong một số citta siêu thế. Coi thêm CMA 3:2–4.] (210)

211 [Spk: "thuộc thân" (kāyikaṃ sātaṃ) nghĩa là dựa vào sự cảm-nhận của

thân (kāyappasādavatthuka); "dễ chịu" ở đây là đồng nghĩa với "sướng, lạc", nghĩa gốc có nghĩa là "ngọt ngào" (madhura).] (211)

212 [Theo Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma) thì mọi cảm-giác thuộc thân, tức

cảm giác khởi sinh qua sự cảm-nhận của thân (kāyappasāda), chỉ là sướng hoặc khổ; không có loại cảm-giác trung tính dựa trên sự cảm-nhận của thân. Vì vậy, Spk đã giải thích sự buông-xả thuộc thân là cảm-giác khởi sinh dựa trên 04 cơ-sở cảm-nhận thuộc thân còn lại: như mắt, tai, mũi, lưỡi. Chữ up- ekkhā: sự buông-xả, có 02 biểu nghĩa chính. (i) Về mặt cảm-giác, nó chỉ cảm- giác trung tính, tức không khổ không sướng (adukkhamasukhā vedanā), không dễ chịu cũng không khó chịu. Còn về mặt tính chất của tâm (tâm tính), nó chỉ sự trung dung, không thiên vị, hay sự cân bằng của tâm [được gọi là tatramajjhattatā trong Vi Diệu Pháp Tạng, quy nó thuộc nhóm hành-uẩn (saṅkhārakkhandha)].

- Theo nghĩa thứ hai (ii) này, sự buông-xả được hiểu (1) là ứng với cảnh trời thứ tư trong '04 phạm trú hay 04 tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả' [là = sự không thiên-vị không thiên-kiến đối với tất cả chúng sinh], (2) là chi thứ bảy trong '07 chi giác-ngộ' [là = sự cân bằng của tâm, sự bình tâm], và (3) là một phẩm-chất (yếu tố) trong trạng thái tầng thiền định được ghi trong công-thức định nghĩa của tầng thiền định thứ ba và thứ tư [là = yếu tố xả].

- (Nói gọn cách khác, xả là có 03 dạng: (1) là tâm xả thuộc [từ, bi, hỷ, xả] là ứng với 04 sự an trú cõi trời (04 phạm trú); (2) là chi xả thuộc [07 chi giác- ngộ]; và (2) là yếu-tố xả thuộc [tam thiền, tứ thiền].

- Sự giảng giải chi tiết hơn về những nghĩa của xả (upekkhā), mời coi Vism 160–62 (Ppn 4:156–70).] (212)

213 [So sánh chỗ này với lời kinh tương tự trong các kinh 12:62 (Quyển 2) và

36:10 (Quyển 4). Cả 02 kinh đó cũng có luôn ví dụ que mồi lửa.] (213)

- (Nhân tiện: để ý trong 05 đoạn (1)-(5) bên dưới, 'cảm-giác' là đồng nghĩa với 'căn' giống như định nghĩa trong chú thích của kinh dẫn đầu NHÓM này, kinh 38:31.)

214 [Tên Pali là Uppaṭipātika (Thứ Tự Bất Thường). Spk chú giải: Mặc dù

được giảng giải thuận theo "vị" của Giáo Pháp [làm theo Be ghi là: yathād-hammarasena; Se thì ghi: yathādhammārammaṇavasena], nhưng tên bài kinh lại đặt là "Thứ Tự Bất Thường" bởi do nó không được giảng giải giống như các kinh khác về thứ tự phân tích các căn này của chúng. Spk-pṭ giải thích cụ thể hơn: Sở dĩ tên kinh này được đặt như vậy là bởi vì nó được giảng giải theo thứ tự của những yếu-tố được loại bỏ theo trong tiến trình thiền-định {bắt đầu từ sự loại bỏ yếu tố khổ (khổ) trong Nhất thiền, rồi tới sự loại bỏ yếu tố buồn (ưu) trong Nhị thiền, rồi loại bỏ yếu tố vui (hỷ) trong Tam thiền, loại bỏ yếu tố sướng (lạc) trong Tứ thiền} chứ không theo thứ tự thông thường được ghi trong câu đầu của các kinh là từ căn sướng, khổ, vui, buồn, và xả."] (214)

215 [04 chữ này: sanimittaṃ sanidānaṃ sasaṅkhāraṃ sappaccayaṃ. Ở đây,

04 chữ như đồng nghĩa với nhau.] (215)

216 [Từ chỗ này trở đi bài kinh đã được trích dẫn rất nhiều trong Vism 165–

66. Những chú-giải của Spk là tương ứng theo Vism 166 (Ppn 4:186–89). Trong những chú thích tiếp theo tôi chỉ chọn giải thích những điểm chính mà thôi.] (216)

217 [Spk: căn khổ (khổ) thực sự chấm dứt và được loại bỏ ở thời-khắc cận

định của tầng thiền định thứ nhất; căn buồn (ưu) ... ở thời-khắc cận định của tầng thiền định thứ hai ... Tuy nhiên sự chấm-dứt thực sự của chúng là xảy ra bên trong (trạng thái) tầng thiền định, bởi vì sự chấm-dứt triệt để (atisa- yanirodha, sự chấm-dứt được gia cố, được củng cố) là xảy ra trong đó. Sự chấm-dứt bình thường giản xảy ra lúc cận định, sự chấm dứt triệt để (được gia cố, củng cố) xảy ra bên trong các tầng thiền định. Như vậy, chẳng hạn như, mặc dù căn khổ đã chấm dứt vào lúc tiếp cận vào Nhất thiền, những nó có thể khởi sinh lại do bị tiếp xúc với ruồi muỗi hay chỗ ngồi thiền khó chịu; nhưng nó không thể khởi sinh lại khi đã chứng nhập trong tầng thiền định. [Ở bên trong trạng thái tầng thiền định], khi toàn bộ thân đang ngập tràn trong sự hoan-hỷ (hỷ) và chìm ngập trong sự sướng (lạc) thì căn khổ chấm dứt triệt để, bởi nó đã bị đánh tan bởi sự đối nghịch của nó (là hỷ và lạc).] (217)

218 [Tôi đọc theo Se và Ee là "tathatthāya cittaṃ upasaṃharati"; còn Be ghi

là "tadatthāya". Spk: với người chưa chứng đắc thì hướng tâm mình với mục đích phát khởi nó (tầng thiền định); với người đã chứng đắc thì hướng tâm mình với mục đích

chứng nhập trong đó.] (218)

219 [Chỗ này dường như khó mà đồng nhất với công thức định nghĩa kinh

điển về các tầng thiền định, trong đó đã ghi rõ: trong tầng thiền định thứ nhất là đã không-còn mọi trạng thái bất thiện, ngay cả trạng thái buồn bực phiền ưu (domanassa). Spk giải thích: căn buồn được loại bỏ vào thời-khắc cận định tầng thiền định thứ hai, nhưng nó khởi sinh lại khi có sự mệt mỏi về thân hay sự căng thẳng của tâm đối với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ). Nhưng khi đã ở bên trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái không còn ý- nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), thì căn buồn tuyệt đối không khởi sinh nữa.] (219)

220 [Căn sướng (sukhindriya) ở đây là cảm-giác sướng của thân; người thiền

được cho là "trải nghiệm (nó) cùng với thân" trong tầng thiền định thứ ba, nhưng đó không phải là yếu-tố "hạnh-phúc" (lạc) của cái tâm trong thiền định [cũng được gọi là sukha]. Chữ sukha sau, tức yếu-tố "hạnh phúc" (lạc), là sự hạnh-phúc của tâm, đồng dạng với chữ somanassa (chứ không phải sự sướng của thân). Spk: căn sướng đã được loại bỏ vào lúc cận định của tầng thiền định thứ ba, nhưng nó có thể khởi sinh khi thân bị tiếp xúc với những hiện-tượng siêu phàm thuộc thân được sinh ra từ niềm hoan-hỷ; nhưng nó tuyệt đối không còn khởi sinh khi ở trong tầng thiền định thứ ba, bởi vì trong đó yếu-tố "hoan-hỷ" (hỷ), là một điều-kiện (duyên) tạo ra sự sướng của thân, đã hoàn toàn biến mất.] (220)

221 [Chỗ này thì lời kinh là hoàn toàn tương thích với công thức định nghĩa

kinh điển về các tầng thiền định. Spk: mặc dù yếu tố hoan-hỷ (hỷ) đã bị loại bỏ vào lúc cận định của tầng thiền định thứ tư, nhưng do nó vẫn còn 'mới xong', còn 'hơi hướng', nên nó vẫn có thể khởi sinh trở lại, bởi do lúc đó còn thiếu yếu tố buông-xả [xả bỏ trạng thái hoan-hỷ đó] nên sự loại bỏ đó vẫn chưa tuyệt đối. Nhưng ở trong tầng thiền định thứ tư thì nó tuyệt đối không còn khởi sinh lại.] (221)

222 [Spk dường như lưỡng lự, không muốn công nhận rằng thân của Đức Phật

có thể cho thấy những dấu-hiệu thực của sự già và Spk chỉ liên tục lặp lại

rằng: tất cả những biến-đổi đó là không dễ thấy được đối với những người khác mà chỉ dễ nhận thấy đối với thầy Ānanda, là người thường xuyên ở bên cạnh vị Sư Thầy. Spk nói thêm rằng: bản thân các căn là không nhìn thấy được (vô hình), không thể được nhìn thấy (chúng) đã trải qua sự tàn hoại, nhưng thầy Ānanda chỉ suy luận ra điều đó dựa trên cơ sở của những đổi-thay có thể nhìn thấy được (như sắc diện, bề ngoài, cử chỉ, động tác, sự chậm và yếu ... của Phật) sau khi thầy ấy đã để ý quan sát đức Thế Tôn.] (222)

223 [Búp bê kiểng xinh đẹp (manoramaṃ bimbaṃ) là chỉ cái thân thể.] (223)

224 [Cặp câu cuối này cũng trong thi kệ 442 trong Quyển 1.] (224)

225 [Phần đối thoại này cũng có ghi trong kinh MN 43, mục 21. Mặc dù 05

căn thường được nhận dạng là 05 cơ-quan cảm nhận của thân (05 giác- quan), nhưng 05 căn được nói ở đây có lẽ là tương ứng với 05 loại thức cảm- nhận, bởi vì các căn cảm nhận của thân thì không thể được nói là chúng trải nghiệm (paccanubhoti) một khu-vực khách quan (visaya) hay một trú xứ (gocara). Chức năng của chúng chỉ là phương-tiện thông qua nó thức nhận biết những đối-tượng.] (225)

226 [Nguyên văn câu này: Manopaṭisaraṇaṃ mano ca nesaṃ gocaravisayaṃ

paccanubhoti. Spk chú giải: căn tâm (mano) ở đây là cửa-tâm javana, nó trải nghiệm đối tượng theo cách của tham, sân, si. Theo ý kiến riêng của tôi [TKBĐ], ở đây không cần thiết phải đưa vào góc nhìn về mặt đức hạnh (tham, sân, si) làm gì cả. Tôi diễn dịch câu này một cách đơn giản là: thức- tâm tiếp cận dữ liệu được cung cấp bởi năm loại thức cảm-nhận kia, rồi nó đối chiếu, phân loại, và diễn dịch dựa theo kho dữ liệu của mình [kho dữ liệu gồm có đống khái niệm quan niệm đã chấp giữ từ lâu trước giờ].] (226)

227 [Spk diễn dịch: sự chánh-niệm là đạo, sự giải-thoát là quả.] (227)

228 [Coi lại đoạn này ở kinh SN 23:01 (Quyển 3) và chú thích 243 của nó.

Chữ ajjhaparaṃ ghi trong Ee nên được sửa lại. Be ghi là accayāsi, Se ghi là accasarā; 02 chữ này đều chấp nhận được.] (228)

229 [Câu cuối là một cách tuyên bố thông thường về một người đã chứng

thánh quả Bất-lai. Tuy nhiên, lạ thay, Spk lại chú giải rằng: câu này nói như

vậy để chỉ rằng ông ta đứng ở vị trí một bậc "Bất-lai thiền định (jhana)", có nghĩa rằng, ông ta là bậc thánh Nhập-lưu đã loại bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử) nhờ chứng đắc tầng thiền định thứ nhất. Nếu ông ta chết mà không bị rớt ra khỏi trạng thái tầng thiền định (jhāna) thì ông ta sẽ được tái sinh trong một cõi trời trong-sạch (trong 05 cõi Tịnh cư thiên của những bậc Bất-lai) và từ ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn. Còn nếu (lúc chết) ông ta mất (khi không ở trong) trạng thái tầng thiền định, thì nơi-đến của ông ta là không xác định được. Tuy nhiên, do ông đã không mất trạng thái thiền định đó, nên nơi- đến của ông ta đã được định xong; vì vậy nên Phật mới nói câu như vậy để chỉ ông ta đã là một bậc "Bất-lai tầng thiền định".] (229)

230 [Lời kinh như vậy dường như chẳng có gì khác nhau thực sự giữa các căn

và các năng-lực, rằng chúng chỉ là 05 căn chẳng qua được nhìn từ những góc độ khác nhau mà thôi. Mặc dù ai cũng thích nhìn thấy các năng-lực (bala) là giai đoạn được tu tập cao hơn các căn, nhưng thực ra trong Kinh Tạng và các luận giảng không hề nói như vậy. Spk nói rằng: một yếu tố để phân biệt là: (i) căn niềm-tin (tín căn) "là theo nghĩa nó thực thi sự kiểm soát về đặc tính quyết-tâm" (adhimokkhalakkhaṅe indaṭṭhena saddhindriyaṃ), và (ii) năng- lực niềm-tin (tín lực) "là theo nghĩa nó bị lây chuyển (yếu) bởi do thiếu niềm- tin" (assaddhiye akampanena saddhābalaṃ). Một cách

tương tự, 04 căn còn lại (căn nỗ-lực, chánh-niệm, chánh-định, trí-tuệ) là thực thi sự kiểm soát lần lượt đối với sự áp-dụng, sự thiết-lập, sự không xao-lãng, và sự nhìn-thấy (paggaha, upaṭṭhāna, avikkhepa, dassana); chúng là những năng-lực trong đó chúng không bị lây chuyển bởi sự lười-biếng (thất tinh tấn), sự không-nhớ (thất niệm), sự xao-lãng (thất định), và sự vô-minh (thất tuệ).] (230)

231 [Nguyên văn câu này: Na khvāhaṃ ettha bhante bhagavato saddhāya gacchāmi. Về câu thành ngữ này, mời đọc lại chú thích 321 trong kinh 41:08 (Quyển 4), trong đó gia chủ Citta cũng "đặt đề" bằng cụm chữ "không có niềm-tin vào Phật" để sau đó "giải đề" rằng "vì do tự mình thấy biết điều đó nên không cần tin dựa theo lời của Phật".] (231)

232 [Spk chú giải: Trong kinh này và 05 kinh kế tiếp chỉ thảo luận về các căn

là thánh quả (phalindriyān' eva). Spk-pṭ: Bởi vì giáo lý đã được nói ra theo cách diễn đạt bằng thánh quả tối thượng.] (232)

233 [Chỗ này Be và Ee ghi là jātijarāmarañaṃ khayan ti kho; Se ghi là jāti-

jarāmarañaṃ khayantaṃ kho. Câu này sẽ đọc rõ nghĩa hơn nếu chúng ta ghi đúng là jātijarāmarañassa khayantāni kho.] (233)

234 [Lưu ý: Spk gọi niềm-tin này là loại "niềm-tin sau khi quán xét lại" (pac-

cavekkhaṇasaddhā). Nhưng bởi vì lời kinh nói rằng: người đệ tử đã "chọc thủng bằng trí-tuệ" những điều "chỉ nghe trước đó", cho nên vai trò chính xác của niềm-tin (tín) ở đây là không rõ ràng (vì rõ ràng người tu giác ngộ bằng trí-tuệ (tuệ) chứ không phải bằng niềm-tin (tín).] (234)

235 [Cụm chữ này trong Be và Se ghi là bodhipakkhiyā dhammā, mặc dù Ee

thì ghi has bodha- và SS ghi là bodhapakkhikā. Trong các luận giảng thì cụm chữ bodhipakkhiyā dhammā này là một danh ngữ bao trùm (ô dù) để chỉ 07 bộ những chi phần tu-tập (tạo thành 37 phần trợ giúp giác-ngộ) được dạy đi dạy lại bởi Đức Phật, nhưng trong những kinh này thì danh ngữ này được dùng với nghĩa linh hoạt hơn, theo nghĩa nói chung chung, ít bị bó theo nghĩa học thuật phải là một thuật ngữ trong Phật giáo. Coi thêm phần thảo luận về vấn đề này trong quyển Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ (Buddhist Path to Awak- ening) của Gethin, trang 289–98.] (235)

236 [Sự-biết hay trí-biết thánh thiện (ariyañāṇa, thánh tri) theo lời kinh rõ

ràng là thay mặt cho căn trí-tuệ (để phân biệt với 04 căn kia). Spk nói rằng 04 căn kia là dạng lưỡng căn [tức vừa thế tục vừa siêu thế], trong khi trí-biết thánh thiện là siêu thế. [Spk-pṭ bổ sung: nó chỉ trí-biết của thánh đạo]; nhưng chúng ta cũng có thể coi nó là lưỡng căn luôn, nếu hiểu rằng nó cũng dựa trên 04 căn kia mà có.] (236)

237 [Nguyên văn: Ito bahiddhā (ngoài kia, bên ngoài chỗ này). Nghĩa là ngoài

Tăng Đoàn của Phật. Chữ này cũng được ghi trong các kinh Dhp 254–255.] (237)

238 [Nguyên văn cả câu này: Yaṃgatikāni yamparamāni yamphalāni yam-

pariyosānāni nah' eva kho kāyena phusitvā viharati paññāya ca ativijjha passati. Một cấu trúc câu giống vầy [đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó] cũng có trong kinh SN 46:54 (Quyển 5).

- Học giả Woodward đã dịch cả câu trên như thể từ phủ định là na áp dụng cho cả 02 cụm chữ như vầy: "Người đó an trú không phải trong sự trải nghiệm của chính mình, cũng không chọc thủng thấu và thấu suốt bằng sự minh-sát và nhìn thấy chúng rõ thực" [KS 5:205]. Nhưng cách dịch này đã làm mất đi sự khác-biệt giữa bậc học nhân và vô học nhân: bậc học nhân nhìn-thấy Niết-bàn, mục-tiêu cuối cùng mà 05 căn đạt đỉnh chung-cuộc tới đó [coi thêm ý này trong kinh SN 48:57 (Quyển 5)], nhưng không thể chứng nhập trong sự trải-nhiệm tròn đầy viên mãn về nó; còn bậc A-la-hán thì vừa nhìn-thấy mục-tiêu vừa có thể trải nghiệm nó ngay trong ngay tại đây và bây giờ. Chữ kết nối là ca nên được hiểu theo nghĩa phi kết nối, như Spk đã xác nhận cách diễn dịch của họ: "Người đó (thực sự) an trú sau khi đã tiếp xúc (trạng thái) đó, sau khi đã chứng đắc, bằng thân-danh [nāmakāya: thân của những yếu-tố của tâm (của thân tâm-sở)]; nhưng [pana là chữ giải nghĩa cho chữ ca] người đó hiểu được, bằng trí-tuệ quán xét lại: 'Vượt trên chỗ có một căn—là quả A-la-hán.' Trên cảnh giới của A-la-hán người đó an trú sau khi đã chứng đắc điều này, và người đó hiểu được bằng trí-tuệ quán xét lại: 'Có một căn—đó là quả A-la-hán.'"] (238)

239 [Nguyên gốc: Yāni kānici padāni bodhāya saṃvattanti. Spk: 'bước' ở đây

là những bước tu theo Giáo Pháp (dhamma-padāni) hay những phần Giáo Pháp (dhamma-koṭṭhāsā) dẫn tới sự giác-ngộ.] (239)

240 [Nguyên văn câu này: Cittaṃ rakkhati āsavesu ca sāsavesu ca dhammesu.

Spk chú giải: Người đó làm điều này bằng cách ngăn ngừa sự khởi-sinh những ô-nhiễm đối với những hiện-tượng của 03 cõi (cảnh giới).] (240)

241 [Nguyên văn câu này: Tathāgate vā Tathāgatasāsane vā paramanipac-

cākāraṃ pavattamāno pavatteti. Spk không chú giải gì, nhưng cụm chữ paramanipaccākāra (sự tôn vinh cao nhất) có ghi trong kinh 7:15 (Quyển 1), coi thêm chú thích 472 ở đó. Chúng ta thấy một chỗ khác cũng có cụm chữ này là kinh MN 89, mục 9 và 19, khi nói về Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã thể hiện sự kính mộ hết mực đối với Đức Phật.

- Điều làm khó hiểu là lời kinh nói rằng một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm [tức A-la-hán] thì nên xem xét những lợi-ích (atthavasaṃ sampassamāno)

khi người đó tôn vinh Như Lai, và lời kinh còn làm thêm khó hiểu khi ngay bên dưới nói thêm rằng Tỳ kheo đó tu-tập (bhāveti) năm căn, cứ như thể người đó vẫn còn công việc phải làm phải tu để chứng được mục-tiêu cuối cùng (trong khi theo định nghĩa của

Phật thì một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô- nhiễm là một A-la-hán thì đã làm xong những gì cần làm, không còn việc gì để làm nữa).] (241)

242 [Coi thêm kinh SN 16:13 (Quyển 2): năm điều này được nói là giúp cho

sự không suy-tàn và sự không biến-mất của chân Pháp (Giáo Pháp đích thực, chánh Pháp).] (242)

243 [Tên cây tiếng Pāli là pārichattaka. Tôi dịch theo PED (nên tạm dịch như

vậy), mặc dù học giả Liyanaratne giải thích cây kiṃsuka mới là cây san hô [Quần thể san hô ở Nam Á như được mô tả trong tự điển Abhidhānappa- dīpikā, §43]. Theo PED, cây pārichattaka là cây có tên La-tinh là Erythmia indica, nhưng không thể biết những cây ở cõi trời được nói trong kinh này, và 02 kinh tiếp theo, có đúng loài giống cây như vậy không. Coi thêm PED để tham khảo thêm.] (243)

244 [Cây hoa loa kèn là = cittapāṭali; còn cây bông lụa của những chim thần

supaṇṇa trong kinh tiếp theo là = kūṭasimbali.] (244)

245 [Những chữ của công-thức định nghĩa này được giải thích trong Vibh

208–10, được giảng luận trong Vibh-a 289–96; coi thêm Vism 679 (Ppn 22:35). Nói ngắn gọn: (a) những trạng thái bất thiện là tham, sân, si và những ô-nhiễm (lậu hoặc) đi kèm với chúng; (b) "mong-muốn" (chanda) là ước muốn, tâm nguyện thiện lành, là mong muốn đúng đắn và chánh thiện; (c) các chữ "sự cố-gắng", "sự nỗ-lực", và "KK tu" đều đồng nghĩa như sự nỗ-lực (tinh tấn; viriya); (d) "tâm" ở đây là chữ citta: là chỉ cái tâm bị ô nhiễm của chúng ta. (e) Những trạng thái thiện lành là vô tham, vô sân, vô si và những trạng thái đi kèm với chúng. Phân tích của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), Vibh 211–14, thì coi sự KK tu đúng đắn (chánh cần) chính là chi phần sự nỗ- lực (tinh-tấn giác-chi) (trong '07 chi giác-ngộ') của thánh đạo siêu thế, ở đó nó sẽ cùng một lúc hoàn thành 04 chức năng (i)-(iv) của sự KK tu đúng đắn.] (245)

246 [Công thức định nghĩa này sẽ được phân tích trong kinh 51:13 bên dưới.

Các thuật ngữ được giải thích lặp lại trong Vibh 216–20, nhưng theo phương pháp của Kinh Tạng. Như thường lệ, phần phân tích trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma), chỗ Vibh 220–24, cũng coi các cơ-sở thần thông (id- dhipāda) là những chi phần của những chặng thánh đạo siêu thế. Những luận giải bổ sung thêm cũng có trong Vism 385 (Ppn 12:50–53) và trong Vibh-a 303–8.

- Spk phân nghĩa chữ cơ-sở thần thông (iddhīpāda) thành 02 nghĩa: (i) là cơ- sở để tu tạo thần-thông (iddhiyā pādaṃ), và (ii) cơ-sở đó chính là thần-thông (iddhibhūtaṃ pādaṃ). Chữ iddhi, có từ động từ ijjhati—có nghĩa là: phát đạt, thành đạt, nở rộ—nghĩa gốc là sự thành đạt thành công, nhưng vào thời Đức Phật nó thu nạp thêm nghĩa đặc biệt là "sự thành-đạt về tâm linh", và thậm chí còn có nghĩa chuyên biệt luôn là "năng-lực tâm linh" (thần-thông). Rồi nghĩa này lại có 02 loại là: (a) sự thành công trong việc thực hành những năng-lực thần-thông siêu phàm (iddhividha) [như trong các kinh SN 51:11,

51:14, 51:17), và (b) sự thành công trong sự cố-gắng đạt tới cho được sự giải-thoát. Cả 02 nghĩa đều hội tụ trong thánh quả A-la-hán, đó vừa là (1) trí- biết (abhiññā, trí) thứ sáu trong 06 loại trí-biết cuối cùng [trong sự liên tục với những năng-lực siêu thường đó] và (2) thánh-quả cuối cùng của Bát Thánh Đạo. Một luận văn đầy đủ về những loại thần-thông (iddhi) khác nhau có ghi trong kinh điển cũng được trình bày trong Paṭis 205–14.

- Phân tích trong kinh SN 51:13 bên dưới đã làm rõ rằng: một cơ-sở thần thông (iddhīpāda) gồm có 03 thành phần chính: sự định-tâm (samādhi), những sự tạo-tác cố ý (04 loại hành; padhānasaṅkhārā), và yếu-tố đặc biệt chịu trách nhiệm tạo ra sự định-tâm—đó là sự mong-muốn (chanda), sự nỗ- lực (viriya), tâm (citta), và sự điều-tra (vīmaṃsā). Sự định-tâm và sự KK tu (tinh cần) đều có trong tất cả bốn cơ-sở thần thông, chúng là 02 yếu-tố được chỉ tên trong cả 04 sự tu-tập cơ-sở thần thông (i)-(iv) mới được nói trong kinh.] (246)

247 [Tương tự như chú thích 175 kinh 47:31 ở trên: (ở đây thì) tiếp theo bên

dưới là sự mở rộng Diệu Đế 4 (Đạo đế) [trong kinh Chuyển Pháp Luân] tới mỗi cơ-sở thần thông của 'Bốn cơ-sở thần thông'; coi kinh Chuyển Pháp Luân: 56:11 (Quyển 5 này)].] (247)

248 (Đây là kinh song hành giống hệt phần (I) của kinh AN 8:70.)

- [Sự kiện của kinh này cũng được ghi trong kinh DN 16 (Đại Kinh Bát Niết- Bàn). Phần chú giải của Spk ở đây cũng tương tự như phần chú giải của Sv II 554–58. Đoạn kinh chỗ này cũng có trong Ud 62–64 và cũng được luận giải Ud-a 322–30.] (248)

249 [Nguyên gốc câu này: "kappaṃ vā tiṭṭheyya kappāvasesaṃ vā". Spk giải

thích "một đại-kiếp" (kappa) ở đây là một kiếp-người (āyukappa), tức một kiếp sống đại thọ, tức khoảng 100 năm. Còn chữ "hết phần còn lại của đại kiếp này" (kappāvasesaṃ) được giải thích là 'dài hơn một chút' so với kiếp người 100 năm (tức cỡ tới 120 năm như chú thích trong kinh SN 21:03 (Quyển 2) đã nói). Spk có đề cập quan điểm của ngài Mahāsīva Thera, người cho rằng Phật có thể sống hết phần còn lại của đại kiếp vũ trụ (bhaddakappa) này. Mil 141 cũng diễn dịch kappa ở đây là bằng kiếp người (āyukappa), có lẽ cũng từ cùng nguồn các giảng luận khác.

Tuy nhiên, đáng lưu ý rằng: không có chỗ nào khác trong các bộ kinh Nikāya dùng chữ kappa với nghĩa là một 'kiếp người' như vậy, và dường như cũng không có lý do thỏa đáng nào để gán nghĩa khác cho nó ngoài cái nghĩa thông thường của nó là kiếp vũ trụ (đại kiếp). Cho dù đoạn kinh này là nguyên gốc hay được thêm thắt, và cho dù sự thiền-định thành công có mang đến những năng-lực siêu thường đến như vậy hay không, thì cũng đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa của chữ kappa trong đoạn kinh này.] (249)

250 [Nguyên gốc câu cuối: Yathā taṃ Mārena pariyuṭṭhitacitto. Spk: Ma Vương có thể ám muội tâm của bất cứ ai chưa dẹp bỏ hết "12 sự điên-đảo (sai-lệch, lệch lạc, đảo lộn) về nhận-biết" (vipallāsa), và thầy Ānanda lúc đó chưa dẹp bỏ được chúng [bởi lúc đó thầy mới là bậc Nhập-lưu, vẫn còn bị những sự đảo lộn lệch lạc của tâm và nhận-thức, mặc dù về mặt cách-nhìn thì thầy ấy đã không còn tà-kiến]. Cũng Spk diễn dịch rằng: Lúc đó Ma Vương ám muội tâm thầy ấy bằng cách dựng ra một cảnh tượng đáng sợ, và trong khi đang lo nhìn cảnh đó, vị trưởng lão này đã không bắt lấy kịp lời gợi-ý của Đức Phật.] (250)

652 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

251 [Điều thú vị và lạ lùng là: chúng ta chẳng tìm thấy chỗ nào trong 05 Bộ

Kinh có những lời tuyên bố hay đối thoại như các đoạn [...] này dưới đây giữa Phật và Ma Vương! (Các đoạn đối thoại này chỉ được ghi duy nhất trong kinh này và các kinh song hành là kinh AN 8:70 và kinh DN 16, mục 3.7–8 mà thôi).

- Và trong những chữ Ma Vương đã dùng để mô tả các thánh đệ tử thì cụm chữ "pattayogakkhemā" (an toàn khỏi sự trói-buộc) không thấy có ghi trong phiên bản Be, cũng không thấy được đề cập trong Spk [mặc dù tất cả các chữ kia đều có và đều được giải nghĩa], nhưng trong Se và Ee thì có ghi. Các bài kinh có những đoạn kinh song hành như DN 16, mục 3.7-8 và 3.34-35, thì không có cụm chữ này, nhưng trong kinh DN 29, mục 11 và 15 thì lại có ghi.] (251)

252 [Nguyên văn câu cuối này: Sappāṭihāriyaṃ dhammaṃ desenti (chỉ dạy

Giáo Pháp hiệu nghiệm). Spk đã không chú giải gì về nguồn gốc xuất phát của cụm chữ "sappāṭihāriya" nhưng có diễn dịch nghĩa là: "Họ sẽ chỉ dạy Giáo Pháp, sau khi đã làm cho nó (mang tính) giải thoát (giải trừ)". Spk- pṭ bổ sung thêm: "Họ sẽ giảng giải Giáo Pháp với những lý-do (lý lẽ) và những ví-dụ để cho nó chuyển tải ý nghĩa muốn nói; họ sẽ chuyển tải Giáo Pháp là 09-phần siêu thế" (tức 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn). (Chữ sappāṭihāriya trong kinh SN 51:10 này đã được TKBĐ dịch là: hiệu nghiệm, có hiệu quả như mong đợi).

(Lưu ý: trong kinh song hành là kinh AN 8:70, TKBD đã dịch chữ "sappāṭihāriyaṃ" với nghĩa là: "mang tính giải độc" theo ý nghĩa là nó giải- độc hay đối-trị tham, sân, si ... Mời coi lại ngay câu này trong kinh AN 8:70, chú thích số 1789, và câu (3) trong kinh AN 3:125, chú thích 586. Người dịch Việt bảo lưu 02 cách dịch chữ này trong kinh AN.)] (252)

253 [Nội dung cả câu cuối này cũng có ghi y hệt như câu ở cuối kinh SN

12:65 (Quyển 2), và dĩ nhiên cũng có ghi trong kinh song hành là kinh AN 8:70.] (253)

254 [Chữ gốc là āyusaṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống (hành sinh mạng),

sự duy trì nguồn sống. Spk đã chú giải chỗ này là: Đức Thế Tôn không từ bỏ

Chú Thích • 653

sự tạo-tác sự sống (hành sinh mạng) như kiểu bỏ cục đất khỏi tay, mà Phật đã làm một sự quyết-định: "Ta sẽ chứng nhập thánh quả trong vòng ba tháng, không trễ hơn đó." Spk không chú giải về chữ āyusaṅkhāra, nhưng có lẽ nó đồng nghĩa với chữ jīvitindriya (căn sinh mạng), và đồng nghĩa với chữ jīvi- tasaṅkhāra (hành sinh mạng) [như có ghi trong kinh SN 47:09 (Quyển 5 này)] về vai trò chức năng của nó là duy-trì sự liên-tục của sự sống. Chữ āyusaṅkhārā [số nhiều] có ghi trong kinh SN 20:06 (Quyển 2), và cũng có đoạn thảo luận về chữ này trong kinh MN 43, mục 23-25.] (254)

255 [Bài thi kệ này vốn rất khó dịch, nhất là 02 câu đầu. Các luận giảng Spk,

Sv II 557–58, Mp IV 153–54, và Ud-a 329–30 cũng đều than như vậy. Các luận giảng đều đưa ra 02 kiểu diễn dịch thay phiên nhau: (i) coi chữ tulaṃ và atulaṃ là 02 chữ đối nghịch, và (ii) coi chữ tulaṃ là hiện tại phân từ ngắn [= tulento] và coi chữ atulaṃ và sambhavaṃ là 02 chữ đối nghịch. Tôi dịch sự chú-giải của Spk như sau:

- "(1) Tulaṃ là tulitaṃ, nghĩa là được đo lường, hữu lượng, nghĩa là được giới hạn, được định mức (paricchinnaṃ), bởi vì nó trực tiếp rõ ràng thấy được ngay cả đối với chó và chó rừng ...; đây là nghiệp dục-giới. Còn atulaṃ là thứ không thể đo lường, vô lượng [không thể so sánh được, không gì sánh được, không thể sánh bằng, không gì sánh được], bởi vì không có nghiệp thế tục nào giống như nó; đây là nghiệp bao-la [được khuếch đại, mở rộng; ma- haggatakamma], là nghiệp của những tầng thiền định sắc giới (jhāna) và những tầng chứng đắc vô sắc. Hay nói theo cách khác: tulaṃ lag nghiệp dục- giới và sắc-giới, còn atulaṃ là nghiệp vô-sắc giới. Hay tulaṃ là [nghiệp] với ít nghiệp quả, còn atulaṃ là nghiệp với nhiều nghiệp quả. 'Sự tiếp tục hiện- hữu' (sambhavaṃ) là nguyên nhân của sự hiện-hữu tiếp tục, có nghĩa là sự tích-lũy hay sự tích-đống [của nghiệp]. 'Sự tạo-tác sự hiện-hữu' (bhavasaṅkhāraṃ) là sự tạo-tác làm sinh ra] sự tái hiện-hữu ... Điều này có nghĩa là: Phật đã từ chối nghiệp thế tục bao gồm những 'thứ (điều, trạng thái) có thể so sánh' và 'thứ không thể sánh được' [thứ hữu lượng và thứ vô lượng], mà nó [nghiệp] được gọi là 'sự tiếp tục hiện-hữu' theo cái nghĩa nó sản sinh những nghiệp quả và là 'sự tạo-tác sự hiện-hữu' theo cái nghĩa nó làm sản sinh sự tái hiện-hữu [trong tương lai]. 'Bậc mâu-ni'[bậc trí-giả] ở đây là bậc 'Mâu-ni Phật'; 'sự hiện-hữu của ngã' (attasambhavaṃ; tự ngã

hữu) chính là những ô-nhiễm (lậu hoặc) được tạo ra bên-trong chính mình. Giống như một chiến binh ở đầu chiến trận, bậc ấy vui thích với bên-trong [nội tâm] và đạt-định, nên bậc ấy đã phá bỏ 'sự hiện-hữu của ngã' và 'những ô-nhiễm', như cởi bỏ một áo giáp.

- "(2) Hoặc theo cách diễn dịch thay thế thứ hai: Tulaṃ là [hiện tại phân từ] tulento (so sánh) = tırento (soi xét kỹ). 'Thứ không thể so sánh hay không gì sánh được' chính là Niết-bàn và 'sự tiếp tục hiện-hữu' chính là sự hiện-hữu; 'sự tạo-tác sự hiện-hữu' chính là nghiệp dẫn tới sự (tái) hiện-hữu. 'Bậc mâu- ni đã từ bỏ': tức sau khi đã so sánh "năm-uẩn là vô thường" với "Niết-bàn = sự chấm-dứt năm-uẩn là thường-hằng", và sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự hiện-hữu và lợi-thế trong Niết-bàn, bậc Mâu-ni

Phật đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự hiện-hữu’ vốn là nguyên nhân gốc rễ của (tạo ra) năm-uẩn; từ bỏ bằng phương tiện là thánh-đạo, vốn có hiệu lực hiệu nghiệm là sự tiêu hủy nghiệp; như câu thường được nói thường được nói là: ‘Điều đó dẫn tới sự tiêu hủy nghiệp’.”

- Luận giảng Spk đã nói như vậy. Ngay từ đầu, theo tôi thì hầu như không thể nào chữ tulaṃ và atulaṃ về mặt ngữ pháp có chức năng theo những cách khác biệt nhau như vậy, và do vậy tôi đã ngã theo cách diễn dịch (1), ít nhất cũng về mặt nguyên lý nếu không phải đồng ý theo những chi tiết chú giải. Tuy nhiên, sau khi quán xét lại, giờ thì tôi tin rằng bài thi kệ này đã cố ý có sự chơi chữ đối với chữ tulaṃ và atulaṃ là những thể khác nhau về mặt ngữ pháp chứ không phải là một cặp đối nghịch đối nghĩa. Chữ atulaṃ [hay những từ phái-sinh của nó] cũng được ghi trong các kinh khác: như trong kinh Sn 85b là “atulyo” để mô tả một ‘Vị Thầy của con-đường’ (đạo sư) [được ghi là maggakkhāyı trong Be], có lẽ là chỉ Phật; trong kinh Sn 683a, nó được dùng để bổ nghĩa mô tả cho vị Bồ-tát, vị Phật sẽ-thành (tức Phật trước giác-ngộ); trong Thı 201a là “atuliyaṃ” để mô tả “trạng thái bất lây chuyển” (akampitaṃ dhammaṃ), được cho là Niết-bàn. Tuy nhiên, mặc dù tôi tin rằng sự chú-giải (2) của luận giảng Spk là đúng về mặt ngữ pháp, tôi vẫn bất đồng ý với sự diễn dịch nghĩa của nó.

- Theo sự-hiểu của tôi, chữ sambhavaṃ ở đây không có nghĩa là ‘sự tiếp tục hiện-hữu’ [sự hiện-hữu được tiếp tục] trong vòng luân-hồi [saṃsāra], mà nguyên-nhân của nó Phật đã kết thúc bằng sự chứng đắc giác-ngộ 45 năm

trước (tức tính lùi từ hoàn cảnh kinh này là năm Phật bát niết-bàn). Ở đây, thay vì vậy chữ này có nghĩa là ‘sự tiếp-tục kiếp sống hiện tại’ của Phật cho đến hết đại-kiếp (kappa). Còn chữ “bhavasaṅkhāra” không phải theo ý nghĩa là ‘sự tạo-tác sự hiện-hữu’, tức không phải là ‘nghiệp dẫn đến sự hiện-hữu mới’, mà có nghĩa là “sự tạo-tác sự sống” (āyusaṅkhāra) mà Phật đã mới từ bỏ. Dựa trên sự diễn dịch này, ý nghĩa thoát lên từ bài thi kệ là hoàn hảo phù hợp với nghĩa của đoạn văn xuôi trước nó là: Sau khi đã so sánh cái triển vọng của sự tiếp-tục (kiếp sống) cho đến hết đại-kiếp với cái triển vọng của sự chứng bát-niết-bàn—là “thứ không gì sánh được”—Phật đã chọn triển vọng thứ hai; và Phật đã làm vậy bằng sự từ-bỏ một cách có chánh-niệm ‘sự tạo-tác sự sống’ của mình—đó chính là ‘sự tạo-tác mạng sống’ (= jıvi- tasaṅkhāra, sinh hành hay tạm gọi là hành sinh mạng) mà trước đó, trong thời gian bị đau bệnh nặng, Phật đã quyết tâm duy trì nó [như trong kinh 47:09 ở trên]. Như vậy, bằng cách từ bỏ bhavasaṅkhāra (sự tạo-tác sự sống) của mình mà lẽ ra Phật đã duy trì nó cho đến hết đại-kiếp, là Phật đã từ bỏ sự kéo-dài kiếp sống của mình.

- Về 02 câu kệ cuối, Spk diễn dịch rằng: “Phật đã vui thích với bên-trong (nội tâm) bằng sự minh-sát (thiền quán), và đã đạt-định bằng sự vắng-lặng (sự định-tâm). Như vậy, từ giai đoạn sơ khởi trở đi, bằng sức mạnh của sự vắng- lặng (sự định-tâm; định lực) và sự minh-sát (quán lực) Phật đã phá hủy toàn bộ đống ô-nhiễm vốn đã bao kín toàn bộ ‘sự hiện-hữu cá thể’ của mình giống như phá bỏ một áo giáp cứ bao bó thân người và đó

được gọi là 'sự tự mình hiện-hữu' (attasambhavaṃ, tự ngã hữu) bởi vì nó phát sinh từ bên-trong của chính mình. Khi không còn những ô-nhiễm (lậu hoặc), trong sự không-còn [trống vắng] sự tái-sinh, nghiệp được cho là đã được từ-bỏ; như vậy Phật đã giục bỏ nghiệp bằng cách trừ bỏ những ô-nhiễm. Do không còn sự sợ-hãi đối với một bậc đã trừ bỏ những ô-nhiễm (lậu tận), Phật đã từ bỏ 'sự tạo-tác sự sống' của mình một cách không sợ-hãi. Phật 'đã thốt ra lời cảm hứng' (thi kệ) để chỉ ra sự tự-do của mình khỏi sự sợ-hãi."

- Cũng có một chú-giải cổ xưa về bài thi kệ này, đó là chỗ luận giảng Nett 61. Luận giảng này đã coi chữ tulaṃ là yếu-tố sự tạo-tác (hành giới, saṅkhāradhātu), là sự tổng-thể của mọi thứ có điều-kiện (những pháp hữu- vi), và chữ atulaṃ là yếu-tố Niết-bàn (niết-bàn giới, nibbānadhātu). Rõ ràng

là ở đây chữ tulaṃ và atulaṃ đã được coi lần lượt là dạng phái-từ (phụ phẩm) của tullaṃ và atullaṃ.] (255)

256 [Sự phân tích chi tiết những điều được nói trong (i), (ii), (iii), (iv) sẽ được

nói ra trong kinh 51:20 ở bên dưới.] (256)

257 [Nguyên gốc câu này: Anekavihitaṃ iddhividhaṃ paccanubhoti. Từ đoạn

này cho thấy sự vận dụng những năng-lực siêu thường (thần thông) là kết quả của sự tu tập 04 cơ-sở thần thông (tứ thần túc; iddhipāda). Sáu loại trí-biết trực tiếp cũng được nói trong các kinh SN 12:70 và 16:9 (Quyển 2). Những phương thức thế tục của năng-lực siêu thường này cũng được phân tích chi tiết trong Vism, chương 12 và13.] (257)

258 [Spk giải nghĩa chữ mong-muốn (chanda) là "sự muốn làm, ý muốn làm"

(kattukaṃyatāchanda). Coi thêm Vibh 216,27–29.] (258)

259 [Spk: chữ "những sự tạo-tác cố ý của sự KK tu" (padhāna-saṅkhārā; tinh

cần hành) là một cách để chỉ sự nỗ-lực (tinh tấn) hoàn thành được 04 chức năng của sự KK tu đúng đắn (chánh cần) nói trên.] (259)

260 [Vibh 218,29–31 chỉ định nghĩa tâm (citta) ở đây theo nhiều cách, nhưng

không nói rõ lý do tại sao tâm trở thành một cơ-sở thần thông.] (260)

261 [Vibh 219,23–25 định nghĩa chữ vīmaṃsā theo nghĩa thuộc phần trí-tuệ

(paññā). Spk nói rằng: (i) trưởng lão Raṭṭhapāla (kinh MN 82) tạo ra trạng thái siêu thế (lokuttara dhamma) bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự mong- muốn (ý muốn, dục); (ii) trưởng lão Soṇa (kinh AN 6:55; Luật Tạng Vin I 179–85) thì bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự nỗ-lực (tinh tấn); (iii) trưởng lão Sambhūta (kinh thi Th 291–94) thì bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở tâm; và (iv) trưởng lão Mogharāja (kinh Sn 1116–19) thì bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự điều-tra (trạch pháp). Spk có minh họa bằng trường hợp

04 vị quan triều có khát vọng được ban chức tước cấp cao. (i) Một người đạt được chức vị bằng cách hầu chờ nhà vua suốt ngày đêm, tìm cách thỏa mãn những ý muốn và ý thích của nhà vua, thì được ví như người tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở sự mong-muốn. (ii) Còn người thứ hai thì đạt được chức vụ bằng cách ra sức nghiền nát quân bạo loạn ở biên cương, thì được ví như người tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh

Chú Thích • 657

ở sự nỗ-lực. (iii) Một người đạt được chức vị nhờ đưa ra cho nhà vua lời cố- vấn về cách trị vì đất nước, thì được ví như người tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở tâm. (iv) Và người đạt được chức vị chỉ vì nhờ sự- sinh (tức giai-cấp jāti) của mình, thì được ví như người tạo được trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh sự điều-tra.

- Sự giải thích tương tự trong Sv II 642–43, chỉ có một chút biến đổi là trong Vibh-a 305–6 đảo lộn các ví dụ minh họa "tâm" và "sự điều-tra", với sự-sinh đại diện cho tâm và sự cố-vấn đại diện cho sự điều-tra. Điều này có vẻ có lý, vì sự điều-tra (vimaṃsā) và sự cố-vấn (manta) là cùng từ một gốc từ man (nghĩ), và tâm thường được xếp theo cấp (jāti) của nó là thiện, bất thiện, hoặc không xác định. Học giả Gethin có thảo luận về 02 phiên bản ví dụ này trong quyển Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ (The Buddhist Path to Awakening), trang 90–91.] (261)

262 [Cụm chữ này giống trong các kinh SN 2:05 và 9:13 (Quyển 1).] (262)

263 [Spk chú giải: Thầy Mục-kiền-liên chứng nhập trong thiền định về đề mục

kasiṇa-nước, rồi thoát ra, và quyết định nền móng của lâu đài trở thành nước. Rồi thầy ấy đứng dậy và dùng ngón chân đẩy lâu đài cho nó rung lắc.] (263)

264 [Be đã đặt chữ pe ngay chỗ đây, hàm ý rằng 04 loại trí-biết (abhiññā) thế

tục nên được đưa vào chỗ này. Điều này dường như cũng được xác thực bởi sự chú giải của Spk về kinh 51:31 và chú thích 279 bên dưới.] (264)

265 [Trong kinh SN 48:42 cũng có một bà-la-môn tên này, nhưng không chắc

đó là cùng một người hay hai.] (265)

266 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chỗ này là santakaṃ hoti no asantakaṃ. Tuy

nhiên, đây chính xác là câu chữ chúng ta tìm thấy ở cuối bài kinh, khi bà-la- môn đã được thuyết phục bởi luận cứ của thầy Ānanda. Spk không giúp gì chỗ này, nhưng học giả Woodward đã nhận ra cách ghi cần có được thấy ghi trong SS là: anantakaṃ hoti no santakaṃ (Nó là không có chỗ kết cuộc [tức chỉ sự mãi mãi không-tiến; sự chẳng đi tới đâu], không phải có chỗ kết cuộc). Chữ santaka là = sa + antaka.](266)

267 [Nguyên chữ Pali vẫn là "citta", nhưng nếu chỉ dịch là "tâm" ở đây thì

658 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

không hợp lệ, không hợp thức cho lắm.] (267)

268 [Chỗ này so sánh kinh AN 4:159, đoạn (2) và (3), trong đó thầy Ānanda

chỉ ra cách dục-vọng (ái) được dẹp bỏ dựa vào dục-vọng và sự tự-ta (ngã mạn) được dẹp bỏ dựa vào sự tự-ta.] (268)

269 [Lại nữa, cũng chỗ này tất cả 03 phiên bản đều ghi là santakaṃ hoti no

asantakaṃ. Và nói lại, cách ghi đúng và cần có nhất đã bị giấu trong SS, là: santakaṃ hoti no anantakaṃ, (như đã nói trong chú thích 266 gần trên).] (269)

270 [Spk diễn dịch là: chính tầng thiền định thứ tư được dùng làm cơ-sở để

đạt được những abhiññā (trí-biết trực tiếp, trí-biết siêu thường).] (270)

271 [Nguyên văn chữ này là kosajjasahagata. Tôi thường dịch chữ kosajja là

sự lười-biếng, nhưng có vẻ hơi mạnh quá ở đây. Nghĩa lời kinh là chỉ sự đờ- dẫn nhẹ hay sự hơi yếu ớt trong sức lực của sự mong-muốn (dục).] (271)

272

273 [Spk diễn tả là: Một Tỳ kheo ngồi ở mái hiên chú-tâm (tác ý) tới sự nhận-

thức về ánh sáng, có lúc nhắm mắt, có lúc mở mắt. Đến khi [ánh sáng] xuất hiện đối với người đó đều như nhau khi mắt mở hay mắt nhắm, thì nhận-thức về ánh sáng đã khởi sinh. Cho dù là ngày hay đêm, nếu người tu xua tan sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) bằng ánh sáng và chú-tâm tới đối- tượng thiền của mình, thì sự nhận-thức đã khởi sinh đối với ánh sáng được cho là đã được nắm-giữ một cách khéo léo.] (273)

274 [“Thân làm bằng tâm” (manomayakāya) trong thân vi tế được tạo nên từ

thân nhục thể bởi một người thiền đã thiện khéo và làm chủ được tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Nó được mô tả là “gồm có thể sắc, được làm bằng tâm, hoàn thiện trong tất cả bộ phận, không thiếu các căn” (rūpiṃ manomayaṃ sabbaṅgapaccaṅgiṃ ahīndriyaṃ).” Coi thêm kinh DN 2, mục 85, 86; MN 77, mục 30; Paṭis II 210–11, cũng được trích dẫn và giảng rộng trong Vism 406 (Ppn 12:139). Để đọc một thảo luận hiện đại về thuật ngữ này, mời đọc quyển Danh Tính và Trải Nghiệm (Identity and Experience) của Hamilton, trang 155–164.

Chú Thích • 659

- Về chữ upasaṅkamitā, là một tuyệt đối từ bị hiểu sai, nó không phải là một danh từ tác nhân, mời đọc thêm tham luận “Tiếng Pāli như ngôn ngữ nhân tạo” của học giả Hinüber, trang 135–137.] (274)

275 [Đây chính là cái thân thể tự nhiên của con người.] (275)

276 [Câu này Be ghi là: Yañ ca kho omāti bhante; Se: Opātiha bhante; Ee:

Yaṃca kho opapāti ha bhante. Động từ này chưa hề được thấy ở đâu! Spk (của Be) giải nghĩa là: omātı ti pahoti sakkoti, và ghi chú: “Đây là một chữ xảy ra duy nhất một lần trong toàn bộ các kinh của Phật được bảo lưu trong Tam Tạng (Tipiṭaka) (idaṃ tepiṭake

buddhavacane asambhinnapadaṃ).” Spk (của Se) thì bỏ chữ “omātı ti” hoặc bất cứ gì tương ứng nó, và làm nổi bật chữ pahoti như thể nó là bổ-đề vậy.] (276)

277 [Trong cả 02 trường hợp tôi đọc theo chữ samodahati ghi trong Be; trong

Se và Ee thì dùng chữ samādahati. Còn trong cả 02 phiên bản Be và Se của luận giảng Spk thì đều dùng chữ samodahati và nó được củng cố bởi sự giải nghĩa sau đây: “[Như Lai (hay người thiền] đắm chìm (thiền định) thân trong tâm: là, sau khi lấy thân, người thiền gắn nó vào tâm; người đó làm cho nó phụ thuộc vào tâm; người đó gửi nó dọc theo tiến trình của tâm. Tâm ở đây là một tâm bao-la (được khuếch đại, được mở rộng). Sự chuyển động dọc theo tiến trình của tâm là nổi trội [nhanh]. “[Như Lai (hay người thiền] đắm chìm tâm trong thân: là, sau khi lấy tâm, người đó gắn vào thân; người đó làm cho nó phụ thuộc vào thân; người đó gửi nó dọc theo tiến trình của thân. Sự chuyển động của thân là chìm lặn [chậm]. “Một nhận-thức hạnh phúc, một nhận-thức nổi trội (sukhasaññañ ca lahusaññañ ca): đây là nhận-thức đi kèm với cái tâm của trí-biết trực tiếp; đó là một nhận-thức đầy hạnh-phúc (lạc tưởng) bởi nó đi kèm niềm hạnh-phúc đầy bình-an [của tâm], và đó là một nhận-thức trội bởi không còn bị ức chế bởi những ô-nhiễm (như tham, sân, si).” Coi thêm giải thích chi tiết về loại năng-lực siêu thường này ở Paṭis II 209; nó cũng được trích dẫn và giảng rộng trong Vism 401–5 (Ppn 12:119– 36).] (277)

278 [Spk: Trong kinh này và kinh kế tiếp, chữ iddhi (thần thông) được thảo

luận là một cơ-sở cho sự chấm-dứt luân-hồi.] (278)

660 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

279 [Spk nói: Trong kinh này và kinh kế tiếp, chữ iddhi (thần thông) được

thảo luận là chỉ 06 loại trí-biết trực tiếp (abhiññā).] (279)

280 [Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đã xuất hiện trong các kinh là một người

đề cao sự tu tập “bốn nền tảng chánh-niệm” như trong các kinh SN 47:26– 28. Vì vậy, Chương 52 này có thể được coi như một phần phụ-lục thêm của Chương 47 [Các Nền Tảng Chánh Niệm] vậy.] (280)

281 [Đoạn (a) này và 02 đoạn (b) và (c) kế tiếp nếu hợp lại sẽ thành một phần

bổ-sung cho mỗi sự thực-tập trong kinh Các Nền tảng Chánh-Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta); trong kinh Các Nền Tảng Chánh-Niệm những phần này theo đúng thứ tự nhưng được giữ riêng biệt.

- Trong chú thích số 178 trong kinh 47:40 ở trên, tôi đã giải thích lý do tôi đã dịch các chữ samudayadhamma, vayadhamma, và samudayavayadhamma là bản chất khởi-sinh, bản chất biến-mất, và bản chất khởi-sinh và biến-mất. Mời coi lại chú thích đó.] (281)

282 [Các đoạn (i)-(v) trong kinh này giống y các đoạn (i)-(v) trong kinh

46:54; coi thêm lại chú thích số 110 ở đó.] (282)

283 [Về 03 mức độ này, Spk đã dẫn lời trong Dhs 1025–27, trong đó định

nghĩa: “những trạng-thái (hiện tượng, pháp) thấp-kém” (hīnā dhammā; nhược pháp) chính là = 12 loại thức bất thiện; “những trạng-thái trung-bình” (majjhimā dhammā, trung pháp) là = những trạng thái thiện lành thế tục, bao gồm cả những hệ quả, những chức năng (kiriya) và sắc-thân; và “những trạng-thái siêu-xuất (paṇītā dhammā, siêu pháp) là = 04 thánh đạo, 04 thánh qur, và Niết-bàn. - Tuy nhiên, coi kinh AN 3:76 thì trong đó 03 chữ đó là tương ứng chỉ 03 cõi hiện-hữu (tái sinh)—cõi dục-giới (nhược, thấp kém), cõi sắc-giới (trung, ở giữa), và cõi vô-sắc giới (ưu, cao hơn).

- (Nghĩa đơn giản của câu này là do thầy A-nậu-lâu-đà đã tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (và giác ngộ) nên thầy đã trải nghiệm và tự mình biết tất cả những trạng thái hiện-hữu từ thấp tới cao).] (283)

284 [Kinh này, và kinh kế tiếp, gần như tương ứng với kinh SN 47:26, và

47:27.] (284)

285 [Về hệ ngàn thế giới, coi lại kinh 47:28 ở trên và chú thích 174 của nó.]

(285)

286 [Đoạn mô tả này giống trong kinh SN 35:244, đoạn (7), (Quyển 4) và kinh

45:160 ở trên; (chỉ khác là 02 kinh đó lần lượt nói về những phần tu khác nhau và về Bát Thánh Đạo; còn kinh này thì nói về ‘bốn nền tảng chánh- niệm’).] (286)

287 [Từ kinh 15-24 ở đây là chỉ 10 loại trí-biết, thường được gọi là 10 năng-

lực của Như Lai (dasa tathāgatabala); coi lại kinh MN 12, mục 9-20, chúng cũng được lặp lại trong Vibh 335–44. Spk nói rằng một đệ tử có được chúng phần nào (ekadesena) trong 10 năng-lực đó, chỉ có những vị Phật toàn-trí mới sở hữu toàn phần toàn bộ tất cả chúng.] (287)

288 [04 đoạn này là công-thức định nghĩa tiêu chuẩn về 04 tầng thiền định

sắc-giới (jhāna); chúng cũng được phân tích trong Vibh 244–61 và trong Vism, chương 4.] (288)

289 [Tiếp theo, phần còn lại của bài kinh là 16 bước (16 phương diện) tu tập

‘sự chánh-niệm hơi-thở’; 16 bước này đã tạo thành cốt-lõi của bài kinh nổi tiếng là “Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở” (Ānāpānasati Sutta; MN 118). Và 16 bước này cũng được giảng giải chi tiết trong Vism 267–91 (Ppn 8:146–237). Một quyển sách tuyển chọn những kinh và luận về chủ-đề thiền này đã được chọn và dịch bởi nhà sư Tỳ Kheo Ñāṇamoli có cùng tên là quyển “Chánh- Niệm về Hơi-Thở”, nó gồm có các bản dịch: (i) của “Kinh Chánh-Niệm Hơi- Thở”, (ii) của các đoạn giảng-giải trong Thanh Tịnh Đạo (Vism), và (iii) của một bài chuyên-luận trong Paṭis, và (iv) của những kinh được tuyển chọn khác.

- Như chúng ta sẽ thấy trong kinh 54:10 bên dưới: 16 bước này đều nằm trong 04 đoạn "04-điều"; 04 đoạn đó tương quan với 'bốn nền tảng chánh- niệm' (bốn sự thiết lập chánh-niệm). Như vậy, sự chánh-niệm hơi-thở bắt đầu từ phần "quán sát thân" (kāyānupassanā), và nó kết cuộc bằng sự thấu tỏ tất cả 04 sự quán-sát.

- Về cụm chữ "sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt" (parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhapetvā), Vibh 252,14–16 giải thích bằng nghĩa cụ thể là: "Sự

chánh-niệm này được thiết lập, được khéo thiết lập ở đầu chóp mũi hay ở chính giữa môi trên."] (289)

290 (Người dịch Việt đặt thêm các số (i)-(iv) để người đọc nhìn thấy nhanh

"bốn-điều" trong mỗi đoạn và các chú thích về mỗi điều đó).

[Vism 273–74 (Ppn 8:171–73) giải thích bước thứ (iii) của nhóm này có nghĩa là "làm rõ, làm thấy rõ chỗ đầu, chỗ giữa và chỗ cuối của toàn bộ thân hơi-thở-vô ... của toàn bộ thân hơi-thở-ra." Còn "sự tạo-tác của thân" (kāya- saṅkhāra, thân hành) ở bước thứ (iv) chính là cái 'sự thở-vô thở-ra'; chúng sẽ dần dần lắng dịu hơn và vi tế hơn khi sự chú-tâm vào hơi-thở tiến triển thuần thục hơn. Coi thêm 41:06, chỗ đoạn (2), thầy Kāmabhū đã trả lời cho gia chủ Citta với câu: Assāsapassāsā kho gahapati kāyasaṅkhāro: Này gia chủ, 'sự thở-vô và thở-ra' chính là sự tạo-tác của thân.] (290)

291 [Chú thích này, và hai chú thích kế tiếp, đều dựa theo sự giảng giải của

Vism 287–91 (Ppn 8:226–37).

- Sự hoan-hỷ (pīti, hỷ) được trải nghiệm khi người tu đã chứng nhập 02 tầng thiền định đầu tiên, và sau khi đã chứng nhập vào một trong hai tầng thiền định đó, người tu hiểu được bằng sự minh-sát rằng niềm hoan-hỷ liên quan với các tầng thiền định rồi sẽ bị diệt tiêu và biến mất. Yếu tố hạnh-phúc (su- kha, lạc) được trải nghiệm khi người tu đã chứng nhập trong 03 tầng thiền định đầu tiên, và khi, sau khi đã chứng nhập và thoát ra khỏi một trong 03 tầng thiền định đó, người tu hiểu được rằng niềm hạnh-phúc (lạc) liên quan các tầng thiền định cũng sẽ bị diệt tiêu và biến mất. Còn "sự tạo-tác của tâm" (cittasaṅkhāra, tâm hành) là cảm-giác (thọ) và nhận-thức (tưởng) thì được trải nghiệm trong tất cả 04 tầng thiền định.] (291)

292 ["Trải nghiệm cái tâm" được hiểu là sự trải nghiệm 04 tầng thiền định.

Tâm "được làm hoan-hỷ" bởi sự chứng đắc hai tầng thiền định có đi kèm bởi sự hoan-hỷ hoặc bởi sự thâm-nhập bằng sự minh-sát rằng nó cũng sẽ bị diệt tiêu và biến mất. "Tập trung cái tâm" là chỉ sự định-tâm trong tầng thiền định hoặc chỉ sự định-tâm nhất-thời khởi sinh cùng với sự minh-sát (thiền quán). "Giải thoát cái tâm" có nghĩa là giải thoát tâm (a) khỏi những chướng-ngại, và (b) khỏi những yếu-tố còn thô-tế của tầng thiền định bằng cách chứng đắc

tuần tự những tầng thiền định cao hơn, và (c) khỏi những "sự sai-lệch về nhận-biết" bằng cách nhờ sự-biết của minh-sát.] (292)

293 ["Quán sát sự vô-thường" (aniccānupassī) là sự quán năm-uẩn là vô thường bởi vì chúng luôn lên-xuống và biến-đổi, hoặc bởi vì chúng luôn sinh rồi diệt, luôn bị giải thể trong từng giây-khắc (sát-na). Đoạn "04-điều" này là hoàn toàn nói về sự minh-sát (thiền quán), không giống 03 đoạn (1), (2), (3) ở trước thì có thể được diễn dịch theo cả 02 cách là sự vắng-lặng (thiền định) và sự minh-sát (thiền-quán). "Quán sát sự phai-biến" (virāgānupassī) và "Quán sát sự chấm-dứt" (nirodhānupassī) có thể được hiểu bằng cả 02 cách là: (i) sự minh-sát (thiền quán) nhìn thấy sự hủy-diệt nhất-thời và sự chấm- dứt nhất-thời (trong từng giây khắc) của những hiện-tượng (các pháp, những trạng thái), và (ii) là thánh đạo siêu-thế, nó chứng ngộ Niết-bàn = sự phai- biến của tham-dục [chữ virāga, lúc này nghĩa như sự chán-bỏ] và = sự chấm- dứt mọi sự tạo-tác (hành diệt). "Quán sát sự từ-bỏ" (paṭinissaggānupassī) chính là sự từ bỏ (pariccāga) hay sự trừ bỏ (pahāna) những ô-nhiễm (lậu hoặc) thông qua sự minh-sát và chứng nhập vào (pakkhandana) Niết-bàn thông qua chứng đắc thánh đạo.] (293)

294 [Spk chú giải rằng: Chỗ này thầy Ariṭṭha đã giải thích [sự chứng đắc]

thánh đạo Bất-lai của mình. [Spk-pṭ: bởi vì thầy ấy đã nói một cách dứt khoát về sự loại bỏ năm gông-cùm đầu tiên], nhưng Đức Phật giải thích thêm cách tu tập minh-sát (thiền quán, quán tuệ) để chứng đắc thánh đạo A-la- hán.] (294)

295 [Để ý: tới kinh này là bắt đầu có sự chuyển tiếp từ chủ-đề "sự chánh-niệm

hơi-thở" (ānāpānasati) một cách 'thản nhiên' qua chủ-đề sâu hơn là "'sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở'" (ānāpānasati-samādhi). Và sự chuyển tiếp này sẽ tiếp tục suốt các kinh tiếp theo của Chương 54 này.] (295)

296 [Spk chú giải: Khi người tu làm việc [thiền] với những chủ-đề thiền khác

(những đề-mục thiền hay đối-tượng thiền khác) thì thân sẽ bị mệt và mắt bị căng thẳng. Ví dụ: khi người tu thiền tập về đề-mục "bốn yếu-tố tứ đại", thân sẽ bị mệt và sẽ tới giai đoạn bị áp lực mà người tu cảm thấy như mình bị quăng vào cối xay lúa vậy. Hoặc ví dụ khác: khi người tu thiền định với một kasiṇa (một vật-thể hay một thể-sắc được dùng làm đối-tượng thiền) thì mắt

sẽ bị đau nhức và người bị mệt mỏi, và khi thoát ra khỏi thiền người tu cảm thấy như mình đang ngã nhào. Nhưng khi người tu thiền tập với đề-mục "sự chánh-niệm hơi-thở" thì thân không bị mệt và mắt không bị căng thẳng. (Đây cũng là một ưu điểm của thiền "chánh-niệm hơi-thở").] (296)

297 [Coi thêm chú thích 110 ở kinh 46:54 ở trên, cuối đoạn (1), về 05 sự

nhận-thức từ (i)- (v). – Spk chú giải rằng: Đoạn kinh (2) này là nói về năng- lực tâm-linh của bậc thánh (ariyiddhi; thánh thần-thông), để chỉ cái sự lợi- thế (ích lợi, hiệu quả, hiệu dụng lớn lao) của việc tu tập "sự chánh-niệm hơi- thở". Bởi nếu một Tỳ kheo mong

ước đạt được thần-thông của thánh nhân, hoặc 04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna), hay 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới, hay chứng đắc trạng thái diệt-định (sự chấm-dứt, diệt thọ tưởng), thì người đó nên chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) tới "sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi- thở". Giống như sau khi đã chiếm được một kinh thành, thì tất cả mọi thứ hàng hóa từ bốn phương được đưa vào bốn cổng thành và thậm chí cả vùng miền đó cũng đều được thâu tóm—đây là lợi-thế của một kinh thành—cũng giống như vậy, tất cả những sự chứng-đắc đó [được liệt kê ra ngay bên dưới từ mục (3)-11, và tiếp đến trí-tuệ giải-thoát mục 12-14] cũng được thành tựu bởi một người thiền khi người đó tu tập hoàn thành đầy đủ "sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở".] (297)

298 [Lời đoạn kinh mẫu từ (12)-(14) hết kinh cũng có ghi trong các kinh 12:51

(Quyển 2), chỉ khác ví dụ; kinh 22:88 (Quyển 3) và 54:08 (Quyển 4) với cùng ví dụ; và cũng có trong kinh MN 140, mục 23-24 với cùng ví dụ.] (298)

299 [Có một kinh trùng lặp được ghi trong Luật Tạng Vin III 68–70, chỉ khác

nhau ở chỗ bối cảnh đầu của bài kinh. Tôi tóm lược phiên bản của luận giảng bằng chú thích số 301 ở cuối đoạn thứ hai ngay dưới đây. Những vấn đề được đặt ra bởi câu chuyện bối cảnh bài kinh cũng được thảo luận trong bài viết "Trường Hợp Những Tu Sĩ Tự Sát" của học giả Mills.] (299)

300 [Chỗ này có nghĩa Phật đang giảng về sự thiền quán về 31 bộ phận của

thân [các luận giảng tăng thêm thành 32 bộ phận] và những giai đoạn thối rữa tan rã của tử thi.] (300)

301 [Spk chú giải: Tại sao Phật nói như vậy? Trong quá khứ, được cho là có

500 người kiếm sống bằng cùng một nghề săn bắn. Họ đã bị tái sinh trong địa ngục, nhưng sau địa ngục, nhờ có những nghiệp thiện, họ lại tái sinh thành người và đã xuất gia thành những Tỳ kheo dưới đức Thế Tôn. Tuy nhiên, một phần gốc nghiệp xấu trước kia đã có cơ-hội chín muồi trong thời gian 02-tuần đó, nên đã đưa đến sự chết của họ bằng sự tự-sát và nhờ người khác giết mình. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy trước điều này và nhận thấy mình chẳng thể làm được gì (để ngăn cản hay giúp đỡ họ) về điều sắp xảy đến đó. Trong số những Tỳ kheo đó, có một số vẫn còn là người phàm tục, một số là bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai, và A-la-hán. Những A-la-hán thì không còn tái sinh; những bậc thánh khác thì có những sự tái sinh hạnh- phúc, nhưng những người phàm thì không biết chắc sẽ bị tái sinh về đâu. Đức Phật đã thuyết về sự ô-uế để người tu loại bỏ sự ràng buộc với thân này để họ có thể xua tan sự sợ-hãi về cái chết, và nhờ vậy có thể được tái sinh trong những cõi trời. Bởi vậy Phật nói về sự ô-uế là để giúp họ, chứ không phải khiến họ đề cao cái chết. Nhận biết được mình không thể đảo ngược tiến trình sẽ xảy ra đó, nên Phật 'mới lánh đi tới chỗ ẩn-dật' để tránh có mặt chứng kiến cảnh tượng sẽ xảy ra (!).

- Luận giảng nói như vậy, nhưng cái ý tưởng về cái sự tự-sát do nghiệp định đoạt nghe có vẻ không mà dung hòa với khái niệm tự-sát là một hành-động do mình cố ý làm.

- (Và người dịch Việt cũng thấy lạ với phần luận giảng hơi lạ này về thái độ của Đức Phật bi-mẫn. (a) Tại sao kinh điển đã không ngớt lời ca ngợi Đức Phật là bậc tối thượng về những khả năng (ví dụ như khả năng thuyết pháp, khả năng dẫn dắt, khả năng chuyển hóa nhận-thức của người khác...) đã không ở lại để lập tức tụ họp họ lại và dùng phương pháp thuyết giảng khác hoặc chỉ dạy một giáo pháp đối trị khác để chuyển đổi nhận-thức của họ hoặc để họ có thể tự thân thiền quán để có thể tránh được hậu quả khủng khiếp đó. Vì rõ ràng nếu đọc phần sau của kinh chúng ta thấy sau khi Phật trở lại, các Tỳ kheo còn sống đã thỉnh cầu Phật thuyết giảng thêm một giáo pháp khác cho họ để họ có thể thiết lập tâm của họ trong trí-biết cuối cùng, và Phật đã làm vậy, (và đó là nội dung chính của bài knh 54:09 này). (b) Luận giảng còn cho rằng trong số đó có nhiều bậc thánh, đặc biệt là những A-la-hán: làm sao những bậc đại trí giác ngộ như A-la-hán vậy mà có thể 'hiểu lầm' ý của Đức

Phật về sự ô-uế để tự mình dẫn tới sự tự-sát hay nhờ người khác sát mình như vậy. Đây chỉ là thiển ý của người dịch Việt. Bản dịch nháp ban đầu người dịch Việt đã không muốn dịch phần chú giải này. Như đã nói, những chú giải chỉ là những sự diễn dịch của những luận giảng sau kinh, không phải lúc nào cũng đúng và hợp lý và hợp pháp). (c) Nếu coi tiếp chú thích kế dưới (được ghi trong Luật Tạng) thấy hợp lý hơn và nhẹ nhàng hơn; rằng trong số đó "chỉ có những Tỳ kheo còn là phàm phu mới hiểu lầm ý Phật và làm vậy".] (301)

302 [Theo Luật Tạng (Vinaya) [và Spk cũng lặp lại] rằng những Tỳ kheo đó

có người tự giết mình, có người giết giùm người khác hoặc nhờ một "Tỳ kheo giả mạo" tên là Migalaṇḍika giết họ. Spk nói thêm rằng: còn các thánh Tỳ kheo thì không giết ai, không xúi ai giết, cũng không đồng tình với sự tự sát như vậy; chỉ có những Tỳ kheo còn là phàm phu mới hiểu lầm ý Phật và làm vậy.] (302)

303 [Về câu hỏi của Phật, Spk đã diễn dịch nghĩa như vầy: "Này Ānanda,

trước đây nhiều Tỳ kheo đã tụ tập đông đúc trong hội chúng và khu tịnh xá như (nóng) bốc cháy luôn. Còn bây giờ, mới sau nửa tháng, Tăng đoàn bị giảm đi, thưa, ít như vài lá cây leo queo. Cái gì là nguyên nhân? Các Tỳ kheo đã đi đâu hết rồi?" Sự diễn dịch này hơi chua chát và quá lố.] (303)

304 [Các chữ trong ngoặc vuông này không có trong phiên bản Be.] (304)

305 [Nghĩa lời kinh chỗ này được giảng luận chi li trong Vism 267–68 (Ppn

8:146–50).] (305)

306 [Ví dụ này cũng có trong kinh SN 45:156 (Quyển 5).] (306)

307 [Từ mục [(1).] - [(4).] là phần giống hệt nội dung ở mục 24-27 của bài

kinh nổi tiếng—là "Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở" (Ānāpānasati Sutta, MN 118)—giảng giải cách mà sự tu tập "sự chánh-niệm hơi-thở" sẽ hoàn thiện "bốn nền tảng chánh-niệm" [coi thêm kinh SN 54:13 bên dưới]. Luận giảng về nội dung phần kinh này đã được nhà sư Ñāṇamoli dịch và in trong quyển sách có tên "Chánh-Niệm Hơi-Thở", trang 49–52.] (307)

308 [Spk giải nghĩa là: "Ta gọi nó là thân-gió hay thân-khí (vāyokāya) trong

các thân thuộc bốn yếu tố tứ-đại." Hoặc đó là là "một loại thân" bởi vì nó nằm trong cơ-sở tiếp-xúc trong số những thành phần khác nhau của sắc- thân." ('thân' là cơ-sở để tiếp-xúc).] (308)

309 [Spk: Thực ra sự chú-tâm ở đây thực sự không phải là cảm-giác sướng mà

chỉ là cái 'tiêu đề' của giáo lý chỗ này. Trong đoạn "04-điều" này, trong chi đầu (i) thì cảm-giác đã được nói [nói xéo, ám chỉ] dưới tiêu-đề "sự hoan-hỷ"; trong chi (ii) thì nó được chỉ thẳng là "sự hạnh-phúc". Trong chi (iii) và (iv), thì cảm-giác là nằm trong sự tạo-tác của tâm (tâm hành) (saññā ca vedanā ca cittasaṅkhāro). Mời coi lại kinh SN 41:06 (Quyển 4), ở đoạn (3) có nói về nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.] (309)

310 [Spk: Câu "Sau khi nhìn thấy bằng trí-tuệ...": ở đây, "sự thèm-muốn"

[tham] tức là chướng ngại tham-dục; còn "sự khó-chịu" hay "sự buồn- phiền", "phiền bực" [ưu] chính là chướng ngại sự ác-ý (gần như = sân). Đoạn "04-điều" này đã được nói ra theo cách của thiền minh-sát (thiền quán). Đây là hai chướng-ngại đầu tiên trong 05 chướng-ngại, đây là phần đầu của việc thiền quán những hiện-tượng của tâm (các pháp). Như vậy, Phật nói điều này để chỉ ra phần bắt-đầu của phần thiền-quán những hiện-tượng. Chữ "dẹp-bỏ" ở đây là chỉ sự hiểu-biết sẽ tác động làm nên sự dẹp-bỏ; chẳng hạn, một người dẹp bỏ cái nhận-thức về sự thường-hằng bằng cách quán xét về sự vô- thường (khi có sự hiểu-biết về sự vô-thường thì dẹp-bỏ nhận-thức (sai lầm) về sự thường-hằng). Còn câu "sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ" là Phật chỉ ra sự tiếp nối của những tuệ minh-sát như vầy: "Với một sự hiểu-biết minh- sát, [người tu nhìn thấy] sự hiểu-biết về sự dẹp-bỏ gồm có sự hiểu-biết về sự vô-thường, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, và sự từ-bỏ; và từ đó [người tu tiếp tục nhìn thấy] sự hiểu-biết khác."] (310)

311 [Spk diễn dịch rằng: 06 cơ-sở cảm-nhận (6 xứ) giống như những ngã tư

đường; những ô-nhiễm khởi sinh ở 06 cơ-sở cảm-nhận giống như đóng đất bủn ở đó. Bốn nền tảng chánh-niệm xảy ra đối với 04 đối-tượng của nó thì giống 04 chiếc xe hay xe ngựa. Sự "san bằng" những trạng thái xấu ác bất thiện giống như sự san bằng đống đất bủn bởi chiếc xe hay xe ngựa.] (311)

312 [Khi Phật mô tả sự thực hành "sự chánh-niệm hơi-thở" của mình, thì chữ

mẫu "sato va" (chỉ có chánh niệm) được thay đơn giản bằng chữ "sato" (có

chánh-niệm), và bỏ luôn chữ "sikkhati" (người đó tập luyện). Spk giải thích rằng chữ "va" được bỏ đi là để chỉ cái "sự bình-an đặc biệt" trong sự thực hành của Phật, bởi "sự thở-vô thở-ra" là đã luôn luôn rõ-ràng đối với Phật; còn chữ "sikkhati" bị bỏ đi bởi vì Phật đâu còn cần phải tập luyện nữa.] (312)

313 [So sánh chỗ này với kinh 22:122 (Quyển 3) và chú thích số 322 ở đó.]

(313)

314 ["An trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại" (te ime pañca nıvaraṇe

pahāya vīharanti). Mọi học-nhân (từ Nhập-lưu trở lên) đều đã hoàn toàn dẹp bỏ chướng ngại là sự nghi-ngờ; bậc Bất-lai thì tốt hơn, đã loại bỏ chướng ngại là sự ác-ý (sân) và sự hối-tiếc (trạo cử). Còn đối với những chướng-ngại còn lại, những bậc học-nhân chỉ mới tạm thời dẹp bỏ chúng những khi họ đang ở (lâm thời) trong trạng thái tầng thiền-định (jhana) và thiền-quán (minh sát) mà thôi. Về nghĩa "tạm thời" này và về 05 loại sự tách-ly: mời coi lại chú thích số 7 ở đoạn thứ ba của kinh 45:02 ở đầu quyển này. Tuyệt đối từ pahāya ở đây nên được hiểu theo ánh sáng của những sự phẩm-định này.] (314)

315 [Nguyên văn: Tesaṃ pañca nıvaraṇā pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā

anabhāvakatā āyatiṃ anuppādadhammā. Mẫu câu diễn tả này thường được Phật nói để nhấn mạnh cái sự đã dẹp-bỏ rốt ráo [hoàn toàn, sạch sẽ, và cuối cùng] đối với một hay những ô-nhiễm hay tâm bất-thiện (ở đây là đối với năm chướng-ngại).] (315)

316 [Coi thêm kinh SN 46:3 ở trên. Để nhớ và đối chiếu:

- Phần [I.] [Sự Chánh-Niệm Hơi-Thở] cũng được ghi tương tự giống nhau trong mục 24-27 của "Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở" (Ānāpānasati Sutta, MN 118) như đã nói trong chú thích 307 trong kinh 54:10 ở trên.

- Phần [II.] chỗ này [Hoàn thành Bảy Chi Giác-Ngộ] thì được ghi trong mục 29-40. Còn Phần [III.] bên dưới [Hoàn thành Trí-Biết Đích Thực và Sự Giải-Thoát] thì có ghi trong mục 41-43.] (316)

317 ["Vị vua quay chuyển bánh xe" (chuyển luân vương) là một người vua 'lý

tưởng, đáng có' theo truyền thuyết Phật giáo; coi lại kinh SN 22:96 (Quyển

3) và 46:42 (Quyển 5), và coi chi tiết về 'chuyển luân vương' trong kinh DN 26 và MN 129, từ mục 32 trở đi. "Bốn châu lục" ở đây là gồm Jambudīpa (Diêm-phù-nề), Aparagoyāna, Uttarakuru, và Pubbavideha tương ứng nằm ở phía nam, tây, bắc, và đông của Núi Sineru (Tu-di) được coi là trục tâm của thế giới. Coi thêm kinh AN 3:80 về bức tranh vũ trụ theo kinh điển Phật giáo. Còn "bốn điều" sẽ được nói ra ngay bên dưới.] (317)

318 [Thực ra những cảnh địa ngục, súc sinh, và ngạ quỷ cũng đều thuộc "cảnh

giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới”.] (318)

319 [Đây là những công thức kính lễ Phật, và 2 đoạn kế dưới là kính lễ

Giáo Pháp, và kính lễ Tăng Đoàn, như cũng đã được giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo Vism 198–221 (Ppn 7:2–100).

- Về chữ niềm-tin xác thực (aveccappasāda), mời coi lại chú thích 120 trong kinh SN 12:41 (Quyển 2). Luận giảng [Spk] giải thích đây là loại niềm-tin bất lay chuyển, có được nhờ chứng ngộ được thánh quả Nhập- lưu.] (319) 320 [Những thuật ngữ này mô tả đức-hạnh của thánh nhân cũng được giảng

giải trong Vism 221–22 (Ppn 7:101–6). Spk giải thích rằng: những bậc thánh thì không còn phạm vào (na kopenti) Năm Giới ngay cả khi họ chuyển qua sự hiện-hữu mới (kiếp sau); do vậy những giới-hạnh này là thứ quý giá đối với họ.] (320)

321 [So sánh lời kinh chỗ này với kinh Pháp Cú, Dhp 178.] (321)

322 [Đây là mẫu câu định nghĩa một bậc Nhập-lưu (Dự-lưu, Tu-đà-hoàn). “Đã

định xong vận mệnh” là dịch chữ “niyata”, có nghĩa là bậc Nhập-lưu sẽ hiển nhiên (và bất thoái chuyển) đạt tới sự giải-thoát cuối cùng trong tối đa 1-7 kiếp nữa ở cõi người hay cõi trời. “Sự giác-ngộ” (sambodhi, chánh giác) ở đây là = trí-biết cuối cùng của thánh quả A-la-hán.] (322)

323 [Nguyên gốc dòng cuối này: Brahmacariyogadhaṃ sukhaṃ. Trong đó có

chữ ogadha: về nghĩa của chữ này, mời coi lại chú thích 243 ở kinh SN 23:01 (Quyển 3). Spk chú giải: Đây là niềm hạnh-phúc đi kèm với 03 thánh đạo cao hơn. Sự tự-tin được nói trong bài kệ có thể được diễn dịch là sự tự-tin

đồng hành với thánh đạo (maggappasāda) hoặc là sự-tự-tin có được từ sự quán-chiếu lại của một người đã đạt tới thánh đạo (āgatamaggassa pacca- vekkhaṇappasāda).] (323)

324 [Sáu loại nhận-thức này cũng có ghi trong các kinh khác là SN 46:7176.

Như là một nhóm, sáu điều này góp phần tạo nên trí-biết đích thực (chân trí, minh) (cha vījjābhāgiyā dhammā), cũng như sáu sự nhận-thức được nói trong kinh AN 6:35 là thuộc trí-biết đích thực.] (324)

325 [Lưu ý: đây là những yếu-tố căn bản để đạt được thánh quả Nhập-lưu,

không phải 04 yếu-tố định nghĩa một bậc Nhập-lưu, mặc dù nó cũng được ghi đồng một chữ là “sotāpattiyaṅga” [yếu tố Nhập-lưu]. (Mặc dù chữ Pāli là giống nhau, nhưng để tránh hiểu lầm tôi đã dịch là những “yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu” (để phân biệt với 04 “yếu tố Nhập-lưu” là: niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng, và Giới-Hạnh được những bậc thánh quý trọng).] (325)

326 [Mặc dù trong kinh khác chữ thapati có nghĩa là “thợ mộc”, nhưng từ nội

dung bài kinh này cho thấy công việc của hai người này là quan thị vệ của hoàng cung. Trong tiếng Phạn, chữ sthāpatya thường có nghĩa là những người canh gác các khuê phòng của các cung phi, mỹ nữ. Hai người này cũng được nhắc đến là hai người phụng sự cho Vua Pasenadi trong kinh MN 89, mục 18. Theo Spk, lúc này Isidatta đã là bậc thánh Nhất-lai, Purāṇa là bậc Nhập-lưu vẫn đang sống với vợ [tức không độc thân]. Trong kinh AN 6:44 có nói, sau khi họ chết, Phật đã tuyên bố cả hai đều là bậc thánh Nhất-lai tái sinh vào cõi trời Tusita (Đâu-suất); trong đó lại nói, lúc chết thì Purāṇa là độc thân, còn Isidatta lại đang có vợ.] (326)

327 [Thông thường, như các kinh kế trên, thì công thức "bốn-điều" dẫn tới

thánh quả Nhập-lưu là gồm 03 niềm-tin (vào Tam Bảo) cộng với giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng. Nhưng ở đây, phần (4) giới-hạnh đã được thay bằng sự rộng lòng bố-thí. Nhưng sự thay đổi chỗ này đã được luận giải trong Vism 223–24 (Ppn 7:107–14).] (327)

328[Cụm chữ "có thể ứng dụng được cho mỗi người" (attūpanāyikaṃ dhammapariyāyaṃ). Spk-pṭ giải nghĩa là: Đã liên quan tới mình, thì có thể ứng dụng cho người khác (attani netvā parasmiṃ upanetabbaṃ), tức là: đặt

người là mình, đặt mình là người. Bởi vì thường có câu: "Cái gì khó chịu và khó ưa đối với mình thì khó chịu và khó ưa đối với người khác" (tức: điều gì mình không thích đừng bắt người khác chịu vậy.)

- Tiếp theo là Phật nói về 07 đường đầu tiên trong "10 đường nghiệp thiện", mỗi đường được tu tập theo 03 cách: (i) bằng cách tự mình tuân thủ, (ii) bằng cách khuyến khích người khác tuân thủ, và (iii) nói lời đề cao những đường nghiệp thiện đó.] (328)

329 [Trong Ee ghi là "ti koṭīparisuddho", nên sửa lại là "tikoṭīparisuddho, tức

không có khoảng trống giữa các chữ. "Bằng ba cách", tức theo 03 phương- diện mới trong chú thích kế trên: (i) tự mình kiêng cữ sát sinh, (ii) khuyến khích chỉ dạy người khác kiêng cữ, và (iii) nói lời đề cao khen ngợi việc kiêng cữ sát sinh.] (329)

330 [Cùng với kinh 55:10 [chứ không phải 55:09], lời bài kinh này cũng có

trong Đại Kinh Niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta; DN 16, mục 2.5-2.9). Kinh DN thì ghi tên địa danh này là Nādikā, nhưng cả Sv và Spk đều chú giải theo kiểu ủng hộ tên nó là Nātika, như vầy: "Có hai khu làng cùng tiếp giáp một cái hồ nước, được cư trú bởi những người con trai của hai anh em; do vậy một trong hai làng được gọi tên là Nātika, có nghĩa là 'thuộc những người thân tộc'.] (330)

331 [Spk chú giải: sự đang giảm thiểu (tham, sân, si) nên được hiểu theo 02

cách: (i) là (những ô-nhiễm đó) đang khởi sinh không thường xuyên và (ii) đang giảm thiểu lực ám muội (cái tâm). Bởi vì trong một bậc thánh Nhất-lai, tham, sân, si chỉ thỉnh thoảng mới khởi sinh, chứ không khởi sinh thường xuyên như chúng vẫn luôn khởi sinh trong những người phàm tục; và khi chúng khởi sinh thì chỉ khởi sinh một cách

nhẹ mỏng như cánh ruồi, chứ không dày đặc nặng đô như chúng vẫn luôn khởi sinh trong những người phàm tục. “Thế gian” (imaṃ lokaṃ) là chỉ cõi dục-giới.

- Câu cuối nên được phân tích và hiểu như vầy: (a) Nếu một chúng sinh chứng thánh quả Bất-lai khi đang là người thì được tái sinh trong số những thiên thần và sau đó sẽ chứng ngộ luôn A-la-hán ở đó; điều đó là tốt lành. Nhưng nếu không làm được vậy, thì sau khi quay lại làm người người đó

nhất định sẽ chứng ngộ A-la-hán. (b) Ngược lại, nếu một chúng sinh chứng ngộ thánh quả Bất-lai khi đang là thiên thần thì được tái sinh trong số loài người và sau đó sẽ chứng ngộ luôn A-la-hán; điều đó là tốt lành. Những nếu làm được vậy, thì sau khi tái sinh lại làm thiên thần thì thiên thần đó nhất định sẽ chứng ngộ A-la-hán.] (331)

332 [Con số có vẻ được như được phóng lên nhiều, nhưng Spk giải thích rằng,

mặc dù ngôi làng [Ñātika] không lớn lắm nhưng số lượng các đệ tử được nói là đúng nhiều. Trong một trận dịch bệnh, ở đó có tới 24.000 chúng sinh đã chết, trong đó có nhiều thánh đệ tử.] (332)

333 [Be ghi là: maraṇaṃ āgameyyāsi; Se và Ee ghi: āgaccheyyāsi. Spk giải

thích câu này là: maraṇaṃ iccheyyāsi, pattheyyāsi vā (người nên ước muốn hoặc mong muốn cái chết).] (333)

334 [Chỗ này và trong tất cả các đoạn kinh song hành tương tự, tôi đọc chữ

này là te vo, điều này là hợp với kinh 47:48 ở trên.] (334)

335 [So sánh với bối cảnh của kinh này với kinh SN 40:10 (Quyển 4), phần

[II].] (335)

336 [Chữ gốc: sambādhabyūhaṃ. Sự chú giải của Spk cho thấy chữ byūhā là

những đường lộ chính. Chúng được cho là “chen chút” (sambādha) cho thấy những cảnh sống đông đúc của thành phố.] (336)

337 [Về chữ “đáng kính trọng” (manobhāvanıya), mời coi lại chú thích số 2

trong kinh 22:01 (Quyển 3).

- Về chữ “đi tán lạc” ở đây, trước hết là Ee ghi chữ bhante na, nó nên được đổi trong tất cả mọi chỗ thành bhantena, như một quá khứ phân từ công cụ của chữ bhamati. Spk giải nghĩa chữ này là: “lang thang đây đó, đi qua lại một cách xốc nổi tứ tung” (ito c’ ito ca paribbhamantena uddhatacārinā).] (337)

338 [Lúc này Mahānāma ít nhất cũng đã là bậc Nhập-lưu, thậm chí có thể đã là

bậc Nhất-lai; do vậy vị ấy đã chắc chắn được tái sinh phúc lành, và do vậy không có lý do để sợ chết.] (338)

339 [“Đi hướng thượng, đi tới sự khác-biệt” (taṃ uddhaṅgāmi hoti visesagāmi). Đoạn này chỉ ra tâm (citta) là “cái chính” (như chủ thể) của sự liên-tục cá thể còn tiếp tục sau cái chết của thân xác và gặt hái những quả của nghiệp. Trong trường hợp một thánh đệ tử thì nó “đi đến sự khác-biệt” theo cách của một sự tái-sinh cao hơn và bằng cách tiến hóa theo hướng tới Niết-bàn. Ví dụ bên dưới về hủ bơ hủ dầu cũng có trong kinh 42:06 (Quyển 4), mặc dù trong kinh đó nó được dùng để nói ý nghĩa giáo lý khác.] (339)

340 [Spk diễn dịch câu này có nghĩa: ông Đại Danh đã nghĩ: “Tăng Đoàn các

Tỳ kheo thì có thể nói điều mình không biết, vì họ còn thiếu sự toàn-trí (của một vị Phật), nhưng trong Vị Thầy thì không thiếu sự toàn-trí”. Còn chữ “vấn đề liên quan đến Giáo Pháp” (kocideva dhammasamuppādo) thì được Spk giải nghĩa là: kiñcideva kāraṇam. Trong kinh SN 22:07 (Quyển 3) thì cũng chữ ghép này dhamma-samuppāda nhưng mang nghĩa khác, được diễn dịch là “một đống/mớ những trạng thái của tâm”.] (340)

341 [Ở đây chỉ Ee ghi đúng chữ evaṃvādiṃ cần được ghi. Be và Se thì ghi là

evaṃvādı. Coi thêm chú thích 205 (Quyển 2).] (341)

342 [Mặc dù sự tranh chấp nhau của hai người vẫn chưa được Phật phân giải,

nhưng câu trả lời đã nằm ngay chỗ lời tuyên bố của Mahānāma về niềm-tin của ông ấy. Bằng cách thể hiện mạnh mẽ niềm-tin của ông vào Đức Phật, Mahānāma đã hàm ý xác nhận tư-cách của mình đã là một thánh đệ-tử, và do vậy quan điểm “bốn-điều” của ông ta chắc chắn là đúng (vì bậc thánh đã tự mình biết rõ điều đó, chứ không chỉ nghe Phật nói). Spk-pṭ nói thêm: một người thực sự có-được một trong bốn điều này đã là một bậc Nhập-lưu, nhưng họ vẫn luôn nói theo dạng công thức “có-được bốn điều” như vậy; (chẳng hạn khi đã tin Phật thì sẽ tin theo những điều Phật đã tin và nói như Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và những giới-hạnh).] (342)

343 [Tôi ghi lại tên Sarakāni như trong Se. Phiên bản Be và Ee thì ghi tên là

Saraṇāni.] (343)

344 [Nguyên văn câu này: Sikkhādubbalyaṃ āpādi majjapānaṃ apāyi. Đây là

sự vi phạm giới thứ năm của Năm Giới (không uống rượu). Những người hoi Thích-ca này nghĩ rằng nếu ông Sarakāni đã vị phạm một giới thì ông đã

thiếu mất yếu-tố thứ tư của ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ và do vậy ông ta không thể là một bậc Nhập-lưu (lấy đâu là bậc thánh cao hơn).] (344)

345 [Đây là tả thực một A-la-hán, người đã thực thụ thoát khỏi tất cả sự tái-

sinh; còn câu cuối “thoát khỏi địa ngục … cõi dưới” chỉ được nói ra như một “sợi chỉ” để xâu kết các phần của bài kinh với nhau. Về chữ “trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành” mời coi lại chú thích số 148 ở Quyển 1.] (345)

346 [Đây là người tu trì theo Giáo Pháp (dhammānusārī) hay được gọi là

người căn-trí; còn đoạn kế sau là nói về người tu trì theo niềm-tin (sad- dhānusārī), thường được gọi là người căn tín. Sự mô tả về 02 loại người này là trùng khớp với các định nghĩa trong kinh MN 70, mục 20-21. Theo kinh SN 25:01, 02 loại người này đã đạt tới cảnh giới của những bậc thánh nhân nhưng vẫn chưa chứng đắc thánh quả Nhập-lưu; họ khuynh hướng tới sự chứng đắc thánh quả đó trước khi chết. Coi lại chú thích 268 nói chi tiết về 02 loại người này trong kinh đó.

- Nên lưu ý rằng, trong lúc họ có niềm-tin [là một trong năm căn tâm linh] nhưng họ chưa có-được loại "niềm-tin xác thực" (aveccappasāda) vào Tam Bảo. Và, mặc dù lời kinh nói rằng họ "không đi xuống địa ngục" (agantā ni- rayaṃ) ... nhưng cũng không thể nói họ đã "thoát khỏi địa ngục" (parimutto nirayā) ... bởi vì sự giải-thoát thực sự khỏi những nơi-đến xấu dữ chỉ có được khi đã chứng đắc thánh-quả.] (346)

347 [Spk nói rằng: vào lúc chết Sarakāni đã là một người hoàn thành 03 phần

tu-tập [giới, định, tuệ]. Điều này hàm nghĩa rằng, mặc dù trước kia ông ta có uống rượu, nhưng trước khi chết ông ấy đã tuyệt đối giữ nghiêm các giới- hạnh, và nhờ đó ông đã chứng thánh quả Nhập-lưu.] (347)

348 [Nguyên văn câu cuối: Sikkhāya aparipūrakārı ahosi. Lời đoạn đầu này

có khác một chút so với kinh kế trên, nhưng về ý nói thì coi như giống nhau.] (348)

349 [Câu này giống câu trong kinh SN 48:50, ngay đoạn đầu. Ở đây, cụm chữ

"ekantagato abhīppasanno" thực ra như đồng nghĩa với "aveccappasādena samannāgato".] (349)

350 [Về cách diễn đạt và lặp lại 05 loại thánh Bất-lai, coi lại chú thích chi tiết

trong kinh SN 46:03, chú thích số đuôi (65).] (350)

351 [Trong kinh MN 117, mục 34, có ghi rõ rằng bậc học-nhân đang tu tập thì

có 8 yếu-tố (08 chi thánh đạo), còn bậc A-la-hán thì có 10 yếu-tố (10 chi). Nhưng ở đây, lạ thay, 02 yếu tố cuối cùng, sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri, sammāñāṇa) và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát, sammāvīmutti), vốn được cho là chỉ có ở bậc A-la-hán, lại được gán cho một bậc Nhập-lưu như gia chủ Cấp Cô Độc. Câu cuối của bài kệ cuối kinh đã xác nhận lại rõ rằng đây không phải là lỗi biên tập hay sự phóng đại của những vị kết tập kinh điển ngày xưa. Một ví dụ khác về những sự bất-thường kiểu như vậy cũng có trong kinh SN 47:13 [coi chú thích 160 của nó] trong đó 02 yếu-tố của bậc A-la-hán—đó là 'sự giải-thoát', và 'trí-biết và tầm-nhìn của sự giải- thoát'—lại được gán cho một bậc học-nhân lúc đó là thầy Ānanda.] (351)

352 [Nguyên văn cụm chữ cuối: samparāyikaṃ maraṇabhayaṃ. Spk giải nghĩa cụm chữ đó là: samparāyahetukaṃ maraṇabhayaṃ (sự sợ chết gây ra bởi [do nghĩ tới] kiếp sau), (tức nghĩ tới kiếp sau là những cõi đày đọa khủng khiếp nên thấy sợ hãi).] (352)

353 [Spk: Đó là những dấu-vết của những thiên thần (devapadāni) là dấu vết

được bước đi bởi sự-biết của những Thế Tôn, hoặc với sự-biết của một thiên thần. Trong kinh này bốn loại người được thiết lạp trong các thánh quả thì được gọi là những thiên thần theo cái nghĩa là "trong sạch, thanh tịnh".] (353)

354 [Học giả Woodward đã nhầm kinh này là giống hệt kinh kế trên nên ông

đã không dịch kinh này.] (354)

355 [Woodward coi chữ sabhāgataṃ là có thể phân thành sabhā + gataṃ (gia

nhập đoàn), nhưng thực ra nó là thể đối cách số ít của danh từ trừu tượng sa- bhāgatā (sự giống nhau, sự tương đồng).] (355)

356 [Be và Ee ghi động từ này là ehı ti, có lẽ như họ coi là một thể mệnh lệnh,

trong khi Se thì ghi là etıti, khó giải thích được vì sao. Tôi gợi ý ghi chữ ở dạng tương lai số ít là ehiti.] (356)

357 [Ví dụ này cũng có trong kinh 12:23 (Quyển 2). Spk chú giải: "sau khi đã

vượt qua bên kia": bên kia ở đây là Niết-bàn; ý nghĩa lời kinh là: 'sau khi đã đạt tới đó', thì chúng sẽ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm; nhưng câu này không có nghĩa là trước tiên chúng đi tới Niết-bàn rồi sau đó mới dẫn tới sự tiêu diệt ô- nhiễm; mà nó có nghĩa là: chúng dẫn tới đó khi chúng đi tới Niết-bàn."] (357)

358 [Lời kinh chỗ này giống kinh 48:18 (Quyển 5 này).] (358)

359 [Lời kinh chỗ này giống hệt kinh 35:97 (Quyển 3), và tiếp theo là đoạn

nói về người sống một cách chuyên-chú. (Về những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện: mời coi lại chú thích ngay chỗ này ở cuối đoạn (1) của kinh 35:97 đó.] (359)

360 [Ở đây tôi đọc theo Se và Ee là seyyā-nissajja-ttharañassa; khác với Be

ghi là seyyāni-paccattharañassa.] (360)

361 [Spk giải thích: "cốt-lõi của Giáo Pháp" (dhammasāra) chính là thánh

quả, và "sự tiêu-diệt" (khaya) là sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Tôi đề nghị câu cuối cùng đọc là: Na vedhati maccurāj'āgamissatı ti.] (361)

362 [Tôi đọc theo Be và Se là không đưa thêm chữ mahāyaso vô ở đây. Nếu

chữ này mà được chem. Vào, như trong Ee, thì không có sự khác biệt gì giữa knh này và kinh kế tiếp.] (362)

363 [Coi chú thích số 325 ở kinh 55:05 ở trên.]

364 [Giống hệt phần kệ của kinh 55:26 ở trên (và của kinh AN 4:52).] (364)

365 [Spk: Dhammadinna là một trong 07 người tại gia từng có đoàn tháp tùng

gồm 500 người vào thời Đức Phật còn sống; những người khác cũng có như vậy là vị đệ tử tại gia Visākha, gia chủ Ugga, gia chủ Citta, Hatthaka Āḷavaka, Tiểu Cấp Cô Độc (đại thí chủ Cấp Cô Độc?) và Đại Cấp Cô Độc (đại thí chủ Cấp Cô Độc?).] (365)

366 [So sánh với những tính-từ này ở đầu kinh SN 20:07 (Quyển 2).

- Thật là bất thường khi Đức Phật đã đưa ra chỉ thị như vầy cho những gia chủ, but Spk đã đưa ra chú-giải kỳ lạ, như tôi sẽ dẫn ra dưới đây. Trong kinh này, nói với Dhammadinna, Phật đã luôn dùng chữ ở dạng số nhiều hàm

Chú Thích • 677

nghĩa những lời nói của Phật là nói cho cả đoàn chứ không riêng ông ấy.

- Phần chú-giải lạ kỳ của Spk là như vầy: “sâu sắc (gambhıra), giống như Kinh Salla (Salla Sutta; Sn III, 08); sâu sắc về ý nghĩa (gambhırattha), giống như Kinh Sự Cố-Ý (Cetanā Sutta; SN 12:38–40, Quyển 2); siêu thế (lokuttara), giống như Kinh Asaokhatasaṃyutta (SN 43); liên hệ (liên kết, tương ưng) đến tính-không (suññatāpaṭisaṃyutta), nghĩa là giảng giải về tính-không của chúng sinh, giống như Kinh Khajjaniya (SN 22:79, Quyển 3). “Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân” có nghĩa là: ‘Các người nên tu tập bằng cách hoàn thành sự tu-tập của ví dụ mặt trăng (như kinh SN 16:03, Quyển 2), sự tu-tập của sự chuyển-tiếp những xe ngựa (như kinh MN 24), sự tu-tập của phẩm chất mâu-ni (moneyyapaṭipadā, như kinh Sn I, 12), sự tu-tập của [đại] truyền thống thánh thiện (mahā-ariyavaṃsa, như kinh AN 4:28 II 27–29).’ [Những điều này ám chỉ những bài kinh đề nghị sự tu-hành nghiêm ngặt …]. Như vậy là ở đây Phật đã giao cho những người tại gia một trách-nhiệm tu-tập khó mà gánh nỗi. Vì sao vậy? Bởi vì, thường nghe rằng, họ đã thỉnh cầu Phật khởi xướng mà không đứng trên vị thế (hoàn cảnh) của mình (na attano bhūmiyaṃ ṭhatvā), mà họ đã tỉnh cầu cứ như họ sẽ đảm nhận bất kỳ trách-phận tu-tập nào. Vì vậy nên Vị Thầy đã giao cho họ một trách-phận tu tập khó mà gánh nỗi. Nhưng sau khi họ thỉnh cầu đứng trên vị thế của mình [bằng những lời ‘khi chúng con được thiết lập trong năm giới …’], thì Vị Thầy đã đồng tình bằng cách khởi xướng: ‘Vì vậy …’.”

- Thật khó mà dung hòa với sự chú-giải này với nguyên-tắc của Phật là Phật luôn luôn điều chỉnh sự chỉ-dạy của mình cho phù hợp với những trí năng và cấp bậc của những người-nghe (chứ Phật đâu nói những giáo lý rất thâm sâu cho những người tại gia bình thường, hoặc nói những giáo lý sơ học cho những Tỳ kheo đại trí).

- Spk cũng có chú giải những tính-từ này trong kinh SN 20:07 nói trên (với sự mô tả bằng những bài kinh khác!). Mời coi lại chú thích số 368 ở chỗ đó.] (366)

367 [“Đệ tử tại gia hiền trí” hay “ưu-bà-tắc trí hiền” là dịch chữ “sapañño

upāsako”. Spk: chữ này ở đây là chỉ bậc Nhập-lưu.] (367)

678 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

368 [Về chữ “ngài” ở chỗ này: chữ “Āyasmā” vốn thường được dùng để xưng

hô với các Tỳ kheo, nhưng thỉnh thoảng nó cũng được dùng cho các đệ tử tại gia (như trong trường hợp này). Trong những câu tiếp theo, tôi lại dùng cách xưng hô với người-thứ-hai hay gián tiếp người-thứ-ba, kiểu như: "quý ngài" hay "vị ấy", "ngài ấy", như trong câu "Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật ...".] (368)

369 [Trong kinh MN 97, mục 30-37, thầy Xá-lợi-phất cũng hướng dẫn một bà-

la-môn sắp chết qua trình tự những bước quán chiếu giống như vầy, nhưng thầy Xá-lợi-phất thì dừng lại ở bước hướng ông ta tới (sự tái sinh vào) cõi trời Phạm Thiên (Brahmā). Do dừng lại ở bước này nên sau đó thầy Xá-lợi- phất đã bị Phật quở trách, (tức là, đúng thầy ấy nên tiếp tục khởi xướng và hướng tâm của người sắp chết đó tới luôn sự chấm-dứt danh-tính, tức Niết- bàn. Coi thêm mấy chú thích kế tiếp kế bên dưới.] (369)

370 [Chữ "sự chấm-dứt danh-tính" (sakkāyanirodha) tức đồng nghĩa với Niết-

bàn. Lời khuyến dụ này có mục đích chuyển hướng cái tâm của người sắp chết khỏi sự tái sinh vào cõi trời Phạm-thiên (Brahmā) và hướng nó tới sự chứng ngộ Niết-bàn (vô sinh) luôn.] (370)

371 ['Đã được giải thoát trong tâm', tôi đọc theo Be là evaṃvīmuttacittassa,

khác với evaṃvīmucittattassa trong Se [có lẽ sai do ghi chép] và khác với evaṃvuttassa trong Ee. Nhưng 'đã được giải-thoát trong tâm một trăm năm' thì tôi đọc theo Se là vassasatavīmuttacittena, khác với āsavā vīmuttacittena được ghi trong Be và Ee.] (371)

372 [Cụm chữ này tôi đọc theo phiên bản Se và Ee là vīmuttiyā vīmuttin ti,

khác với vīmuttiyā vīmuttan ti trong Be. Cụm chữ vīmuttiyā vīmuttiṃ cũng có ghi trong kinh AN 5:31, đoạn gần cuối kinh, Đức Phật đã nói với công chúa Sumanā rằng khi 02 người đã chứng đắc quả A-la-hán thì 'không có sự khác- biệt giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người khác'. Spk chú giải là: Khi so sánh sự giải-thoát này với sự giải-thoát khác thì không có gì khác nhau để chỉ ra. Khi thánh đạo và thánh quả đã được thâm nhập thì không có sự khác-biệt nào giữa người tu là người tại gia hay người xuất gia.

- Như vậy lời tuyên thuyết này của Đức Phật có nghĩa rằng: cũng có người

tu tại gia trở thành bậc thánh A-la-hán! Ngoài một số điển hình về người tại gia đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán ngay sau khi vừa mới xuất gia [như Yasa, được ghi trong Luật Tạng Vin I 17,1–3], thì đây có lẽ là trường hợp duy nhất nói về một người tại gia là A-la-hán được ghi trong toàn bộ Kinh Tạng, và trong trường hợp này sự chứng đắc thánh quả A-la-hán xảy ra vào lúc sắp-chết. Mil 264–66 thì đưa ra luận thuyết rằng: một người tại gia chỉ chứng đắc thánh quả A-la-hán trong một trong hai lúc: (i) ngay khi mới xuất gia trong ngày đó [trở thành Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni], hoặc (ii) khi chết là bát Niết-bàn luôn.] (372)

373 [Tôi đọc theo Se là "asāmantapaññatāya", khác với "appamatta-" trong

Be và Ee.] (373)

374 [Trong Paṭis II 189–202 ghi một đoạn đầy đủ và định nghĩa tất cả những

chữ này với sự trợ-giúp của toàn bộ công-cụ [thuộc khái niệm] của hệ triết Trưởng Lão Bộ tiền thân.] (374)

375 [Mẫu lời kinh này giống kinh SN 22:05 và mẫu lời kinh kế tiếp thì giống

kinh SN 22:06 (Quyển 3).] (375)

376 [Nguyên văn cả câu này: "Tasmātiha bhikkhave idaṃ dukkhan ti yogo

karaṇīyo." Spk chú giải: Vì một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, cho nên người tu nên có sự cố-gắng (thiền tập) để đạt-định để hiểu được Bốn Diệu Đế đó đúng như chúng thực là. Và vì cái vòng luân-hồi sinh tử sẽ càng gia tăng đối với những ai không thấu hiểu những sự-thật (chân lý, Diệu Đế) đó, và sẽ ngừng gia tăng sau khi họ đã thấu hiểu (thâm nhập) những sự-thật đó; do vậy, người tu nên có sự cố-gắng (thiền tập, đạt định) để hiểu chúng, với ý-nghĩ (tâm nguyện) rằng: "Nguyện cho cái vòng luân-hồi sinh tử không gia tăng đối với mình."] (376)

377 [Nguyên văn trong Se và Ee là: Mā bhikkhave pāpakaṃ akusalaṃ cintaṃ

cinteyyātha. Be thì ghi chữ cittaṃ thay vì cintam .] (377)

378 [Nguyên văn câu này: Mā bhikkhave viggāhikakathaṃ katheyyātha. Mẫu

lời kinh diễn tả sự tranh cãi và bảo thủ của một người ở đây cũng giống như trong kinh SN 22:03, đoạn (11).] (378)

680 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

379 ['Sự nói chuyện vô-bổ" là tạm dịch nguyên chữ gốc tiracchānakathā, có

nghĩa gốc là: sự nói chuyện của loài vật; (ý nói: vô bổ, như mèo chó nói với nhau...).] (379)

380 [Đây là bài kinh đầu tiên của Đức Phật (kinh Chuyển Pháp Luân), có

được lưu lại trong ghi-chép về cuộc đời truyền đạo của Phật trong Luật Tạng Vin I 10–12. Bài kinh này được phân tích rõ hơn trong kinh MN 141 và trong Vibh 99–105, và được luận giải Vism 498–510 (Ppn 16:32–83) và trong Vibh-a 93–122. Bài kinh cũng được giảng giải một cách chi tiết, dựa theo phương pháp của các giảng luận kinh điển, trong quyển "Bài Thuyết Giảng Đầu Tiên Của Phật" bởi nhà sư Rewata Dhamma.] (380)

381 [Ở đây tôi làm theo Be và Se. Ee thì có ghi thêm cụm chữ sokapa-

ridevadukkha domanass' upāyāsā (sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ); cụm chữ này cũng thấy có ghi trong những kinh khác trong những định nghĩa chính thức về Diệu Đế thứ nhất, nhưng nó không có ghi trong hầu hết các phiên bản của bài kinh "Chuyển Pháp Luân" này.] (381)

382 [Ba giai đoạn (tiparivaṭṭa) là: (i) sự hiểu-biết về mỗi Diệu-đế (saccañāṇa);

(ii) sự hiểu-biết về trách-nhiệm phải được hoàn thành đối với mỗi Diệu-đế (kiccañāṇa); và (iii) sự hiểu-biết về sự đã hoàn-thành đối với mỗi Diệu-đế (katañāṇa). Mười hai phương diện (dvādasākāra) được đạt được bằng cách áp dụng ba phần nói trên đối với Bốn Diệu Đế; 3x4=12.] (382)

383 [Spk chú giải chữ bánh xe Giáo Pháp (dhammacakka) theo cách diễn đạt

của trí-biết nhờ sự thâm-nhập (paṭivedhañāṇa, trí chứng ngộ, trí do tuệ thành, thông đạt trí) và trí-biết về sự chỉ-dạy (desanāñāṇa, trí giáo hóa); coi thêm chú thích ở đầu kinh SN 12:21 (Quyển 2), chú thích số đuôi (57). Rằng, cho đến khi nào Ngài Kiều-trần-như (Koṇḍañña, ở cuối kinh) và 18 koṭi (1 koṭi=10 triệu) vị trời brahmā chưa được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu thì đức Thế Tôn vẫn đang thiết lập sự dịch-chuyển (pavatteti nāma) bánh xe Giáo Pháp; nhưng ngay sau khi bánh xe Giáo Pháp đã được thiết lập trong sự dịch-chuyển (pavattitaṃ nāma) thì họ cũng được thiết lập trong thánh quả.] (383)

384 [Nguyên văn câu này: Aparimāñā vaññā aparimāñā byañjanā aparimāñā

saṅkāsanā. Spk nói rằng cả 03 chữ đó đều đồng nghĩa, tất cả đều có nghĩa như chữ akkharā, nhưng tôi nghĩ sự biêur nghĩa của mỗi chữ có khác nhau chút ít (về mức độ, ngữ nghĩa).] (384)

385 [Nguyên văn câu này: Tathāni avitathāni anaññathāni. Coi thêm kinh SN

12:20 (Quyển 2) và chú thích 54 của nó. Spk: “Thực là theo nghĩa không xa rời bản chất thực của những hiện-tượng (mọi pháp); bởi vì sự khổ được nói ra đơn giản đúng là sự khổ. Không sai là không sai giả, bởi đó không có sự sai lầm hay sai giả so với bản chất thực của nó; bởi vì sự khổ không trở thành hay đồng nghĩa sự không-khổ. Không khác, bởi không phải bản chất khác, không khác thực”. Tôi thì hiểu chữ “anaññatha” theo nghĩa đơn giản và trực chỉ hơn, đó là: những sự-thật đó là “không khác” với cách của mọi sự như chúng thực là (tức chúng là những thực-tại, những chân-lý).] (385)

386 [Ở đây tôi dùng tên kinh như trong phiên bản Be và Se. Trong Ee, chữ

Vijjā nên được đổi thành Vajji [trong kinh kế tiếp cũng vậy]. Bài kinh này cũng nằm trong kinh dài “Đại Bát Niết-bàn” (Mahāparinibbāna Sutta), tức DN II 90–91, và cũng có trong Vin I 230,25–231,10.] (386)

387 [Toàn bộ bài kinh và phần thi kệ cũng có ở It 104–6; riêng phần thi kệ thì

cũng có ghi trong Sn 724–27.] (387)

388 [So sánh với kinh có đoạn dẫn nhập giống vầy là SN 12:23 (Quyển 2) và

SN 22:101 (Quyển 3).] (388)

389 [Spk: “Vì những điều đó là thực, không sai lầm, không khác (với thực),

nên chúng được gọi là những sự-thật (chân-lý, đế) của những bậc thánh (ariyānaṃsaccāni); vì những bậc thánh không thâm nhập (không ngộ) những điều sai giả là những sự thật thánh thiện." Sự giảng giải về chữ "những chân- lý thánh thiện" hay "những thánh đế" (ariyasacca) cũng có trong Vism 495 (Ppn 16:20–22) trong đó có trích dẫn lời của kinh SN 56:27 này và kinh 56:28 kế tiếp, và cả kinh 56:23 ở trên.] (389)

390 [Mẫu đoạn kinh (a)-(d) này chỉ có duy nhất trong bài kinh này, không tìm

thấy trong kinh nào khác trong toàn Kinh Tạng. Nhưng nó có được lặp lại trong Vism 690,10–13 (Ppn 22:93) để chứng tỏ rằng trí-biết của thánh đạo

thực hiện 04 chức năng trong một khoảng-khắc (sát-na). Coi thêm Kv 220.] (390)

391 [Tất cả các lá này đều thuộc loại lá nhỏ, lá kim, yếu, không chắc, không

kín. Tôi làm theo Be ghi tên loại lá thứ hai là saralapatta, mà nhà sinh học Liyanaratne [trong quyển "Những Loài Hoa Vùng Nam Á", trang 170] đã dịch là cây thông Ấn Độ lá dài.] (391)

392 [Tôi đọc chữ này theo Se là tālapakkaṃ. Tất cả những lời kinh khác, gồm

cả SS, đều ghi là tālapattaṃ (một lá cọ dừa), một lá thì nghe có vẻ không hợp lý lắm. Chữ tālapakkaṃ cũng có ghi trong kinh It 84,20.] (392)

393 [Mặc dù palāsa thường có nghĩa là lá cây, nhưng ở đây nó chỉ một loại

cây cụ thể. Học giả Liyanaratne [trang 44] đã nhận dạng đây là một loài của cây kiṃsuka, nhưng dường như khác với cây kiṃsuka đã được nói đến trong kinh SN 35:245 (Quyển 4) [đã được liệt kê bởi Liyanaratne ở trang 43]. Tên tiếng Anh của cây này là palāsa là cây kino hoặc cây Dhak. Còn māluvā là cây dây leo có lá to rộng, như đã được nói đến trong chú thích số 810 của Quyển 1; coi thêm chú thích số 568 trong Quyển 1.] (393)

394 [So sánh với kinh SN 15:09 (Quyển 2), trong đó có nói thêm khả năng

phần canh thân khúc cây cũng có khi rớt xuống trước (chẳng hạn những khúc cây cong, vẹo).] (394)

395 [So sánh với lời kinh "phát khởi mong-muốn …" (gần giống nhau) được

ghi trong nhóm kinh SN 12:8592 (Quyển 2).]

396 [So sánh lời kinh chỗ này với lời kinh trong kinh SN 12:63 (Quyển 2),

đoạn (4).] (396)

397 [Chỗ này đọc đúng theo Se và Ee là sammādiṭṭhikass' etaṃ. Be thì ghi là

tass' etaṃ.] (397)

398 [Chữ gốc là Indakhıla. PED định nghĩa đây là một trụ-cột hay cột-đá được

thiết đặt ngay hay trước cổng kinh thành; chữ này cũng có nghĩa là một cột- đá hay phiến-đá lớn được chôn chân xuống đất ở trước cổng một ngôi nhà (để tôn uy ngôi nhà hay một khu nhà).] (398)

399 [Đoạn này cũng có trong kinh AN 9:26, đoạn cuối; và coi thêm các chú

thích số 1895 và 1896 ở đó.

- (Nhân tiện, để ý sự hơi khác nhau giữa 03 động-từ [không lay chuyển, không động đậy, hay không rung lắc] trong ví dụ trong kinh SN 56:40 này và trong kinh 56:36 kế trên so với 04 động-từ trong ví dụ trong kinh AN 9:26 [vẫn không lay chuyển nó, không làm nó lay chuyển, động đậy, hay rung lắc] theo phiên bản Ce như chú thích số 1896 ở đó).] (399)

400 [Quán chiếu hay suy xét về thế giới: Lokacintaṃ cintessāmi. Spk nói, ví

dụ như (thời đó người ta thường suy tư về vấn đề): "Ai đã tạo ra mặt trời và mặt trăng? Trái đất? Đại dương? Ai sinh ra chúng sinh? Núi non? Cây xoài, cây cọ, và cây dừa?.] (400)

401 [Spk chú giải: Nghe nói rằng những quỷ thần a-tu-la (asura) đã dùng phép

thuật Sambari [coi thêm kinh SN 11:23 (Quyển 1)] và làm cho anh ta thấy rằng: họ đang cưỡi voi chiến và ngựa chiến chui vào khe nứt của cuống sen.

- Trong kinh AN 4:77, đoạn (4) có ghi câu: "Sự suy đoán về thế giới là một vấn đề không thể nhìn nhận được (không thể nghĩ bàn), cho nên người thường không nên cố để nhìn nhận; ai cố để nhìn nhận nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng hay sự thất vọng mà thôi", nhưng lạ thay, ở đây tuy lời kinh nói lại sự suy đoán về thế giới sẽ dẫn tới sự điên khùng, nhưng thực sự là người đàn ông này hóa ra không phải là điên khùng gì cả (vì điều anh nhìn thấy là thực, theo Đức Phật).] (401)

402 [Đoạn kinh này giống như một "đoạn vắn-tắt" về giáo lý "sự khởi-sinh tùy

thuộc" (paṭicca-samuppāda). Sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế được gọi là vô-minh (avījjā; coi kinh SN 56:17 ở trên). Câu "họ cứ thích thú" (abhira- manti) những sự tạo-tác cố ý (các hành) dẫn tới sự sinh ..." là ám chỉ dục- vọng (ái), bởi vì chính dục-vọng mới làm khởi sinh sự thích-thú (rati, abhira- ti) khi dục-vọng được đáp ứng thỏa thích. Còn câu "họ tạo ra những sự tạo- tác cố ý dẫn tới sự sinh ..." (jātisaṃvattanike saṅkhāre abhisaṅkharonti) là rõ ràng chỉ thẳng những sự tạo-tác cố ý (các hành). Và sự tuột rớt hay ngã rớt xuống "vực núi của sự sinh, già, chết" là rõ ràng chỉ 02 mắc-xích cuối cùng của vòng "khởi sinh tùy thuộc". Vậy, ở đây chúng ta tìm thấy vô-minh và

dục-vọng, cùng dính với những sự tạo-tác cố ý (các hành), gây ra sự sinh, già, chết [được trải nghiệm bởi thức cùng với phần danh-sắc]. (402)

403 [Đại hỏa ngục: Mahāpariḷāho nāma nirayo. Sự mô tả như vầy về địa ngục

này cũng có ghi trong kinh SN 35:135.] (403)

404 [Trong phiên bản Be và Se tên kinh này là Vāla (Tóc), nhưng trong Ee tên

nó là Chiggaḷa 1 (Cái Lỗ 1), vì nó sẽ tiếp nối với kinh 56:47 và 56:48 với tên là "Chiggaḷa 2" và "Chiggaḷa 3".] (404)

405 [Chữ "từ gốc tới đầu mũi tên trước" là tạm dịch chữ poṅkhānupoṅkhaṃ.

Spk giải nghĩa là: Thầy Ananda nhìn thấy họ bắn một mũi tên, rồi bắn tiếp mũi khác—được gọi là bắn "sau gốc" (anupoṅkhaṃ) của mũi tên trước— như vậy là mũi tên sau xuyên tách từ gốc đến đầu của mũi tên trước; và những mũi tên tiếp theo tiếp tục như vậy. (Đây thuộc dạng tuyệt-kỹ của các cung thủ!).] (405)

406 [Ngay chỗ này tôi dịch theo Be là sattadhā: thành bảy sợi nhỏ. Spk cũng

đồng ý với nghĩa này. Còn Se và Ee thì ghi là satadhā: thành một trăm sợi nhỏ.] (406)

407 [Nguyên văn: Lokantarikā aghā asaṃvutā andhakārakā andhakāratiṃsā.

Sự mô tả về cõi u-minh tối mịt này cũng có trong các kinh MN 123, mục 7, và AN 4:127. Spk không bình luận gì về câu này, nhưng Sv, Ps, và Mp thì giải thích giống nhau như vầy: "Giữa ba cõi thế giới (cakkavāḷa) thì có một khoảng không-gian liên thế giới, giống như hình cái khoảng-trống nằm giữa 03 bánh xe tiếp giáp nhau. Đó là một 'địa ngục liên thế giới', hay 'địa ngục nằm giữa ba cõi thế giới', nó khoảng rộng 8.000 do-tuần (yojana; khoảng = 80.000 KM). Nó 'trống rỗng' (agha), tức luôn mở mọi phía (niccavivaṭa); và 'thăm thẳm' (asaṃvutā), tức lơ lửng, không có gì chống đỡ bên dưới, và tối đen mịt mù đến nỗi thức-mắt không thể khởi sinh. (Mời coi thêm chú thích số 1162 ở mục 7, kinh MN 123).] (407)

408 [Ee đặt tên kinh này là "Chiggaḷa 2" (Cái Lỗ 2), nhưng Se chỉ tên là

"Chiggala" [và kinh kế tiếp mới là là "Chiggala 2"]; trong Be, 02 kinh này lần lượt có tên là "Paṭhama-chiggaḷayuga" (Khúc Gỗ Đục Lỗ Thứ Nhất) và "Dutiya-chiggaḷayuga" (Khúc Gỗ Đục Lỗ Thứ Hai). Ví dụ nổi tiếng về "con

rùa mù và khúc gỗ đục lỗ" cũng có ghi trong kinh MN 129, mục 24, nhưng cách diễn đạt gần giống hơn với kinh 56:48 kế tiếp.] (408)

409 [Nguyên văn chữ này: Adhiccam idaṃ. Câu này nên được hiểu theo nghĩa

tu từ hay hùng biện hơn là nghĩa về mặt học thuyết. Ở mức độ giáo pháp thì tất cả 03 sự xảy ra được đề cập ở đây sẽ xảy ra thông qua những nguyên-nhân và điều-kiện (nhân và duyên), chứ không phải do cơ may, tình cờ.] (409)

410 [So sánh đoạn này với đoạn đầu trong kinh SN 13:11 (Quyển 2).] (410)

411 [So sánh đoạn này với đoạn đầu trong kinh SN 13:10 (Quyển 2).] (411)

412 [Các kinh từ SN 56:5160 ở đây là các mẫu kinh song-hành với các kinh

SN 13:0110 (Quyển 2) là NHÓM kinh cũng nói về "sự đột-phá". Chỉ khác nhau ở chỗ là: những chỗ nào trong dãy kinh SN 13:0110 đọc là: "n' eva satimaṃ kalaṃ upeti na sahassimaṃ kalaṃ upeti na satasahassimaṃ kalaṃ upeti ... upanidhāya" (nó không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu), thì trong loạt kinh ở đây sẽ đọc là: "saṅkham pi na upeti upanidham pi na upeti kalabhāgam pi na upeti ... upanidhāya" (đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào).] (412)

413 [Tựa đề NHÓM 7, 8, 9, 10 này là theo Be và Se, mặc dù chữ "GẠO

SỐNG" (āmakadhañña: gạo, đậu ... chưa nấu chín) chỉ được ghi ở một kinh (56:84) ở NHÓM 9 mà thôi.

- (Những chủ-đề của mỗi kinh trong các NHÓM đồng dạng này là những giới kiêng cữ, một số là đối với những người xuất gia và người tại gia, một số đối với riêng người xuất gia, một số đối với riêng người tại gia.] (413)

414 [Lời kinh này cũng có trong kinh AN 1:334, nhưng không liên kết với

Bốn Diệu Đế. Tương tự, chủ đề của kinh kế tiếp là SN 56:62 cũng có trong AN 1:335; chủ đề của kinh 56:63 cũng có trong AN 1:337; và chủ đề của kinh 56:65 cũng có trong AN 1:333.] (414)

415 [(Mặc dù cũng đang nói về những chúng sinh, nhưng:) Từ kinh 56:7177

là lấy thêm bảy đường nghiệp-thiện (kusalakammapatha) đầu tiên (trong

686 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 5

mười đường nghiệp-thiện) để so sánh. Trong bảy đường nghiệp-thiện thì sự sống độc-thân thay cho (tương đương =) sự kiêng cữ dâm-dục (kể cả tà-dâm và chánh-dâm) [kinh 56:73]. Nhân tiện, cũng có bảy sự hướng dẫn về bảy hành-vi thiện này theo Giới Luật Tỳ kheo [coi thêm kinh DN I 63,20– 64,14].] (415)

416 [(Mặc dù vẫn đang nói về chúng sinh, nhưng:) Từ kinh 56:78–101 là nêu

ra một số những điều-luật (giới luật) trong Giới Luật Tỳ Kheo làm cơ sở để so sánh; [coi thêm kinh DN I 64,16–32].] (416)

++++

Chú Thích • 687

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc liện hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính) hoặc 0918735176 (sư cô Quang Kiến);

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.